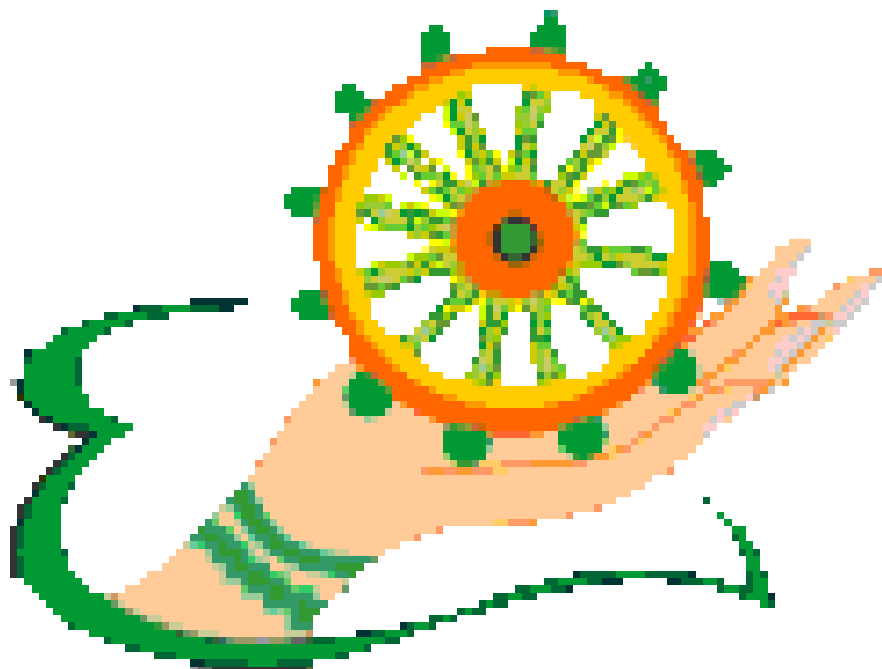


HƯ' VÂN HÒA THƯỢNG
TUYÊN HÓA HÒA THƯỢNG

biên soạn

ĐƯỜNG PHẬT ĐI

(PHẬT TỔ ĐẠO ẢNH IV)



Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm
Bác sĩ Trần Văn Nghĩa
phiên dịch

March 11, 2014

Dear Jinyan Shr, The City of Ten Thousand Buddhas:

Thank you very much for supporting me go ahead to publish the translation.

I believe that the work will be welcomed by the Vietnamese Buddhists as a means to learn Buddhism through Ven. Master Hua and The City of Ten Thousand Buddhas as well. I will send you a copy of this publication when it is complete.

Again, thank you for your support.

Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm

4.01 阿若憍陳如尊者 A Nhã Kiều Trần Như Tôn Giả



尊者。中天竺人。系出世尊母族。世尊成道後。為五人轉四諦法輪。尊者居首。聞聲悟道。為僧寶中第一。故世尊呼為阿若憍陳如。亦名俱鄰。此云已知。或言無知者。非無所知。乃是知無耳。

Tôn giả. trung thiên trúc nhân. hệ xuất thế tôn mẫu tộc. thế tôn thành đạo hậu. vì ngũ nhân chuyển tứ đế pháp luân. tôn giả cư thủ. văn thanh ngộ đạo. vì tăng bảo trung đệ nhất. cố thế tôn hô vi a nhã kiêu trần như diệc danh câu lân. thủ văn dĩ tri. hoặc ngôn vô tri giả. phi vô sở tri. nãi thị tri vô nhĩ.

Việt dịch:

Tôn giả người Trung Thiên Trúc, thuộc bà con bên mẹ Đức Thế Tôn. Sau khi Đức Phật thành đạo vì năm người nên chuyển Tứ Đế pháp luân. Tôn giả là vị đứng đầu trong năm người ấy, nghe pháp âm liền ngộ đạo, trở thành vị tăng thứ nhất trong tăng bảo. Đức Phật gọi tôn giả là A Nhã Kiều Trần Như, cũng gọi là Câu Lô, dịch là Dĩ Tri, hoặc Vô Tri, chẳng phải là Vô Sở Tri, mà là biết tánh Không.

贊曰

歌利揮劍 早已說破 鹿苑初唱 惟師首和

一箇耳聾 一箇話墮 熱瞞大地 居僧上座

tán viết

ca lợi huy kiếm

tảo dĩ thuyết phá

lộc uyển sơ xướng

duy sư thủ hòa

nhất cá nhĩ lung

nhất cá thoại đọa

nhật man đại địa

cư tăng thượng tọa

Việt dịch:

Ca Lợi vung nhát gươm

Vốn chẳng nghe thuyết giải

Lộc Uyển xướng đạo ca
Riêng sư đầu tiên họa.

Một lỗ tai đã điếc
Một câu nói tuôn trào
Nhiệt tâm che đại địa
Tăng nhân ngồi tòa cao.

或說偈曰

◎一九七三年一月廿日・宣公上人作

如來宿願首度先 慈悲平等大公天
割解四肢無瞋恚 互用六通有妙玄
鹿苑機熟最初悟 鷲嶺僧伽本際前
累劫狂心今始歇 輔佐覺者化眾緣

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên nhất nguyệt nhập nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

Như Lai túc nguyện thủ độ tiên
từ bi bình đẳng đại công thiên
cát giải tứ chi vô sân khú
hỗ dụng lục thông hữu diệu huyền
lộc uyển cơ thực tối sơ ngộ

thứu lĩnh tăng già bản tế tiền
luy kiếp cuồng tâm kim thủy hiết
phụ tá giác giả hóa chúng duyên

Việt dịch:

Phật xưa nguyện độ đầu tiên
Từ bi bình đẳng tự nhiên công bằng
Tứ chi lìa, chẳng hận sân
Sáu căn hỗ dụng siêu quần lục thông
Lộc Uyển duyên thuận tương phùng
Non Thứu căn bản vốn trong tăng già
Tâm cuồng kiếp kiếp đã qua
Giúp người giác ngộ Phật Đà tạo duyên.

4.02 天竺 世親菩薩菩薩 Thiên Trúc Thế Thân Bồ Tát



菩薩。北天竺富婁沙富羅人。姓矯尸迦。號婆藪槃豆。

此云世親從薩婆多部出家。博學多聞。徧通墳典。神才俊朗。戒行粹白。後住阿踰闍國。徧通十八部義，妙解 小乘執以為是。不復信有大乘宗教。兄無著憂之。方便開示。即悟大乘宗旨。憶昔毀謗之失。欲截舌以謝其罪。兄止之日。汝昔用舌毀謗。今還用舌讚揚。

因廣造諸大乘論至五百部。先造小乘論亦五百部。故號千部論主。金剛唯識。並稟內院。學者宗之。

bồ tát。bắc thiên trúc phú lâu sa phú la nhân。tính kiều hộ già。hào bà tẩu bàn đầu。thử vân thể thân tông tát bà đa bộ xuất gia。bác học đa văn。biến thông phần điển。thần tài tuấn lãng。giới hành túy bạch。hậu trụ a du đồ quốc。biến thông thập bát bộ nghĩa, diệu giải tiểu thừa chấp dĩ vi thị。bất phục tín hữu đại thừa tông giáo。huynh vô trú ưu chi。phương tiện khai thị。tức ngộ đại thừa tông chỉ。ức tích hủy báng chi thất。dục tiệt thiết dĩ tạ kì tội。huynh chỉ chi nhật。nhữ tích dụng thiết hủy báng。kim hoàn dụng thiết tán dương。nhân quảng tạo chư đại thừa luận chí ngũ bách bộ。tiên tạo tiểu thừa luận diệc ngũ bách bộ。cổ hào thiên bộ luận chủ。kim cương duy thức。tịnh bảm nội viện。học giả tông chi。

Việt dịch:

Bồ tát người Phú Lô Sa Phú La, Thiên Trúc, họ Kiều Hộ Già, hiệu Bà Tẩu Bàn Đầu. Đầu tiên sư theo Bộ Tát Bà Đa xuất gia, học rộng nghe nhiều, thông suốt sách vở cổ văn, thần trí trong sáng, giới hạnh thanh tịnh. Về sau trú nơi nước A Du Đồ nghiên cứu rõ ràng nghĩa lý của 18 bộ phái, giải diệu nghĩa Tiểu thừa giáo, cho đó là chỗ cùng tột, không tin theo Đại thừa. Người anh là Vô Trước lo lắng, tìm phương tiện khai thị, tức thì khai ngộ. Sư nhớ lại lỗi hủy báng trước kia nên muốn cất lưởi để tạ tội. Người anh nói: Xưa dùng lưởi để hủy báng thì nay dùng lưởi tán dương. Nhân đó, Bồ tát Thế Thân đã viết năm trăm bộ luận Đại thừa. Trước kia sư cũng đã từng viết năm trăm bộ luận Tiểu thừa nên có danh là Thiên Bộ Luận Chủ. Kim Cương, Duy Thức được đưa vào chỗ quan trọng, người đời sau tôn kính.

贊曰

二難並興 發慈尊祕 偉論雲蒸 釋無遺義

唯識既明 性相始備 永為法燈 照千萬世

tán viết

nhị nan tịnh hưng

phát từ tôn bí
vĩ luận vân chưng
thích vô di nghĩa

duy thức kí minh
tính tướng thủy bị
vĩnh vi pháp đăng
chiếu thiên vạn thế

Việt dịch:

Nhị nan* đồng thời hưng
Huyền tông khởi mật ý
Chính luận trải mây lành
Giải cạn nguồn nghĩa lý

Duy Thức đà hiển minh
Tánh tướng vốn đầy đủ
Vĩnh viễn làm pháp đăng
Chiếu sáng ngàn vạn đời.

或說偈曰

◎一九八五年九月十三日·宣公上人作

千部論主欠聰明 初執小乘違親情
無著菩薩方便度 有為學者始通靈
毀謗因舌欲割截 讚歎由是贖過應

勇於遷善識本體 二難消弭法大興

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt thập tam nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

thiên bộ luận chủ khiếm thông minh

sơ chấp tiểu thừa vi thân tình

vô trứ bồ tát phương tiện độ

hữu vi học giả thủy thông linh

hủy báng nhân thiệt dục cát tiệt

tán thán do thị thực quá ứng

dững ư thiên thiện thức bản thể

nhị nan tiêu nhị pháp đại hư

Việt dịch:

Luận chủ ngàn bộ chẳng minh

Tiểu thừa làm chỗ thân tình không buông

Vô Trước phương tiện đưa đường

Hữu vi học giả cội nguồn thông linh

Lưỡi hủy báng, cắt tuyệt tình

Dùng lưỡi chuộc tội, hiển minh ứng thừa

Ngộ bản thể, chuyển đại tâm

Nhị nan* tiêu diệt pháp âm hưng thành.

.....

*Nhị nan hóa (二難化): Hai loại khó giáo hóa. Chỉ Dục thiên nan hóa và Sắc thiên nan hóa.

1.Dục thiên nan hóa: Chư thiên ở Dục giới chấp trước ngũ dục thượng diệu nên khó giáo hóa.

2.Sắc thiên nan hóa: Chư thiên ở Sắc giới chấp trước vào sự khoái lạc của thiên định thể gian nên khó giáo hóa.

4.03 漢 攝摩騰尊者 Nhiếp Ma Đằng Tôn Giả đời Hán



尊者。中天竺國人。善風儀。解大小乘經。常以遊化為任。值漢使中郎將蔡愔等。西訪佛道。至中天竺大月氏國。遇師要來漢地。乃奉優填王所造白氎佛像。并經六十萬言。至于洛陽謁帝。帝立白馬寺以居之。始譯出四十二章經。帝命梵本藏于蘭臺石室。圖佛像于清涼臺。與道士褚士良等。角試優劣。道經悉焚。佛經火燒不爇。師湧身空中。現諸神變。出大梵音。宣明佛法。是時天雨寶華。大眾欣悅。後卒於洛陽。

tôn giả. trung thiên trúc quốc nhân. thiện phong nghi. giải đại tiểu thừa kinh. thường dĩ du hóa vi nhậm. trị hán sử trung lang tương thái âm đẳng. tây phóng phật đạo. chí trung thiên trúc đại nguyệt thị quốc. ngô sư yếu lai hán địa. nãi phụng ưu điền vương sở tạo bạch phật tượng. tịnh kinh lục thập vạn ngôn. chí vu lạc dương yết đế. để lập bạch mã tự dĩ cư chi. thủy dịch xuất tứ thập nhị chương kinh. để mệnh phạm bản tàng vu lan đài thạch thất. đồ phật tượng vu thanh lương đài. dữ đạo sĩ trử sĩ lương đẳng. giác thí ưu liệt. đạo kinh tất phần. phật kinh hỏa thiêu bất nhiệt. sư dũng thân không trung. hiện chư thần biến. xuất đại phạm âm. tuyên minh phật pháp. thị thì thiên vũ bảo hoa. đại chúng hân duyệt. hậu tốt ư lạc dương.

Việt dịch:

Tôn giả người Trung Thiên Trúc, đáng vẻ uy nghi, thông hiểu kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa, thường lấy việc hoằng hóa chánh pháp làm nhiệm vụ của mình. Lúc ấy đoàn sứ nhà Hán là Trung Lang, Thái m... đang về phương Tây tìm Phật đạo, đến nước Đại Nguyệt Chi, Trung Thiên Trúc thì gặp tôn giả đang đến đất Hán, thỉnh pho tượng Phật trắng do Ưu Điền Vương làm và sáu mươi vạn lời kinh về Lạc Dương dâng lên vua. Vua liền cho lập chùa Bạch Mã để làm chỗ ở cho tôn giả, kinh Tứ Thập Nhị Chương là bản dịch đầu tiên. Vua ra lệnh cất giữ bản tiếng Phạn ở thạch thất Lan Đài, tranh tượng thì giữ ở đài Thanh Lương. Phe nhóm đạo sĩ Trữ Sĩ Lương... muốn tranh thắng bại. Tất cả sách vở của Đạo giáo đều cháy thiêu, kinh Phật thì đốt không cháy. Sư bay lên giữa không trung, hóa hiện thần biến, phát ra Phạm âm tuyên minh Phật pháp. Vào lúc ấy hoa trời rơi đầy, đại chúng rất vui mừng. Về sau tôn giả mất tại Lạc Dương.

贊曰

金人入夢 荷法而東 開天挈日 力在厥躬

如盲始見 如聾忽聰 攝伏外眾 永播吾宗

kim nhân nhập mộng

hà pháp nhi đông

khai thiên khiết nhật

lực tại quyết cung

như mạnh thủy kiến

như lung hốt thông

niếp phục ngoại chúng

vĩnh bá ngô tông.

Việt dịch:

Người vàng báo mộng

Đưa pháp về Đông

Mở cửa mặt trời

Lực vốn tự thân.

Như mù chợt thấy

Như điếc chợt thông

Nhiếp phục ngoại chủng

Truyền bá Phật tông.

或說偈曰

◎一九八五年九月十五日・宣公上人作

漢代尊者攝摩騰 佛法初來白馬興

四十二章金科律 百千萬劫寶蓮燈

外道皈依生正信 邪魔授首禮慈容

湧身虛空十八變 天華亂墜鬼神驚

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt thập ngũ nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

hán đại tôn giả nhiếp ma đăng

phật pháp sơ lai bạch mã hưng

tứ thập nhị chương kim khoa luật

bách thiên vạn kiếp bảo liên đăng

ngoại đạo quy y sanh chánh tín
tà ma thụ thủ lễ từ dung
dũng thân hư không thập bát biến
thiên hoa loạn trụ quỷ thần kinh.

Việt dịch:

Hán tôn giả Nhiếp Ma Đăng
Bạch Mã, Phật pháp đến lần đầu tiên
Lời vàng Tứ Thập Nhị Chương
Đền hoa muôn kiếp bảo liên diệu kỳ
Kính tin, ngoại đạo quy y
Tiếp thụ ma quái, từ bi bao trùm
Mười tám thần biến trên thân
Hoa trời rơi khiến quỷ thần hãi kinh.

4.04 漢竺法蘭尊者 Trúc Pháp Lan Tôn Giả đời Hán



尊者。中天竺人。能誦論數萬章。為天竺學者之師。時蔡愔至彼國。師與摩騰共契遊化。遂相隨而來。會彼學者留礙。師乃間行而至。既達洛陽。與騰同止少時。便善漢言。即翻譯十地斷結。佛本生。法海藏。佛本行。四十二章五部經。寇亂移都。四部失本。唯四

十二章經存焉。昔漢武穿昆明池得黑灰。問東方朔。朔曰。不知。可問西域胡人。及師至。眾以問之。師曰。世界終盡。劫火洞然。此灰是也。後卒于洛陽。年六十餘。

tôn giả。 trung thiên trúc nhân。 năng tụng luận sổ vạn chương。 vì thiên trúc học giả chi sư。 thì thái âm chí bỉ quốc。 sư dữ ma đằng cộng khế du hóa。 toại tương tùy nhi lai。 hội bỉ học giả lưu ngại。 sư cũng thông thả đến nơi。 kí đạt lạc dương。 dữ đằng đồng chỉ thiếu thì。 tiện thiện hán ngôn。 tức phiên dịch thập địa đoạn kết。 phật bản sanh。 pháp hải tàng。 phật bản hành。 tứ thập nhị chương ngũ bộ kinh。 khẩu loạn di đô。 tứ bộ thất bản。 duy tứ thập nhị chương kinh tồn yên。 tích hán vũ xuyên côn minh trì đắc hắc hôi。 vấn đông phương sóc。 sóc viết。 bất tri。 khả vấn tây vực hồ nhân。 cập sư chí。 chúng dĩ vấn chi。 sư viết。 thế giới chung tận。 kiếp hỏa đồng nhiên。 thử hôi thị dã。 hậu tốt vu lạc dương。 niên lục thập dư。

Việt dịch:

Tôn giả người Trung Thiên Trúc, có khả năng đọc tụng vạn chương kinh điển, là bậc thầy của các học giả Thiên Trúc. Lúc bấy giờ Thái m đến nước này, sư cùng với sư Nhiếp Ma Đằng là bạn cũ, cùng nhau đi Trung Hoa, cùng các học giả giải quyết những chỗ nghi ngờ trong Phật học, khi sư đến Lạc Dương, sư cùng với sư Nhiếp Ma Đằng chỉ trong thời gian ngắn học thông thạo Hán ngữ, liền phiên dịch năm bộ kinh là Thập Địa Đoạn Kết, Phật Bản Sanh, Pháp Hải Tàng, Phật Bản Hành, Tứ Thập Nhị Chương. Vì loạn lạc kinh đô dời đi nên bốn bộ kinh kia đã mất, chỉ còn lại kinh Tứ Thập Nhị Chương. Trước kia vua Hán Vũ Đế cho đào ao Côn Minh, thấy một thứ tro đen bèn hỏi Đông Phương Sóc. Đông Phương Sóc nói: "Không biết được, nên hỏi người Hồ ở Tây Vực". Khi sư đến, đồ chúng hỏi chuyện này, sư nói: "Khi tận thế thì kiếp hỏa trùm khắp, chính là thứ tro này." Sau sư mất tại Lạc Dương, thọ hơn 60 tuổi.

贊曰

聖不獨化 必有其輔 摩騰既東 師亦接武

肇譯諸經 始霑法雨 如來之使 震旦之祖

tán viết

thánh bất độc hóa

tất hữu kì phụ

ma đăng kí đông

sư diệc tiếp vũ

triệu dịch chư kinh

thủy dâm pháp vũ

như lai chi sứ

chấn đán chi tổ.

Việt dịch:

Thánh độ chẳng một mình

Tất nhiên có trợ giúp

Ma Đăng đã về Đông

Sư cũng đến tiếp sức

Bắt đầu dịch các kinh

Sớm trút cơn mưa pháp

Là sứ giả Như Lai

Làm tổ đất Trung quốc.

或說偈曰

◎一九八五年九月十九日・宣公上人作

竺法尊者善語言 譯經誦論數萬千

佛教功勳齊天地 眾生救主徧北南

品節高潔超日月 氣蓋河岳似湧泉
洛陽永留靈異蹟 德風懿行古今傳

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt thập cửu nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

trúc pháp tôn giả thiện ngữ ngôn
dịch kinh tụng luận số vạn thiên
phật giáo công huân tể thiên địa
chúng sanh cứu chủ biển bắc nam
phẩm tiết cao khiết siêu nhật nguyệt
khí cái hà nhạc tự dừng tuyền
lạc dương vĩnh lưu linh dị tích
đức phong ý hành cổ kim truyền

Việt dịch:

Trúc tôn giả, diệu ngữ ngôn
Dịch kinh tụng luận số muôn vạn nghìn
Dựng nền Phật đạo dưới trên
Cứu chúng sinh khắp mọi miền bắc nam.
Siêu nhật nguyệt, hạnh thanh cao
Khí trùm sông núi, suối trào mạch tuôn
Lạc Dương dị tích vẫn còn
Đức hạnh cốt cách trước sau lưu truyền.

4.05 吳 康僧會尊者 Ngô Khương Tăng Hội Tôn Giả



尊者。康居國人。望震旦有光。尋光而來。於吳赤烏四年。至金陵行道。有司以聞吳主。孫權曰。是明帝所夢佛道之遺風耶。召至問狀。具陳舍利神應。權曰。舍利 可得。當為塔之。若其不驗。國有常刑。會請立壇求之。期七日。無驗。又展二七無驗。又七日。晨聞鏗然有聲。瓶中光明錯發。進之。權與公卿聚觀。歎曰。此希 世之瑞也。會言。舍利威神。無能壞者。權使力士鎚之。砧碎而光明自若。乃建塔立寺。即今之大報恩寺也。

tôn giả. kang cư quốc nhân. vọng chấn đán hữu quang. tầm quang nhi lai. ư ngô xích ô tứ niên. chí kim lăng hành đạo. hữu ti dĩ văn ngô chủ. tôn quyền viết. thị minh đế sở mộng phật đạo chi di phong da. triệu chí vấn trạng. cụ trần xá lợi thần ứng. quyền viết. xá lợi khả đắc. đương vi tháp chi. nhược kì bất nghiệm. quốc hữu thường hình. hội thỉnh lập đàn cầu chi. kì thất nhật. vô nghiệm. hựu triển nhị thất vô nghiệm. hựu thất nhật. thần văn khanh nhiên hữu thanh. bình trung quang minh thác phát. tiến chi. quyền dĩ công khanh tự quan. thán viết. thử hi thể chi thụy dã. hội ngôn. xá lợi uy thần. vô năng hoại giả. quyền sử lực sĩ chùy chi. châm toái nhi quang minh tự nhược. nãi kiến tháp lập tự. tức kim chi đại báo ân tự dã.

Việt dịch:

Tôn giả người nước Khang Cư, thấy Trung Quốc có ánh sáng lạ, tìm theo mà đến. Năm Xích Ô thứ 4 sư đến Kim Lăng hành đạo, quan lại trình lên Ngô vương. Tôn Quyền nói: "Có phải là Vua Minh Đế mộng thấy Phật đạo này không, hãy gọi đến hỏi ". Sư muốn vua thấy xá lợi thần ứng, Tôn quyền nói: "Nếu cầu được xá lợi thì sẽ dựng tháp thờ, nếu chẳng ứng nghiệm thì có luật nước có hình phạt." Sư xin lập đàn để cầu.

Trong bảy ngày đầu tiên không thấy ứng nghiệm. Bảy ngày sau đó cũng như thế. Bảy ngày sau, sáng sớm nghe tiếng như ngọc va chạm vào nhau, từ trong bình ánh sáng chiếu rạng. Dâng lên vua, Tôn Quyền và các quan cùng đến xem, tán thán sự việc hy hữu là điềm lành cho thế giới. Sư nói: "Uy thần của xá lợi không thể nào hủy hoại được. Tôn Quyền sai lực sĩ dùng chùy đập nát nhưng ánh sáng vẫn như vậy. Vua dựng tháp, lập chùa, nay là chùa Đại Báo Ân.

贊曰

江南緣熟 有光燭天 尋光而至 師善其權
首請舍利 為大法先 塔寺肇建 慧炬始然

tán viết

giang nam duyên thực
hữu quang chúc thiên
tâm quang nhi chí
sư thiện kì quyền

thủ thỉnh xá lợi
vi đại pháp tiên
tháp tự triệu kiến
tuệ cự thủy nhiên.

Việt dịch:

Giang nam hội đủ duyên
Ngọn đuốc trời rạng rỡ
Theo hào quang mà đến
Sư gặp được Tôn Quyền.

Cầu thỉnh ngọc xá lợi
Trước tiên vì đại pháp
Xây tháp và dựng chùa
Đuốc tuệ vừa thấp sáng.

或說偈曰

◎一九八〇年十月四日・宣公上人作

尋光而至來中原 吳國元首號孫權
請求舍利鏗然現 聚觀公卿歎瑞焉
力士鎚之毫無損 鬼神禮敬益增鮮
建塔紀念報恩寺 永垂千古兆萬年
法本流遍三千界 十方普化續絕詮

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ○ niên thập nguyệt tứ nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

tầm quang nhi chí lai trung nguyên
ngô quốc nguyên thủ hào tôn quyền
thỉnh cầu xá lợi khanh nhiên hiện
tự quan công khanh thân thụ yên
lực sĩ chùy chi hào vô tổn
quỷ thần lễ kính ích tăng tiên

kiến tháp kỉ niệm báo ân tự
vĩnh thủy thiên cổ triệu vạn niên.
pháp bốn lưu biến tam thiên giới
thập phương phổ hóa tục tuyệt thiên.

Việt dịch:

Theo hào quang đến Trung Nguyên
Ngô quốc nguyên thủ Tôn Quyền là tên
Thỉnh cầu xá lợi quả nhiên
Điềm lành ứng hiện vua liền tán dương
Chùy lực sĩ, chẳng tổn thương
Quý thần lễ kính thanh quang bội phần
Dựng tháp, xây chùa Báo ân
Lưu truyền thiên cổ ngàn năm lâu dài.
Ba ngàn cõi, pháp vầng xoay
Mười phương hóa độ hiển bày tuyệt luân.

4.06 晉 佛圖澄尊者 Tán Phật Đồ Trừng Tôn Giả



尊者。天竺人。姓帛氏。永嘉四年至洛。自言百餘歲。腹旁有孔以棉塞之。夜則拔棉。光出照室。時石勒兵多殘殺。澄謁之。勒試以道術。澄取鉢咒之。生青蓮華。光色耀目。由是信服。季龍襲位。倍加敬禮。將去世。詣辭。季龍驚曰。大和尚遽棄我乎。澄曰。出生入死。道之常也。修短分定。無由增損。有可恨者。國家存心佛法。建寺度僧。當蒙福祉。而布政暴虐。特違聖典。尋即坐逝。後有僧見澄入關。以聞。季龍發塚。唯塊石存焉。

tôn giả. thiên trúc nhân. tính bạch thị. vĩnh gia tứ niên chí lạc. tự ngôn bách dư tuế. phúc bàng hữu khổng dĩ miên tắc chi. dạ tắc bát miên. quang xuất chiếu thất. thì thạch lạc binh đa tàn sát. trường yết chi. lạc thí dĩ đạo thuật. trường thủ bát chú chi. sanh thanh liên hoa. quang sắc diệu mục. do thị tín phục. quý long tập vị. bội gia kính lễ. tương khứ thể. nghệ tử. quý long kinh viết. đại hòa thượng cự khí ngã hồ. trường viết. xuất sanh nhập tử. đạo chi thường dã. tu đoản phân định. vô do tăng tởn. hữu khả hận giả. quốc gia tồn tâm phật pháp. kiến tự độ tăng. đương môn phúc chi. nhi bố chánh bạo ngược. đặc vi thánh điển. tầm tức tọa thế. hậu hữu tăng kiến trường nhập quan. dĩ văn. quý long phát trủng. duy khối thạch tồn yên.

Việt dịch:

Tôn giả người Thiên Trúc, họ Bạch. Năm Vĩnh Gia thứ tư sư đến Lạc Dương, tự nói là hơn 100 tuổi, trên bụng có lỗ dùng bông nhét kín, ban đêm thì lấy bông đi, ánh sáng chiếu khắp phòng. Lúc bấy giờ binh tướng của Thạch Lạc tàn sát nhiều người, Thạch Lạc hỏi pháp thuật để thử, sư dùng bát không niệm chú liền sinh ra hoa sen xanh màu sắc rực rỡ. Do đó, Thạch Lạc kính phục. Khi Quý Long kế vị càng thêm tin tưởng. Khi sắp thị tịch, sư đến từ biệt. Quý Long nói: "Đại hòa thượng bỏ tôi sao." Sư nói: "Ra vào sinh tử là đạo thường, sự tu học dài ngắn phân định, không vì vậy mà tăng giảm, chẳng nên hối hận. Quốc gia còn vững tâm tin Phật pháp, nên lập chùa, độ tăng, ban phúc lành. Bạo ngược thì trái với thánh điển". Chẳng lâu sau sư an tọa qua đời. Về sau có một vị tăng thấy sư đi vào cửa quan ải. Khi nghe kể, Quý Long liền cho mở mộ sư ra xem, chỉ thấy còn một khối đá.

贊曰

石氏之暴 如猛虎嘖 師胡為來 乃作厥賓

現百千光 實以行仁 來同水月 去若幻雲

tán viết
thạch thị chi bạo
như mãnh hổ sơn
sư hồ vi lai
nãi tác quyết tân

hiện bách thiên quang
thật dĩ hành nhân
lai đồng thủy nguyệt
khứ nhược huyễn vân

Việt dịch:

Thạch Lặc hung bạo
Như mãnh hổ sơn
Lão sư Hồ đến
Làm khách quyết gần

Hiện ngàn hào quang
Cũng vì lòng nhân
Đến như trăng nước
Đi tựa mây tan.

或說偈曰

◎一九八五年九月廿日·宣公上人作

無所從來亦無去 鏡花水月現幻軀

神通變化難思議 智慧方便報君需

出生入死道之常 修短分定仁者居

聖僧懿德照千古 澤流南北與東西

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt nhập nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

vô sở tòng lai diệc vô khứ

kính hoa thủy nguyệt hiện huyễn khu

thần thông biến hóa nan tư nghị

trí tuệ phương tiện báo quân nhu

xuất sanh nhập tử đạo chi thường

tu đoản phân định nhân giả cư

thánh tăng ý đức chiếu thiên cổ

trạch lưu nam bắc dĩ đông tây

Việt dịch:

Không từ đâu có đến, đi

Hoa gương, trắng nước huyễn bày tám thân

Thần thông khó nghĩ xa gần
Trí tuệ phương tiện báo ân quân thần
Vào sinh ra tử lẽ thường
Phân định dài ngắn phải chăng do người
Thánh tăng đức rộng thiên thời
Thấm sâu nam bắc lại dờn đông tây.

4.07 姚秦 羅什尊者 Diêu Tần La Thập Tôn Giả



師。天竺人。生於龜茲。幼出家。日記三萬二千言。同母入寺。頂佛鉢。心自念言。鉢形甚大。何其輕耶。即重不可勝。失聲下之。乃悟曰。心有分別。故鉢有輕重耳。時沙勒王請陞座講經。學者尊之。師道振西域。名流東土。姚秦遺隴西公碩德。迎師至長安。待以師禮。甚見優寵。乃請譯眾經。暢顯神源。揮發幽致。于時。四方英賢萬里必集。罔不思諮。稟于座下。蓋佛法東來。至師始著。及沒。荼毘。舌根不壞。蓋表所說之不謬云

sư. thiên trúc nhân. san hư quy tự. ấu xuất gia. nhật kí tam vạn nhị thiên ngôn. đồng mẫu nhập tự. đỉnh phật bát. tâm tự niệm ngôn. bát hình thậm đại. hà kì khinh da. tức trọng bất khả thắng. thất thanh hạ chi. nãi ngộ viết. tâm hữu phân biệt. cố bát hữu khinh trọng nhĩ. thì sa lạc vương thỉnh thăng tọa giảng kinh. học giả tôn chi. sư đạo chấn tây vực. danh lưu đông thổ. diêu tần di lũng tây công thạc đức. nghênh sư chí trường an. đãi dĩ sư lễ. thậm kiến ưu sùng. nãi thỉnh dịch chúng kinh. sớ hiển thần nguyên. huy phát u trí. vu thì. tứ phương

anh hiền vạn lí tất tập。võng bất tư ti。bầm vu tọa hạ。cái phật pháp đông lai。chí sư thủy trú。cập một。đồ bì。thiệt căn bất hoại。cái biểu sở thuyết chi bất mậu vân。

Việt dịch:

Sư người Thiên Trúc, sinh tại nước Quy Tư, xuất gia từ nhỏ, một ngày có thể đọc đến 32 ngàn lời. Thuở nhỏ theo mẹ vào chùa đội chiếc bình bát của Phật, tự nghĩ: "Chiếc bình bát rất lớn, nhưng có vẻ nhẹ?" thì bình bát tự nhiên trở nên nặng nhưng không thể nào đội lên được. Sư hoảng kinh kêu lớn bỏ xuống, ngộ ra rằng do tâm phân biệt nên có nặng nhẹ. Vua Sa Lặc thỉnh sư thuyết kinh, học giả tôn kính, đạo của sư vang khắp vùng Tây Vực, tiếng tăm lưu truyền Trung thổ. Vua nước Diêu Tần thừa kế đức độ Lũng Tây công đón sư về Trường An, lấy lễ tiếp đãi rất sùng kính, và thỉnh sư dịch kinh. Sư đã hiển bày nguồn vi diệu, phát huy chỗ thâm sâu. Lúc bấy giờ, hiền triết khắp bốn phương từ xa xôi cũng tìm đến, không đưa ý riêng, đều theo sư học. Phật pháp từ khi đưa vào Đông độ, đến thời sư mới bắt đầu được biên soạn. Lúc sư qua đời hỏa táng thì lưởi không cháy, cho thấy những điều sư thuyết ra không sai lầm.

贊曰

靈發母胎 妙慧若神 持鉢悟旨 幼齡說經

佛法東傳 訛謬相承 實藉師至 放大光明

tán viết

linh phát mẫu thai

diệu tuệ nhược thần

trì bát ngộ chỉ

ấu linh thuyết kinh

phật pháp đông truyền

ngoạ mậu tương thừa

thật tạ sư chí

phóng đại quang minh

Việt dịch:

Thai mẹ phát tinh anh

Trí tuệ diệu như thần

Nâng bát ngọ yếu chỉ

Tuổi nhỏ đà thuyết kinh.

Phật pháp truyền về Đông

Sai lạc nối tiếp nhau

Tạ ân sư đã đến

Phóng nguồn sáng nhiệm màu.

或說偈曰

◎一九八五年九月廿一日・宣公上人作

過去七佛譯經師 穎悟絕倫善知識

日記三萬二千句 月印八百七俱胝

暢顯神源符聖意 揮發幽致契玄機

恩播法界澤後世 大教流通永護持

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt nhập nhất nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

quá khứ thất phật dịch kinh sư
dĩnh ngộ tuyệt luân thiện tri thức
nhật kí tam vạn nhị thiên cú
nguyệt ấn bát bách thất câu tri
sương hiển thần nguyên phù thánh ý
huy phát u trí khế huyền ki
ân bá pháp giới trạch hậu thế
đại giáo lưu thông vĩnh hộ trì.

Việt dịch:

Bảy vị Phật, thầy dịch kinh
Bậc thiện tri thức tuệ minh tuyệt vời
Một ngày đọc ba vạn lời
Khắc tám trăm chữ tay người cũng chai
Nguồn thần, trí thánh hòa hài
Huyền cơ khai mở hiển bày tịch nhiên
Pháp giới trải rộng ân thiêng
Hộ trì đại pháp lưu truyền ngàn năm.

4.08 梁 寶誌公長老 Bảo Chí Công Trưởng Lão đời Lương



金陵朱氏婦聞兒啼鷹巢中。得之。七歲出家。往來皖山劍水之下。

俗呼為誌公。面方而瑩徹如鏡。手足皆鳥爪。嘗食鱸。吐水中成活魚。武帝令僧繇畫像。公自以指 勞破面門。分披出十二面觀音。妙相殊麗。繇不能畫。天監十三年。忽詣帝永訣。帝大驚曰。朕壽幾何。誌不答。以手指脰及頸而出。回山。然一燭以付舍人吳慶。慶以聞。帝歎曰。大師不復留矣。其將以後事囑我乎。及終。帝建浮圖五級。葬日。公忽現於雲間。

kim lăng chu thị phụ văn nhi đề ưng sào trung. đắc chi. thất tuế xuất gia. vãng lai hoàn sơn kiếm thủy chi hạ. tục hô vi chí công. diện phương nhi oánh triệt như kính. thủ túc giai điều trảo. thường thực quải. thổ thủy trung thành hoạt ngư. vũ đế lệnh tăng dao họa tượng. công tự dĩ chỉ li phá diện môn. phân phi xuất thập nhị diện quan âm. diệu tướng thù lệ. dao bất năng họa. thiên giám thập tam niên. hốt nghê đế vĩnh quyết. đế đại kinh viết. trẫm thọ ki hà. chí bất đáp. dĩ thủ chỉ đậu cập cảnh nhi xuất. hồi sơn. nhiên nhất chúc dĩ phó xá nhân ngô khánh. khánh dĩ văn. đế thán viết. đại sư bất phục lưu hĩ. kì tương dĩ hậu sự chúc ngã hồ. cập chung. đế kiến phù đồ ngũ cấp. táng nhật. công hốt hiện ư vân gian.

Việt dịch:

Sư người Kim Lăng, họ Chu, người mẹ nghe tiếng trẻ khóc trong một tổ chim ưng nên đến bồng về nhà. Bảy tuổi xuất gia, thường tới lui vùng Hoàn Sơn, Kiếm Thủy, người đời gọi là Chí Công. Mặt sư cân đối, sáng như gương, tay chân đều có móng như chim, thường ăn cá bầm nhỏ, khi phun vào trong nước thì cá sống lại. Vua Lương Vũ Đế khiến Tăng Dao họa tượng, sư dùng tay rạch phá phần trên mặt tượng, thành 12 khuôn mặt tượng quan am rất đẹp. Tăng Dao không họa được. Năm Thiên Giám thứ 13, sư đến từ biệt vua Lương Vũ Đế. Vua kinh ngạc, nói: "Trẫm thọ được bao nhiêu tuổi?". Sư không đáp, lấy tay chỉ nơi cổ rồi lui ra. Sư trở về núi, thấp một ngọn đuốc trao cho người nhà là Ngô Khánh. Ngô Khánh vì nghe vua than rằng tại sao đại sư không trở lại

nữa mà lại cũng không dặn dò hậu sự. Sư qua đời, vua cho xây tháp năm tầng. Ngày hỏa táng, sư bất ngờ hiện ra giữa đám mây.

贊曰

從鷹巢來 異跡莫測 撈破面門 通身漏洩
留像紫檀 聊存軌則 卓立雲端 素空累迹

tán viết

tòng ưng sào lai
dị tích mạc trắc
lì phá diện môn
thông thân lậu tiết

lưu tượng tử đàn
liêu tồn quỹ tác
trác lập vân đoan
tổ không luy tích.

Việt dịch:

Theo tổ chim ưng đến
Dấu vết lạ khó lường
Nét rạch trên mặt tượng
Lộ thân tướng viên thông.

Lưu tượng trên tử đàn

Dựa nương vào lý đạo
Sừng sững đứng trên mây
Vốn không vương dấu tích.

或說偈曰

◎一九八五年九月廿六日·宣公上人作

觀音示現育鷹巢 方面鳥爪放光毫
七歲出家明大道 壯年弘法度小橋
武帝聞壽默不答 猴王索命死信捎
神通異跡難窮測 慈悲喜捨智德高

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt nhập lục nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

Quán âm thị hiện dục ư ng sào
phương diện điều trảo phóng quang hào
thất tuế xuất gia minh đại đạo
tráng niên hoàng pháp độ tiểu kiều

Vũ đế vấn thọ mặc bất đáp
hầu vương sách mệnh tử tín sao
thần thông dị tích nan cùng trắc
từ bi hỉ xả trí đức cao.

Việt dịch:

Quán Âm nuôi tổ chim ưng

Mặt vuông, móng nhọn sáng ngần quang hoa

Bảy tuổi ngộ đạo xuất gia

Tráng niên hoàng pháp bước qua nhịp cầu.

Vua hỏi thọ mạng lặng thính

Hầu vương vây siết đưa tin mạng cùng.

Khó lường dị tích thần thông

Từ bi hỉ xả đức công cao vời.

4.09 梁 智藥三藏尊者 Trí Dược Tam Tạng Tôn Giả đời Lương



師。天竺人。梁天監元年。航海達廣州。將彼土菩提樹一株。植於宋朝求那跋陀羅於法性建之戒壇畔。誌曰。後百七十年。有肉身菩薩。於此樹下演上乘。傳佛心印。求那建壇立碑曰。有肉身菩薩於此受戒。天監元年壬午至唐儀鳳五年丙子。百七十五年。六祖至此受戒弘法。師復由南海經曹溪口。掬水飲而香美。謂徒曰。此水與西天無別。溪源必有勝地為蘭若。至源上觀山水。曰。宛如西天寶林山。謂居民曰。可於此建梵剎。曰寶林。百七十年後。有菩薩來此演化。得道如林。皆如所識。外建羅浮月華等寺。肉身現在月華寺。

sư. thiên trúc nhân. lương thiên giam nguyên niên. hàng hải đạt quảng châu. tương
bỉ thổ bồ đề thụ nhất chu. thực ư tổng triều cầu na bạt đà la ư pháp tính kiến chi giới
đàn bạn. chí viết. hậu bách thất thập niên. hữu nhục thân bồ tát. ư thử thụ hạ diễn
thượng thừa. truyền Phật tâm ấn. cầu na kiến đàn lập bi viết. hữu nhục thân bồ tát ư
thử thụ giới. thiên giam nguyên niên nhâm ngọ chí đường nghi phụng ngũ niên bính tử
。 bách thất thập ngũ niên. lục tổ chí thử thụ giới hoàng pháp. sư phục do nam hải
kinh tào Khê khẩu. cúc thủy ẩm nhi hương mĩ. vị đồ viết. thử thủy dữ tây thiên vô
biệt. Khê nguyên tất hữu thắng địa vi lan nhã. chí nguyên thượng quan san thủy. viết
。 uyển như tây thiên bảo lâm san. vị cư dân viết. khả ư thử kiến phạm sát. viết bảo
lâm. bách thất thập niên hậu. hữu bồ tát lai thử diễn hóa. đắc đạo như lâm. giai như
sở sấm. ngoại kiến la phù nguyệt hoa đẳng tự. nhục thân hiện tại nguyệt hoa tự.

Việt dịch:

Sư người Thiên Trúc, Năm Thiên Giám thứ nhất đời Lương sư theo đường biển đến Quảng Châu, mang một cây bồ đề nhỏ ở Thiên Trúc đích thân đến trồng cạnh giới đàn chùa Pháp Tánh do đại sư Cầu Na Bạt Đà La đời Tống tạo dựng. Sư nói: "Khoảng 170 năm sau sẽ có nhục thân bồ tát bên gốc Bồ đề này diễn thuyết pháp Đại thừa, truyền Phật tâm ấn". Trước đó sư Cầu Na có lập đàn, dựng bia nói rằng sẽ có nhục thân bồ tát ở tại đây thọ giới ". Từ năm Nhâm Ngọ, Thiên Giám thứ nhất (502) đến năm thứ năm Nghi Phụng thứ nhất (676) Bính Tí là 175 năm, Lục Tổ Huệ Năng đã đến đây thọ giới và hoàng pháp. Sư lại theo đường Nam Hải đến cửa sông Tào Khê vốc nước lên uống, thấy nước thơm ngọt nên nói với đồ chúng: "Nước này cùng với nước Tây Thiên không khác, nơi nguồn Tào Khê tất có thắng địa, có thể lập lan nhã". Sư tìm lên nguồn, nói rằng giống núi Bảo Lâm ở Tây Thiên, khuyên dân cư lập một ngôi chùa gọi là chùa Bảo Lâm, 170 năm sau sẽ có nhục thân bồ tát đến đây diễn pháp, số người đắc đạo nhiều như cây trong rừng". Lời sấm đều đúng. Ngoài ra, sư còn dựng các chùa La Phù, Nguyệt Hoa. Nhục thân sư hiện còn tại chùa Nguyệt Hoa.

贊曰

西天來此 羊城植樹 飲水建刹 預待大士

懸識百七 蒼生蒙度 留身月華 永灑甘露

tán viết

tây thiên lai thử

dương thành thực thụ

ẩm thủy kiến sát

dự đãi đại sĩ

huyền sấm bách thất

thương sanh môg độ

lưu thân nguyệt hoa

vĩnh sái cam lộ

Việt dịch:

Tây thiên đến đất này

Dương thành trồng một cây

Uống nước, tạo thánh tự

Dự ngôn chờ đại sĩ .

Sấm một trăm bảy mươi

Chúng sinh được hóa độ

Thân lưu lại Nguyệt Hoa

Mãi tuôn nước cam lộ.

或說偈曰

◎一九七三年一月廿七日・宣公上人作

天竺聖僧蒞中原 深植菩提法性壇
預言百七大士至 得道蘼林眾生虔
月華真身巍然在 羅浮勝蹟度有緣
昔曾親禮先覺座 來去四十里程前

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất tam niên nhất nguyệt nhập thất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên trúc thánh tăng lị trung nguyên
thâm thực bồ đề pháp tính đàn
dự ngôn bách thất đại sĩ chí
đắc đạo ma lâm chúng sanh kiên
nguyệt hoa chân thân nguy nhiên tại
la phù thắng tích độ hữu duyên
tích tăng thân lễ tiên giác tọa
lai khứ tứ thập lí trình tiền

Việt dịch:

Thánh tăng Thiên Trúc, Trung Nguyên
Cây Bồ đề ấy trồng bên giới đường
Đại sĩ, trăm bảy, dự ngôn
Chúng sinh đạt đạo như còn cây gai.
Diệu chân thân, Nguyệt Hoa đài
La Phù phong cảnh độ người hữu duyên.

Tòa xưa đánh lễ tiên hiền

Bốn mươi dặm ấy, một miền đến đi.

4.10 梁 智者慧約國師 Trí Giả Tuệ Ước Quốc Sư đời Lương



師。字德素。姓婁。東陽烏傷人。幼著神異。心欲出俗。莫之所適。忽見一僧。問之。僧東指曰。剡中佛法甚盛。忽不見。方悟為神。年十七出家于東山寺。巖棲卻粒。餌以松木。中書郎周顒。太宰褚淵。太尉王儉。交請開法。所居之處。猛獸馴階。靈異屢著。梁帝大興戒法。請師為闍黎。尊之曰智者。說法時。嘗有一乾鵲。二孔雀。聽戒之異。帝亦躬稟菩薩大戒。入滅。異香滿室。勅葬誌公塔左。時有白鶴一雙。繞塔悲鳴。葬畢乃去。

sư. tự đức tố. tính lâu. đông dương ô thương nhân. ấu trú thần dị. tâm dục xuất tục. mặc chi sở thích. hốt kiến nhất tăng. vẩn chi. tăng đông chỉ viết. diệm trung phật pháp thậm thịnh. hốt bất kiến. phương ngộ vi thần. niên thập thất xuất gia vu đông san tự. nham tê khước lạc. nhị dĩ tùng mộc. trung thư lang chu ngung. thái tử trữ uyên. thái úy vương kiệm. giao thỉnh khai pháp. sở cư chi xử. mãnh thú tuần giai. linh dị lữ trú. lương đế đại hưng giới pháp. thỉnh sư vi đồ lê. tôn chi viết trí giả. thuyết pháp thì. thường hữu nhất can thước. nhị khổng tước. thánh giới chi dị. đế diệc cung bảm bồ tát đại giới. nhập diệt. dị hương mãn thất. sắc táng chí công tháp tả. thì hữu bạch hạc nhất song. nhiều tháp bi minh. táng tất nãi khư.

Việt dịch:

Sư tự là Đức Tố, họ Lâu, người Ô Thương, Đông Dương. Từ nhỏ đã hiện nét thần dị, lòng chỉ muốn thoát tục, chẳng ham thích gì. Ngày kia chợt gặp một vị tăng, liền thưa hỏi. Vị tăng chỉ tay về phương Đông, nói: "Phật pháp sẽ cực thịnh ngay nơi đó." Nói xong thì chợt biến mất, sư liền biết đó là thần nhân. Năm 17 tuổi đến chùa Đông sơn, ở trong núi không có thức ăn nên phải ăn nhựa cây tùng。 Sau trung thư lang Chu Ngung, thái tử Trữ Uyên, thái úy Vương Kiệm thỉnh sư khai pháp. Chỗ sư cư trú có sự linh hiển như thú dữ trở nên thuần thực, cùng đến nương tựa. Vua Lương Vũ Đế đại hưng giới pháp thỉnh sư làm đồ lê, tôn xưng sư là Trí Giả. Lúc sư thuyết pháp thường có một con chim Thước, hai con Khổng Tước đến nghe giới. Vua cũng từng thọ giới Bồ tát với sư. Khi sư nhập diệt, hương lạ đầy thất. Tháp dựng bên trái tháp của sư Chí Công. Lúc ấy có đôi hạc trắng bay quanh nhiều tháp kêu tiếng bi thương một lúc rồi bay đi.

贊曰

此大菩薩 現比丘身 戒從性發 通豈修成

作帝王師 主大法盟 誌公之匹 千載遺馨

tán viết

thử đại bồ tát

hiện bỉ khâu thân

giới tông tính phát

thông khởi tu thành

tác đế vương sư

chủ đại pháp minh

chí công chi thất

thiên tái di hình

Việt dịch:

Vị bồ tát ấy

Hiện thân tỳ khiêu
Giới từ tánh phát
Thông suốt tu thành.

Làm thầy đế vương
Lãnh đạo đại pháp
Xứng với Chí Công
Lưu lại tiếng thơm.

或說偈曰

◎一九八五年九月廿三日・宣公上人作

生具異稟慧超倫 志在離俗出迷津
神僧指示剡中法 人臣恭請化南京
猛獸飛禽同歸禮 天龍夜叉順呼應
帝王之師眾生主 春風甘露教大興

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt nhập tam nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

sinh cụ dị bẩm tuệ siêu luân
chí tại li tục xuất mê tân
thần tăng chỉ kì diệm trung pháp
nhân thần cung thỉnh hóa nam kinh

mãnh thú phi cầm đồng quy lễ
thiên long dạ xoa thuận hô ứng
đế vương chi sư chúng sanh chủ
xuân phong cam lộ giáo đại hưng

Việt dịch:

Bẩm sinh trí tuệ khác thường
Chí mong vượt thoát chặng đường u minh
Thần tăng chỉ thẳng pháp sinh
Công thần cung thỉnh Nam Kinh hóa hoằng
Khổng tước, mãnh hổ lễ tăng
Ứng hầu, quỷ sứ, thiên long thuận tình
Thầy đế vương, chủ chúng sinh
Gió xuân, cam lộ hưng vinh giáo truyền.

4.11 唐拾得大士 Thập Đắc đại sĩ đời Đường



豐干行至赤城道側。聞兒啼。拾之。故名。沙門靈燭令知香燈。一日。輒登座。對佛而餐。復呼聖僧為小根敗種。燭怒。令廚滌器。一日掃地次。寺主問。汝姓甚麼。住在何處。拾放下掃帚。叉手而立。寺主罔測。寒山搥胸曰。蒼天蒼天。拾卻問。汝作甚麼。寒山曰

。豈不見東家人死。西家人助哀。二人作舞。哭笑而出。廚食為烏所食。拾以杖打伽藍神曰。汝食不能護。安能護伽藍乎。即夕。寺僧俱夢神曰。拾得打我。後與寒山同逝。

phong can hành chí xích thành đạo trắc. văn nhi đề 。 thập chi. cổ danh. sa môn linh dập lệnh tri hương đăng. nhất nhật. triếp đăng tọa. đối phật nhi xan. phục hô thánh tăng vi tiểu căn bại chủng. dập nộ. lệnh trừ địch khí. nhất nhật tảo địa thứ. tự chủ vấn. nhữ tính thậm ma. trụ tại hà xử. thập phóng hạ tảo trừu. xoa thủ nhi lập. tự chủ vãng trắc. hàn san trừu hung viết. thương thiên thương thiên. thập khước vấn. nhữ tác thậm ma. hàn san viết. khởi bất kiến đông gia nhân tử. tây gia nhân trợ ai. nhị nhân tác vũ. khóc tiểu nhi xuất. trừ thực vi ô sở thực. thập dĩ trượng đả già lam thần viết. nhữ thực bất năng hộ. an năng hộ già lam hồ. tức tịch 。 tự tăng câu mộng thần viết. thập đắc đả ngã. hậu dữ hàn san đồng thệ.

Việt dịch:

Khi Sư Phong Can đến thành Xích, ông nghe thấy một đứa trẻ đang khóc bên đường, sư mang về, vì vậy, đứa trẻ được gọi là Thập (nhất được). Vị sa môn Linh Tập khiến chú Thập Đắc chịu trách nhiệm về hương và đèn trong tu viện. Một ngày, Thập Đắc đột nhiên tự ý bước lên Phật điện, đứng ngay trước tượng Phật mà ăn. Chú lại nói rằng vị thánh tăng này chỉ là hạng tiểu căn, giống xấu. Vị sa môn Linh Tập rất tức giận nên giáng chức Thập Đắc xuống nhà bếp để lo việc dọn dẹp. Một ngày nọ, sau khi đã hoàn thành việc quét dọn, vị sư trụ trì hỏi: "Tên chú là gì? Chú sống ở đâu?". Thập Đắc đặt cán chổi xuống, chấp hai tay. Sư trụ trì không biết phải phản ứng ra sao. Hàn Sơn đâm vào ngực của mình mà than rằng: "Trời ôi! Trời ôi!" Thập Đắc hỏi: "Anh làm cái gì vậy?" Hàn Sơn trả lời: "Bạn không nhìn thấy người ở hướng Đông chết khiến người ở hướng Tây than khóc đó ư?". Nói xong cả hai vừa nhảy múa, vừa cười, vừa khóc. Một lần nọ, thức ăn trong nhà bếp bị chim ăn. Thập Đắc dùng một cây gậy để đánh vị thần già lam, nói: "Nếu chú mày không thể giữ gìn thực phẩm, làm thế nào chú mày có thể bảo vệ già lam?". Đêm đó, các nhà sư trong chùa mộng thấy thần già lam phàn nàn rằng Thập Đắc đã đánh ông ta. Sau đó, Thập Đắc và Hàn Sơn rời chùa không trở lại.

贊曰

無姓無住 卻是恰好 逢人撈著 敗露不少

寒山接拍 笑哭不了 石巖歸去 月照秋草

tán viết

vô tính vô trú

khước thị khắp hảo

phùng nhân tạt trú

bại lộ bất thiếu

hàn san tiếp phách

tiểu khóc bất liễu

thạch nham quy khứ

nguyệt chiếu thu thảo

Việt dịch:

Không tên không nhà

Vậy cũng tốt thôi

Gặp người bức bách

Nói toạc hết rồi.

Gặp được Hàn San

Hết khóc lại cười

Vào trong vách núi

Trăng dọi lá thu.

或說偈曰

◎一九八五年十月三日·宣公上人作

豐干赤城拾小童 無名無姓甚矇矓

對佛而餐心無物 觸僧大瞋面怒容

焦芽敗種堪除糞 松柏棟樑可居王
俗人不識真實相 花子乞丐各西東

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt tam nhật

Tuyên công thượng nhân tác

phong can xích thành thập tiểu đồng
vô danh vô tính thậm mông lung
đối phật nhi xan tâm vô vật
xúc tăng đại sân diện nộ dong
tiêu nha bại chủng kham trừ phần
tùng bách đồng lương khả cư vương
tục nhân bất thức chân thật tướng
hóa tử khát cái các tây đông

Việt dịch:

Thành Xích, Phong Can nhật tiểu đồng
Không danh, không tánh thật mông lung
Trước Phật tuy ăn mà chẳng thọ
Xúc phạm tăng đoàn khiến nổi sân
Giống xấu, mồm hư nên quét sạch
Tùng bách cương bực pháp vương
Kẻ tục biết đâu chân thực tướng
Hiện thân hành khát đạo tây đông.

4.12 唐寒山大士 Hàn San Đại Sĩ đời Đường



大士。寓唐興縣寒巖。故名。容貌枯悴。布襦零落。樺皮為冠。時往國清就拾得。取殘食。人目為狂。遇事感懷。多發於詩。題石壁樹林間。與豐干友善。貞元末。閩邱出守台州。路患頭痛。干造醫之。曰。公到任當謁文殊普賢。曰。何在。曰。國清寺。寒山拾得是也。即入山訪之。見二人圍爐笑語。即下拜。二人咄曰。彌陀不拜。禮我何為。執手笑曰。豐干饒舌。次日就巖。大士縮身入石縫曰。汝等各各努力。石縫忽合。

đường hàn san đại sĩ. đại sĩ ngụ đường hưng huyền hàn nham. cổ danh. dong mạo khô tụy. bổ nhu linh lạc. hoa bì vi quan. thì vãng quốc thanh tự thập đắc. thủ tàn thực. nhân mục vi cuồng. ngộ sự cảm hoài. đa phát ư thi. đề thạch bích thụ lâm gian. dữ phong can hữu thiện. trình nguyên mật. lư khâu xuất thủ thai châu. lộ hoạn đầu thống. can tạo y chi. viết. công đáo nhậm đương yết văn thù phổ hiền. viết. hà tại. viết. quốc thanh tự. hàn san thập đắc thị dã. tức nhập san phóng chi. kiến nhị nhân vi lô tiểu ngữ. tức hạ bá. nhị nhân đốt viết. di đà bát bá. lễ ngã hà vi. chấp thủ tiểu viết. phong can nhiều thiện. thứ nhật tự nham. đại sĩ súc thân nhập thạch phùng viết. nhữ đẳng các các nỗ lực. thạch phùng hốt hợp.

Việt dịch:

Đường Hàn Sơn đại sĩ sống trong núi Hàn, thành Hưng Huyền, nên được gọi là Hàn sơn. Dung mạo tiêu tụy, áo quần rách nát tả tơi. Ông lấy vỏ cây bạch dương làm mũ đội đầu. Ông thường đi đến Tu viện Quốc Thanh để gặp Thập Đắc mà nhận thức ăn thừa. Mọi người nhìn ông như một người khùng. Để bày tỏ lòng cảm hoài của mình, ông đề thơ trên tảng đá, tường vách, và trên thân cây. Ông thân thiện với sư Phong

Can. Khoảng cuối năm Trinh Nguyên, một viên quan chức chính phủ có tên là Lư Khâu đi tuần tỉnh Thái Châu. Trong cuộc hành trình, ông bị chứng đau đầu, và đã được sư Phong Can chữa cho, sư nói với viên quan: ". Khi đến nơi, ông nên tìm gặp Văn Thù và Phổ Hiền". Lư Khâu hỏi: "Họ ở đâu?". Sư Phong Can trả lời, "Họ đang có mặt trong Quốc Thanh tu viện, chính là Hàn Sơn và Thập Đắc." Lư Khâu liền đến tìm họ, nhìn thấy hai người ngồi quanh bếp, cười cười nói nói. Ông ngay lập tức cúi đầu đánh lễ. Hai người mắng rằng: "Ông không đánh lễ Phật A Di Đà, có sao lại đánh lễ chúng tôi làm chi?". Nắm tay nhau, họ cười, nói, "Phong Can thật lắm chuyện!" Ngày hôm sau, họ đi về núi Hàn. Làm cho cơ thể nhỏ lại, và bước vào một vết nứt trong đá, họ nói: "Các người hãy tinh tấn tu hành." Vết đá nứt đột nhiên đóng kín lại.

贊曰

世人見汝 如風如狂 汝見世人 可笑可傷
高歌松下 抵掌路傍 豐干拾得 戲幻一場

tán viết

thế nhân kiến nhữ
như phong như cuồng
nhữ kiến thế nhân
khả tiếu khả thương
cao ca từng hạ
chỉ chưởng lộ bàng
phong can thập đắc
hồ huyễn nhất tràng

Việt dịch:

Người đời nhìn ta
Như điên như cuồng

Ta nhìn người đời
Đáng cười đáng thương
Hát lớn dưới tùng
Vỗ tay bên đàn
Phong Can Thập Đắc
Huyền hóa một màn.

或說偈曰

◎一九八五年九月廿八日·宣公上人作

隱大示小若瘋狂 豐干饒舌露形藏
堪笑世人馬後課 可憐眾生牛上堂
士各宜努力莫張揚

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên cửu nguyệt nhập bát nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

Ẩn đại kì tiểu nhược phong cuồng
phong can nhiều thiệt lộ hình tàng
kham tiểu thể nhân mã hậu khóa
khả liên chúng sanh nguơ thượng đường
sĩ các nghi nỗ lực mạc trương dương

Việt dịch:

Ẩn lớn hiện nhỏ như điên khùng

Phong Can hé miệng lộ hành tung
Cười cho nhân thế đà chậm trễ
Vì thương sanh chúng phải thẳng đường
Sĩ phu nỗ lực chớ huênh hoang.

4.13 唐石鐘發光禪師 Thạch Chung Phát Quang Thiền Sư đời Đường



師。河南汝陽楊氏。世居官。見罪人歎曰。人本無罪。無明陷之。地獄本無。夙業感之。遂發願詣少林寺出家。受具於開元。精研毘尼及諸教乘。後遍歷諸方。究西來直指。發明向上。步禮迦葉至雞足。駐錫其間。創石鐘寺。遂成法宇。

。 hà nam nhữ dương dương thị. thể cư quan. kiến tội nhân thán viết. nhân bản vô tội. vô minh hãm chi. địa ngục bản vô. túc nghiệp cảm chi. toại phát nguyện nghệ thiếu lâm tự xuất gia. thụ cụ ư khai nguyên. tinh nghiên bì ni cập chư giáo thừa. hậu biến lịch chư phương. cứu tây lai trực chỉ. phát minh hướng thượng. bộ lễ già diệp chí kê túc. trú tích kì gian. sang thạch chung tự. toại thành pháp vũ.

Việt dịch:

Sư họ Dương người Hồ Nam, tỉnh Nhữ Dương, khi chưa xuất gia làm quan. Khi nhìn thấy người phạm tội liền than: người vốn không có tội chỉ vì vô minh vấp hãm [mà tạo tội]. Địa ngục vốn là Không, nghiệp tạo địa ngục. Chẳng bao lâu phát nguyện đến chùa Thiếu Lâm xuất gia. Sư thụ giới cụ túc vào thời Khai Nguyên, tinh cần tu học giáo pháp các thừa. Sau đó sư chu du khắp nơi, thâm hiểu cùng tận pháp [của Tổ Bồ Đề Đạt Ma]

từ phương Tây mang đến [Trung Quốc] nên càng hướng thượng. Sư hướng về núi Kê Túc kinh hành lễ lạy tổ Ma ha Ca Diếp. Sư ở tại đó, lập chùa Thạch Chung, chẳng bao lâu trở thành ngôi chùa khang trang, đông người lui tới.

贊曰

偈出一語 捷出羣機 任性自在 空費鉗鎚

飲光隱處 日月重輝 石鐘發響 聲震冥微

tán viết

kệ xuất nhất ngữ

tiệp xuất quần cơ

nhậm tính tự tại

không phí kiềm chùy

âm quang ẩn xứ

nhật nguyệt trọng huy

thạch chung phát hưởng

thanh chấn minh vi

Việt dịch:

Độc một dòng kệ

Vỡ tung mấu chốt

Mặc tình tự tại

Chẳng phí dùi, kìm.

Âm Quang ẩn xứ

Nhật nguyệt rạng rỡ

Chuông đá vọng vang

Dội chốn u minh.

或說偈曰

◎一九七三年二月三日·宣公上人作

無明造業受報填 宦海浮沉險而艱

放下名利觀自在 提起功德了性天

雞足創建石鐘寺 鶴頂高唱金玉篇

紹隆三寶興教化 法王稱讚善哉賢

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên nhị nguyệt tam nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

vô minh tạo nghiệp thụ báo điền

hoạn hải phù trầm hiểm nhi gian

phóng hạ danh lợi quán tự tại

đề khởi công đức liễu tính thiên

kê túc sáng kiến thạch chung tự

hạc đỉnh cao xướng kim ngọc thiên

Thiệu Long tam bảo hưng giáo hóa

pháp vương xưng tán thiện tại hiền

Việt dịch:

Vô minh tạo nghiệp thụ báo đầy

Hoạn lộ thăng trầm với ngựa nghiêng
Buông lỏng lợi danh tâm tự quán
Công đức rõ bày tánh tự nhiên.
Chuông Đá dựng nền nơi Kê Túc
Núi hạc tụng lời kim ngọc thiên.
Thiệu Long giáo hóa tam bảo thịnh
Pháp vương xưng tán bậc thiện hiền.

4. 14 唐無盡藏比丘尼肉身 Vô Tận Tạng Tỷ khiêu ni nhục thân đời Đường



師。韶州曹侯村人。儒士劉志畧之姑也。常誦大涅槃經。時六祖自黃梅得法回。聽師誦經。即知妙義。遂為解說。師乃執卷問字。祖曰。字即不識。義即請問。師曰。字尚不識。焉能會義。祖曰。諸佛妙理。非關文字。師驚異之。徧告里中耆德云。此是有道之士。宜請供養。時寶林古寺。自隋末兵火已廢。遂於故基重建梵宇。延祖居之。俄成寶坊。

Sư. thiều châu tào hầu thôn nhân. nho sĩ lưu chí lược chi cô dã. thường tụng đại niết bàn kinh. thì lục tổ tự hoàng mai đắc pháp hồi. thỉnh sư tụng kinh. tức tri diệu nghĩa. toại vi giải thuyết. sư nãi chấp quyển vấn tự. tổ viết. tự tức bất thức. nghĩa tức thỉnh vấn. sư viết. tự thượng bất thức. yên năng hội nghĩa. tổ viết. chư phật diệu lí. phi quan văn tự. sư kinh dị chi. biến cáo lí trung kì đức vân. thử thị hữu đạo chi sĩ. nghi thỉnh cung dưỡng. thì bảo lâm cổ tự. tự Tùy diệt binh hỏa dĩ phế. toại ư cổ cơ trọng kiến phạm vũ. diên tổ cư chi. nga thành bảo phùng.

Việt dịch:

Sư cô người thôn Tảo Hầu tỉnh Thiều Châu, và là cô của Nho sĩ Lưu Chí Lực, thường đọc Kinh Đại Niết Bàn. Khi Lục Tổ đắc pháp tại Hoàng Mai trở về, khi nghe sư cô tụng kinh liền biết được nghĩa kinh thâm diệu, và giải thích cho sư cô. Sau đó sư cô đưa ra một bản kinh và hỏi nghĩa văn tự.

Lục Tổ nói: "Tôi không biết chữ, hãy hỏi về ý nghĩa kinh. "

"Nếu sư không thể đọc, làm thế nào sư có thể hiểu được ý nghĩa? " Sư cô hỏi.

Lục Tổ trả lời: "Ý nghĩa tinh tế của tất cả chư Phật không dựa trên văn tự. "

Sư cô kinh ngạc, liền nói với những trưởng lão trong làng: "Đây là bậc đại sĩ, chúng ta nên cúng dường" .

Lúc đó ngôi chùa cổ Bảo Lâm vốn đã bị tàn phá bởi chiến tranh vào cuối triều đại nhà Tùy, được xây dựng lại, cúng dường cho Đức Lục Tổ; chẳng bao lâu trở thành một nơi [quy tụ] nhiều tăng lữ.

贊曰

諸佛妙理 非關文字 常誦涅槃 故作驚異

龍女獻珠 鶯子易地 無在不在 肉身垂示

tán viết

chư phật diệu lí

phi quan văn tự

thường tụng niết bàn

cổ tác kinh dị

Long nữ hiến châu

Thu tử dịch địa

vô tại bất tại

nhục thân thù thị

Việt dịch:

Chư Phật diệu lí

Chẳng nơi văn tự

Thường tụng Niết Bàn

Rất đổi kinh dị

Long nữ hiển châu

Thu tử rúng động

Không đâu chẳng có

Nhục thân khai thị.

或說偈曰

◎一九七三年 二月十七日·宣公上人作

諷誦涅槃乘願船 護持正法待羣賢

文字般若非真諦 印心妙義本離言

倡導眾生識聖者 興建佛剎化坤乾

曹溪源流傳萬古 南華無盡永芬芳

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên nhị nguyệt thập thất nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

phúng tụng niết bàn thừa nguyện thuyền

hộ trì chánh pháp đãi quần hiền
văn tự bát nhã phi chân đế
ấn tâm diệu nghĩa bốn li ngôn

xướng đạo chúng sanh thức thánh giả
hưng kiến phật sát hóa khôn càn
tào Khê nguyên lưu truyền vạn cổ
nam hoa vô tận vĩnh phân phương

Việt dịch:

Tụng biến Niết Bàn dựa mạn thuyền
Hộ trì chánh pháp giúp người hiền
Chân đế há trong văn bát nhã
Tâm ấn ly ngôn diệu nghĩa huyền

Đưa bước chân phàm qua nẻo thánh
Dựng nền Phật quốc trải càn khôn
Nguyên đầu Tào Khê lưu vạn cổ
Nam Hoa vô tận ngát dòng hương.

4.15 梁 布袋和尚 Bồ Đại Hòa Thượng đời Lương



明州奉化布袋和尚。自稱契此。形裁臃腫。蹙額皤腹。出語無定。時號長汀子。常荷一布袋。入鄞見物則乞。一日。有僧在前行。師拊其背。僧回首。師曰。乞我一文錢。曰。道得即與。師放下布袋。叉手而立。保福和尚問。如何是佛法大意。師放下布袋。福曰。為祇如此。為更有向上事。師負之而去。梁貞元三年。端坐岳林寺盤石。說偈曰。彌勒真彌勒。分身千百億。時時示時人。時人自不識。遂入滅。後現於他州。亦負布袋而行。

minh châu phụng hóa bồ đại hòa thượng. tự xưng khế thử. hình tài quý ngụy. túc ngạch bà phúc. xuất ngữ vô định. thì hào trường đình tử. thường hà nhất bồ đại. nhập triện kiến vật tắc khát. nhất nhật. hữu tăng tại tiền hành. sư phụ kì bối. tăng hồi thử. sư viết. khát ngã nhất văn tiền. viết. đạo đắc tức dĩ. sư phóng hạ bồ đại. xoa thủ nhi lập. bảo phúc hòa thượng vấn. như hà thị phật pháp đại ý. sư phóng hạ bồ đại. phúc viết. vi kì như thử. vi canh hữu hướng thượng sự. sư phụ chi nhi khứ. lương trình nguyên tam niên. đoan tọa nhạc lâm tự bàn thạch. thuyết kệ viết. di lạc chân di lạc. phân thân thiên bách ức. thì thì kì thì nhân. thì nhân tự bất thức. toại nhập diệt. hậu hiện ư tha châu. diệc phụ bồ đại nhi hành.

Việt dịch:

Hòa thượng Bồ Đại người Phụng Hóa tỉnh Minh Châu. Sư tự gọi mình là Khế thử. Dáng người mập mạp, miệng luôn cười, trán nhăn, bụng phệ, nói năng bất chợt, còn có hiệu là Trường Đình Tử. Sư luôn mang trên vai một túi vải lớn. Khi vào thành, thấy gì cũng xin. Một ngày nọ, một người xuất gia đang đi trước mặt sư, sư liền vỗ vai vị tăng này. Các nhà sư quay lại, sư nói: "Hãy cho tôi một xu." Nhà sư trả lời: "khi đạt đạo thì mới đưa cho." Sư đặt túi vải xuống đất, đứng chấp tay. Hòa thượng Bảo Phúc hỏi: "Đại ý của Phật pháp là gì?" Sư lại đặt túi vải xuống. Hòa thượng Bảo Phúc hỏi: "Chỉ vậy thôi à? Hay là có gì cao hơn thế nữa?". Sư bèn cầm lấy túi vải của mình mà đi. Thời nhà Lương, Trình Nguyên năm thứ ba, sư ngồi thiền trên một tảng đá bằng phẳng trước tu viện Nhạc Lâm, nói kệ:

Di Lặc chân Di Lặc

Phân thân thiên bách ức

Thời thời thị thời nhân

Thời nhân tự bất thức

Nói xong liền nhập diệt. Về sau sư lại xuất hiện ở các tỉnh khác, vẫn mang túi vải mà đi.

贊曰

祇這布袋 惑亂人多 逢著便乞 為個甚麼

縱遇挨拶 不奈渠何 切莫錯認 未來佛陀

tán viết

Chỉ giá bố đại

hoặc loạn nhân đa

phùng trứ tiện khát

vi cá thậm ma

túng ngộ ai tạt

bất nại cừ hà

thiết mạc thác nhận

vị lai phật đà

Việt dịch:

Chỉ với túi vải

Khiến người người nghi

Gặp chấp liền xin

Làm vậy mà chi

Nếu người bức bách

Nhấn chịu hòa hài

Chớ nhìn sai đó

Chính Phật vị lai.

或說偈曰

◎一九八五年十月四日·宣公上人作

布袋裡面有乾坤 裝滿世間癡貪瞋

逢人只會乞笑事 無我不入是非門

看破放下得自在 聞空提起悟靈文

彌勒到處即彌勒 何勞東西枉追尋

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt tứ nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

bồ đại lí diện hữu càn khôn

trang mãn thể gian si tham sân

phùng nhân chỉ hội khát tiểu sự

vô ngã bất nhập thị phi môn

khán phá phóng hạ đắc tự tại

văn không đề khởi ngộ linh văn

di lạc đáo xử tức di lạc

hà lao đông tây uổng truy tầm

Việt dịch:

Trong bầu túi vải một càn khôn
Chứa trọn tham si của thế tình
Gặp gỡ tặng người câu bốn cột
Đúng sai ai kể có chi mình.
Tự tại buông tay không vướng mắc
Nghe Không ngộ nhập lý huyền linh
Nơi đâu chẳng phải là Di Lặc
Đông Tây luống phải uổng công tìm.

4.16 吳越長耳和尚 Ngô Việt Trường Nhĩ Hòa Thượng



杭州法相寺。長耳行修和尚。泉南陳氏子。母夢吞日驚寤而生。長耳垂肩。七歲猶不言。或問之。忽應聲曰。不遇作家。徒。撞破煙樓耳。出家金陵瓦棺寺。參雪峰。得其心印。自是猛獸馴若。靈異。益著。僧問。如何是長耳。師以手曳耳示之。問。南峰難到麼。曰。只為他會不。過。曰。到後如何。曰。孤峰獨宿。吳越王問永明。今有真僧否。曰。長耳和尚。乃定光佛應身也。王禮。稱定光出世。師曰。彌陀饒舌。少選而化。宋賜號宗慧大師。

hàng châu pháp tương tự. trường nhĩ hành tu hòa thượng. tuyền nam trần thị tử.
mẫu mộng thôn nhật kinh ngũ nhi sanh. trường nhĩ thùy kiên. thất tuế do bất ngôn.

hoặc vấn chi. hốt ứng thanh viết. bắt ngộ tác gia đồ. tràng phá yên lâu nhĩ. xuất gia kim lăng ngỗ quan tự. tham tuyết phong. đặc kì tâm ấn. tự thị mãnh thú tuần nhược. linh dị. ích trú. tăng vấn. như hà thị trường nhĩ. sư dĩ thủ duệ nhĩ kì chi. vấn. nam phong nan đáo ma. viết. chỉ vi tha hội bất quá. viết. đáo hậu như hà. viết. cô phong độc túc. ngô việt vương vấn vĩnh minh. kim hữu chân tăng phủ. viết. trường nhĩ hòa thượng. nãi định quang phật ứng thân dã. vương lễ. xưng định quang xuất thế. sư viết. di đà nhiều thiết. thiếu tuyển nhi hóa. tổng tứ hào tông tuệ đại sư.

Việt dịch:

Tại chùa Pháp Tướng tỉnh Hàng Châu, có một nhà sư với dải tai dài. Ông là con trai của bà Trần, người làng Tuyên Nam. Một đêm nọ bà mộng thấy mình nuốt mặt trời, thức giấc kinh ngạc, sau đó thụ thai. [Sau đó bà sinh ra một đứa bé trai có cái] dải tai dài đến bả vai. Đứa bé này đã bảy tuổi mà vẫn chưa hề nói. Một ngày kia, có người hỏi, và chú bé đột nhiên trả lời: "chưa gặp người [hiền] phá vỡ lâu khới". Xuất gia tại chùa Ngỗ Quan, Kim Lăng; được sư Tuyết Phong ấn chứng, "thú dữ được sư điều phục trở nên thuần thực. Sự linh ứng càng ngày càng gia tăng khác thường.". Một vị tăng hỏi: "đôi tai dài là sao?" Sư liền kéo dải tai của mình. Vị tăng lại hỏi, "đôi Nam khó đến chăng?". Sư trả lời, "tùy bạn có muốn đi hay không mà thôi." Vị tăng hỏi: "đến rồi thì sao?" Sư trả lời: "Đồi hoang sống một mình." Ngô Việt vương hỏi pháp sư Vĩnh Minh rằng hiện nay có bậc chân tăng nào không. Sư Vĩnh Minh nói: "Vị hòa thượng tai dài tai chính là Phật Định Quang ứng thân". Ngô Việt vương liền đến thỉnh lễ, xưng tán sư đã xuất thế. Sư nói: "A Di Đà nói quá nhiều" và liền nhập diệt. Vua nhà Tống dâng tặng hiệu là Tông Tuệ Đại Sư.

贊曰

石龕松戶 心甘行苦 百鳥是歸 天華可雨

不傳之妙 神通之普 具眼衲僧 一齊看取

tán viết

thạch kham tùng hộ

tâm cam hành khổ

bách điều thị quy
thiên hoa khả vũ
bất truyền chi diệu
thần thông chi phổ
cụ nhãn nạp tạng
nhất tề khán thủ

Việt dịch:

Cửa tùng hang đá
Khổ hạnh là đường
Chim quy y pháp
Mưa hoa cúng dường
Bí truyền diệu tạng
Trải rộng thần thông
Chư tăng có mắt
Đều khắc ghi lòng.

或說偈曰

◎一九八五年十月十日·宣公上人作

長耳修眉大和尚 定光示現古佛身
七歲不言為養晦 百獸皆懼顯至尊
雪峰有眼傳心印 越王無意遇聖真
倒駕慈航救世主 黑暗時代作明燈

hoặc thuyết kệ viết

© nhất cử bát ngũ niên thập nguyệt thập nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

trường nhĩ tu mi đại hòa thượng
định quang kì hiện cổ phật thân
thất tuế bất ngôn vi dưỡng hối
bách thú giai cụ hiển chí tôn
tuyệt phong hữu nhĩn truyền tâm ấn
việt vương vô ý ngộ thánh chân
đạo giá từ hàng cứu thế chủ
hắc ám thì đại tác minh đăng

Việt dịch:

Tai dài mày rậm đại hòa thượng
Định Quang thị hiện cổ Phật thân
Gìn lời bảy tuổi chưa từng nói
Trăm loài nép sợ lực thế tôn
Tuyệt Phong có mắt truyền tâm ấn
Vua Việt đâu ngờ gặp thánh nhân
Như nguyện cứu người nay trở lại
Tăm tối soi đời đại pháp đăng.

4.17. 梁鼓山扣冰古佛 Cổ San Khẩu Băng Cổ Phật đời Lương



師。新豐翁氏子。母夢比丘。風神炯然。荷錫求宿。人指謂。此辟支佛也。已而孕。生於會昌四年。香霧滿室。彌日不散。年十三出家。初以講說。為眾所歸。謁雪峰。攜鳧茨一包醬一器獻之。峰與語。異之曰。子異日必為王者師。天成戊子。應閩王召。茶次。師提起橐子曰。會麼。曰。不會。曰。人王法王。各自照了。留十日。以疾辭。歸鼓山。至十二月二日。沐浴陞座。告眾而逝。荼毘。祥曜滿山。獲五色舍利。塔於鼓山正寢。

sư. tân phong ông thị tử. mẫu mộng bỉ khâu. phong thần quỳnh nhiên. hạ tích cầu túc. nhân chỉ vị. thử bích chi phật dã. dĩ nhi dụng. sanh ư hội xương tứ niên. hương vụ mãn thất. di nhật bất tán. niên thập tam xuất gia. sơ dĩ giảng thuyết. vi chúng sở quy. yết tuyết phong. huê phù tì nhất bao tương nhất khí hiển chi. phong dữ ngữ. dị chi viết. tử dị nhật tất vi vương giả sư. thiên thành mậu tử. ứng mân vương triệu. trà thứ. sư đề khởi thác tử viết. hội ma. viết. bất hội. viết. nhân vương pháp vương. các tự chiếu liễu. lưu thập nhật. dĩ tật tử. quy cổ san. chí thập nhị nguyệt nhị nhật. mộc dục thăng tọa. cáo chúng nhi thệ. đồ bì. tường diệu mãn san. hoạch ngũ sắc xá lợi. tháp ư cổ san chánh tâm.

Việt dịch:

Sư là con trai của bà họ Ông, người làng Từ Tín. Một đêm nọ, người mẹ mộng thấy một Tỳ Kheo chống tích trượng, thần thái an nhiên, để tích trượng xuống, hỏi chỗ tạm trú. Có người chỉ vào vị tỳ khiêu và với bà rằng đây là một bậc Duyên Giác. Sau khi bà tỉnh dậy thì biết mình đã mang thai. Sư sinh năm thứ tư Hội Xương. Khi sư sinh ra, mùi thơm đầy phòng trong nhiều ngày. Sư xuất gia năm 13 tuổi, và bắt đầu đầu vì đại chúng nói Pháp. Lần nọ, Sư đến thăm sư Tuyết Phong và mang một túi nước hạt dẻ. Ngài Tuyết Phong thấy sư, bất ngờ nói lớn: " Trong tương lai, ông chắc chắn sẽ trở thành thầy của hoàng đế". Năm Mậu Tử, hiệu Ứng Mân, sư nhận lời mời của Hoàng đế. Khi đang uống trà, sư nhật chiếc đĩa và hỏi Hoàng đế : " Ngài có biết làm thế nào để uống trà? " Hoàng đế trả lời: "Tôi không biết." Nhân vương và pháp vương hiểu nhau. Sư ở lại trong cung điện mười ngày, và cáo ốm, ra đi về núi Cổ. Vào ngày thứ hai của

tháng mười hai, sư tắm gội, lên tòa ngồi, chia tay đại chúng, và nhập diệt. Trong lễ trà tỳ, ánh sáng tỏa quanh núi, thu được nhiều xá lợi năm màu. Sư được chôn cất trong một bảo tháp tại núi Cổ.

贊曰

為王者師 受雪峰記 坐扣堅冰 空裏遊戲

舉起茶盞 翻天覆地 人王法王 慧日普麗

vi vương giả sư

thụ tuyết phong kí

tọa khấu kiên băng

không lí du hí

cử khởi trà thác

phiên thiên phúc địa

nhân vương pháp vương

tuệ nhật phổ lệ

Việt dịch:

Làm thầy hoàng đế

Tuyết Phong thụ ký

Ngồi trên đá băng

Hư không du hí.

Nâng gỏi trà lên

Lệch đất xoay trời

Vua người vua pháp

Trí tuệ rạng ngời.

或說偈曰

◎一九七三年二月廿四日·宣公上人作

聖人降世大因緣 觀機施教導後賢

循循善誘巧方便 切切深望早歸旋

雪峯預授王師記 鼓山坐化古佛龕

來去自由真常在 跳出六道輪迴圈

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên nhị nguyệt nhập tứ nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

thánh nhân giảng thể đại nhân duyên

quán cơ thi giáo đạo hậu hiền

tuần tuần thiện dụ xảo phương tiện

thiết thiết thâm vọng tảo quy toàn

tuyệt phong dự thụ vương sư kí

cổ san tọa hóa cổ Phật kham

lai khứ tự do chân thường tại

khiêu xuất lục đạo luân hồi quyền

Việt dịch:

Cũng bởi nhân duyên thánh xuống đời

Tùy cơ giáo hóa kẻ hậu thời

Dần dà khéo tạo nên phương tiện

Tha thiết mong người trở bước thôi.
Tuyết Phong thụ ký thầy hoàng đế
Núi Cổ khoanh chân nhập Niết Bàn
Mặc tình qua lại, chân thường trụ
Sáu nẻo luân hồi một bước ngang.

4.18 宋大通達岸禪師 Đại Thông Đạt Ngạn Thiền sư đời Tống



師。諱志靖。字達岸。粵韶州曲江梁氏子。生朱梁貞明四年。少不樂世事。十二歲出家。二十受具于雲門偃。南漢劉晟敬其德。尊寵甚隆。師偶過大通《大通煙雨為羊城八景之一》之湓口。阻風登岸。見古寺。愛其幽勝不忍去。請于劉重新之。賜名寶光。宋太宗太平興國三年。辭眾逝。靈光燭天。奉其真身。時示靈跡至今不壞。遠近爭禮之。寂年七十有二。

sư. húy chí tĩnh. tự đạt ngạn. việt thiều châu khúc giang lương thị tử. sanh chu lương trình minh tứ niên. thiều bất lạc thế sự. thập nhị tuế xuất gia. nhị thập thụ cụ vu vân môn yển. nam hán lưu thịnh kính kì đức. tôn sủng thậm long. sư ngẫu quá đại thông (đại thông yên vũ vi dương thành bát cảnh chi nhất) chi hào khẩu. trở phong đăng ngạn. kiến cổ tự. ái kì u thắng bất nhẫn khứ. thỉnh vu lưu trọng tân chi. tứ danh bảo quang. tổng thái tông thái bình hưng quốc tam niên. từ chúng thệ. linh quang chúc thiên. phụng kì chân thân. thì kì linh tích chí kim bất hoại. viễn cận tranh lễ chi. tịch niên thất thập hữu nhị.

Việt dịch:

Sư hiệu là Chí Tĩnh, tự Đạt Ngạn, con người họ Lương tại huyện Thiều Châu, Khúc giang, tỉnh Quảng Đông, sư sinh vào năm thứ tư Trinh Minh (919) đời Hậu Lương. Thuở niên thiếu sư không thấy đời có gì vui nên xuất gia vào năm mười hai tuổi. Ở tuổi hai mươi, sư thọ cụ [túc giới] với thiền sư Vân Môn Văn Yển. Đời Nam Hán (943-958) vua là Lưu Thịnh rất kính trọng và hâm mộ sư. Một ngày nọ, sư tình cờ đi ngang qua đất Đại Thông (Đại Thông là một cửa sông phong cảnh mưa sương là cảnh tượng đẹp nhất trong tám cảnh đẹp). Vì gió mạnh, sư phải lên bờ thì thấy một ngôi chùa cổ quá đẹp khiến sư khó mà bỏ đi. Sư nhờ vua Lưu Thịnh trùng tu lại ngôi chùa, và đặt tên chùa là Bảo Quang. Đời vua Tống Thái Tông, Thái Bình hưng quốc năm thứ ba (979), sư từ biệt mọi người và nhập diệt trong ánh hào quang tỏa sáng bầu trời. Nhục thể của sư được cúng tế, và cho đến nay vẫn không bị hư hoại. [Tín đồ] các nơi gần xa đến chiêm bái, dâng lễ. Sư thọ bảy mươi hai tuổi.

贊曰

大士示化 遇緣即應 大通古跡 繼啟先聖

靈光燭天 破長夜夢 留身範世 作福田供

tán viết

đại sĩ thị hóa

ngộ duyên tức ứng

đại thông cổ tích

kế khai tiên thánh

linh quang chúc thiên

phá trường dạ mộng

lưu thân phạm thế

tác phúc điền cung

Việt dịch:

Hóa thân đại sĩ

Hội duyên liền ứng
Đại Thông dấu xưa
Kế thừa tiên thánh.
Đuốc trời rực rỡ
Tan mộng triền miên
Lưu thân khuôn mẫu
Dâng hiến phước điền.

或說偈曰

◎一九七三年十月廿七日·宣公上人作

賢聖倍出地獼獠 慧劍斬盡萬年妖
梁氏有兒達彼岸 盧門無祖不高超
逝者如斯俱往矣 來茲思齊莫憚勞
荷擔我佛大家業 豈懼風雨日飄搖

hiền thánh bồi xuất địa cát lão
tuệ kiếm trăm tận vạn niên yêu
lượng thị hữu nhi đạt bỉ ngạn
Lư môn vô tổ bất cao siêu
thệ giả như tư câu vãng hĩ
lai tư tư tề mạc đạn lao
hà đảm ngã phật đại gia nghiệp
khởi cụ phong vũ nhật phiêu diêu

Việt dịch:

Hiền thánh sinh trên đất Quảng Đông
Đường gương tận diệt quỷ vạ năm
Thuyền họ Lương kia nay ghé bến
Ngoài cửa Lư còn Tổ tối cao
Người trước cách xa đều đã vậy
Người sau nào biết ngại công lao
Gia nghiệp Phật đà vai gánh nặng
Gió lộng mưa tuôn há sợ sao?.

4.19 明應文禪師 Ứng Văn Thiền Sư đời Minh



師。朱明建文皇帝也。燕藩之變。金川門破。內臣出高皇遺命。得度牒三。曰。應文。應賢。應能。伽黎俱備。宮中火。帝易僧服自居。應文自複道出。從行者御史葉希賢。吳王教授楊應能。並易僧服。分居應賢應能。歷吳楚黔蜀。展轉入滇。隱居獅子山有年。今遺像猶存。晚歲東歸。坐化宮中。世壽八十餘。葬於西山。

sư 。 chu minh kiến văn hoàng đế dã. yển phiên chi biến. kim xuyên môn phá. nội thần xuất cao hoàng di mệnh. đắc độ điệp tam 。 viết. ứng văn. ứng hiền. ứng năng. già lê câu bị. cung trung hỏa. để dịch tang phục tự cư. ứng văn tự phúc

đạo xuất。 tông hành giả ngự sử diệt hi hiền。 ngô vương giáo thụ dương ứng năng。
tịnh dịch tăng phục。 phân cư ứng hiền ứng năng。 lịch ngô sở kiềm thực。 triển
chuyển nhập điền。 ẩn cư sư tử san hữu niên。 kim di tượng do tồn。 văn tuệ đồng
quy。 tọa hóa cung trung。 thể thọ bát thập dư。 táng ư tây san。

Việt dịch:

Sư là vua Minh Ứng nhà Minh. Trong cuộc đảo chính Yến Phiên, khi cổng thành Kim Xuyên bị phá vỡ, một hoạn quan đưa ra di mệnh của tiên vương; gồm có ba tờ giấy xuất gia do chính phủ cấp cho tu sĩ, dưới tên Ứng Văn, Ứng Hiền, và Ứng Năng, cùng với ba bộ áo tu sĩ. Khi cung điện bị cháy, hoàng đế khoác lên người lớp áo tu sĩ, dùng tên giả là Ứng Văn và trốn thoát qua một lối đi bí mật. Hai người trốn theo nhà vua là ngự sử Diệt Hi Hiền và vị giáo thọ của vua Ngô là Dương Ứng Năng. Cả hai đều mặc áo tu sĩ và lấy tên là Ứng Hiền và Ứng Năng. Họ đi qua đất Ngô, Sở, Kiềm, và Thực, vào Vân Nam định cư tại núi Sư Tử trong nhiều năm. Bức tượng của sư vẫn còn lưu lại đến nay. Trong những năm cuối đời, sư trở về hướng Đông và nhập diệt trong cung điện, hưởng thọ hơn tám mươi tuổi. Sư được chôn cất tại núi Tây.

贊曰

人王法王 各行正令 千日並照 有感斯應

畢竟如何 路絕凡聖 葉落歸根 無欠無贖

tán viết

nhân vương pháp vương

các hành chánh lệnh

thiên nhật tịnh chiếu

hữu cảm tư ứng

tất cánh như hà

lộ tuyệt phàm thánh

diệt lạc quy căn

vô khiếm vô thặng

Việt dịch:

Vua người vua pháp

Mỗi việc mỗi làm

Ngàn mặt trời chiếu

Cảm ứng đạo giao.

Đến chỗ rốt ráo

Chẳng thánh chẳng phàm

Lá rụng về cội

Không thiếu không dư.

或說偈曰

◎一九七三年三月三日·宣公上人作

大權應現國王身 返本還原脫紅塵

精修苦煉無明破 潛移默化漏盡通

八十坐逝皇宮內 九品高登極樂城

儀表羣倫垂萬世 虛空法界任縱橫

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên tam nguyệt tam nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

đại quyền ứng hiện quốc vương thân

phản bản hoàn nguyên thoát hồng trần

tinh tu khổ luyện vô minh phá

tiềm di mặc hóa lậu tận thông
bát thập tọa thế hoàng cung nội
cửu phẩm cao đẳng Cực Lạc thành
nghị biểu quần luân thùỵ vạn thể
hư không pháp giới nhậm tung hoành

Việt dịch:

Ứng hiện thân vua tạm dùng quyền
Thoát vòng trần lụy phản hoàn nguyên
Phá vô minh bởi công tu luyện
Lậu tận thần thông chứng tịch nhiên
Cung ngọc tám mươi ngời thoát xác
Cực Lạc chín tầng ngự đóa sen
Phong thái đời sau theo mẫu mực
Hư không pháp giới mặc tung hoành.

4.20 明真可紫柏禪師 Chân Khả Tử Bách Thiền Sư đời Minh



師。吳江灘缺沈氏子。游方。聞誦張拙偈。至斷除煩惱重增病。趨向真如亦是邪。大疑。
一日齋次忽悟。乃曰。使我在臨濟德山座下。一掌便醒。安用如何若何。萬歷癸卯秋。忌

師者以他事陷。師罹難。被逮拷訊。神色自若。抵死以傳燈未續。為我出世慧命一大負。餘無他言。法司定案欲死師。師曰。世法如此。久住何為。乃索浴說偈。端坐而逝。御史曹學程聞訊趨視。師復張目一笑而別。塔於徑山。著有紫柏集行世。

sư. ngô giang than khuyết trầm thị tử. du phương. văn tụng trương chuyết kệ. chí đoan trừ phiền não trọng tăng bệnh. xu hướng chân như diệt thị tà. đại nghi. nhất nhật trai thứ hốt ngộ. nãi viết. sử ngã tại lâm tế đức sơn tọa hạ. nhất chưởng tiền tỉnh. an dụng như hà nhược hà. vạn lịch quý mao thu. kị sư giả dĩ tha sự hãm. sư li nan. bị đãi khảo tấn. thần sắc tự nhược. để tử dĩ truyền đăng vị tục. vi ngã xuất thế tuệ mệnh nhất đại phụ. dư vô tha ngôn. pháp ti định án dục tử sư. sư viết. thể pháp như thử. cứu trụ hà vi. nãi tác dục thuyết kệ. đoan tọa nhi thệ. ngự sử tào học trình văn tấn xu thị. sư phục trương mục nhất tiểu nhi biệt. tháp ư kính sơn. trú hữu tử bách tập hành thể.

Viết dịch:

Sư là con trai họ Trầm, người huyện Than Khuyết, Ngô Giang. Khi chu du khắp nơi nghe có người tụng câu kệ của Trương Chuyết. Khi nghe câu "mong muốn cắt đứt phiền não là làm gia tăng bệnh; khao khát hướng tới chân như cũng là một hành động tà". Sư trong lòng sinh nghi. Một ngày nọ, sau bữa ăn trưa, sư đột nhiên hiểu được ý nghĩa câu kệ, liền nói: "như tu hành theo Lâm Tế và Đức Sơn - với một cái tát liền tỉnh ngộ. Đâu cần phải như trước kia ư?". Mùa thu năm Quý Mão triều đại Vạn Lịch, do ghen ghét, có người hãm hại sư. Sư bị bắt giam và tra tấn, nhưng thần sắc vẫn tự nhiên. Sư không sợ chết nhưng chỉ tiếc là chưa hoàn thành việc nổi ngọn đuốc pháp. Sư nói: "Đây là một trong những trách nhiệm lớn nhất của tôi khi ra đời. Chẳng có lời nào khác." Tòa án xử tội chết. Sư nói: "Pháp thể gian là vậy. Tôi ở lại lâu làm gì". Sau đó, sư muốn tắm gội, nói một câu kệ, ngồi thế kiết già mà nhập diệt. Khi ngự sử Tào Học Trình nghe tin, liền đến nơi. Sư mở mắt ra, cười tạm biệt. Tháp được xây dựng tại núi Kính. Tử Bách Tập do sư soạn nay vẫn còn lưu hành.

贊曰

其骨如鐵 其氣如虹 肩荷大法 力挽頽風

如護君父 寧顧厥躬 雖罹其難 不辱門風

tán viết

kì cốt như thiết

kì khí như hồng

kiên hà đại pháp

lực vãn đòi phong

như hộ quân phụ

ninh cổ quyết cung

tuy li kì nan

bất nhục môn phong

Việt dịch:

Phong cách như sắt

Khí phách mống trời

Vai gánh đại pháp

Cứu vãn suy đòi.

Kính như vua, cha

Cúi mình tự nguyện

Tuy gặp khốn khó

Không nhục nếp nhà.

或說偈曰

◎一九七三年三月十日·宣公上人作

沈氏之子具奇緣 古德大聖乘願船

根塵脫落虛空碎 言語路絕天地翻

妒嫉障礙囚囹圄 桎械枷鎖受倒懸
生死自如示方便 睜眼一笑表真詮

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên tam nguyệt thập nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

Trầm thị chi tử cụ cơ duyên
cổ đức đại thánh thừa nguyện thuyền
căn trần thoát lạc hư không toái
ngôn ngữ lộ tuyệt thiên địa phiên
đổ tặc chướng ngại tù linh ngữ
nữ giới gia tỏa thụ đảo huyền
sinh tử tựa như kì phương tiện
tĩnh nhĩ nhất tiểu biểu chân thuyền

Việt dịch:

Đầy đủ cơ duyên con họ Trầm
Đại thánh dong thuyền cõi thế chơi
Căn trần rơi vỡ hư không trống
Mất dấu ngôn từ đất hóa trời.
Ganh ghét giam mình trong góc ngục
Gông khóa xiềng treo ngược thân người
Sinh tử tựa như là phương tiện
Mở mắt miệng cười lộ bản nguyên.

4.21 明 憨山德清禪師 Minh Hám Sơn Đức Thanh Thiền Sư



師。金陵全椒人也。姓蔡氏。父彥高。母洪氏夢大士攜童子入門。抱之。遂有娠。及誕。白衣重袍。有異香。出家報恩。參笑巖。巖示以本分。鉗鎚後。結茆北台龍 門。一日粥罷經行。忽立定。不見身心。惟一大光明。藏湛滿圓。寂如大圓鏡。說偈云。瞥然一念狂心歇。內外根塵俱洞徹。翻身觸破太虛空。萬象森羅從起滅。師 因弘法。改嬰世難。而道望益高。天啟癸亥。坐化曹溪。壽七十八。著有夢游集行世。

sư. kim lăng toàn tiêu nhân dã. tính thái thị. phụ ngạn cao. mẫu hồng thị mộng đại sĩ huê đồng tử nhập môn. bảo chi. tọa hữu thần. cập đản. bạch y trọng bào. hữu dị hương. xuất gia báo ân. tham tiểu nham. nham kì dĩ bốn phân. kiểm chùy hậu. kết mảo bắc đài long môn. nhất nhật chúc bãi kinh hành. hốt lập định. bất kiến thân tâm. duy nhất đại quang minh. tàng trạm mãn viên. tịch như đại viên kính. thuyết kệ vân. miết nhiên nhất niệm cuồng tâm hiết. nội ngoại căn trần câu đồng triệt. phiên thân xúc phá thái hư không. vạn tượng sâm la tông khởi diệt. sư nhân hoằng pháp. cải anh thế nan. nhi đạo vọng ích cao. thiên khải quý hợi. tọa hóa tào khê. thọ thất thập bát. trứ hữu mộng du tập hành thế.

Việt dịch:

Sư người đất Toàn Tiêu, Kim Lăng, họ Thái, cha là Ngạn Cao, mẹ họ Hồng mộng thấy một đại sĩ dắt một đồng tử vào cửa, bà ôm lấy cậu bé, tỉnh mộng, mang thai. Khi sinh sư [có bọc da trắng] như bạch y bao lấy thân, thơm hương lạ. Sư đến chùa Báo ân xuất gia. Sư tham yết sư Tiểu Nham, sư Tiểu Nham chỉ rõ nên dùng phần căn bốn để kiểm

chế. Sư dựng am cỏ ở Bắc Đài, Long Môn. Một hôm, sau khi ăn cháo xong đi kinh hành, sư hốt nhiên nhập định, không còn thấy thân tâm, chỉ còn một luồng sáng lớn, lạng lẽ tịch tịnh như mặt gương tròn lớn. Sư liền nói kệ:

“Hốt nhiên nhất niệm, tâm cuồng dứt
Căn cảnh trong ngoài chợt triệt thông
Trở mình chạm vỡ thái không
Sum la vạn tượng theo dòng diệt, sinh”.

Việc hoằng pháp sư gặp khó khăn nhưng đạo phong vẫn thêm cao. Năm Quý Hợi đời Thiên Khải, sư an tọa mà qua đời tại Tào Khê, thọ 78 tuổi, sư soạn Mộng Du Tập lưu hành.

贊曰

弘道嬰難 其道益弘 曹源一滴 千里同風
龍象蹴蹋 振聵啟聾 一靈皮袋 輝映盧公

tán viết

hoằng đạo anh nan

kì đạo ích hoằng

tào nguyên nhất tích

thiên lí đồng phong

long tượng thúc đập

chấn hội khải lung

nhất linh bì đại

huy ánh lư công

Việt dịch:

Hoằng đạo khó khăn

Lại càng xiển dương

Nguồn tào một giọt

Ngàn dặm gió sương.

Rồng voi giẫm đạp

Chữa người tai diếc

Một túi da thiêng

Rực rỡ Lư công.

或說偈曰

◎一九七三年八月廿五日·宣公上人作

菩薩度世化羣萌 白衣重袍示瑞祥

親近笑岩明心地 結茆北台悟性天

弘法甘遭縲紲苦 為教不畏暗箭傷

大哉德公傳千古 曹溪道脈水流長

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên bát nguyệt nhập ngũ nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

bồ tát độ thể hóa quần manh
bạch y trọng bào kì thụ tường
thân cận tiểu nham minh tâm địa
kết mao bắc đài ngộ tính thiên
hoằng pháp cam tao luy tiết khổ
vi giáo bất úy ám tiền thương
đại tai đức công truyền thiên cổ
tào Khê đạo mạch thủy lưu trường

Việt dịch:

Bồ tát hóa độ quần manh
Bạch y bao bọc đầm lành trên thân
Thân cận Tiểu Nham thấy tâm
Bắc Đài am cổ thiên chân tỏ tường.
Xích xiềng trói, giáo hoằng dương
Vì pháp chẳng sợ vết thương hại ngấm
Truyền thiên cổ vạn đức công
Như mạch suối chảy tuôn dòng Tào Khê.

4.22 明 聞 谷 廣 印 禪 師 Minh Văn Cốc Quảng Ấn Thiền Sư



師。嘉善周氏子。母夢神人翼衛入室而誕。七歲送開元寺剃度。參儀峰。峰令看雲門露字因緣。至忘寢食。結茆雙徑。閱亮座主參馬祖機語。疑情頓發。一日。覩瑞香花大悟。歷參雲棲。龍池。皆為印可。龍送至門。撫師背曰。老姪。我還疑你在。師曰。甚處疑某甲。龍曰。如何是密啟其意。師曰。今日不打宜興轉。龍呵呵大笑。師戴笠便行。後主真寂。天下嚮風。

sư. gia thiện chu thị tử. mẫu mộng thần nhân dực vệ nhập thất nhi đản. thất tuế tổng khai nguyên tự thể độ. tham nghi phong. phong lệnh khán vân môn lộ tự nhân duyên. chí vong tẩm thực. kết mao song kính. duyệt lượng tọa chủ tham mã tổ ki ngữ. nghi tình đồn phát. nhất nhật. đồ thụ hương hoa đại ngộ. lịch tham vân tê. long trì. giai vi ấn khả. long tổng chí môn. phủ sư bối viết. lão diệt. ngã hoàn nghi nhĩ tại. sư viết. thậm xử nghi mỗ giáp. long viết. như hà thị mật khái kì ý. sư viết. kim nhật bất đả nghi hưng chuyển. long a a đại tiếu. sư đái lạp tiện hành. hậu chủ chân tịch. hiên hạ hưởng phong.

Việt dịch:

Sư người Gia Thiện, họ Chu. Người mẹ mộng thấy thần nhân hộ vệ dựa vào nhà, sinh ra sư. Bảy tuổi xuất gia tại chùa Khai Nguyên, tham yết sư Nghi Phong. Sư Nghi Phong khiến sư đến xem nhân duyên của Lộ Tự ở Vân Môn. Sư tham cứu quên ăn ngủ. Sư dựng am cỏ ở Song Kính, xem Lượng tòa chủ, tham cứu cơ ngữ của Mã Tổ, liền phát khởi nghi tình. Ngày kia, sư trông thấy hương hoa đẹp để liền đại ngộ. Lại đến tham vấn Vân Thê, Long Trì đều được ấn chứng. Sư Long Trì đưa sư ra cửa, vỗ lưng sư, nói: "Ông nhỏ, ta lại nghi ông đó". Sư nói: "Cái nghi thế nào?". Sư Long Trì Hỏi: "Ông có mật ý gì vậy?". Sư đáp: "Hôm nay không đả thiền nghi tình có thay đổi". Long Trì cười ha ha. Sư đội nón và đi. Sau sư trụ trì ở chùa Chân Tịch, thiền phong được xiển dương.

贊曰

生有自來 神人衛送

頂笠便行 一任拈弄

疑則別參 凡聖不共

一滴苕溪逆流 知他是濟是洞

tán viết

sinh hữu tự lai

thần nhân vệ tống

đỉnh lạp tiện hành

nhất nhậm niêm lộng

ngghi tắc biệt tham

phàm thánh bất cộng

nhất tích điều khô nghịch lưu

tri tha thị tế thị động

Việt dịch:

Sinh tự ý đến

Thần nhân hộ tống

Đội nón mà đi

Mặc sao cũng được

Nghi thì tham cứu

Phàm thánh chẳng chung

Giọt Thiều Khê chảy ngược

Biết bến đỗ, hang cùng.

或說偈曰

◎一九七三年九月一日·宣公上人作

神人衛護降凡間 出家剃度寺開元

參破話頭露端倪 打碎黑桶現本源

徧訪知識護印證 廣涉塵勞度大千

住持佛法功勳普 高山仰止慕前賢

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên cửu nguyệt nhất nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

thần nhân vệ hộ giảng phạm gian

xuất gia thế độ tự khai nguyên

tham phá thoại đầu lộ đoan nghệ

đả toái hắc dũng hiện bản nguyên

biến phóng tri thức hộ ấn chứng

quảng thiệp trần lao độ đại thiên

trụ trì phật pháp công huân phổ

cao san ngưỡng chỉ mộ tiền hiền

Việt dịch:

Thần nhân hộ vệ giảng phạm

Xuất gia cạo tóc tại chùa Khai Nguyên
Lộ mối manh, phải tham thiền
Thùng sơn đen chảy thấy liền bản nguyên
Ẩn tâm, thưa hỏi đại hiền
Trải thân lao khổ đại thiên qua dòng
Hộ trì Phật pháp đức công
Núi cao dừng bước ngưỡng trông người hiền.

4.23 明定堂本帖禪師 Định Đường Bản Thiếp Thiền Sư đời Minh



師。尋甸楊氏子。嘉靖間。游依秀嵩山白齋和尚脫白。參萬法歸一話。發明心地。後住雞足金龍潭。屢見金龍山現。又感椒樹放光。故創庵以花椒名焉。臨化。書偈曰。性無加減豈悟迷。本無來去巧妝奇。幾回力盡心圓處。坐脫娘生鐵面皮。

sư. tầm điện dương thị tử. gia tỉnh gian. du y tú tung san bạch trai hòa thượng thoát bạch. tham vạn pháp quy nhất thoại. phát minh tâm địa. hậu trụ kê túc kim long đàm. lữ kiến kim long san hiện. hựu cảm tiêu thụ phóng quang. cổ sang am dĩ hoa tiêu danh yên. lâm hóa. thư kệ viết. tính vô gia giảm khởi ngộ mê. bản vô lai khứ xảo trang kì. kì hồi lực tận tâm viên xứ. tọa thoát nương sanh thiết diện bì.

Việt dịch:

Sư người Tầm Điện, họ Dương. Năm Gia Tĩnh sư đến tham yết hòa thượng Bạch Trai ở núi Tú Tung để tham cứu thoại đầu “vạn pháp quy nhất”, thấy được đất tâm. Sau sư trụ ở đầm Kim Long bên núi Kê Túc, thường thấy rồng vàng hiện, lại cảm ứng khiến cây Tiêu phóng quang nên sư dựng am, lấy tên là Hoa Tiêu. Lúc sắp thị tịch, sư viết kệ:

Tánh không tăng giảm lại ngộ, mê

Gốc chẳng đến đi khéo vẽ ta

Trở lại lực tàn, tâm viên mãn

An tọa thoát vòng nhận thịt, da.

贊曰

萬法歸一 忘筌得魚 鯨吞海水 露出珊瑚

椒樹放光 金龍現瑞 力盡心圓 不可思議

tán viết

vạn pháp quy nhất

vong thuyên đắc ngư

kình thôn hải thủy

lộ xuất san hô

tiêu thụ phóng quang

kim long hiện thụ

lực tận tâm viên

bất khả tư nghị

Việt dịch:

Vạn pháp quy nhất

Được cá bỏ nô

Kinh uống nước biển

Lộ bày san hô

Cây Tiêu phóng quang

Rồng hiện điềm lành

Lực tận tâm viên

Bất khả tư nghị

或說偈曰

◎一九七三年九月八日·宣公上人作

大圓船航苦海中 普度眾生彼岸登

雞足潛修三摩地 龍首屢現六神通

椒樹放光徵祥瑞 草木蒙潤育奇魁

聖人演教接羣品 離言說相表玄輝

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên cửu nguyệt bát nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

đại viên thuyền hàng khổ hải trung

phổ độ chúng sanh bỉ ngạn đăng

kê túc tiềm tu tam ma địa
long thủ lữ hiện lục thần thông
tiêu thụ phóng quang trưng tường thụ
thảo mộc mông nhuận dục kì khôi
thánh nhân diễn giáo tiếp quần phẩm
li ngôn thuyết tướng biểu huyền huy

Việt dịch:

Thuyền đại viên đi vào trong bể khổ
Đưa sang bờ phổ độ vạn chúng sinh
Tam định Kê Túc tịnh tu
Rỗng vàng loài thú lục thông tựu thành
Tiêu phóng quang hiện điềm lành
Thảo mộc nuôi dưỡng mầm xanh mai vàng
Thánh nhân giảng đạo độ phàm
Huyền nghĩa sáng tỏ, thuyết đàm tướng ly.

4.24 明三峰法藏禪師 Tam Phong Pháp Tạng Thiền Sư đời Minh



師。錫山蘇氏子。研究首楞嚴。修觀音耳根圓通。會僧夾籬。聞破竹聲若迅雷。乃大徹。參金粟密雲和尚。一日栗舉。僧問古德。朗月當空時如何。德曰。猶是階下漢。僧曰。請師接上階。德曰。月落後來相見。且道。月落後如何相見。師便出堂。栗休去。開法三峰。大弘濟宗。遷化後塔於本山。

sư. tích san tô thị tử. nghiên cứu thủ lăng nghiêm. tu quán âm nhĩ căn viên thông. hội tăng giáp li. văn phá trúc thanh nhưc tấn lồi. nãi đại triệt. tham kim túc mật vân hòa thượng nhất nhật túc cử. tăng vấn cổ đức. lăng nguyệt đương không thì như hà. đức viết. do thị giai hạ hán. tăng viết. tỉnh sư tiếp thượng giai. đức viết. nguyệt lạc hậu lai tương kiến. thả đạo. nguyệt lạc hậu như hà tương kiến. sư tiện xuất đường. túc hưu khứ. khai pháp tam phong. đại hoàng tế tông. thiên hóa hậu tháp ư bản san.

Việt dịch:

Sư họ Tô, người Tích san, nghiên cứu kinh Thủ Lăng Nghiêm, tu Quán âm nhĩ căn viên thông, gặp sư Giáp Li, sư nghe tiếng một cành trúc gãy nhánh như tiếng sấm lớn, liền triệt ngộ. Sư đến Kim Túc tham kiến Mật Vân hòa thượng. Ngày nọ, Mật Vân hòa thượng nêu một đề tài: “Một vị tăng hỏi bậc cổ đức: Lúc trăng sáng giữa trời là thế nào?. Cổ đức nói: Giống như người ở dưới bậc thềm. Vị tăng nói: Tỉnh sư mời người lên. Cổ đức nói: Trăng lặn thì sẽ gặp nhau. Lại hỏi: Sau khi trăng lặn gặp nhau là sao?. Sư liền ra khỏi thiền đường, dừng lại. Sau sư khai pháp ở viện Tam Phong, đại hoàng dương pháp. Khi qua đời, tháp dựng nơi núi cũ.

贊曰

竹聲破烈 深入圓通 森羅萬象 咸合斯宗

階前月落 覲面相逢 拂袖而去 獨坐三峰

tán viết

trúc thanh phá liệt

thâm nhập viên thông

sum la vạn tượng

hàm hợp tư tông

giai tiền nguyệt lạc

địch diện tương phùng

phát tự nhi khứ

độc tọa tam phong

Việt dịch:

Tiếng nhánh trúc gãy

Thâm nhập viên thông

Sum la vạn tượng

Dung hợp một tông

Bên thềm trăng lặn

Đôi mặt tương phùng

Phát áo mà đi

Độc tọa Tam Phong.

或說偈曰

◎一九七三年九月十五日·宣公上人作

入流忘所耳圓通 聞性妙悟在其中

心包太虛周法界 相泯人我徧剎塵

一念能超無量劫 百法未出三昧融

三峯道德滿天下 大教普利化西東

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên cửu nguyệt thập ngũ nhật

Tuyên công thượng nhân tác

nhập lưu vong sở nhĩ viên thông

văn tính diệu ngộ tại kì trung

tâm bao thái hư chu pháp giới

tướng mẫn nhân ngã biến sát trần

nhất niệm năng siêu vô lượng kiếp

bách pháp vị xuất tam muội dung

tam phong đạo đức mẫn thiên hạ

đại giáo phổ lợi hóa tây đông

Viết dịch:

Nhập lưu vong sở, nhĩ căn viên

Thấy tánh ngộ đạo ngay chỗ này

Ôm trọn thái hư trùm pháp giới

Là tướng ta người khắp đó đây .

Một niệm năng siêu vô lượng kiếp

Trăm pháp chưa sinh tam muội thông

Đạo đức Tam Phong tràn trên dưới

Giáo truyền ích lợi khắp Tây Đông .

4.25 明 鷺湖養庵廣心禪師 Nga Hồ Dưỡng Am Quảng Tâm Thiền Sư đời Minh



師。上饒朱氏子。偶過戚屬。會道者譚四生之義。師於言下。洞了物我平等大意。後聞江中推船聲有省。偈曰。夜靜江空闊。推船聲。不知何所住。擔子半邊輕。師嘗以無門鎖置丈室以驗諸方。偈曰。上古留傳鎖。憑君智鑰開。若無開鎖法。相見不須來。萬曆丁卯二月晦日。上堂說法。置齋作別。復示偈曰。八十餘年幻夢中。鐵牛耕破太虛空。臨行一句相分付。半夜金烏帶日紅。端坐而逝。

sư. thượng nhiều chu thị tử. ngẫu quá thích chúc. hội đạo giả đàm tứ sanh chi nghĩa. sư ư ngôn hạ. đồng liễu vật ngã bình đẳng đại ý. hậu văn giang trung thôi thuyền thanh hữu tỉnh. kệ viết. dạ tĩnh giang không khoát. thôi thuyền thanh. bất tri hà sở trụ. đàm tử bán biên khinh. sư thường dĩ vô môn tỏa trí trượng thất dĩ nghiệm chư phương. kệ viết. thượng cổ lưu truyền tỏa. bằng quân trí thược khai. nhược vô khai tỏa pháp. tương kiến bất tu lai. vạn lịch đinh mao nhị nguyệt hối nhật thượng đường thuyết pháp. trí trai tác biệt. phục kì kệ viết. bát thập dư niên huyền mộng trung. thiết ngư canh phá thái hư không. lâm hành nhất cú tương phân phó. bán dạ kim ô đới nhật hồng. đoan tọa nhi thị.

Việt dịch:

Sư người đất Thượng Nhiều, họ Chu, đi qua nhà người thân gặp một đạo sĩ bàn về nghĩa tứ sinh. Sư nghe lời người ấy liền thông suốt nghĩa vật và người bình đẳng. Về sau khi đi ngang sông, nghe có tiếng đẩy thuyền thì tỉnh ngộ, nói kệ:

Đêm trên sông lặng như không

Đẩy thuyền tiếng động biết trong cõi nào
Gánh này lại nhẹ một bên.

Sư treo chiếc khóa vô môn trên tường để chiêm nghiệm các phương. Sư nói kệ:
Xưa kia lưu truyền khóa
Nhờ trí anh mở cho
Nếu như chẳng pháp mở
Thì chẳng gặp làm gì.

Năm Đinh Mão, tháng 2, ngày 30 thời Vạn Lịch, sư thượng đường thuyết pháp. Đến giờ
thọ trai thì từ biệt chúng, và nói kệ:

Hơn tám mươi năm mộng huyền thôi
Trâu sắt cày trên ruộng thái không
Sắp bước chân đi, lời để lại
Nửa đêm óng ánh thái dương hồng

Sư đoan tọa mà hóa.

贊曰

別人言下 物我平等 夜靜江行 擔子推艇
無鎖門開 鷺湖灌頂 耕破虛空 金烏炯炯

tán viết

biệt nhân ngôn hạ
vật ngã bình đẳng

dạ tĩnh giang hành
đảm tử thôi đĩnh

vô tỏa môn khai
nga hồ quán đĩnh
canh phá hư không
kim ô quýnh quýnh

Việt dịch:

Lời của bậc quân tử
Người và vật bình đẳng
Đêm đi trên sông vắng
Gánh một gánh đẩy thuyền

Không khóa cánh cửa mở
Nga Hồ pháp quán đánh
Cày vỡ nát hư không
Mặt trời hồng lóng lánh.

或說偈曰

◎一九七三年九月廿二日・宣公上人作

物我平等大道心 言下了悟見天真
推船第一義 開鎖空空不二門
鐵牛耕破太虛蓋 金鳥飛過映日紅

談笑歸去寂光土 悠哉遊哉徧刹塵

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên cửu nguyệt nhập nhị nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

vật ngã bình đẳng đại đạo tâm
ngôn hạ liễu ngộ kiến thiên chân
thôi thuyền đệ đệ nhất nghĩa khai
tỏa không không bất nhị môn
thiết ngư canh phá thái hư cái
kim điều phi quá ánh nhật hồng
đàm tiểu quy khứ tịch quang thổ
du tai du tai biến sát trần.

Việt dịch:

Tâm đại đạo vật và người bình đẳng
Nghe một lời liễu ngộ thấy thiên chân.
Đầy lớp lớp đệ nhất nghĩa khai
Khóa không không pháp môn bất nhị
Ruộng hư không trâu sắt cày canh cải
Chim vàng bay ngang ánh mặt trời hồng
Cười quay về trụ cõi nước Tịch Quang
Xa quá! xa quá! Khắp cõi nhiều như bụi.

4.26 明 釋禪本無禪師 Thích Thiên Bản Vô Thiền Sư đời Minh



師。昆明張氏子。早孤。一日。遊昆明池。見青蓮浮於水面。餘人無覩。眾異之。年十九。依秀山空公祝髮。受心法於所庵禪師。每嗟法眼未明。銳志參究。一日。托鉢洱海城中。聞鄰室有人唱云。張豆腐。李豆腐。枕上思量千條路。起來依舊賣豆腐。忽然打失布袋。沐公鎮滇南。特建悉壇。請師開法。著有風響集行世。

sư. côn minh trương thị tử. tảo cô. nhất nhật. du côn minh trì. kiến thanh liên phù ư thủy diện. dư nhân vô đồ. chúng dị chi. niên thập cửu. y tú sơn không công chúc phát. thụ tâm pháp ư sở am thiền sư. mỗi ta pháp nhãn vị minh. duệ chí tham cứu. nhất nhật. thác bát nhị hải thành trung. văn lân thất hữu nhân xướng vân. trương đậu hủ. lý đậu hủ. chăm thượng tư lượng thiên điều lộ. khởi lai y cựu mại đậu hủ. hốt nhiên đả thất bố đại. mộc công trấn điền nam. đặc kiến tất đàn. thỉnh sư khai pháp. trú hữu phong hưởng tập hành thế.

Việt dịch:

Sư người đất Côn Minh, họ Trương. Sư mồ côi từ thuở nhỏ. Một hôm đến bên ao Côn Minh, thấy sen xanh nổi trên mặt nước, người khác không thể thấy, người người bàn tán cho là sư khác thường. Năm 19 tuổi, theo sư Không Công ở Tú Sơn xuất gia, thọ tâm pháp nơi thiền sư Sở Am. Sư thường than là pháp nhãn chưa sáng tỏ nên dốc lòng tham cứu. Một hôm sư khát thực trong thành Nhị Hải, nghe nhà bên cạnh có người kêu lớn: “Trương đậu hủ, Lý đậu hủ”. Buổi tối trước khi ngủ sư suy nghĩ ngàn chuyện trên đường. Sáng hôm sau trở lại mua đậu hủ, sư hốt nhiên bỏ mất túi vải. Bấy giờ Mộc công trấn thủ đất Điền Nam, đặc biệt dựng đàn bố thí, thỉnh sư khai pháp. Sư biên soạn Phong Hưởng Tập lưu hành.

贊曰

沿門托鉢 不忘己躬 一句截流 迸裂虛空

龕言細語 勝義同工 如虎戴角 大扇玄風

tán viết

duyên môn thác bát

bất vong kỉ cung

nhất cú tiết lưu

bính liệt hư không

thô ngôn tế ngữ

thắng nghĩa đồng công

như hổ đái giác

đại phiến huyền phong

Việt dịch:

Khất thực từng nhà

Không quên tự thân

Một câu tuyệt dòng

Tuôn tràn hư không

Ngôn thô, ngữ tế

Nghĩa sâu công đồng

Như hổ có sừng

Quạt to, gió lớn.

或說偈曰

◎一九七三年九月廿九日·宣公上人作

得天獨厚育奇才 夙積善本慧眼開

水上青蓮知異相 山中白雲絕塵埃

豆腐豆腐豁然悟 菩提菩提即刻栽

眷眷服膺充法界 虛空剎海歸去來

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên cửu nguyệt nhập cửu nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

đắc thiên độc hậu dục kì tài

túc tích thiện bản tuệ nhãn khai

thủy thượng thanh liên tri dị tướng

san trung bạch vân tuyệt trần ai

đậu hủ đậu hủ hoát nhiên ngộ

bồ đề bồ đề tức khắc tài

quyển quyển phục ưng sung pháp giới

hư không sát hải quy khứ lai.

Việt dịch:

Được trời hậu đãi bậc kỳ tài

Xưa tích đức lành tuệ nhãn khai

Mặt nước sen xanh phô dị tướng

Trên đời mây trắng tuyệt trần ai.

Đậu hủ, đậu hủ hoát nhiên ngộ

Bồ đề, bồ đề tức khắc trông

Lòng tưởng nhớ đầy trong pháp giới

Đến đi muôn cõi tựa hư không.

4.27 清讀徹蒼雪禪師 Độc Triệt Thương Tuyệt Thiền Sư đời Thanh



師。字蒼雪。滇南呈貢趙氏子。童年隨父祝髮昆明妙湛寺。圓具後侍水月和尚久。明慧敏達。以詩名於時。崇禎間。杖錫蒞吳會。與一雨禪師投契。雨舉為座元。繼席中峰。望重諸方。後於寶華山講楞嚴經次。一日告眾據座而逝。著有華嚴海印四十二卷行世。

sư. tự thương tuyệt. điền nam trình công triệu thị tử. đồng niên tùy phụ chúc phát côn minh diệu trạm tự. viên cụ hậu thị thủy nguyệt hòa thương cửu. minh tuệ mẫn đạt. dĩ thi danh ư thì. sùng trình gian. trượng tích lị ngô hội. dữ nhất vũ thiền sư đầu khế. vũ cử vi tọa nguyên. kế tịch trung phong. vọng trọng chư phương. hậu ư bảo

hoa san giảng lảng nghiêm kinh thứ。nhất nhật cáo chúng cú tọa nhi thể。trú hữu hoa nghiêm hải ấn tứ thập nhị quyển hành thể。

Việt dịch:

Sư tự Thương Tuyết, người đất Trình Cống, Điền Nam, họ Triệu. Thuở nhỏ theo cha đến chùa Diệu Trạm, Côn Minh xuất gia, làm thị giả cho hòa thượng Thủy Nguyệt khá lâu thì minh tuệ mẫn đạt. Sư từng thơ nổi tiếng ăn thơ vào đời Sùng Chính. Sư đến đất Ngô, nương theo thiền sư Nhất Vũ. Sư Nhất Vũ đề cử sư làm trụ trì chùa, thay sư Trung Phong, các nơi khen ngợi. Sau sư đến núi Bảo Hoa giảng kinh Lăng Nghiêm. Một hôm sư cáo từ đồ chúng, an tọa mà hóa. Sư soạn 42 quyển Hoa Nghiêm Hải Ấn lưu hành.

贊曰

虛空為口 萬象為舌 一句全提 晝夜常說

約住德山棒 拈却臨濟喝 別別 烈焰爐中撈明月

tán viết

hư không vi khẩu

vạn tượng vi thiệt

nhất cú toàn đề

trú dạ thường thuyết

ước trụ đức san bồng

niêm tức lâm tế hát

biệt biệt

liệt điểm lô trung lao minh nguyệt

Việt dịch:

Lấy hư không làm miệng

Lấy vạn tượng làm lưỡi

Đưa ra chỉ một câu

Ngày đêm luôn thuyết giải

Hẹn cấm gậy Đức Sơn

Giữ tiếng hét Lâm Tế

Lại nữa,

trong lò lửa lớn vớt trăng thanh.

或說偈曰

◎一九七三年十月七日·宣公上人作

法尚應捨有何說 大匠無巧亦無拙

一句全收虛空藏 萬化同歸衍摩訶

認識本來真面目 記取自性老佛陀

據座善逝周法界 般若波羅密秘多

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên thập nguyệt thất nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

pháp thượng ứng xả hữu hà thuyết

đại tượng vô xảo diệt vô chuyết
nhất cú toàn thu hư không tạng
vạn hóa đồng quy diễn ma ha

nhận thức bản lai chân diện mục
kí thủ tự tính lão phật đà
cứ tọa thiện thế chu pháp giới
bát nhã ba la mật bí đà.

Việt dịch:

Pháp còn xả, thuyết kể chi
Vạn tượng chẳng khéo, vụng thì cũng không
Một câu thu tóm hư không
Vạn vật sinh hóa thể đồng ma ha

Biết diện mục, ngộ bản lai
Tâm hằng ghi nhớ tánh chân Phật Đà
Khắp pháp giới, thượng thế tòa
Ma ha bát nhã ba la mật truyền.

4. 28 台宗初祖北齐慧文尊者 Thai Tông Sơ Tổ Bắc Tề Tuệ Văn Tôn Giả



尊者。姓高氏。夙稟圓乘。天真獨悟。閱大智度論一心三智之文。即依此以修心觀。謂。果既一心而得。因豈前後而獲。此觀若成。證一心三智。雙亡雙照。即入初住無生忍位。又閱中論因緣所生法句。恍然大悟。頓了諸法無非因緣所生。而此因緣有不定有。空不定空。空有不二。名為中道。師既一依釋論。是知遠承龍樹也。所入法門非世所知。學者仰之如履地戴天。莫知高厚。又以心觀授南岳。故為台宗始祖。

tôn giả. tính cao thị. túc bảm viên thừa. thiên chân độc ngộ. duyệt đại trí độ luận nhất tâm tam trí chi văn. tức y thử dĩ tu tâm quan. vị. quả kí nhất tâm nhi đắc. nhân khởi tiền hậu nhi hoạch. thử quan nhược thành. chứng nhất tâm tam trí. song vong song chiếu. tức nhập sơ trụ vô sanh nhẫn vị. hựu duyệt trung luận nhân duyên sở sanh pháp cú. hoảng nhiên đại ngộ. đốn liễu chư pháp vô phi nhân duyên sở sanh. nhi thử nhân duyên hữu bất định hữu. không bất định không. không hữu bất nhị. danh vi trung đạo. sư kí nhất y thích luận. thị tri viễn thừa long thụ dã. sở nhập pháp môn phi thể sở tri. học giả ngưỡng chi như lí địa đái thiên. mặc tri cao hậu. hựu dĩ tâm quan thụ nam nhạc. cổ vi thai tông thủy tổ.

Việt dịch:

Tôn giả họ Cao, vốn bảm thụ thiên chân viên thừa tự mình giác ngộ. Khi đọc phẩm "nhất tâm tam trí" trong Đại Trí Độ Luận liền dựa theo đó mà tu tam quán. Sư cho rằng quả đã do nhất tâm mà được thì nhân sao lại có trước sau. Nếu pháp quán này thành tựu thì sẽ chứng được "nhất tâm tam trí" song vong song chiếu, tức nhập quả vị sơ trụ vô sinh pháp nhẫn. Sau đó sư đọc Trung Luận, đến câu "nhân duyên sở sinh pháp" thì hốt nhiên đại ngộ, hiểu rõ tất cả pháp đều do nhân duyên sinh ra, và những nhân duyên nay dù Có nhưng không phải nhất định là Có; Không nhưng chẳng nhất định là Không. Có Không chẳng phải là hai, gọi là Trung Đạo. Sư y theo giáo pháp của Bồ tát Long Thọ vào chỗ không phải là cái thấy biết của thế gian. Người cầu học ngưỡng nhìn như đội trời đạp đất, chẳng tường cao thấp. Lại truyền pháp tam quán đó đến tôn giả Nam Nhạc, trở thành vị thủy tổ tông Thiên Thai.

贊曰

禪法西來 多局漸因 唯師崛起 悟乃天真

法稟龍樹 觀智一心 圓頓妙門 如日初升

tán viết

thiền pháp tây lai

đa cục tiệm nhân

duy sư quật khởi

ngộ nãi thiên chân.

pháp bản long thụ

quán trí nhất tâm

viên đốn diệu môn

như nhật sơ thăng.

Việt dịch:

Pháp thiền phương Tây đến

Nhiều phần gieo tiệm nhân

Riêng sư vùng khởi dậy

Thấy được lý tự nhiên.

Pháp vốn từ Long Thọ

Ba trí một tâm này

Diệu pháp môn viên đốn

Như mặt trời vừa lên.

或说偈曰

◎一九八一年八月一日。宣公上人作

高氏有子秉圆根 得天独厚化群伦

远承龙树续法脉 近绍马祖继传灯

因缘所生豁然悟 般若行深一旦通

南岳休风惊迷梦 台宗自此永昌隆

Chinese-Vietnamese:

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát nhất niên bát nguyệt nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

cao thị hữu tử bình viên căn

đắc thiên độc hậu hóa quần luân

viễn thừa long thụ tục pháp mạch

cận thiệu mã tổ kể truyện đăng

nhân duyên sở sanh hoát nhiên ngộ

bát nhĩ hành thâm nhất đán thông

nam nhạc hữu phong kinh mê mộng

thai tông tự thử vĩnh xương long.

Việt dịch:

Người họ Cao vốn viên dung căn tánh

Riêng nặng lòng mong giáo hóa quần manh
Thừa kế ngài Long Thọ nối mạch nguồn
Kề Mã Tổ truyền ngọn đèn chánh pháp.
Nhân duyên sinh hốt nhiên tâm đại ngộ
Bất nhã hành thâm một sớm rõ thông
Ngọn gió mê cuồng ngừng thổi núi Nam
Kể từ đó Thiên Thai Tông hưng thịnh.

4.29 台宗二祖南岳慧思尊者 Thai Tông Nhị Tổ Nam Nhạc Tuệ Tư Tôn Giả



尊者。姓李氏。武津人。心爱法华。借本入冢。对经涕泣。梦普贤菩萨摩顶而去。昔未识文。今自然解。所摩顶上。隐起肉髻。年十五出家。文师授以心观之诀。豁然大悟。得法华三昧。是后闻经不疑。乃结庵大苏山。时齐运将倾。思避其难。遂卓锡南岳。灵瑞重沓。有诸天童以为侍卫。将顺世。大集门人说法。苦切诃责。乃曰。若有十八人不惜身命修法华忏者。吾当供给。若无。吾当远去。竟无荅者。即端坐。言佛来迎而化。

tôn giả. tính lí thị. vũ tân nhân. tâm ái pháp hoa. tá bản nhập trủng. đối kinh thể khắp. mộng phổ hiên bồ tát ma đĩnh nhi khứ. tích vị thức văn. kim tự nhiên giải. sở ma đĩnh thượng. ẩn khởi nhục kế. niên thập ngũ xuất gia. văn sư thụ dĩ tâm quan chi quyết. hoát nhiên đại ngộ. đắc pháp hoa tam muội. thị hậu văn kinh bất nghi. nãi kết am đại tô san. thì tề vận tương khuynh. tư tị kì nan. toại trắc tích nam nhạc. linh thụ trọng đạp. hữu chư thiên đồng dĩ vi thị vệ. tương thuận thể. đại tập

môn nhân thuyết pháp。 khổ thiết ha trách。 nãi viết。 nhược hữu thập bát nhân bát tích thân mệnh tu pháp hoa sám giả。 ngô đương cung cấp。 nhược vô。 ngô đương viễn khứ。 cánh vô đáp giả。 ước đoan tọa。 ngôn phật lai nghêh nhi hóa。

Việt dịch:

Tôn giả họ Lý, người Vũ Tân, ái mộ kinh Pháp Hoa, thường mang kinh vào chỗ phần mộ đọc tụng, có lúc nhìn kinh mà khóc. Một ngày thấy Bồ tát Phổ Hiền xoa trên đỉnh đầu rồi đi, kinh chưa từng xem qua mà biết, tự nhiên giải được nghĩa, trên đầu tự nhiên nổi lên nhục kế. Năm 15 tuổi xuất gia, sau đó được sư Tuệ Văn trao cho ấn quyết tâm quán, hốt nhiên đại ngộ, đắc Pháp Hoa tam muội, từ đó nghe kinh không còn nghi gì nữa. Ngài kết am tranh ở núi Đại Tô, lúc đó nước Tề sắp bị diệt, nghĩ đến việc lánh nạn, chống tích trượng đến núi Nam Nhạc, nhiều điềm lành xuất hiện, có chư thiên đồng đến hộ vệ. Thấy thời thế thuận lợi, liền đại tập môn đồ thuyết pháp, khẩn thiết trách rằng: "nếu có 18 người không tiếc thân mệnh tu tập Pháp Hoa sám thì ta sẽ cung cấp giúp đỡ, bằng không ta sẽ đi xa." Không nghe ai trả lời, ngài liền ngồi ngay thẳng, bảo rằng có đức Phật đến đón, rồi an nhiên qua đời.

赞曰

抱经空冢 悲泪何切 普贤摩顶 默然为说

稟观北齐 法华顿彻 展拓义门 永迪来哲

tán viết

bảo kinh không trúng

bi lệ hà thiết

phổ hiền ma đỉnh

mặc nhiên vi thuyết

bắc quan bắc tề

pháp hoa đồn triệt

triển thác nghĩa môn
vĩnh địch lai triết

Việt dịch:

Mang kinh ra mộ vắng
Lệ bi thiết vì đâu
Đức Phổ Hiền xoa đầu
Không thuyết mà đã thuyết.

Vốn khí chất Bắc Tề
Pháp Hoa kinh đốn triệt
Khai thác diệu nghĩa môn
Mở đường cho minh triết.

或说偈曰

◎一九八一年八月二日。宣公上人作

灵山一脉赴中州 法华会上共遨游
对经涕泣深悲愍 闻道踊跃发菩提
集众示意知音杳 端坐而化仁者稀
普贤摩顶授圣记 释子龙象佛曰奇

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát nhất niên bát nguyệt nhị nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

linh san nhất mạch phó trung châu
pháp hoa hội thượng cộng ngao du
đối kinh thể khắp thâm bi mẫn
văn đạo dũng được phát bồ đề
tập chúng kì ý tri âm yếu
đoan tọa nhi hóa nhân giả hi
phổ hiền ma đĩnh thụ thánh kí
thích tử long tượng Phật viết kì

Việt dịch:

Linh Sơn Trung Châu một bầu huyết thống*
Thuở Pháp Hoa hội ấy lại rong chơi
Nhìn trang kinh rơi lệ xót thương đời
Nghe mỗi đạo liền phát tâm vô thượng.
Chúng sinh đông đầy hỏi ai cùng chí hướng
Ngồi khoanh chân nhập diệt, bậc chân nhân
Bồ tát Phổ Hiền biệt kí trao truyền
Long tượng, Thích tử, Phật gọi là kì đặc .

.....

*Nhất mạch: Sự liên hệ huyết thống. © Như: nhất mạch tương truyền 一脈相傳 cùng một huyết thống truyền lại.

4.30 天台三祖智者大师 Thiên Thai Tam Tổ Trí Giả Đại Sư



智顗大师。荊州陈氏子。年十八投果愿寺出家。习通法华。往大苏礼慧思。思一见曰。昔日灵山同听法华。宿缘所追今复来矣。即示以普贤道场。为说四安乐行。一日诵经至是真精进是名正法供养如来。身心豁然寂而入定。持因静发。将证白思。思曰。非汝弗证。非我莫识。所入定者。法华三昧前方便也。所发持者。初旋陀罗尼也。晚入天台。炀帝尊以师礼。号为智者。临终唱三宝名而化。谥法空宝觉灵慧尊者。

trí khải đại sư. kinh châu trần thị tử. niên thập bát đầu quả nguyện tự xuất gia. tập thông pháp hoa. vãng đại tô lễ tuệ tư. tư nhất kiến viết. tích nhật linh san đồng thính pháp hoa. túc duyên sở truy kim phục lai hĩ. tức kì dĩ phổ hiền đạo tràng. vi thuyết tứ an lạc hành. nhất nhật tụng kinh chí thị chân tinh tiến thị danh chánh pháp cung dưỡng như lai. thân tâm hoát nhiên tịch nhi nhập định. trì nhân tĩnh phát. tương chứng bạch tư. tư viết. phi nhữ phát chứng. phi ngã mạc thức. sở nhập định giả. pháp hoa tam muội tiền phương tiện dã. sở phát trì giả. sơ toàn đà la ni dã. vãng nhập thiên thai. dương đế tôn dĩ sư lễ. hào vi trí giả. lâm chung xưng tam bảo danh nhi hóa. Thụy pháp không bảo giác linh tuệ tôn giả.

Việt dịch:

Trí Khải Đại Sư họ Trần người Kinh Châu. Năm 18 tuổi đến chùa Quả Nguyện xuất gia, tu tập thông suốt kinh Pháp Hoa. Sau đến núi Đại Tô lễ bái sư Tuệ Tư. Sư Tuệ Tư nhìn thấy liền nói: "Xưa kia cùng nghe kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, duyên xưa nay gặp lại nơi đây". Lại vì Trí Khải chỉ rõ đạo tràng Ngài Phổ Hiền, thuyết giảng Tứ An Lạc Hạnh. Một hôm, khi sư tụng phẩm Dược Vương trong kinh Pháp Hoa, đến câu: "là đích thực tinh tiến, đó gọi là dùng chánh pháp cúng dường Như Lai " hốt nhiên nhập định, tâm thông suốt, liền bạch cùng sư Tuệ Tư. Sư nói: "Không phải con thì không ai chứng, không phải ta thì không ai biết chỗ chứng đắc của con chính là tiền phương tiện Pháp

Hoa Tam Muội, đó là chỗ phát khởi sơ đà la ni" . Sau ở núi Thiên Thai, Dưỡng Đế tôn kính sư, ban tặng hiệu là Trí Giả. Khi lâm chung xưng danh tam bảo ba lần và qua đời. Thụy hiệu là Bảo Giác Linh Tuệ tôn giả.

赞曰

受嘱而来 兹乃复遇 南岳亲承 遽尔明悟

独显经王 法雨滂澍 弘持若师 不孤所付

tán viết

thụ chúc nhi lai

tư nãi phục ngộ

nam nhạc thân thừa

cự nhĩ minh ngộ

độc hiển kinh vương

pháp vũ bàng chú

hoằng trì nhược sư

bất cô sở phó.

Việt dịch:

Nhận phó thác mà đến

Chỉ là gặp lại nhau

Chính Nam Nhạc thừa nhận

Liên sáng tỏ trước sau.

Vua kinh, đơn độc hiển

Nguồn mưa pháp thấm nhuần
Như Thầy hoàng hóa đạo
Giao phó chẳng phụ ân.

或说偈曰

◎一九七九年十二月一日。宣公上人作

同听法华在灵山 震旦复遇岂偶然
非汝莫证吾方识 唯道是修法亦缘
南岳家风严且峻 天台宗派满大千
学者依教明本性 仰之弥高钻弥坚

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất cửu niên thập nhị nguyệt nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

đồng thỉnh pháp hoa tại linh san
chấn đán phục ngộ khởi ngẫu nhiên
phi nhữ mạc chứng ngô phương thức
duy đạo thị tu pháp diệc duyên
nam nhạc gia phong nghiêm thả tuần
thiên thai tông phái mãn đại thiên
học giả y giáo minh bản tính
ngưỡng chi di cao toàn di kiên

Việt dịch:

Pháp Hoa hội, Linh Thú sơn cùng đến
Chấn Đán nay gặp lại há ngẫu nhiên
Con, người chứng. Người biết chính là ta.
Riêng tu đạo, cũng là duyên đưa đẩy
Nam Nhạc nếp nhà uy nghiêm lòng lấy
Thiên Thai tông phái trải khắp đại thiên
Y giáo phụng hành thấy tánh bản nguyên
Cao vời vợi, dùi mài càng vững chắc*.

.....

*Luận Ngữ 論語: Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiên, hốt yên tại hậu 仰之彌高, 鑽之彌堅, 瞻之在前, 忽焉在後(Tử Hãn 子罕) Đạo (của Khổng Tử) càng ngưỡng lên trông càng thấy cao, càng dùi mài càng thấy vững chắc, mới thấy ở trước mặt, bỗng hiện ở sau lưng.

4.31 天台四祖章安灌頂法師 Thiên Thai Tứ Tổ Chương An Quán Đảnh Pháp Sư



師。字法云。臨海章安人。姓吳氏。始生三月。能稱三寶。有僧謂其母曰。此子非凡。因名灌頂。七歲依攝靜寺慧拯出家。受觀法于智者。研經既久。頓蒙印可。結集大小部褒百餘部。天台一家教觀。師大有功焉。著涅槃玄義二卷。疏二十卷。疏成。烈火焚之。不爇

。临终端坐。遗诫门人。忽起合掌。称阿弥陀佛二大士名而化。先有智晞。临终曰。吾生兜率。见先师智者。傍虚一席。天人曰。六年后待顶法师来。计期。晞言不谬。

sư. tự pháp vân. lâm hải chương an nhân. tính ngô thị. thủy sanh tam nguyệt. năng xưng tam bảo. hữu tăng vị kì mẫu viết. thử tử phi phạm. nhân danh quán đảnh. thất tuệ y nhiếp tĩnh tự tuệ chứng xuất gia. thụ quan pháp vu trí giả. nghiên dịch kí cữu. đồn môn ẩn khả. kết tập đại tiểu bộ bao bách dư bộ. thiên thai nhất gia giáo quan. sư đại hữu công yên. trừ niết bàn huyền nghĩa nhị quyển. số nhị thập quyển. sơ thành. liệt hỏa phần chi. bất nhiệt. lâm chung đoan tọa. di giới môn nhân. hốt khởi hợp chường. xưng a di đà phật nhị đại sĩ danh nhi hóa. tiên hữu trí hi. lâm chung viết. ngô sanh đầu suất. kiến tiên sư trí giả. bàng hư nhất tịch. thiên nhân viết. lục niên hậu đãi đảnh pháp sư lai. kế kì. hi ngôn bất mậu.

Việt dịch:

Sư họ Ngô người Chương An, Lâm Hải, tự là Pháp Vân. Khi mới được 3 tháng đã biết xưng tam bảo. Một vị tăng nói với mẹ của sư: "Đứa bé này là hạng phi phạm", vì vậy nên có tên là Quán Đảnh. Bảy tuổi theo sư Tuệ Chứng tại chùa Nhiếp Tĩnh xuất gia học pháp quán với Trí Giả, sau khi nghiên cứu và học tập rất lâu được Thầy ấn chứng, sư kết tập các bộ lớn nhỏ do Thầy trừ thuật, luận giảng hơn trăm bộ. Đối với giáo quán của gia phong Thiên Thai, sư là người có công lớn. Sư soạn hai quyển kinh Niết Bàn Huyền Nghĩa, số gồm hai mươi quyển. Khi vừa xong thì bị hỏa hoạn nhưng bộ sách này không bị thiêu hủy. Lúc lâm chung ngồi ngay thẳng, dọn dò môn đồ, chợt chấp tay niệm Phật, xưng danh hiệu Phật A Di Đà và hai vị đại sĩ [Quán Thế m và Đại Thế Chí] rồi nhập diệt. Thuở trước có sư Trí Hi, lúc lâm chung nói: "Tôi sinh về cõi Đầu Suất, gặp tiên sư Trí Giả, bên cạnh có một chỗ ngồi trống. Các vị trời nói sau sáu năm pháp sư Quán Đảnh sẽ đến". Tính thời gian thì lời nói của sư Trí Hi không sai .

赞曰

龙树教观 天台始昌 有师结集 法波愈扬

历难注经 雪被冰牀 烈火不爇 其纲永张

tán viết

long thụ giáo quán
thiên thai thủy xương
hữu sư kết tập
pháp ba dũ dương
lịch nan chú kinh
tuyết bị băng sàng
liệt hỏa bất nhiệt
kì cương vĩnh trường

Việt dịch:

Giáo quán ngài Long Thọ
Đến Thiên Thai phát huy
Có chư sư kết tập
Luồng sóng pháp phô bày.

Giải kinh bao khốn khó
Thân khoác tuyết nằm băng
Lửa dữ đốt không cháy
Giềng mối đạo vĩnh hằng.

或说偈曰

◎一九七九年十二月卅日。宣公上人作

天台倡明灌顶功 赋性独异迥不同

三月能称三宝号 七岁向往七圣林

端坐而化真实定 企立无生大解门

结集法藏雨甘露 流入智者妙玄宫

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất cửu niên thập nhị nguyệt tạp nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên thai xướng minh quán đỉnh công

phú tính độc dị huýnh bất đồng

tam nguyệt năng xưng tam bảo hào

thất tuế hướng vãng thất thánh lâm

đoan tọa nhi hóa chân thật định

xí lập vô sanh đại giải môn

kết tập pháp tạng vũ cam lộ

lưu nhập trí giả diệu huyền cung

Việt dịch:

Mở sáng Thiên Thai công lao Quán Đảnh

Bản tánh khác thường vốn tự bẩm sinh

Ba tháng tròn đà biết niệm Phật danh

Vừa lên bảy đến núi rừng thất thánh.

Lúc ngồi xuống nhập Niết Bàn chánh định

Khi đứng lên giải đại pháp vô sinh

Mưa pháp cam lồ kết tập tàng kinh

Vào tận chốn huyền cung dòng Trí Giả.

4.32 天台五祖法华智威尊者 Thiên Thai Ngũ Tổ Pháp Hoa Trí Uy Tôn Giả



尊者。前身乃陈仆射徐陵。听智者讲经。立五愿。既没。来生缙云朱氏。年十八将纳妇。逢梵僧示其五愿。师即往国清投章安出家。咨受心要。定慧俱发。证法华三昧。欲卜地说法。掷锡凌空。锡飞至轩辕炼丹山。师既戾止。名其地曰法华。昼讲夜禅。学者数百。师身长七尺。骨法古秀。每登座。有紫云覆顶状如宝盖。日往仙居斋粥约八十里。咸谓有神足通。永隆元年。趺坐而化。在太宗朝封四大师。宋谥玄达尊者。

tôn giả. tiền thân nãi trần phó xạ từ lăng. thính trí giả giảng kinh. lập ngũ nguyện. kí một. lai sanh tấn vân chu thị. niên thập bát tương nạp phụ. phùng phạm tăng kì kì ngũ nguyện. sư tức vãng quốc thanh đầu chương an xuất gia. tư thụ tâm yếu. định tuệ câu phát chứng pháp hoa tam muội. dục bốc địa thuyết pháp. trịch tích lăng không. tích phi chí hiên viên luyện đan san. sư kí lệ chỉ. danh kì địa viết pháp hoa. trú giảng dạ thiền. học giả sở bách. sư thân trường thất xích. cốt pháp cổ tú. mỗi đăng tọa. hữu tử vân phúc đính trạng như bảo cái. nhật vãng tiên cư trai chúc ước bát thập lí. hàm vị hữu thần túc thông. vĩnh long nguyên niên. phu tọa nhi hóa. tại thái tông triều phong tứ đại sư. tổng thí huyền đạt tôn giả.

Việt dịch:

Tiền thân tôn giả là Trần Từ Lăng, làm quan Bộc Xạ, nhân nghe Thiên Thai Trí Giả giảng kinh liền lập năm nguyện. Khi mất tái sinh là người họ Chu tại đất Tấn Vân. Năm 18 tuổi dự định lấy vợ, gặp một Phạm tăng nhắc lại lời nguyện ngày xưa, sư liền đi về núi Thiên Thai bái sư Chương An (Quán Đảnh) xuất gia, riêng nhận tâm yếu, phát sinh định tuệ chứng Pháp Hoa tam muội, muốn tìm đất tốt để thuyết pháp, liền ném tích trượng lên không trung, chống trượng đến núi Luyện Đan tại Hiên Viên gọi vùng đất này là Pháp Hoa, ngày giảng pháp, tối tọa thiền, người theo học tính đến hàng trăm. Sư thân cao bảy trượng, cốt cách thanh tu. Mỗi khi đăng tòa có đám mây tía che trên đầu như một cái lọng. Khi đi thọ trai tại Tiên Cư cách 80 dặm đường, sư đi về trong ngày. Người đời cho rằng sư có thần túc thông. Năm Vĩnh Long thứ nhất, ngồi kiết già mà hóa. Thời vua Đường Thái Tông đã từng ban tặng sư hiệu là Huyền Đạt Tôn Giả.

赞曰

出宰相宅 入法王家 定慧交发 圆证法华

飞锡定止 法鼓长挝 愿小获大 权现来耶

tán viết

xuất tể tướng trạch

nhập pháp vương gia

định tuệ giao phát

viên chứng pháp hoa

phi tích định chỉ

pháp cổ trường qua

nguyện tiểu hoạch đại

quyền hiện lai da

Việt dịch:

Xuất thân dinh tể tướng
Nhập vào nhà pháp vương
Định tuệ cùng giao tiếp
Chứng tam muội Pháp Hoa.

Vung tích trượng tìm đất
Đánh trống pháp chẳng dừng
Tiểu nguyện thành đại nghiệp
Quyền biến hiện lại qua.

或说偈曰

◎一九八〇年一月九日。宣公上人作

大权示现宰官身 智者讲解法华经
悠然证得三昧定 顷刻成就一行心
紫云覆盖荫德化 丹霞缭绕万众群
天台五祖高风雅 美国佛教日日新

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên nhất nguyệt cửu nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

đại quyền thị hiện tể quan thân
trí giả giảng giải pháp hoakinh

du nhiên chứng đắc tam muội định
khoảnh khắc thành tựu nhất hành tâm
tử vân phúc cái ẩm đức hóa
đan hà liễu nhiều vạn chúng quần
thiên thai ngũ tổ cao phong nhã
mĩ quốc phật giáo nhật nhật tân

Việt dịch:

Đại quyền biến, hiện thân làm Tể tướng
Thâm nhập lời Trí Giả giảng Pháp Hoa
Tâm như nhiên, chứng tam muội dễ dàng
Trong khoảnh khắc tựu thành tâm nhất hạnh.

Áng mây tím che tàn ân đức hiện
Bóng rắng hồng bao phủ vạn chúng sinh
Ngũ tổ Thiên Thai phẩm cách cao minh
Pháp Phật tại Hoa Kỳ ngày một mới.

4.33 天台六祖天宮慧威尊者 Thiên Thai Lục Tổ Thiên Cung Tuệ Uy



天宮慧威尊者。姓劉氏。婺州東陽人。總角之歲。深厭勞生。遂入空門。祝髮受具。聞法華禪師大弘天台之道。即往受業。刻志禪法。晝夜唯勤。三觀法門。頓獲開悟。時人見其深入威師之室。遂以小威稱之。後歸止東陽。深居山谷。罕交人事。自法華入滅之後。登門問道者。不知其數。傳法之的。唯左溪耳。唐封朝散大夫四大師。宋謚全真尊者。

thiên cung tuệ uy tôn giả. tính lưu thị. vụ châu đông dương nhân. tổng giác chi tuệ. thâm yếm lao sanh. toại nhập không môn. chúc phát thụ cụ. văn pháp hoa thiện sư đại hoàng thiên thai chi đạo. tức vãng thụ nghiệp. khắc chí thiện pháp. trú dạ duy cần. tam quan pháp môn. đốn hoạch khai ngộ. thì nhân kiến kì thâm nhập uy sư chi thất. toại dĩ tiểu uy xưng chi. hậu quy chỉ đông dương. thâm cư san cốc. hãn giao nhân sự. tự pháp hoa nhập diệt chi hậu. đăng môn vãn đạo giả. bất tri kì số. truyện pháp chi đích. duy tả khê nhĩ. đường phong triều tán đại phu tứ đại sư. tổng thí toàn chân tôn giả.

Việt dịch:

Thiên Cung Tuệ Uy tôn giả họ Lưu, người Đông Dương, Vụ Châu. Thời còn để tóc trái đào đã biết chán chường thế gian lao khổ, vào cửa Không, xuống tóc xuất gia, thọ giới cụ túc, nhân nghe thiền sư Pháp Hoa giảng giáo pháp Thiên Thai liền đến học hỏi, dốc lòng theo pháp thiền, ngày đêm chuyên cần hành trì pháp tam quán, tức thì khai ngộ, người đương thời thấy sư học hoàn hảo phong cách của sư [Trí] Uy liền gọi sư là Tiểu Uy. Sau đó sư trở về Đông Dương ẩn cư trong núi, dứt việc giao tiếp với thế tình, sau khi thiền sư Pháp Hoa nhập diệt số người đến cầu đạo thì nhiều không kể xiết, người nói pháp thì chỉ có Tả Khê [Huyền Lăng]. Nhà Đường phong là "Triều Tán Đại Phu Tứ Đại Sư", thụy hiệu là Toàn Chân tôn giả.

贊曰

大威之室 广而且幽 唯師入之 作大法舟

勇退深山 鹿豕同游 卷舒以時 厥化自周

tán viết

đại uy chi thất
nghiễm nhi thả u
duy sư nhập chi
tác đại pháp chu

dũng thối thâm san
lộc thí đồng du
quyển thư dĩ thì
quyết hóa tự chu

Việt dịch:

Gia nghiệp sư Đại Uy
Đã rộng mà lại sâu
Riêng mình sư vào được
Thuyền đại pháp tay chèo.

Quyết ẩn chốn núi sâu
Cùng nai heo du ngoạn
Tiền hoặc thoái tùy thời
Tự chu toàn giáo đạo.

或说偈曰

◎一九八〇年三月二日。宣公上人作

出家修道了死生 志求解脱离火坑

专习三观豁然悟 深入一门久自通
退隐穹谷谢俗务 大转法轮度含灵
鹿豕共游慈悲化 万物同源仰高风

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên tam nguyệt nhị nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

xuất gia tu đạo liễu tử sanh
chí cầu giải thoát li hỏa khanh
chuyên tập tam quán hoát nhiên ngộ
thâm nhập nhất môn cửu tự thông

thối ẩn khung cốc tạ tục vụ
đại chuyển pháp luân độ hàm linh
lộc thử cộng du từ bi hóa
vạn vật đồng nguyên ngưỡng cao phong

Việt dịch:

Xuất gia thoát dòng tử sinh kèm tỏa
Chí mong rời hầm lửa đỏ đốt thiêu
Chuyên trì tam quán, đốn ngộ tự nhiên
Thâm nhập nhất môn, từ lâu thông suốt.

Ẩn chốn khe sâu giả từ thế sự

Chuyển pháp luân cứu giúp giống hàm linh
Chơi cùng nai heo, phổ độ từ bi
Phong cách thanh cao muôn loài kính ngưỡng.

4.34 天台七祖左溪立朗尊者 Thiên Thai Thất Tổ Huyền Lăng



尊者。字慧明。婺州东阳人。傅大士六世孙也。年五十始出家。闻天台弘止观。即往学。未几。一家宗趣解悟无遗。依凭岩穴。自号左溪。洗钵则群猿争捧。诵经则众鸟交翔。有盲狗至山。长嗥伏地。师为行忏。不逾旬而复明。山水频涸。举杖刺之。岩泉随涌。愿生兜率。敛念之顷。忽感舍利从空而下。天宝十三年九月十九日。呼门人。谓曰。吾六即道圆。万行无得。戒为心本。汝等师之。即端坐长别。谥明觉尊者。

tôn giả. tự tuệ minh. vụ châu đông dương nhân. phó đại sĩ lục thế tôn dã. niên ngũ thập thủy xuất gia. văn thiên thai hoằng chỉ quan. tức vãng học. vị kỉ. nhất gia tông thú giải ngộ vô di. y bằng nham huyết, tự hào tả Khê. tẩy bát tắc quần viên tranh phủng. tụng kinh tắc chúng điều giao tường. hữu mạnh cầu chí san. trường hào phục địa. sư vi hành sám. bát du tuần nhi phục minh. san thủy tàn hạc. cử trượng thứ chi. nham tuyền tùy dững. nguyện sanh đầu suất. liễm niệm chi khoảnh. hốt cảm xá lợi tông không nhi hạ. thiên bảo thập tam niên cứu nguyệt thập cứu nhật. hô môn nhân. vị viết. ngô lục tức đạo viên. vạn hành vô đắc. giới vi tâm bản. nhữ đẳng sư chi. tức đoan tọa trường biệt. thí minh giác tôn giả.

Việt dịch:

Tôn giả tự là Tuệ Minh, người Đông Dương, Vụ Châu, là cháu sáu đời của Phó Đại Sĩ. Năm mười tuổi mới xuất gia. Nghe Thiên Thai Tông hoàng dương Chỉ Quán liền tự đến học. Tông thú một nhà đều giải ngộ, không thiếu sót. Sống trong hang núi, lấy hiệu là Tả Khê, khi rửa bát có đám vượn tranh nhau bung giúp, khi tụng kinh thì có chim bay quanh. Có một con chó mù đến núi nằm sát đất. Sư vì chó tụng sám pháp không quá bảy ngày mắt chó sáng lại. Nước ở trong núi khô cạn, sư dùng gậy cắm vào thì nước suối vọt ra. Sư nguyện sinh Đâu Suất, tâm khởi niệm hốt nhiên xá lợi từ trên không rơi xuống. Ngày 19 tháng 9 năm Thiên Bảo thứ 13 (754), sư gọi môn đồ đến, nói: "Ta đã viên thành lục tức, muôn hạnh đều không có chỗ chứng đắc, giới là gốc của tâm. Các ông nên lấy giới làm Thầy". Nói rồi đoạn tọa mà hóa, thụy hiệu là Minh Giác Tôn Giả.

赞曰

晚入天台 一吸无遗 头陀自律 涧饮岩栖

异类感化 舍利空垂 道圆行粹 表表羽仪

tán viết

văn nhập thiên thai

nhất hấp vô di

đầu đà tự luật

giản ẩm nham tê

dị loại cảm hóa

xá lợi không thùy

đạo viên hành túy

biểu biểu vũ nghi

Việt dịch:

Muộn màng đến Thiên Thai

Một hớp thu cạn nguồn
Hạnh đầu đà tự giữ
Nước khe, hang nghỉ chân.

Cảm hóa nhiều chủng loại
Không trung xá lợi rơi
Đạo viên, hạnh thuần túy
Lỗi lạc và uy nghi.

或说偈曰

◎一九八〇年 三月十五日. 宣公上人作

五十出家虽较迟 头陀苦行自强时
六度神猿供驱策 一转灵鸟各朝仪
修忏盲犬复明目 讲经聋子重听之
此皆真诚感诸物 有情无情圆种智

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên tam nguyệt thập ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

ngũ thập xuất gia tuy giác trì
đầu đà khổ hạnh tự cường thì
lục độ thần viên cung khu sách

nhất chuyển linh điều các triều nghi
tu sám mạnh khuyến phục minh mục
giảng kinh lung tử trọng thính chi
thử giai chân thành cảm chư vật
hữu tình vô tình viên chủng trí.

Việt dịch:

Năm mươi tuổi xuất gia tuy là chậm
Hạnh đầu đà tận lực tự mình tu
Lục độ hành, vượn đến để khiến sai
Một lần chuyển, chim bay quanh châu pháp.
Tu bái sám, chó đui mù sáng mắt
Giảng trang kinh, kẻ điếc lại được nghe
Lòng chân thành cảm ứng vạn sinh linh
Hữu tình, vô tình đồng viên chủng trí.

4. 35 天台八祖荆溪湛 Thiên Thai Bát Tổ Kinh Khê Tràm Nhiên



尊者。姓戚氏。家本习儒。年十七访道浙右。遇金华方岩。授以止观之法。年二十从学左溪。梦披僧服。掖二轮。游大河中。溪曰。嘻。岂当以止观二法。度群生于生死之渊乎。

遂授以教观之道。年三十八。薙发受戒。于是大启妙法。旁罗万行。祖述所传。着为记文。凡数十万言。使一家圆顿之教。悉归于正。识者谓。荆溪不生。则圆义将永沈矣。天宝大历间。凡三诏。并辞以疾。晚归佛陇。示微恙。说法毕。隐几而化。谥圆通尊者。

tôn giả。 tính thích thị。 gia bốn tập nho。 niên thập thất phóng đạo chiết hữu。 ngộ kim hoa phương nham。 thụ dĩ chỉ quan chi pháp。 niên nhị thập tông học tả Khê。 mộng phi tăng phục。 dịch nhị luân。 du đại hà trung。 Khê viết。 hi。 khởi đương dĩ chỉ quan nhị pháp。 độ quần sanh vu sanh tử chi duyên hồ。 toại thụ dĩ giáo quan chi đạo。 niên tam thập bát。 thể phát thụ giới。 vu thị đại khả diệu pháp。 bàng la vạn hạnh。 tổ thuật sở truyền。 trừ vi kí văn。 phạm sở thập vạn ngôn。 sử nhất gia viên đốn chi giáo。 tất quy vu chánh。 thức giả vị。 kinh Khê bất sanh。 tác viên nghĩa tương vĩnh trầm hĩ。 thiên bảo đại lịch gian。 phạm tam chiếu。 tịnh từ dĩ tật。 văn quy Phật Lũng。 kì vi dạng。 thuyết pháp tất。 ẩn kỉ nhi hóa。 thí viên thông tôn giả。

Việt dịch:

Tôn giả họ Thích, xuất thân từ gia đình theo Nho giáo. Năm 17 tuổi tìm đạo quanh vùng hữu ngạn Chiết giang, gặp được sư Phương Nham ở Kim Hoa học pháp Chỉ Quán. Năm 20 tuổi theo học với tôn giả Tả Khê. Mộng thấy mặc tăng phục, cặp nách hai bánh xe đi vào giữa lòng sông lớn. Sư Tả Khê nói: "Ồi, đó chẳng phải là dùng hai pháp Chỉ Quán độ quần sinh thoát vực tử sinh?". Liền trao giáo quán cho sư Tràm Nhiên. Năm 38 tuổi, sư xuống tóc xuất gia. Sư mở rộng diệu pháp, phô bày vạn hạnh, thuật lại sự truyền bá. Văn từ ghi lại muôn lời, khiến gia sản giáo pháp viên đốn [của Thiên Thai Tông] quy về. Người trí thức cho rằng nếu Kinh Khê không ra đời thì ý nghĩa Viên giáo sẽ còn chìm đắm. Trong những năm Thiên Bảo, Đại Lịch, có chiếu chỉ của vua ba lần mời vào cung, sư đều cáo bệnh từ chối. Khi lớn tuổi sư về Phật Lũng, có chút bệnh nhẹ. Khi giảng pháp xong, sư ngồi dựa vào ghế mà hóa, thụy hiệu là Viên Thông Tôn Giả.

赞曰

家学緘受 其道未扬 我师嗣之 于前有光

独挟两轮 广运无方 穷玄剧辨 竖最胜幢

tán viết
gia học giam thụ
kì đạo vị dương
ngã sư tự chi
vu tiền hữu quang.

độc hiệp lưỡng luân
nghiêm vận vô phương
cùng huyền kịch biến
thụ tối thắng tràng

Việt dịch:

Gia phong còn che khuất
Đạo lớn chưa bày phơi
Thầy ta nổi gia nghiệp
Tỏa ánh sáng rạng ngời.

Một thân hai vàng pháp
Chuyển pháp không một phương*
Khắp cùng nghĩa ảo diệu
Dựng ngọn cờ thanh lương.

.....

* vô phương (无方) : Phương có nghĩa là nơi chốn hoặc phương pháp, chỉ cho việc Đức Phật giáo hóa một cách tự tại, không cố định một nơi nào. Tam Luận Huyền Nghĩa [三論玄義 ý

nghĩa sâu sắc của Tam Luận, một tác phẩm của Cát Tạng 吉藏] nói: "Giáo hóa không một phương pháp nhất định, rèn luyện không phải chỉ có một cách."

或说偈曰

◎一九八〇年 四月十九日。宣公上人作

湛然尊者名荆溪 家本习儒俗姓戚

十七访道求精进 三八薙发修菩提

圆义大阐弘正教 妙理顿悟化群机

不赴王诏真僧宝 富贵弗羡威难屈

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên tứ nguyệt thập cửu nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

trạm nhiên tôn giả danh kinh kê

gia bản tập nho tục tính thích

thập thất phóng đạo cầu tinh tiến

tam bát thế phát tu bồ đề

viên nghĩa đại xiển hoàng chánh giáo

diệu lí đồn ngộ hóa quần kì

bất phó vương chiếu chân tăng bảo

phú quý phát tiện uy nan khuất

Việt dịch:

Kinh Khê, tôn giả Trạm Nhiên

Mang dòng họ Thích, nối liền Nho gia.

Mười bảy cầu đạo thiết tha

Ba mươi tám tuổi xuất gia tu hành.

Hoảng dương giáo nghĩa viên thành

Đốn ngộ diệu lí xiển minh cho người.

Chân tăng, chiếu lệnh khó mời

Uy thời chẳng phục, giàu thời chẳng tham.

4.36 天台九祖道邃尊者 Thiên Thai Cửu Tổ Đạo Thúy Tôn Giả



天台道邃尊者。不知何许人。唐大历中。来依荆溪于佛陇洞。悟幽玄。无所凝滞。荆溪嘉之曰。吾子其能嗣吾道矣。遂授以止观辅行。师为众开说。发明深旨。听者无不领解。同门元皓。一见师。大惊服。贞元二十一年。日本国僧最澄远来求法。听讲受诲。昼夜不息。尽写一宗论疏以归。既还。指一山为天台。创一刹为传教。化风盛播。学者日蕃。遂遥尊邃师为始祖。

thiên thai đạo thúy tôn giả。 bất tri hà hứa nhân。 đường đại lịch trung。 lai y kinh Khê
vu phật lũng đồng。 ngộ u huyền。 vô sở ngưng trệ。 kinh Khê gia chi viết。 ngô tử kì
năng tự ngô đạo hĩ。 toại thụ dĩ chỉ quán phụ hành。 sư vi chúng khai thuyết。 phát

minh thâm chỉ. thính giả vô bất lĩnh giải. đồng môn nguyên hạo. nhất kiến sư. đại kinh phục. trình nguyên nhị thập nhất niên. nhật bản quốc tăng tối trừng viễn lai cầu pháp. thính giảng thụ hồi. trú dạ bất tức. tấn tả nhất tông luận sơ dĩ quy. kí hoàn. chỉ nhất san vi thiên thai. sang nhất sát vi truyền giáo. hóa phong thịnh bá. học giả nhật phiên. toại điều tôn thúy sư vi thủy tổ.

Việt dịch:

Không rõ Thiên Thai Đạo Thúy tôn giả người vùng nào. Khoảng năm Đại Lịch nhà Đường, sư theo sư Kinh Khê đến Phật Lũng, ngộ được chỗ u huyền, không còn vướng mắc sư Kinh Khê khen ngợi, nói: Con ta có thể nối đạo của ta vậy!, liền trao giáo pháp Chỉ Quán Phụ Hành, sư vì đại chúng khai pháp thuyết giảng, phát minh yếu chỉ thâm sâu, người nghe ai cũng hiểu rõ. Một người đồng môn tên là Nguyên Hạo, khi nghe sư thuyết giảng thì kinh ngạc, thán phục. Năm Trinh Nguyên thứ 21, một vị tăng người Nhật là Tối Trừng từ xa đến cầu pháp, nghe giảng dạy, ngày đêm không nghỉ, ghi chép toàn bộ nhất tông luận sơ mang về. Chọn một ngọn núi làm núi Thiên Thai, lập chùa truyền giáo, phong hóa thịnh hành, người học đông đúc. Tôn giả Đạo Thúy được xem là thủy tổ tông Thiên Thai tại Nhật Bản.

赞曰

伟哉荆溪 难乎其继 我师灵慧 独与之契

法流海外 光焕天际 如日东升 照破幽蔽

tán viết

vĩ tai kinh Khê

nan hồ kì kế

ngã sư linh tuệ

độc dữ chi khế

pháp lưu hải ngoại

quang hoán thiên tế
như nhật đông thăng
chiếu phá u tế

Việt dịch:

Vĩ đại thay Kinh Khê
Thực khó mà thừa kế
Thầy ta, bậc linh tuệ
Riêng một lòng tương hợp.

Pháp truyền ra nước ngoài
Rực rỡ một chân trời
Mặt trời mọc phương Đông
Chiếu soi trừ tăm tối.

或说偈曰

◎一九八〇年 四月廿五日. 宣公上人作

天台一宗龙象生 道邃尊者继传灯
顿悟本来解深义 豁然万法了真融
盛德远播被海外 仁慈善济化夷京
杲日东升照天地 虚空宇宙尽光明

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cử bát ○ niên tứ nguyệt nhập ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên thai nhất tông long tượng sanh

đạo thúy tôn giả kể truyện đăng

đốn ngộ bản lai giải thâm nghĩa

hoát nhiên vạn pháp liễu chân dung

thịnh đức viễn bá bị hải ngoại

nhân từ thiện tế hóa di kinh

cảo nhật đồng thăng chiếu thiên địa

hư không vũ trụ tấn quang minh.

Việt dịch:

Thiên Thai long tượng hiện thân

Tôn giả Đạo Thúy pháp đăng nổi truyền

Ngộ bản lai, giải nghĩa huyền

Thực tướng muôn pháp hốt nhiên rõ ràng.

Đức thịnh ra đến ngoại bang

Nhân từ tế độ hàng hàng man di*

Vàng hồng chiếu rạng đất trời

Hư không vũ trụ sáng ngời quang minh.

.....

*Chỉ một dân tộc đông bộ Trung Quốc thời nhà Ân 殷, nhà Thương 商, ở vào khoảng Sơn Đông, Giang Tô ngày nay. Sau phiếm chỉ các dân tộc ở phía đông Trung Quốc.

4.37 天台十祖 广修尊者 Thiên Thai Thập Tổ Quảng Tu



天台广修尊者。姓留氏。东阳下岬人。早入邃师之室。研精教观。而向心至行。日诵法华。净名。光明。梵网。四分戒本为常课。六时行忏。晚年弥笃。每岁行。随自意三昧。七七日。未尝以事废。天台刺使韦珩。请讲止观。珩于即席。深有省发。听者莫不欣庆。会昌三年入寂。葬全身于金地道场。后门人良湑。发塔。以火浴之。得舍利千余粒。大如菽。即旧地建塔。藏之。

thiên thai quảng tu tôn giả. tính lưu thị. đông dương hạ bì nhân. tảo nhập thúy sư chi thất. nghiên tinh giáo quan. nhi hướng tâm chí hành. nhật tụng pháp hoa. tịnh danh. quang minh. phạm võng. tứ phân giới bản vi thường khóa. lục thì hành sám. văn niên di đốc. mỗi tuế hành. tùy tự ý tam muội. thất thất nhật. vị thường dĩ sự phế. thiên thai thứ sử vi hành. thỉnh giảng chỉ quan. hành vu tức tịch. thâm hữu tình phát. thỉnh giả mặc bát hân khánh. hội xương tam niên nhập tịch. táng toàn thân vu kim địa đạo tràng. hậu môn nhân lương tư. phát tháp. dĩ hỏa dục chi. đắc xá lợi thiên dư lạp. đại như thực. tức cự địa kiến tháp. tàng chi.

Việt dịch:

Thiên Thai Quảng Tu tôn giả họ Lưu, người Hạ Bì, Đông Dương, sớm được theo sư Đạo Thúy tu học, nghiên cứu giáo quán Thiên Thai, hướng tâm đến chỗ thực hành, tụng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma Cật, Kim Quang Minh, Phạm Võng mỗi ngày Tứ Phần Giới Bản là thường khóa. Sáu thời hành sám pháp không biếng trễ, đến cuối đời càng

đốc sức tiến tu. Mỗi năm đều tu Tùy Tự Ý tam muội mỗi lần 49 ngày chưa từng bỏ qua. Quan thứ sử huyện Thiên Thai là Vi Hành thỉnh sư giảng Chỉ Quán đang ngồi nghe mà đã thông hiểu tất cả khiến mọi người đều hoan hỷ. Năm Hội Xương thứ ba, sư nhập diệt, đồ chúng táng toàn thân sư nơi đạo tràng Kim Địa. Về sau môn đồ là Lương Tử mở tháp hỏa táng, thu được hơn ngàn hạt xá lợi lớn như hạt đậu, liền dựng tháp nơi đó để thờ.

赞曰

善入教观 妙旨如跃 笃于事行 行本无作
尘尾之下 神智自廓 金地之藏 宝光映烁

tán viết

thiện nhập giáo quan

diệu chỉ như dượt

đốc vụ sự hành

hành bản vô tác

trần vĩ chi hạ

thần trí tự khuếch

kim địa chi tàng

bảo quang ánh thước

Việt dịch:

Vào được pháp giáo quán

Hăm hở học yếu chỉ

Chú tâm vào thực hành

Hành vốn là chẳng hành

Dưới pháp tòa giáo hóa

Thần trí tự mở mang
Đất Kim Địa vui thân
Rực sáng ánh bảo quang

或说偈曰

◎一九八〇年 五月廿五日. 宣公上人作

有教无观则名罔 独观背教是为殆
精研妙悟双圆彻 明辨笃行一门佳
缘熟时至寂然化 机感相应离自他
天台高宗共仰止 心向往之愿求加

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên ngũ nguyệt nhập ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

hữu giáo vô quan tắc danh vô
độc quan bối giáo thị vi dĩ
tinh nghiên diệu ngộ song viên triệt
minh biện đốc hành nhất môn giai
duyên thực thì chí tịch nhiên hóa
kì cảm tương ứng ly tự tha
thiên thai cao tông cộng ngưỡng chỉ
tâm hướng vãng chi nguyện cầu gia.

Việt dịch:

Giáo mà thiếu quán đối gian

Quán mà bỏ giáo nguy nan cận kề

Truy tầm, ngộ giải hai bề

Biện thông, dụng khéo quy về một thiên

Thuần duyên hóa độ tự nhiên

Cơ cảm tương ứng không riêng ta, người.

Thiên Thai, ngưỡng mộ cao vời

Quy tâm hướng đạo, nguyện đời phát huy.

4. 38 天台十一祖国清物外尊者 Thiên Thai Thập Nhất Tổ Quốc Thanh Vật Ngoại



国清物外尊者。姓杨氏。闽之侯官人。久从修师传止观。且说且行。大中末。岁歉。跣趺一室。妙入正定。谓弟子曰。汝若不死。至五谷登时。可击磬引我出。越岁余。弟子如所教。遂从定起。中和五年告终。葬于智者塔院之侧。

quốc thanh vật ngoại tôn giả。 tính dương thị。 môn chi hầu quan nhân。 cửu tông tu sư truyện chỉ quán。 thả thuyết thả hành。 đại trung mạt。 tuế khiếm。 già phu nhất thất。 diệu nhập chánh định。 vị đệ tử viết。 nhữ nhược bất tử。 chí ngũ cốc đăng thì

。 khả kích khánh dẫn ngã xuất。 việt tuế dư。 đệ tử như sở giáo。 toại tông định khởi。 trung hòa ngũ niên cáo chung。 táng vu trí giả tháp viện chi trắc。

Việt dịch:

Tôn giả Quốc Thanh Vật Ngoại họ Dương, người đất Hào Quan, Phúc Kiến. Sư theo sư Quảng Tu học Chỉ Quán, vì người thuyết giảng, hành trì không biếng trễ. Cuối đời Đại Trung, dân chúng đói kém, sư kiết già nơi tịnh thất, nhập chánh định, bảo cùng đệ tử rằng nếu sư không chết, đến mùa ngũ cốc thì đánh khánh để sư xuất định. Hơn một năm, vị đệ tử làm y theo lời sư dạy, quả nhiên sư xuất định. Năm thứ năm Trung Hòa, sư nhập diệt, táng bên cạnh tháp viện của Trí Giả Đại Sư.

赞曰

会当其厄 教法晦沈 云散鸟飞 子影深林

妙入正定 影灭尘凝 一丝之脉 以待曙明

tán viết

hội đương kì ách

giáo pháp hối trầm

vân tán điều phi

kiết ảnh thâm lâm

diệu nhập chánh định

ảnh diệt trần ngưng

nhất ti chi mạch

dĩ đãi thụ minh

Việt dịch:

Đang trong cơn hoạn nạn
Giáo pháp phải đắm chìm
Mây tan bầy chim lạc
Chiếc bóng bên rừng sâu.

Nhập điệu vào chánh định
Bóng mất tức trần tan
Mạch sống như sợi tơ
Chờ đón ánh bình minh.

或说偈曰

◎一九八〇年 六月十四日。宣公上人作

天台国清隐高僧 超然物外续祖灯
深入般若微妙定 修证涅槃了无生
来去自由真快乐 顺逆精进显圆通
门人引磬声开静 常随智者作古翁

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên lục nguyệt thập tứ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên thai quốc thanh ẩn cao tăng

siêu nhiên vật ngoại tục tổ đăng
thâm nhập bát nhã vi diệu định
tu chứng niết bàn liễu vô sanh.
lai khứ tự do chân khoái lạc
thuận nghịch tình tiến hiển viên thông
môn nhân dẫn khánh thanh khai tỉnh
thường tùy trí giả tác cổ ông.

Việt dịch:

Quốc Thanh ẩn dật cao tăng
Siêu nhiên Vật Ngoại truyền đăng tổ thầy.
Bát nhã nhập định diệu kỳ
Niết Bàn tu chứng rõ bày vô sinh.
Đến đi tự tại an bình
Dù thuận dù nghịch mặc tình, viên thông.
Tai nghe khánh động tịnh tâm
Thường theo Trí Giả làm ông cụ hiền.

4.39 天台十二祖国清元琇 Thiên Thai Tổ XII Quốc Thanh Nguyên Tú



国清元琇尊者。天台人。依国清外法师学止观。尽其奥旨。妙于讲说。不以学徒众寡二其心。一日升座。有异僧十人。自外而入。威仪可观。致敬已。坐行未。讲散。复问讯而出。师遣侍者邀之。皆凌空举手。笑谢而去。师当僖昭之际。天下大乱。学教之徒。忽聚忽散。欲得定慧者。艰其人。唯清竦。常操。承事日久。洞达无遗焉。

quốc thanh nguyên tú tôn giả. thiên thai nhân. y quốc thanh ngoại pháp sư học chỉ quan. tấn kì áo chỉ. diệu vu giảng thuyết. bất dĩ học đồ chúng quả nhị kì tâm. nhất nhật thăng tọa. hữu dị tăng thập nhân. tự ngoại nhi nhập. uy nghi khả quan. trí kính dĩ. tọa hành vị. giảng tán. phục vấn tấn nhi xuất. sư khiển thị giả yêu chi. giai lãng không cử thủ. tiểu tạ nhi khứ. sư đương hi chiêu chi tế. thiên hạ đại loạn. học giáo chi đồ. hốt tụ hốt tán. dục đắc định tuệ giả. gian kì nhân. duy thanh tủng. thường thao. thừa sự nhật cửu. đồng đạt vô di yên.

Việt dịch:

Tôn giả Quốc Thanh Nguyên Tú thuộc tông Thiên Thai, theo sư Quốc Thanh Vật Ngoại học Chỉ Quán đạt đến chỗ huyền ảo, giảng được nghĩa cao sâu, người theo học dù nhiều hay ít cũng không thay đổi phương cách giảng dạy. Một hôm sư thăng tòa thuyết pháp, có mười vị tăng lạ uy nghi đúng phép, từ ngoài đi vào, kính lễ và ngồi xuống phía sau nghe pháp. Sau buổi giảng, chư vị vấn an rồi bước ra ngoài. Sư bảo thị giả mời đón thì tất cả đồng bay lên hư không, vẫy tay cười, từ tạ mà đi. Thời vua Đường Hy Tông và Đường Chiêu Tông thiên hạ loạn lạc, người theo học khi đến khi đi, người muốn đắc được định tuệ cũng rất khó. Riêng hai vị Thanh Tủng và Thường Thao luôn đúng theo pháp, dần dần đạt đến chỗ thông suốt.

赞曰

善说法者 必如法说 众寡无形 虚空有舌

异僧来听 稽手而别 凌空笑谢 言思俱绝

tán viết
thiện thuyết pháp giả
tất như pháp thuyết
chúng quả vô hình
hư không hữu thiết
dị tăng lai thính
kê thủ nhi biệt
lăng không tiểu tạ
ngôn tư câu tuyệt.

Việt dịch:

Người biết khéo thuyết pháp
Hẩn như pháp mà thuyết
Chúng nhiều, ít, vô hình
Hư không lười rộng dài.
Chư tăng lạ đến nghe
Vấy tay chào từ biệt
Cười bay lên không trung
Nói, nghĩ đều dứt tuyệt.

或说偈曰

◎一九八〇年六月廿八日。宣公上人作

天降大任迥不同 遭遇乱世烛疾风
异僧听法凌空谢 奇士闻经匍匐行

道德感召齐向化 心性清净总归真
昔愿救度娑婆苦 悲心切切弗居功

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên lục nguyệt nhập bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên giáng đại nhậm huýnh bất đồng
tao ngộ loạn thể chúc tât phong
dị tăng thính pháp lắng không tạ
kì sĩ văn kinh bồ bặc hành

đạo đức cảm triệu tề hướng hóa
tâm tính thanh tịnh tổng quy chân
tích nguyện cứu độ sa bà khổ
bi tâm thiết thiết phát cư công.

Việt dịch:

Trời sai gánh việc chẳng đồng
Gặp thời loạn lạc đuốc hồng lớn thay
Thánh tăng nghe pháp cao bay
Hiếu kinh kẻ trí nhanh tay thực hành
Đạo đức cảm hóa thiện lành
Tâm tánh thanh tịnh, ngọn ngành hồi quy

Sa bà hằng nguyện cứu nguy

Từ bi ghi khắc, chẳng vì công danh.

4.40 天台十三祖国清清竦尊者 Thiên Thai Tổ XIII Quốc Thanh Thanh Tùng



国清清竦尊者。天台人。依琇法师精修止观。旦夜不懈。及继主国清。说行兼至。时钱王建国吴越。天台一境。有同内地。师领众安处。励其志曰。王臣外护。得免兵革之忧。终日安居。可不进道以荅国恩。每长日临座。高论不已。众莫敢有倦色。

quốc thanh thanh tùng tôn giả. thiên thai nhân. y tú pháp sư tinh tu chỉ quan. đán dạ bất giải. cập kế chủ quốc thanh. thuyết hành kiên chí. thì tiền vương kiến quốc ngô việt. thiên thai nhất cảnh. hữu đồng nội địa. sư lĩnh chúng an xử. lệ kì chí viết. vương thần ngoại hộ. đắc miễn binh cách chi ưu. chung nhật an cư. khả bất tiến đạo dĩ đáp quốc ân. mỗi trường nhật lâm tọa. cao luận bất dĩ. chúng mạc cảm hữu quyện sắc.

Việt dịch:

Quốc Thanh Thanh Tùng tôn giả người đất Thiên Thai (Chiết giang) theo pháp sư Nguyên Tú chuyên tu Chỉ Quán, ngày đêm luôn tinh tấn, chẳng bao lâu kế vị trụ trì chùa Quốc Thanh, giáo thuyết và thực hành chẳng thiếu sót. Bấy giờ họ Tiền tạo dựng nước Ngô Việt Đất Thiên Thai bên trong vương triều. Sư thường nói với đồ chúng: Bên ngoài có vua quan giúp, không lo nạn binh đao, trọn ngày an cư, lẽ nào không lo tu đạo để báo đáp ân nước. Mỗi ngày sư thăng tòa, luận giảng không thôi, đồ chúng không dám lộ vẻ mỏi mệt.

赞曰

唐运既倾 群雄竞霸 安如内地 惟王实藉
勤修益励 用荅国化 高论云兴 秉炬深夜

tán viết

đường vận kí khuynh
quần hùng cạnh bá
an như nội địa
duy vương thật tạ

cần tu ích lệ
dụng đáp quốc hóa
cao luận vân hưng
bình cự thâm dạ

Việt dịch:

Vận nhà Đường nghiêng đổ
Quần hùng tranh vương bá
Đất an bình bên trong
Duy ân vua nường tạ.

Gắng tu được lợi ích
Dùng hóa độ quốc dân.
Cao Luận hưng thịnh chúng

Bó đuốc trong đêm dài.

或说偈曰

◎一九八〇年八月廿三日。宣公上人作

天台法匠手眼高 继承祖位秉金刀

励志修行报国德 专心进道谢天曹

长日临座狮子吼 午夜谈经众弗劳

乱世犹能弘正教 功在佛门泽同胞

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên bát nguyệt nhập tam nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên thai pháp tượng thủ nhãn cao

kế thừa tổ vị bình kim đao

lệ chí tu hành báo quốc đức

chuyên tâm tiến đạo tạ thiên tào

trường nhật lâm tọa sư tử hống

ngộ dạ đàm kinh chúng phát lao

loạn thế do năng hoằng chánh giáo

công tại phật môn trạch đồng bào .

Việt dịch:

Thủ nhần pháp tượng Thiên Thai
Kế thừa tổ vị trong tay đao vàng.
Báo quốc gắng sức tu thân
Chuyên tâm tinh tiến tạ ân đất trời.
Sư tử rống, những ngày dài,
Đêm ngày luận pháp chẳng hoài công lao.
Thời loạn giáo pháp càng cao
Công nơi cửa Phật đồng bào nhuận ân.

4.41 天台十四祖螺溪净光尊者 Thiên Thai Tổ XIV Loa Khê Tịnh Quang



尊者。字常照。永嘉胡氏子。幼出家。学止观于竦师。其所领解。犹河南一遍照也。尝寓育王登国清。上方有宝幢座。题曰文殊台。栏楯外隔。欲入不可。俄见观音。从堂而出手。却行马低回相接。忽觉自身与观音体合为一。自后。乐说无尽。世乱经残。师每痛念网罗。因吴越王召问四住。为齐之说。师曰。此出智者妙玄。此经多在海外。王遂遣使往日本求取教典回。为建寺螺溪。扁曰定慧。赐号净光。教观重兴。师之力也。

tôn giả. tự thường chiếu. vĩnh gia hồ thị tử. ấu xuất gia. học chỉ quan vu tủng sư.
kì sở lĩnh giải. do hà nam nhất biến chiếu dã. thường ngụ dục vương đẳng quốc
thanh. thượng phương hữu bảo tràng tọa. đề viết văn thù thai. lan thuần ngoại

cách。dục nhập bất khả。nga kiến quan âm。tòng đường nhi xuất thủ。tức hành
mã đề hồi tương tiếp。hốt giác tự thân dữ quan âm thể hợp vi nhất。tự hậu。lạc
thuyết vô tận。thể loạn kinh tàn。sư mỗi thống niệm vãng la。nhân ngô việt vương
triệu vấn tứ trụ。vi tề chi thuyết。sư viết。thử xuất trí giả diệu huyền。thử kinh đa tại
hải ngoại。vương toại khiển sử vãng nhật bốn cầu thủ giáo điển hồi。vi kiến tự loa
khê。biển viết định tuệ。tứ hào tịnh quang。giáo quan trọng hưng。sư chi lực dã。

Việt dịch:

Tôn giả họ Hồ, tự Thường Chiếu, người Vĩnh Gia. Xuất gia lúc còn nhỏ tuổi, học Chỉ Quán với sư Thanh Tùng, lãnh hội thông suốt như Hà Nam* soi sáng một vùng trời. Sư thường ở chùa Dục Vương đến chùa Quốc Thanh, khi thượng đường bảo tòa có lọng che đề hàng, chữ Văn Thù Đài, lan can che phủ người ngoài không vào được. Sư thấy Bồ tát Quán m từ trên đưa tay ra, sư mau chóng quỳ xuống tiếp đón, chợt thấy tự thân cùng thể với Quán m hợp làm một. Từ đó về sau lạc thuyết vô tận. Thời loạn, kinh điển lạc mất Sư cảm thấy đau lòng trước cảnh đời, nhân Ngô Việt Vương cho hỏi về tứ trụ có phải từ đời Tề thuyết ra chăng. Sư đáp rằng đó là chỗ diệu huyền của Trí Giả, những bản kinh đó hiện đang có ở nước ngoài. Việt vương liền sai sứ sang Nhật Bản cầu được kinh điển mang về, sư giữ kinh tại chùa Loa Khê, đề bảng là Định Tuê. Vua ban hiệu là Tịnh Quang Giáo quán hưng thịnh là nhờ công sức của sư vậy.

.....

* Tôn giả Tuệ Tư, nhị tổ Thiên Thai Tông. 慧思 (515-577), cũng được gọi là Nam Nhạc Tôn giả (南嶽尊者), Tư Đại Thiền sư (思大禪師).

赞曰

体合观音 照用不穷 欲绝之绪 赖师再隆

搜藏烬余 取简海东 赫赫吾师 能亢其宗

tán viết

thể hợp Quan âm

chiếu dụng bất cùng

dục tuyệt chi tự

lại sư tái long

sưu tàng tẫn dư

thủ giản hải đông

hách hách ngô sư

năng kháng kì tông.

Việt dịch:

Thẻ tánh đồng Quán Âm

Chiếu soi bất tận cùng

Đầu mối sắp đứt tuyệt

Lại nhờ sư phục hưng.

Tìm tro tàn bảo tạng

Lấy tin từ bể Đông*

Vĩ đại thay tôn sư

Hằng che chở tông môn.

.....

*Thẻ tre (dùng để ghi chép thời xưa). ◇Thi Kinh 詩經: Khởi bất hoài quy, Úy thủ giản thư 豈不懷歸, 畏此簡書 (Tiểu nhã 小雅, Xuất xa 出車) Há lại không nhớ nhà mà mong về hay sao, Chỉ sợ thẻ thư (cấp báo tin có chiến tranh mà không về được thôi).

或说偈曰

◎一九八〇年九月五日. 宣公上人作

永嘉大圣号净光 承前后后照群芳
观音慈悲为体性 文殊智慧作规章
乐说辩才无穷尽 妙定誓愿有谁当
越王求经东海外 续法功深比玄奘

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên cửu nguyệt ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

vĩnh gia đại thánh hào tịnh quang
thừa tiền khai hậu chiếu quần phương
quan âm từ bi vi thể tính
văn thù trí tuệ tác quy chương
lạc thuyết biện tài vô cùng tận
diệu định thệ nguyện hữu thù đương
việt vương cầu kinh đông hải ngoại
tục pháp công thâm bỉ huyền trang.

Việt dịch:

Vĩnh gia đại thánh Tịnh Quang
Kế thừa, khai mở tỏa làn hương tâm
Từ bi thể tính Quán Âm
Văn Thù trí tuệ dựng làm điển chương.

Lạc thuyết vô tận biện tài

Điều định thệ nguyện ai người tương đương

Cầu kinh đông hải Việt vương

Công sâu nổi pháp Đường tăng sánh cùng.

4.42 天台十五祖宝云义通尊者 Thiên Thai Tổ XV Bảo Vân Nghĩa Thông



尊者。字惟远。高丽国人。姓尹氏。**梵相异常。**顶有肉髻。眉毫宛转。伸长六寸。幼依龟山院出家。学华严起信。来游中国。至天台云居。忽有契悟。及谒螺溪。闻一心三观之旨。乃叹曰。圆顿之学。毕兹辙矣。遂受业焉。四明漕使顾承徽。舍宅为传法院。请师居之。太平兴国七年。赐额曰宝云。师敷扬教观几二十载。端拱元年。右胁而化。荼毗。舍利盈满骨中。葬于阿育王寺之西北隅。后塔坏。其骨有光。舍利五色。滋生骨上。

tôn giả. tự duy viễn. cao lệ quốc nhân. tính duẩn thị. phạm tướng dị thường. đỉnh hữu nhục kế. mi hào uyển chuyển. thân trường lục thốn. ấu y quy san viện xuất gia. học hoa nghiêm khởi tín. lai du trung quốc. chí thiên thai vân cư. hốt hữu khế ngộ. cập yết loa kê. văn nhất tâm tam quan chi chỉ. nãi thán viết. viên đồn chi họ. tất chư triệt hĩ. toại thụ nghiệp yên. tứ minh tào sử cổ thừa huy. xá trạch vi truyện pháp viện. thỉnh sư cư chi. thái bình hưng quốc thất niên. tứ ngạch viết bảo vân. sư phu dương giáo quan kỉ nhị thập tái. đoan củng nguyên niên. hữu hiệp nhi hóa. đồ bì. xá lợi doanh mẫn cốt trung. táng vu a dục vương tự chi tây bắc ngung. hậu tháp phôi. kì cốt hữu quang. xá lợi ngũ sắc.滋生骨上.

Việt dịch:

Tôn giả họ Doãn, tự Duy Viễn, người nước Đại Hàn, tướng thanh tịnh khác lạ, trên đầu có nhục kế, lông mày dài đến sáu tấc. Thuở nhỏ theo viện Quy Sơn xuất gia, học kinh Hoa Nghiêm, luận Đại thừa Khởi Tín. Sư sang Trung quốc đến núi Thiên Thai chiêm bái, chợt khế ngộ. Lại đến học sư Loa Khê, nghe yếu chỉ nhất tâm tam quán, tán thán rằng: cái học viên đồn, rốt ráo là con đường này!. Sư hết lòng hấp thụ giáo pháp. Quan tào sứ huyện Tứ Minh là Cổ thừa Huy cống hiến nhà ở làm nơi giảng pháp, thỉnh sư trụ trì. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ bảy (982) đời nhà Tống, vua Tống Thái Tông ban bằng đề là Bảo Vân. Từ đó sư tận lực xiển dương giáo quán Thiên Thai có đến 20 năm. Năm Đoan Cung thứ nhất (988) sư nằm quay sang phía hữu mà nhập diệt. Môn đồ hỏa táng thu xá lợi rất nhiều, táng nơi góc Tây Bắc chùa A Dục Vương. Về sau tháp bị hư hỏng nhưng ánh sáng năm màu vẫn phát ra trên cốt.

赞曰

巍巍梵表 东海之杰 来学中华 圆顿毕辙

宝云弥布 法韵超越 舍利磷砌 证甘露灭

tán viết

nguy nguy phạm biểu

đồng hải chi kiệt

lai học trung hoa

viên đồn tất triệt

bảo vân di bố

pháp vận siêu việt

xá lợi lân thể

chứng cam lộ diệt

Việt dịch:

U nghi tướng thanh tịnh

Bạc kiết xuất biển Đông

Đến Trung Hoa cầu học

Viên đốn chỗ tận cùng.

Bảo Vân khéo bồi đắp

Pháp âm vượt hư không

Ngọc xá lợi trong suốt

Cam lồ tịch diệt đồng.

或说偈曰

◎一九八〇年九月廿日。宣公上人作

佛教本是宗大同 种族国界各圆融

高丽曾降人中圣 日本续传法门灯

震旦重兴摩诃衍 西域盛行罗汉松

虚空包含纳万有 众流奔海泯西东

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên cửu nguyệt nhập nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Phật giáo bản thị tông đại đồng

chủng tộc quốc giới các viên dung
cao lệ tăng hàng nhân trung thánh
nhật bản tục truyền pháp môn đăng

chấn đản trọng hưng ma ha diễn
tây vực thịnh hành la hán tùng
hư không bao hàm nạp vạn hữu
chúng lưu bên hải mấn tây đông

Việt dịch:

Pháp Phật vốn cùng một tông
Giống dòng, đất nước viên dung đại đồng.
Thánh nhân Cao Ly giảng trần
Nhật Bản tiếp nối pháp đăng giáo truyền.

Đại thừa Chấn Đản trọng hưng
La Hán Tây Vực cang cường như thông
Vạn pháp một bầu hư không
Muôn dòng hòa với biển Đông một nguồn.

4.43 天台十六祖 四明法智尊者 Thiên Thai Tổ XVI Tứ Minh Pháp Trí



尊者。 讳知礼。四明金氏子。母梦神僧携童子遗之。曰。此佛子罗睺罗也。因有妊。暨生。神宇清粹。年十五受具。从宝云习天台教观。其父梦云以瓶水注师口。自是。圆顿之旨。一受即了。云归寂。师复梦。贯云之首。撰于左臂而行。师自解曰。将初表作受习流通。次表操持种智之首。化行于世也。出世。广设问难。发明台宗正旨。号中兴焉。天圣六年。念佛而逝。露龕二七。颜色如生。荼毗。舌根不坏。五色舍利。莫知其数。

tôn giả. húy tri lễ. tứ minh kim thị tử. mẫu mộng thần tăng huê đồng tử di chi. viết
。thử phật tử la hầu la dã. nhân hữu nhâm. kì sanh. thần vũ thanh túy. niên thập
ngũ thụ cụ. tông bảo vân tập thiên thai giáo quán. kì phụ mộng vân dĩ bình thủy chú
sư khẩu. tự thị. viên đồn chí chỉ. nhất thụ tức liễu. vân quy tịch. sư phục mộng.
quán vân chí thủ. hoàn vu tả tí nhi hành. sư tự giải viết tướng sơ biểu tác thụ tập lưu
thông. thứ biểu thao trì chủng trí chí thủ. hóa hành vu thế dã. xuất thế. nghiêm thiết
vấn nạn. phát minh thai tông chánh chỉ. hào trung hưng yên. thiên thánh lục niên.
niệm phật nhi thệ. lộ kham nhị thất. nhan sắc như sanh. đồ bì. thiết căn bất phôi.
ngũ sắc xá lợi. mạc tri kì số.

Việt dịch:

Tôn giả Tứ Minh Pháp Trí họ Kim, tự Tri Lễ. Người mẹ nằm mộng thấy một vị thiên tăng dẫn một đồng tử vào nhà, để lại và bảo: Đây là La Hầu La con Đức Phật, nhân đó mang thai sinh ra sư, phong cách thuần hậu. Năm 15 tuổi thọ giới cụ túc, theo sư Bảo Vân học Thiên Thai giáo quán. Người cha nằm mộng thấy tôn giả Bảo Vân cầm một bình rót nước vào miệng sư. Từ đó giáo pháp viên đồn chỉ nghe qua là liễu đạt. Sư Bảo Vân thị tịch, sư lại mộng thấy bọc đầu Thầy mang trên vai trái mà đi. Sư tự giải thích tướng đầu biểu thị cho việc lưu truyền sở học, cũng biểu thị việc nắm đầu mỗi chủng trí hóa đạo xuất thế. Sư đưa ra nhiều nghi vấn từ đó thấu tỏ điểm chánh yếu của Thiên Thai tông. Niên hiệu Trung Hưng, năm Thiên Thánh thứ sáu, sư niệm Phật mà qua đời. Nhục thân để lộ nơi khám trong 14 ngày, sắc diện vẫn như còn sống. Khi hỏa táng lưỡi không cháy, xá lợi năm màu nhiều vô số.

贊曰

台宗雕殘 其復未久 賴佛真子 操智種首
掃除異計 作獅子吼 惟一具字 折服眾口

tán viết

thai tông điều tàn

kì phục vị cứu

lại phật chân tử

thao trí chủng thủ

tảo trừ dị kế

tác sư tử hồng

duy nhất cụ tự

chiết phục chúng khẩu

Việt dịch:

Tông Thiên Thai điều tàn

Hồi phục chưa bao lâu

Nhờ người con chân chính

Chủng trí, nắm mối đầu.

Quét sạch đường lối sai

Tiếng rống của sư tử

Chỉ một chữ cũng đủ

Khiến ngậm miệng bội phục.

或说偈曰

◎一九八〇年九月廿七日。宣公上人作

四明金氏子如龙 三梦如幻化痴萌

覆障降世娑婆界 神僧护送嘱叮咛

甘露灌口开聪慧 广长舌相流法音

五色舍利难穷数 天台至此又中兴

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ○ niên cửu nguyệt nhập thất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

tứ minh kim thị tử như long

tam mộng như huyền hóa si manh

phú chương giáng thể sa bà giới

thần tăng hộ tống chúc đình ninh

cam lộ quán khẩu khai thông tuệ

quảng trường thiết tướng lưu pháp âm

ngũ sắc xá lợi nan cùng sở

thiên thai chí thử hựu trung hưng

Việt dịch:

Tứ Minh họ Kim như rồng

Như mộng ba cõi trần hồng u mê

Xuống trần, thể tánh lấp che

Thần tăng đưa tiễn như nghe dặn dò.

Tuệ thông, miệng thơm cam lồ

Rộng dài tướng lưới lưu truyền pháp âm

Ngũ sắc xá lợi hằng trăm

Thiên Thai từ đó dự phần trung hưng.

4.44 华严初祖 帝心杜顺和尚 Hoa Nghiêm Sơ Tổ Đế Tâm Đỗ Thuận



雍州义善寺杜顺和尚。姓杜氏。长安万年人。年十八受持定业。后神异甚着。逐虫蚁。驯恶兽。驱邪疗疾。能使聋者听。哑者言。尝度黄渠。其水泛滥。师率众同涉。水为断流。及登岸。水复如故。其神迹类如此。太宗召入。赐号帝心。贞观十四年坐逝。遗体若生时。发异香。有僧礼五台。见老人。谓之曰。文殊今在终南山。杜顺和尚是也。趋归。师已长往。师尤邃于华严。尝集法界观及还源观。授弟子智俨。贤首宗实祖之。

ung châu nghĩa thiện tự đỗ thuận hòa thượng. tính đỗ thị. trường an vạn niên nhân. niên thập bát thụ trì định nghiệp. hậu thần dị thậm trứ. trực trùng nghĩ. tuần ác thú. khu tà liệu tật. năng sử lung giả thánh. ách giả ngôn. thường độ hoàng cừ. kì thủy phiếm dật. sư suất chúng đồng thiệp. thủy vi đoạn lưu. cập đăng ngạn. thủy phục như cố. kì thần tích loại như thử. thái tông triệu nhập.

tứ hào để tâm。trình quan thập tứ niên tọa thế。 di thể nhược sanh thì。 phát di hương。 hữu tăng lễ ngũ thai。 kiến lão nhân。 vị chi viết。 văn thù kim tại chung nam san。 đồ thuận hòa thượng thị dã。 xu quy。 sư dĩ trường vắng。 sư vu thùy vu hoa nghiêm。 thường tập pháp giới quán cập hoàn nguyên quán。 thụ đệ tử trí nghiêm。 hiền thủ tông thật tổ chi。

Viết dịch:

Ung Châu Nghĩa Thiện tự Đồ Thuận hòa thượng, họ Đồ, người Vạn Niên, Trường an năm 18 tuổi thọ trì pháp định, sau đó khí chất phi thường hiện rõ như xua đuổi sâu kiến, thuần thực thú dữ, trừ tà, chữa bệnh tật, khiến kẻ điếc nghe, kẻ câm nói Sư thường vượt sông Hoàng, bấy giờ nước cuộn tràn, sư dẫn đồ chúng vượt qua, nước liền dừng chạy Khi sư và đồ chúng lên bờ thì nước sông trở lại như cũ. Những thần tích đại loại như trên. Vua Đường Thái Tông triệu sư vào cung, ban tặng hiệu là Đế Tâm. Năm Trinh Quán 14 sư thị hiện qua đời, nhục thân vẫn như lúc còn sống, thoảng hương thơm. Có một vị tăng lễ bái nơi núi Ngũ Đài gặp một lão nhân bảo cho biết ngài Văn Thù hiện đang ở tại núi Chung Nam, chính là hòa thượng Đồ Thuận. Vị tăng vội đến thì sư đã mất từ lâu. Với kinh Hoa Nghiêm, sư tu tập pháp giới quán và hoàn nguyên quán, truyền lại cho đệ tử là Trí Nghiêm, tổ của tông Hiền Thủ.

赞曰

华严大海 汪洋莫拟 若非大智 孰窥其底

开法界门 示还源轨 是知吾师 必曼殊氏

tán viết

hoa nghiêm đại hải

uông dương mạc nghĩ

nhược phi đại trí

thục khuy kì để

khai pháp giới môn
kì hoàn nguyên quỹ
thị tri ngô sư
tất mạn thù thị

Việt dịch:

Hoa Nghiêm đại trùng dương
Mênh mông khó so lường
Chẳng là bậc đại trí
Đáy biển ai tận tường.

Mở khai pháp giới môn
Quán hoàn nguyên quỹ đạo
Đó chính thực Thầy ta
Tất nhiên là Mạn Thù.

或说偈曰

◎一九七二年八月十九日。宣公上人作

文殊化现法顺尊 洪水住流鬼神钦
摘星换月平常事 动地翻天谈笑间
龙虎皈依德光感 疾病消除道力坚
可怜愚徒竟不识 五台山畔礼土巅

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên bát nguyệt thập cửu nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Văn thù hóa hiện pháp thuận tôn

hồng thủy trụ lưu quỹ thần khâm

trích tinh hoán nguyệt bình thường sự

động địa phiên thiên đàm tiểu nhàn

long hổ quy y đức quang cảm

tật bệnh tiêu trừ đạo lực kiên

khả liên ngu đồ cánh bất thức

ngũ đài san bạn lễ thổ điền

Việt dịch:

Hiện thân Pháp Thuận, Văn Thù

Ngưng dòng nước cuộn quỹ thần kính tin.

Lạ gì đổi nguyệt, dời sao

Lật trời, chuyển đất xôn xao nói cười.

Cảm đức rồng cộ quy y

Diệt tật, trừ bệnh kiên trì đạo tâm

Thương thay cho kẻ mê lầm

Ngũ Đài bên cạnh, khẩn thềm non cao!

4.45 华严二祖云华智俨法师 Hoa Nghiêm Nhị Tổ Vân Hoa Trí Nghiễm



师。又号至相尊者。俗姓赵氏。生于开皇二十年也。初剃染时。祷于大藏前。抽得华严首卷。终日诵阅。遂往杜顺和尚所。侍听未久。尽得玄旨。尚以所集观法传与祖。习令其讲授。偶遇异僧。谓曰。欲解华严一乘之宗者。十地中六相之义是也。静摄思之。当自知耳。因即淘研。豁然贯通。从此数讲华严。宗风大振。名遍寰中。总章元年。告门人曰。吾将暂往净方也。不逾月。遂说法而逝。世寿七十二矣。

sư. hựu hào chí tướng tôn giả. tục tính triệu thị. sanh vu khai hoàng nhị thập niên dã. sơ thể nhiễm thì. đảo vu đại tạng tiền. trừu đắc hoa nghiêm thủ quyển. chung nhật tụng duyệt. toại vãng đảo thuận hòa thượng sở. thị thính vị cửu. tấn đắc huyền chỉ. thượng dĩ sở tập quan pháp truyền dữ tổ. tập lệnh kì giảng thụ. ngẫu ngộ dị tăng. vị viết. dục giải hoa nghiêm nhất thừa chi tông giả. thập địa trung lục tương chi nghĩa thị dã. tĩnh nhiếp tư chi. đương tự tri nhĩ. nhân tức đào nghiêm. hoát nhĩ quán thông. tông thử sở giảng hoa nghiêm. tông phong đại chấn. danh biến hoàn trung. tổng chương nguyên niên. cáo môn nhân viết. ngô tương tạm vãng tịnh phương dã. bất du nguyệt. toại thuyết pháp nhi thệ. thể thọ thất thập nhị hĩ.

Việt dịch:

Sư còn được gọi là Chí Tướng tôn giả. Trước khi xuống tóc, Sư làm lễ trước Đại tạng và rút từ đó một quyển kinh ra để tu theo. Quyển kinh đó là quyển đầu bộ kinh Hoa Nghiêm, và từ đó Sư trì chí tụng đọc kinh này. Sư bắt đầu học Phật với ngài Đỗ Thuận, sau một thời gian, sư thông thạo các giáo lí Đại thừa, đắc được huyền chỉ. Lại được truyền giao pháp quán để nối tiếp việc giảng giải. Tình cờ sư gặp một vị tăng lạ bảo sư rằng nếu muốn diễn giải tông chỉ nhất thừa của kinh Hoa Nghiêm thì chính là nghĩa của

sáu tướng trong mười địa. Sư tĩnh tâm suy tư, nhân đó nghiền ngẫm, đột nhiên quán sát thông suốt. Sư theo đó mà giảng kinh Hoa Nghiêm, đại chấn hưng tông phong, vang danh khắp nơi. Năm Tổng Chương thứ nhất (668) sư bảo môn nhân: Ta sắp đi về cõi tịnh. Không hơn một tháng sau, sư nói pháp rồi qua đời, trụ thế 72 năm.

赞曰

帝心适子 贤首真师 华严奥旨 尽皆了知

静观禅定 非聋非痴 觑破法界 粉碎太虚

tán viết

đế tâm thích tử

hiền thủ chân sư

hoa nghiêm áo chỉ

tận giai liễu tri

tĩnh quán thiền định

phi lung phi si

thứ phá pháp giới

phấn toái thái hư

Việt dịch:

Đế Tâm bậc Thích tử

Là tôn sư Hiền Thủ

Áo nghĩa kinh Hoa Nghiêm

Đều tận tường hiểu rõ.

Định thần tĩnh tâm quán
Không điếc cũng không ngu
Mở toang mười pháp giới
Đập vỡ bầu thái hư.

或说偈曰

◎一九七二年八月廿六日。宣公上人作

至相尊者诵华严 偶遇异僧指玄篇
十地六相传奥妙 九会七处露真诠
天边白云无所住 海底明月有何言
来来去去波罗蜜 了生脱死大涅槃

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên bát nguyệt nhập lục nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

chí tương tôn giả tụng hoa nghiêm
ngẫu ngộ dị tăng chỉ huyền thiên
thập địa lục tướng truyền áo diệu
cửu hội thất xứ lộ chân thiên

thiên biên bạch vân vô sở trụ
hải đế minh nguyệt hữu hà ngôn

lai lai khứ khứ ba la mật
liễu sanh thoát tử đại niết bàn

Việt dịch:

Sư Chí Tướng tụng Hoa Nghiêm,
Nghĩa kinh huyền áo đưa duyên gặp thầy
Thập địa lục tướng chỉ bày
Chín hội, bảy xứ giải ngay cội nguồn.

Ven trời mây trắng vẫn trôi
Bể sâu trắng tỏ có lời nào đâu.
Ba la mật, đến rồi đi
Thoát vòng sinh tử khác chi Niết Bàn.

4.46 华严三祖贤首法藏法師 Hoa Nghiêm Tam Tổ Hiền Thủ Pháp Tạng



師。諱法藏。康居國人。姓康氏。來居長安。往侍智儼。盡得其教。以巾幘說法。武后度之為僧。乙未詔師開示華嚴宗旨。方序經題。口出白光。須臾成蓋。后大悅。賜號賢首。詔佐實叉難陀譯華嚴經。既畢。詔講新經。大地震動。即日指殿隅金獅子為曉譬之因。其說着金師子章。睿宗受內禪。請師授菩薩大戒。師講華嚴三十余遍。楞伽。密嚴。梵網。起信。心經。皆有義疏。先天元年。終于大荐福寺。贈鴻臚卿。是為華嚴三祖。

sư. hủ pháp tàng. kháng cư quốc nhân. tính kháng thị. lai cư trường an. vãng thị trí nghiêm. tận đắc kì giáo. dĩ cân trách thuyết pháp. vũ hậu độ chi vi tăng. ất vị chiếu sư khai kì hoa nghiêm tông chỉ. phương tự kinh đề. khẩu xuất bạch quang. tu du thành cái. hậu đại duyệt. tứ hào hiền thủ. chiếu tá thật xoa nan đà dịch hoa nghiêm kinh. kí tất. chiếu giảng tân kinh. đại địa chấn động. tức nhật chỉ điện ngưng kim sư tử vi hiểu thí chi nhân. kì thuyết trừ kim sư tử chương. duệ tông thụ nạp thiên. thỉnh sư thụ bồ tát đại giới. sư giảng hoa nghiêm tam thập dư biến. lắng già. mật nghiêm. phạm võng. khởi tín. tâm kinh. giai hữu nghĩa sở. tiên thiên nguyên niên. chung vu đại tiến phúc tự. tặng hồng lư khanh. thị vi hoa nghiêm tam tổ.

Việt dịch:

Sư họ Khang, húy là Pháp Tạng, người nước Khang Cư*, đến Trường An cư trú, theo hầu sư Trí Nghiêm, đắc được huyền pháp, thuyết giảng khi chưa xuất gia. Năm Ất Mùi Vũ hậu ra lệnh cho sư xuất gia, ban chiếu tuyên giảng tông chỉ kinh Hoa Nghiêm. Khi sư bắt đầu giảng đề kinh, miệng phát ra hào quang trắng kết thành lọng. Vũ hậu rất vui lòng, ban tặng hiệu là Hiền Thủ, xuống chiếu thỉnh sư giúp sư Nan Đà dịch kinh Hoa Nghiêm. Việc dịch kinh hoàn tất, sư nhận chiếu giảng tân kinh, đại địa chấn động khi sư dùng con sư tử vàng nơi góc điện làm thí dụ. Sư lại biên soạn Kim Sư Tử Chương. Vua Duệ Tông hiểu được thiên, thỉnh sư để thọ bồ tát giới. Sư từng giảng kinh Hoa Nghiêm đến hơn 30 lần, chú giải kinh Lăng Già, Mật Nghiêm, Phạm Võng, luận Đại thừa Khởi Tín, Tâm kinh Bát Nhã đều giảng sở. Năm Tiên Thiên thứ nhất, sư thị tịch tại chùa Đại Tiến Phước, vua ban hiệu là Hồng Lư Khanh, trở thành vị tổ thứ ba tông Hoa Nghiêm.

.....

* Nước Khang Cư 康居国 Kangju : Hán văn còn gọi là nước Túc Đặc 粟特 Sute. Đây là một vương quốc cổ ở Trung Á (Central Asia) tên là Sogdiana, nằm ở vùng đất giữa ba nước Tajikistan, Kyrgyzstan và Uzbekistan ngày nay. Nằm ở giữa hai con sông Amu Darya và con sông Syr Darya. Với những thành phố lớn như : Samarland, Bukhara, Khujand và Kesh.

赞曰

来必有因 燃指立誓 游毗卢海 穷法界致

口门放光 神京震地 伟哉吾师 垂范万世

tán viết

lai tất hữu nhân

nhiên chỉ lập thệ

du bì lô hải

cùng pháp giới trí

khẩu môn phóng quang

thần kinh chấn địa

vĩ tai ngô sư

thùy phạm vạn thể

Việt dịch:

Đến tất có nguyên nhân

Đốt ngón tay lập nguyện

Đi trên biển Tỳ Lô

Khắp tận cùng pháp giới.

Miệng phóng ánh hào quang

Kinh thành đất chấn động

Vĩ đại thay tôn sư

Ban khuôn phép muôn đời.

或说偈曰

◎一九七二年九月二日。宣公上人作

华严大教遍三千 普化群机舍慳贪
重重妙理无尽义 了了玄宗有后贤
讲说放光天悬盖 修习断流水立澗
国师道德昭今古 仰望思齐永延绵

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên cửu nguyệt nhị nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

hoa nghiêm đại giáo biến tam thiên
phổ hóa quần cơ xả san tham
trọng trọng diệu lý vô tận nghĩa
liễu liễu huyền tông hữu hậu hiền

giảng thuyết phóng quang thiên huyền cái
tu tập đoạn lưu thủy lập quyên
quốc sư đạo đức chiêu kim cổ
ngưỡng vọng tư tề vĩnh diên miên

Việt dịch:

Hoa Nghiêm trải khắp tam thiên
Dạy người buông xả san tham bao trùm
Vô tận diệu lý trùng trùng
Huyền nghĩa sáng tỏ lại cùng hiền nhân.

Giảng kinh quang kết, lộng buông
Khiến dòng ngưng chảy tỏ tường công phu
Quốc sư đạo đức thiên thu
Tự tề* ngưỡng mộ dài lâu vững bền .

.....

* Một thiên trong Đại Nhã, kinh Thi, nói về việc làm của thánh nhân.

4.47 贤首四祖清凉澄观 **Hiền Thủ Tứ Tổ Thanh Lương Trùng Quán**



国师。讳澄观。字大休。山阴人。姓夏侯氏。身長九尺四寸。垂手过膝。口四十齿。目光夜发。昼乃不眵。日记万言。七行俱下。才供二笔。年十一出家。尝以十事自励。尝问径山钦西来宗旨。默受印记。住五台山。疏华严经。后居京师。德宗迎入内。赐号清凉国师。生历九朝。为七帝门师。开成三年坐逝。寿百二十岁。塔于终南。名曰妙觉。后有僧至。阙言。在葱岭见金神。取华严菩萨大牙。归供养耳。有旨启塔。貌如生而失二牙。

quốc sư. húy trùng quán. tự đại hưu. san âm nhân. tính hạ hầu thị. thân trường cửu xích tứ thốn. thủy thủ quá tất. khẩu tứ thập xỉ. mục quang dạ phát. trú nãi bất thuẩn. nhật kí vạn ngôn. thất hành câu hạ. tài cung nhị bút. niên thập nhất xuất gia. thường dĩ thập sự tự lệ. thường vấn kính san khâm tây lai tông chỉ. mặc thụ ấn kí. trụ ngũ đài san. sở hoa nghiêm kinh. hậu cư kinh sư. đức tông nghênh nhập nội. tứ hào thanh lương quốc sư. sanh lịch cửu triều. vi thất đế môn sư.

khai thành tam niên tọa thế。thọ bách nhị thập tuế。tháp vu chung nam。danh viết
diệu giác。hậu hữu tăng chí。khuyết ngôn。tại thông lĩnh kiến kim thần。thủ hoa
nghiêm bồ tát đại nha。quy cung dưỡng nhĩ。hữu chỉ khai tháp。mạo như sanh nhi
thất nhị nha。

Việt dịch:

Quốc sư họ Hạ Hầu, húy Trùng Quán, tự là Đại Hưu, người San m. Sư cao 9 thước 4
tấc, tay dài quá đầu gối, miệng có 40 cái răng, ban đêm mắt phát ánh sáng, ngày thì
không chớp mắt, một ngày có thể ghi hàng vạn lời, một lần có thể đọc đến bảy hàng, lại
có tài viết với hai chuyện một lần. Năm 11 tuổi xuất gia. Sư thường dùng mười sự để tự
khích lệ, thường thỉnh vấn sư Kính Sơn về tông chỉ từ phương Tây đến. Sư thăm nhận
ấn ký, trú tại Ngũ Đài Sơn viết Hoa Nghiêm kinh sớ, sau đó về làm sư trong kinh thành.
Vua Đức Tông nghênh tiếp mời vào cung, ban hiệu là Thanh Lương quốc sư. Sư sống
trải qua chín triều đại, làm thầy cho bảy vua. Năm Khai Thành thứ ba sư ngồi mà hóa,
thọ 120 tuổi, tháp dựng nơi núi Chung Nam, gọi tên là Diệu Giác. về sau có một vị tăng
đến cung vua tâu rằng sư gặp kim thần tại Thông Lĩnh lấy chiếc răng lớn của bồ tát
Hoa Nghiêm về cúng dường. Vua liền truyền thánh chỉ mở tháp thì thấy tượng mạo vẫn
như lúc còn sống nhưng mất hai cái răng.

赞曰

报缘之胜 我不暇致 毓德之粹 吾无能指

以法海慧 穷法界旨 岂七帝师 仪型万世

tán viết

báo duyên chi thắng

ngã bất hạ trí

dục đức chi túy

ngô vô năng chỉ

dĩ pháp hải tuệ

cùng pháp giới chỉ
khởi phát để sự
nghĩ hình vạn thể

Việt dịch:

Báo duyên nghĩa thù thắng
Ta chẳng phải nhân hạ
Nuôi dưỡng đức tinh tú
Mà không thể chỉ ra.

Lấy biển pháp làm tuệ
Tâm ý tận pháp giới
Làm thầy của bảy vua
Khuôn mẫu cho muôn đời.

或说偈曰

◎一九七二年九月九日。宣公上人作

华严菩萨号清凉 演述无量妙玄章
口吐莲华周法界 手着宝疏遍遐荒
垂指过膝帝王相 请牙供养文殊堂
光明永照未来际 志心顶礼法中皇

hoặc thuyết kệ viết

© nhất cử thất nhị niên cửu nguyệt cửu nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

hoa nghiêm bồ tát hào thanh lương
diễn thuật vô lượng diệu huyền chương
khẩu thổ liên hoa chu pháp giới
thủ trứ bảo số biến hà hoang

thùy chỉ quá tất đế vương tướng
thỉnh nha cung dưỡng văn thù đường
quang minh vĩnh chiếu vị lai tế
chí tâm đĩnh lễ pháp trung hoàng

Việt dịch:

Hoa Nghiêm bồ tát Thanh Lương
Diễn thuật vô lượng huyền chương diệu kỳ
Miệng nhả sen báu đó đây
Nẻo xa số quý viết tay tận tường

Tay dài hiện tướng đế vương
Văn Thù điện các, thỉnh rặng cúng dường
Quang minh chiếu tận vị lai
Chí tâm đĩnh lễ dưới đài pháp vương.

4.48 贤首五祖圭峰宗密 Hiền Thủ Ngũ Tổ Khuê Phong Tông Mật



师。姓何。果州人。唐元和二年赴贡举。值遂州道圆禅师。因求披剃。一日。于任灌家赴斋。得圆觉经。诵未终。即感悟。圆曰。此经佛授汝耳。速参方去。后谒荆南忠。洛阳照。皆契印。可继览华严疏。欣然曰。吾逢圆觉。心地开通。今遇此疏。何其幸哉。乃以书达清凉。叙门人之礼。观国师荅书印可曰。毗卢性海。与吾同游者。舍汝其谁欤。文宗诏赐紫衣。着有论疏九十余卷。及灭。荼毗。得舍利如玉。塔曰青莲。宣宗追谥定慧。

sư. tính hà. quả châu nhân. đường nguyên hòa nhị niên phó cống cử. trị toại châu đạo viên thiên sư. nhân cầu phi thể. nhất nhật. vu nhậm quán gia phó trai. đắc viên giác kinh. tụng vị chung. tức cảm ngộ. viên viết. thử kinh phật thụ nhữ nhĩ. tốc tham phương khứ. hậu yết kinh nam trung. lạc dương chiếu. giai khế ấn. khả kế lâm hoa nghiêm sớ. hân nhiên viết. ngô phùng viên giác. tâm địa khai thông. kim ngộ thử sơ. hà kì hạnh tai. nãi dĩ thư đạt thanh lương. tự môn nhân chi lễ. quan quốc sư đáp thư ấn khả viết. bì lô tính hải. dữ ngô đồng du giả. xá nhữ kì thù y dư. văn tông chiếu tứ tử y. trừ hữu luận sơ cửu thập dư quyển. cập diệt. đồ bì. đắc xá lợi như ngọc. tháp viết thanh liên. tuyên tông truy thí định tuệ.

Việt dịch:

Sư họ Hà, người Quả Châu. Năm thứ hai Nguyên Hòa đời Đường sư đến kinh đô ứng tiền sĩ, đi qua Toại Châu nghe sư Đạo Viên thuyết pháp liền xin theo xuất gia. Một hôm, nhận lời mời thọ trai, sư được nghe tụng kinh Viên Giác, chưa nghe hết thời kinh, sư cảm ngộ. Sư Đạo Viên nói: "Kinh này do Phật trao cho con. Hãy mau đi các phương tham học." Sau đó đến Kinh Nam gặp sư Tuệ Trung Lại đến lạc Dương gặp sư Thần Chiếu, cả hai vị đều ấn chứng cho sư. Đọc được Hoa Nghiêm Sớ thì vui mừng cảm thán: Ta trước gặp kinh Viên giác tâm địa khai thông. Nay được sớ này thực là may mắn. Sư liền gởi thư đến sư Thanh Lương xin làm môn đồ. Quốc sư đáp thư chấp

thuận, nói: "Biển tánh tỳ lô, ta cùng người du hành, ông là người ấy chẳng". Vua Văn Tông ban tặng áo tía. Sư biên soạn hơn 90 quyển luận sớ trước khi qua đời. Hỏa táng được xá lợi trong như ngọc. Tháp đề hiệu là Thanh Liên. Tuyên công ban tặng hiệu là Định Tuệ.

赞曰

禪教分馳 合一者少 唯師一觸 二途俱了
为教之祖 为禪之表 灭诤启迷 如日初晓

tán viết

thiền giáo phân trì

hợp nhất giả thiểu

duy sư nhất xúc

nhị đồ câu liễu

vi giáo chi tổ

vi thiền chi biểu

diệt tránh khái mê

như nhật sơ hiểu

Việt dịch:

Thiền giáo mau phân tán

Hợp nhất chẳng bao nhiêu

Riêng sư khi xúc chạm

Hai đường đều rõ thông.

Với giáo thì làm tổ
Với thiền làm gương mẫu
Diệt tranh chấp, trừ mê
Như mặt trời vừa lên.

或说偈曰

◎一九七二年九月十六日。宣公上人作

天賦奇才迥不同 道公具眼識象龍
初逢圓覺深省悟 繼遇華嚴幸何如
負擔世尊聖家業 親承清涼賢法徒
大教總持無人我 虛空塵刹好優悠

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên cửu nguyệt thập lục nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiên tặc kỳ tài huýnh bất đồng
đạo công cụ nhãn thức tượng long
sơ phùng viên giác thâm tĩnh ngộ
kế ngộ hoa nghiêm hạnh hà như

phụ đảm thể tôn thánh gia nghiệp
thân thừa thanh lương hiền pháp đồ

đại giáo tổng trì vô nhân ngã
hư không trần sát hảo ưu du

Việt dịch:

Tài cao thiên phú chẳng đồng
Mắt nhìn chính đạo biết rồng biết voi
Gặp Viên Giác tĩnh mộng dài
Hoa Nghiêm lại thấy, dịp may ai ngờ.

Gánh vác thánh nghiệp Thế tôn
Thừa kế hiền pháp Thanh Lương cơ đồ
Tổng trì không ngã không nhân
Rong chơi trong cõi thế trần* hư không.

.....

*trần sát 尘刹 : thế giới nhiều như bụi trần, còn gọi là quốc độ.

4.49 慈恩唐三藏玄奘 Từ Ân Đường Tam Tạng Huyền Trang



法師。洛陽緱氏人。姓陳。幼出家。貞觀三年。詣闕上表往西域取經。帝不許。遂私出玉
關。周游西域百三十國。得梵本經論六百五十七部。以貞觀十九年歸。房玄齡表聞。詔見

于仪殿。敕翻译诸经论。帝为制圣教序。建大塔安奉新经。麟德甲子。将示寂。令左右同唱慈氏如来号而逝。是夕。有白虹四道。自北亘南贯井宿。俄有僧奉旃檀香至。用涂师体。遂启龕。颜色如生。其僧涂毕。恍然不见。是为慈恩二祖。

pháp sư. lạc dương câu thị nhân. tính trần. ấu xuất gia. trình quan tam niên. nghệ khuyết thượng biểu vãng tây vực thủ kinh. để bắt hứa. toại tư xuất ngọc quan. chu du tây vực bách tam thập quốc. đặc phạm bản kinh luận lục bách ngũ thập thất bộ. dĩ trình quan thập cửu niên quy. phòng huyền linh biểu văn. chiếu kiến vu nghi điện. sắc phiên dịch chư kinh luận. để vi chế thánh giáo tự. kiến đại tháp an phụng tân kinh. lân đức giáp tử. tương kì tịch. lệnh tả hữu đồng xướng từ thị như lai hào nhi thể. thị tịch. hữu bạch hồng tứ đạo. tự bắc tuyên nam quán tỉnh túc. nga hữu tăng phụng chiên đàn hương chí. dụng đồ sư thể. toại khai kham. nhan sắc như sanh. kì tăng đồ tất. hoảng nhiên bất kiến. thị vi từ ân nhị tổ.

Việt dịch:

Pháp sư họ Trần, người Câu Thi, Lạc Dương, xuất gia từ nhỏ. Năm Trinh Quán thứ ba (629), sư đến cung đình dâng biểu in sang Tây Vực thỉnh kinh, vua không chấp thuận, sư liền lên vượt qua cửa Ngọc Quan, chu du 130 nước thuộc Tây Vực, số kinh luận bản tiếng Phạn thỉnh được mang về là 657 bộ, đến năm Trinh Quán thứ 19 mới về. Phòng Huyền Linh đọc biểu nghênh đón tại cung đình. Vua ban chiếu phiên dịch, viết tựa thánh giáo, xây tháp lớn để giữ các bộ kinh này. Năm Lân Đức Giáp Tý (664), lúc sắp thị tịch, sư bảo đồ chúng đồng xướng danh hiệu Như Lai Từ Thị, rồi qua đời. Có bốn đạo cầu vòng trắng từ hướng Bắc kéo xuống hướng Nam, ngang qua sao Tỉnh. Có một vị tăng cúng dường hương chiên đàn để xoa trên thân thể sư. Khi mở khám, nhan sắc như lúc còn sống. Khi vị tăng xoa hương xong thì đột nhiên không thấy vị tăng nữa. Sư là tổ thứ nhất tông Từ Ân.

赞曰

少历讲席 神悟擅声 间关求法 委命秉诚

五百余部 穷高极深 大教斯备 相宗始弘

tán viết

thiếu lịch giảng tịch
thần ngộ thiện thanh
gian quan cầu pháp
ủy mệnh bình thành

ngũ bách dư bộ
cùng cao cực thâm
đại giáo tư bị
tướng tông thủy hoằng

Việt dịch:

Thiếu thời từng thuyết giảng
Nghe được diệu âm thanh
Vượt quan ải cầu pháp
Thọ mệnh giữ vững thành.

Hơn năm trăm bộ kinh
Cùng tuyệt chỗ cao sâu
Đại giáo pháp hoàn bị
Pháp tướng tông khởi đầu.

或说偈曰

◎一九七二年九月廿三日。宣公上人作

古今中外无二人 为法忘躯涉险辛

精诚感动诸天护 佳愿堪回大地春
百折不挠金刚志 万魔难退菩提心
六度桃开征祥瑞 仰望慈恩再来临

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên cửu nguyệt nhập tam nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

cổ kim trung ngoại vô nhị nhân
vi pháp vong khu thiệp hiểm tân
tinh thành cảm động chư thiên hộ
giai nguyện kham hồi đại địa xuân

bách chiết bất nạo kim cương chí
vạn ma nan thoái bồ đề tâm
lục độ đào khai chinh tường thụ
ngưỡng vọng từ ân tái lai lâm

Việt dịch:

Cổ kim chỉ có một người
Quên thân vì pháp cận kề hiểm nguy
Tâm thành cảm động chư thiên
Nguyện ngày trở lại xuân riêng một trời.

Như kim cương chí chẳng với
Muôn nghìn ma chướng không rời đạo tâm
Sáu lần điềm nở đào hồng
Dâng hoa ngưỡng vọng Từ Ân trở về.

4.50 慈恩唐三车窥基 Từ Ân Đường Tam Xa Khuy Cơ



法師。尉迟氏。代郡人。鄂国公敬德之侄。金吾将军敬宗之子。从奘师入道。参译经义。禀受瑜伽师地唯识宗旨。撰述疏钞及于百部。时号百部论师。性豪侈。每出。服食经书。具载三车。号三车法师。初道宣弘律感天神供饌。师一日访宣。其日过午。天饌不至。及师去。天神乃降。曰。适见大乘菩萨。翊卫严甚。无自而入。师晚年祈生内院。永淳元年入灭。相宗自玄奘禀承。戒贤始唱。复得师佐之。其道大显。是为慈恩三祖。

pháp sư. Uất Trì thị. đại quận nhân. ngạc quốc công kính đức chi chất. kim ngô tương quân kính tông chi tử. tông trang sư nhập đạo. tham dịch kinh nghĩa. bầm thụ du già sư địa duy thức tông chỉ. soạn thuật sơ sao cập vu bách bộ. thì hào bách bộ luận sư. tính hào xỉ. mỗi xuất. phục thực kinh thư. cụ tái tam xa. hào tam xa pháp sư. sơ đạo tuyên hoằng luật cảm thiên thần cung soạn. sư nhất nhật phóng tuyên. kì nhật quá ngộ. thiên soạn bát chí. cập sư khứ. thiên thần nãi hàng. viết. quát kiến đại thừa bồ tát. dục vệ nghiêm thậm. vô tự nhi nhập. sư văn niên kì sanh nội viện. vĩnh thuần nguyên niên nhập diệt. tương tông tự huyền trang bầm thừa. giới hiền thủy xướng. phục đắc sư tá chi. kì đạo đại hiển. thị vi từ ân tam tổ.

Việt dịch:

Pháp sư họ Uất Trì, người Đại Quận, là cháu của Ngạc Quốc Công Kính Đức, con của Kim Ngô, tướng quân Kính Tông, theo sư Huyền Trang vào đạo, tham dịch nghĩa kinh, lãnh thọ tông chỉ Du Già Sư Địa Duy Thức, soạn thuật đến trăm bộ số sao, có hiệu là Bách Bộ Luận Sư tính hào phóng, mỗi khi ra ngoài mang theo đầy đủ y phục, thực phẩm, kinh thư nên có hiệu là Tam Xa pháp sư. Lúc sư Đạo Tuyên khởi đầu việc hoằng hóa Luật tạng, được thiên thần cảm ứng nên cúng dường thức ăn. Một hôm, vào buổi trưa sư đến thăm sư Đạo Tuyên đã quá giờ Ngọ mà thiên thần không đến. Lúc sư đi rồi thì thiên thần mới hiện xuống, nói rằng nhìn Bồ tát Đại thừa có hộ vệ canh phòng nghiêm trang nên không dám tự ý vào. Những năm cuối đời sư nguyện sinh về [Đâu suất] nội viện. Năm Vĩnh Thuần thứ nhất (682) sư nhập diệt. Pháp Tướng Tông do sư Huyền Trang bẩm thừa từ sư Giới Hiền khởi xướng, lại được sư giúp sức nên đạo pháp hiển bày. Sư là vị tổ thứ ba tông Từ Ân.

赞曰

唯识一家 其义最微 焚得其诀 非师孰窥

撰疏述钞 直扬其微 如暗得炬 百世所归

tán viết

duy thức nhất gia

kì nghĩa tối vi

trang đặc kì quyết

phi sư thực khuy

soạn sơ thuật sao

trực dương kì huy

như ám đặc cự

bách thể sở quy

Việt dịch:

Một tòa nhà duy thức

Nghĩa tối thắng vi diệu

Huyền Trang đạt bí quyết

Không sư ai người biết.

Biên soạn số thuật sao

Pháp hiển dương rực rỡ

Như đuốc sáng đêm đen

Trăm đời cùng gặp gỡ.

或说偈曰

◎一九七二年九月卅日。宣公上人作

迷三车后悟三车 大转法轮一字多

夙修苦行习禅定 今辅译场演摩诃

论议百部阐秘要 经疏万卷化娑婆

惜哉未尝天人供 黑甜乡里尚呼喝

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên cửu nguyệt tạp nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

mê tam xa hậu ngộ tam xa
đại chuyển pháp luân nhất tự đa
túc tu khổ hạnh tập thiện định
kim phụ dịch tràng diễn ma ha

luận nghị bách bộ xiển bí yếu
kinh số vạn quyển hóa sa bà
tích tại vị thường thiên nhân cung
hắc điền hương lí thượng hô hát

Việt dịch:

Trước mê sau ngộ cũng ba xe
Pháp luân, một chữ cũng là dư.
Khổ hạnh, định thiền, xưa tu tập
Nay góp công lao dịch đại thừa.

Trăm bộ luận kinh tham bí yếu
Số sao vạn quyển hóa sa bà
Tiếc bởi người trời chưa cung dưỡng
Giấc mộng đêm hương một tiếng gào.

4.51 瑜伽唐三藏不空 Du Già Đường Tam Tạng Bất Không



师。西域人。幼随叔父观光上国。值**金**刚智上师。从之。传瑜伽义。智授声明论及五部。并苏悉地仪轨。西游天竺。至师子国。遇龙智。授坛法。并传经论五百余部。自师子国归。至广州。采访使刘巨济建灌顶坛法。感文殊现身。天宝元年。以咒术退西寇。城楼见天王形。图像以进。朝廷尊为灌顶国师。所译经百二十卷七十七部。大历九年。示疾。帝加封爵邑。不受。以大印身定中而寂。谥大辨正广智三藏。荼毗。舍利数百。

sư. tây vực nhân. ấu tùy thúc phụ quan quang thượng quốc. trị kim cương trí thượng sư. tông chi. truyền du già nghĩa. trí thụ thanh minh luận cập ngũ bộ. tịnh tô tất địa nghi quỹ. tây du thiên trúc. chí sư tử quốc. ngộ long trí. thụ đàn pháp. tịnh truyền kinh luận ngũ bách dư bộ. tự sư tử quốc quy. chí Quảng châu. thải phóng sử lưu cự tể kiến quán đỉnh đàn pháp. cảm văn thù hiện thân. thiên bảo nguyên niên. dĩ chú thuật thối tây khấu. thành lâu kiến thiên vương hình. đồ tượng dĩ tiến. triều đình tôn vi quán đỉnh quốc sư. sở dịch kinh bách nhị thập quyển thất thập thất bộ. đại lịch cửu niên. kì tật. đế gia phong tước ấp. bất thụ. dĩ đại ấn thân định trung nhi tịch. chí đại biện chánh nghiêm trí tam tạng. đồ bì. xá lợi sở bách.

Việt dịch:

Sư người Tây Vực, từ thuở nhỏ đã theo chú đi khắp Trung Hoa, theo sư Kim Cang Trí, được truyền ý nghĩa Du Già, trao cho Thanh Minh Luận và ngũ bộ cùng với tô tất địa nghi quỹ. Sư đi về Thiên Trúc, đến nước Sư Tử, gặp được sư Long Trí trao cho đàn pháp, truyền hơn 500 bộ kinh luận. Sư từ nước Sư Tử quay về Trung Hoa, đến Quảng Châu, đến thăm vị sứ là Lưu Cự Tế lập đàn pháp quán đảnh, cảm ứng được Ngài Văn Thù hiện thân. Năm Thiên Bảo nguyên niên, sư dùng chú thuật đánh lui giặc từ phương tây. Trên lầu cao thấy hình dáng thiên vương, sư vẽ lại đưa lên vua, triều đình tôn là Quán Đỉnh Quốc Sư. Kinh điển sư dịch gồm có 120 quyển, 77 bộ. Năm Đại Lịch thứ 9 sư có bệnh, vua ban tước vị nhưng sư không nhận. Sư thị tịch khi trong tam muội đại ấn thân, được ban tặng thụy hiệu là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng. Khi hỏa táng thu được hơn trăm hạt xá lợi.

赞曰

据灌顶住 佩毗卢印 心精冥感 如响斯应

文殊现身 天王听令 岂秘密功 不思議圣

tán viết

cư quán đỉnh trụ

bội bì lô ấn

tâm tinh minh cảm

như hưởng tư ứng

văn thù hiện thân

thiên vương thánh lệnh

khởi bí mật công

bất tư nghị thánh

Việt dịch:

Trú nơi quán đỉnh

Mang ấn tỳ lô

Tâm diệu cảm thọ

Ứng đối tùy cơ.

Văn Thù hiện thân

Thiên vương nghe lệnh

Pháp thuật huyền bí

Thánh bất tư nghi.

或说偈曰

◎一九七二年十月七日。宣公上人作

不空三藏亦应空 眉毛拖地了真宗

灵文秘密苏悉帝 灌顶显现法王亲

师子国中曾游戏 五羊城里度迷津

西域震旦功德巨 望风瞻礼拜慈尊

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất nhị niên thập nguyệt thất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

bất không tam tàng diệc ứng không

mì mao tha địa liễu chân tông

linh văn bí mật tô tất đế

quán đĩnh hiển hiện pháp vương thân

sư tử quốc trung tăng du hí

ngũ dương thành lý độ mê tân

tây vực chấn đản công đức cự

vọng phong chiêm lễ bái từ tôn

Việt dịch:

Bất Không Tam Tạng ứng không
Mi dài, mây rậm chân tông rõ ràng
Tô tất đế, diệu linh văn
Pháp vương, trên quán đỉnh đàn hiện thân.
Nước Sư Tử, sư đạo chân
Thành Ngũ Dương* độ mê tân cho người
Tây Vực, Chấn Đán, đức dư
Hương tâm chiêm bái đại từ thể tôn.

.....

* Quảng Châu

4.52 瑜伽唐大慧一行 Du Già Đường Đại Tuệ Nhất Hạnh



师。钜鹿人张氏。幼出家。传密教于金刚智。结集毗卢遮那经疏。登坛灌顶。受瑜伽五部法。开元初。诏入。奏对称旨。称天师。以国为问。荅曰。銮舆有万里之行。社稷终吉。进金盒。曰。万里即开。后上幸成都。至万里桥。开视。乃当归。少许。帝悟当归。终吉者。昭宗曾封吉王也。撰大衍历五十二卷。汉洛下闳造历时云。八百年差一日。当有圣人定之。大衍历出。闳言验矣。制水浑天仪。开元十五年。辞归嵩山。更衣坐逝。谥大慧。

sư. cự lộc nhân trương thị. ấu xuất gia. truyền mật giáo vu kim cương trí. kết tập
tì lô giá na kinh sở. đăng đàn quán đỉnh. thụ du già ngũ bộ pháp. khai nguyên sở.

chiếu nhập. tấu đối xưng chỉ. xưng thiên sư. dĩ quốc vi vấn. đáp viết. loan dư hữu
vạn lí chi hành. xã tắc chung cát. tiến kim hạp. viết. vạn lí tức khai. hậu thượng
hạnh thành đô. chí vạn lí kiều. khai thị. nãi đương quy. thiếu hứa. đế ngộ đương
quy. chung cát giả. chiêu tông tăng phong cát vương dã. soạn đại diễn lịch ngũ
thập nhị quyển. hán lạc hạ hoành tạo lịch thì vân. bát bách niên sai nhất nhật. đương
hữu thánh nhân định chi. đại diễn lịch xuất. hoành ngôn nghiệm hĩ. chế thủy hồn
thiên nghi. khai nguyên thập ngũ niên. từ quy tung san. canh y tọa thệ. chí đại tuệ.

Việt dịch:

Sư họ Trương người đất Cự Lộc, xuất gia từ nhỏ theo sư Kim Cang Trí kết tập tì lô giá
na kinh sớ, đăng đàn quan đĩnh, thụ Du già ngũ bộ pháp. Năm Khai Nguyên thứ nhất
(713) sư phụng chiếu vào cung, tấu đối xứng hợp tông chỉ và ý vua. vua việc nước đưa
ra những nghi vấn, nói: "xe loan vạn lý hành, xã tắc trọn an lành". Nói xong dâng vua
một chiếc hộp vàng, dặn rằng đến Vạn Lý thì mới mở. Sau vua đi đến Thành Đô, đến
cầu Vạn Lý mở hộp ra, thấy ghi: "Nên quay về". Vua hiểu ý nên ít lâu sau quay về,
được hoàn toàn yên ổn. Vua Chiêu Tông từng phong sư hiệu là Cát Vương. Sư soạn
lịch Đại Diễn gồm 51 quyển. Thời Hán, lúc Lạc Hạ Hoành tạo lịch có nói trước rằng:
800 năm sai một ngày, lúc đó sẽ có bậc thánh định lại. Khi lịch Đại Diễn ra đời, nghiệm
thấy lời Lạc Hạ Hoành rất đúng. Sư chế tạo Thủy Hồn Thiên Nghi. Năm Khai Nguyên
thứ 15 (727) từ biệt quay về Tung sơn, thay áo ngời mà qua đời. Vua ban tặng hiệu là
Đại Tuệ.

赞曰

五部教法 师获其印 阴阳讖纬 俗称其圣

契心嵩山 何学他径 智用若珠 殊光圆映

tán viết

ngũ bộ giáo pháp

sư hoạch kì ấn

âm dương sấm vĩ

tục xưng kì thánh

khế tâm tung san
hà học tha kính
trí dụng nhược châu
thù quang viên ánh.

Việt dịch:

Năm bộ giáo pháp
Sư được ấn chứng
m dương sấm vĩ*
Người đời xưng thánh.

Tung sơn khế hợp
Sao học pháp khác
Dùng trí như châu
Tròn sáng dị thường.

.....

*Tên gọi tắt của vĩ thư 緯書. Tức là sách mượn nghĩa kinh để luận về phù phép điềm ứng, gồm có thất vĩ 七緯 bảy bộ: Dịch vĩ 易緯, Thư vĩ 書緯, Thi vĩ 詩緯, Lễ vĩ 禮緯, Nhạc vĩ 樂緯, Xuân thu vĩ 春秋緯, Hiếu Kinh vĩ 孝經緯. Tương truyền là chi lưu của kinh, cũng do tay đức Khổng Tử 孔子 làm cả. Người sau thấy trong sách có nhiều câu nói về âm dương ngũ hành nên mới gọi sự chiêm nghiệm xấu tốt là đồ vĩ 圖緯 hay sấm vĩ 讖緯. (Trích Hán Việt Tự Điển Trích Dẫn).

或说偈曰

◎一九七二年十月十五日。宣公上人作

受法金剛智上師 密宗壇場靜修持
萬里預言當歸吉 一行三昧半夏居
更衣坐逝真解脫 彈指屈臂到蓮池
善巧方便化眾生 能轉塵勞為佛事

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất nhị niên thập nguyệt thập ngũ nhật. Tuyên công thượng nhân tác

thụ pháp kim cương trí thượng sư
mật tông đàn tràng tĩnh tu trì
vạn lí dự ngôn đương quy cát
nhất hành tam muội bán hạ cư
canh y tọa thế chân giải thoát
đàn chỉ khuất tí đao liên trì
thiện xảo phương tiện hóa chúng sanh
năng chuyển trần lao vi phật sự .

Việt dịch:

Theo Kim Cương Trí thượng sư
Tĩnh tâm tu niệm pháp đàn Mật tông
Dự ngôn Vạn Lí rõ thông
Bán hạ* nhất hạnh trụ trong định thần.
Thay áo thị tịch quy chân
Khoanh tay thoát đến liên trì như chơi.
Dùng phương tiện dạy muôn người

Trần lao, Phật sự, đạo đời chuyển xoay.

.....

* chỉ cho nửa mùa hạ.

4.53 律祖唐终南道宣律师 Luật Tổ Đường Chung Nam Đạo Tuyên



师。吏部尚书京兆钱申之子。母梦梵僧曰。汝所妊者。梁之佑律师也。及长出家。以律自持。居终南山。行般若三昧。感龙神易形听法。天人供饌。行道中夜。临砌而蹶。有少年介冑拥卫之。得不仆。师问。为谁。曰。弟子博叉天王子张琼也。以师戒德故来给侍。自后降灵不一。又授以佛牙。乾封二年春。天神告曰。报缘将尽。当生内院。十月终。众见幡华天乐。请师归觐弥勒。遂寂。所撰疏钞传集八十一卷行世。为律宗之祖。

sư. lại bộ thượng thư kinh triệu tiền thân chi tử. mẫu mộng phạm tăng viết. nhữ sở
nhâm giả. lương chi hựu luật sư dã. cập trường xuất gia. dĩ luật tự trì. cư chung
nam san. hành bát nhã tam muội. cảm long thần dịch hình thính pháp. thiên nhân
cung soạn. hành đạo trung dạ. lâm thế nhi quyết. hữu thiếu niên giới trụ ủng vệ chi.
đắc bát phó. sư vấn. vi thù. viết. đệ tử bác xoa thiên vương tử trương quỳnh dã
. dĩ sư giới đức cố lai cấp thị. tự hậu hàng linh bất nhất. hựu thụ dĩ phật nha. can
phong nhị niên xuân. thiên thần cáo viết. báo duyên tương tẫn. đương sanh nội
viện. thập nguyệt chung. chúng kiến phiên hoa thiên nhạc. thỉnh sư quy cận di lạc.
toại tịch. sở soạn số sao truyền tập bát thập nhất quyển hành thế. vi luật tông chi tổ.

Việt dịch:

Sư là con của quan Lại Bộ Thượng Thư Tiền Thân ở Kinh Triệu. Người mẹ mộng thấy một vị Phạm tăng nói: Thai nhi tiền thân vốn là luật sư Hựu đời Lương. Lớn lên xuất gia, lấy luật làm pháp tu trì, sống tại núi Chung Nam, tu bát nhũ tam muội, khiến long thần cảm ứng, thay đổi hình dáng đến nghe pháp, người trời cúng dường thực phẩm khi sư hành đạo. Một hôm, khi sư bước lên bậc thềm sắp bị té ngã thì chợt có một thiếu niên mặc áo đội mũ giáp đỡ lấy sư để khỏi bị ngã. Sư hỏi thiếu niên là ai, đáp rằng là Trương Quỳnh, con của thiên vương Bát Xoa. Vì thấy sư là bậc có giới đức nên đến châu. Sau đó thường giảng hạ, lại trao cho sư rằng Phật. Mùa xuân năm Càn Phong thứ hai (667) có thiên thần đến báo rằng báo duyên của sư sắp hết, sẽ sinh nơi nội viện Đâu Suất. Đến tháng 10 đồ chúng nghe thấy nhạc và hoa trời rơi xuống thỉnh sư về châu đức Di Lạc. Sau đó chẳng bao lâu sư qua đời. Sư biên soạn Sớ Sao Truyện Tập gồm 81 quyển lưu hành, trở thành một vị tổ luật tông.

赞曰

佛戒弟子 依戒而住 狂慧既兴 越畔而去

师弘四分 戒光远着 百世所依 法门一柱

tán viết

Phật giới đệ tử

y giới nhi trụ

cuồng tuệ kí hưng

việt bần nhi khứ

sư hoàng tứ phần

giới quang viễn trú

bách thể sở y

pháp môn nhất trụ

Việt dịch:

Đệ tử trì giới Phật
Y theo giới mà trụ
Tuệ lớn đã phát khởi
Vượt qua bờ đến nơi.

Sư hoàng hóa Tứ Phần
Ánh sáng giới xa gần
Trăm đời đều dựa nương
Một pháp môn cột rường.

或说偈曰

◎一九七二年十月廿一日。宣公上人作

严净毗尼善护持 天人送饌日中食
龙王听法张给侍 地祇报讯陆来迟
戒律精进达彼岸 忍辱禅定过须弥
般若三昧勤无歇 模范仪表圣贤师

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất nhị niên thập nguyệt nhập nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

nghiêm tịnh từ ni thiện hộ trì
thiên nhân tổng soạn nhật trung thực

long vương thính pháp trương cấp thị
địa kì báo tấn lục lai trì
giới luật tinh tiến đạt bỉ ngạn
nhẫn nhục thiện định quá tu di
bát nhã tam muội cần vô hiết
mô phạm nghi biểu thánh hiền sư.

Việt dịch:

Hộ trì Tỳ Ni nghiêm minh
Người trời thực phẩm dâng lên mỗi ngày
Long vương nghe pháp theo hầu
Địa thần nghe báo vội chầu người tu.
Đáo bỉ ngạn, giới luật nghiêm
Nhẫn nhục thiện định qua miền Tu Di
Bát nhã tam muội chuyên trì
Là bậc mô phạm uy nghi thánh hiền.

4.54 律宗宋灵芝元照 Luật Tông Tống Linh Chi Nguyên Chiếu



师。余杭唐氏子。字湛然。年十八。以通经得度。初习毗尼。每怅然兴恨无所师承。时处谦法师深得天台之道。师见之。曰。真吾师也。欲弃所习而从之。谦曰。近世律教中微。汝他日必为宗匠。当明法华以弘四分。吾道不在兹乎。师后四主郡席。昼夜行道。念佛不輟。凡有祈禱。靡不响应。撰十六观经。小弥陀经义疏。一日。命弟子讽十六观经及普贤行愿品毕。趺坐而化。西河渔人皆闻空中天乐之声。建塔灵芝。谥大智。

sư. dư hàng đường thị tử. tự trạm nhiên. niên thập bát. dĩ thông kinh đắc độ. sơ tập tì ni. mỗi trưởng nhiên hưng hận vô sở sư thừa. thì xử khiêm pháp sư thâm đắc thiên thai chi đạo. sư kiến chi. viết. chân ngô sư dã. dục khí sở tập nhi tông chi. khiêm viết. cận thể luật giáo trung vi. nhữ tha nhật tất vi tông tượng. đương minh pháp hoa dĩ hoàng tứ phần. ngô đạo bất tại tư hồ. sư hậu tứ chủ quận tịch. trú dạ hành đạo. niệm phật bất triếp. phạm hữu kì cổ. mĩ bất hưởng ứng. soạn thập lục quán kinh. tiểu di đà kinh nghĩa sớ. nhất nhật mệnh đệ tử phúng thập lục quán kinh cập phổ hiền hành nguyện phẩm tất. phu tọa nhi hóa. tây hà ngư nhân giai văn không trung thiên nhạc chi thanh. kiến tháp linh chi. chí đại trí.

Việt dịch:

Sư họ Đường, người đất Dư Hàng*, tự là Trạm Nhiên. Năm 18 tuổi do thông hiểu kinh nên được độ. Trước tiên theo học giới luật, đôi khi tự giận mình không gặp được Thầy để thừa kế. Lúc ấy Xứ Khiêm pháp sư là người thâm hiểu giáo nghĩa Thiên Thai tông. Sư tìm đến gặp, tự nhủ: "đúng là thầy của ta rồi", liền muốn bỏ môn đang học để theo pháp sư. Sư Xứ Khiêm nói: "Nay luật giáo suy tàn. Ông sẽ là hàng tông tượng. Nay hãy làm sáng tỏ kinh Pháp Hoa để từ đó mà hoàng hóa Tứ Phần. Đạo của Ta chẳng là ở tại đó ư?". Sau sư bốn lần làm chủ giảng trong vùng, ngày đêm tu hành, không dừng niệm Phật. Mỗi khi sư lễ sám cầu nguyện thì đều có cảm ứng. Sư soạn kinh Quán Vô Lượng Thọ, Tiểu Di Đà kinh nghĩa sớ. Một hôm sư bảo đệ tử đọc tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Khi tụng xong, sư ngồi kiết già mà qua đời. Ngày ấy ngư dân vùng Tây Hà đều nghe tiếng nhạc trời giữa hư không. Tháp dựng tại Linh Chi, thụy hiệu là Đại Trí.

.....
* Hàng Châu

赞曰

该练三学 以戒为本 如冰如霜 秉诚力践
节彼南山 赖师继显 莲邦缘熟 天乐闻远

tán viết

cai luyện tam học

dĩ giới vi bản

như băng như sương

bỉnh thành lực tiến

tiết bỉ nam san

lại sư kế hiển

liên bang duyên thực

thiên nhạc văn viễn

Việt dịch:

Thông suốt tam học

Lấy giới làm nền

Trong như băng sương

Giữ lòng chí thành

Nam Sơn cao ngất*

Nhờ sư hiển dương

Đủ duyên cõi tịnh

Nhạc trời vọng vang.

.....

*Thi Kinh 詩經: Tiết bĩ Nam San, (Tiểu nhã 小雅, Tiết nam san 節南山) Cao vòì vọi, núi Nam Sơn kia. Ở đây cũng ngầm ví Luật Nam Sơn.

或说偈曰

◎一九七二年十月廿八日。宣公上人作

继承南山弘律宗 昼夜精进志愿深
行住坐卧严威仪 视听语动循礼型
四念处住遵佛嘱 三学城居守僧箴
凡所祈求皆感应 莲邦缘熟天乐迎

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên thập nguyệt nhập bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

kế thừa nam san hoằng luật tông
trú dạ tinh tiến chí nguyện thâm
hành trụ tọa ngọa nghiêm uy nghi
thị thính ngữ động tuần lễ hình

tứ niệm xử trụ tuân phật chúc
tam học thành cư thủ tăng châm
phàm sở kì cầu giai cảm ứng
liên bang duyên thực thiên nhạc nghênh

Việt dịch:

Nam San thừa kế triển khai

Chí nguyện sâu rộng đêm ngày tinh thâm

Uy nghi đi đứng ngồi nằm

Thấy nghe nói động thuận trong lễ hình.

Tứ Niệm Xứ, kim khẩu thừa

Trú thành tam học ngăn ngừa, nhủ khuyên

Cơ cầu cảm ứng tự nhiên

Nhạc trời cõi tịnh đủ duyên đón về.

4.55 明戒台知幻律師 Minh Giới Đài Tri Huyền Luật Sư



師。江浦蔣氏子。世稱飛鉢禪師。年三十出家。于金陵靈谷。圓具參方。自誓。此行不躡曹溪路。不敢回頭見故鄉。參無字話。發明心地。正統間北游。詔賜紫衣。敕建戒壇。命師開法。四月傳戒。歲以為常。師頂額隆起。帝見奇之。呼為鳳頭祖師。師應聲曰。亦鵝頭耳。敢附鳳邪。帝益美其謙德。賜號萬壽。

sư. giảng phổ tướng thị tử. thế xưng phi bát thiền sư. niên tam thập xuất gia. vu kim lăng linh cốc. viên cụ tham phương. tự thệ. thử hành bát đập tào khô lộ. bát cảm hồi đầu kiến cổ hương. tham vô tự thoại. phát minh tâm địa. chánh thống gian

bắc du。 chiếu tứ tử y。 sắc kiến giới đàn。 mệnh sư khai pháp。 tứ nguyệt truyền giới。
。 tuế dĩ vi thường。 sư đĩnh ngạch long khởi。 để kiến kì chi。 hô vi phượng đầu tổ sư。
。 sư ứng thanh viết。 diệc nga đầu nhĩ。 cảm phụ phượng tà。 để ích mĩ kì khiêm đức。
。 tứ hào vạn thọ。

Việt dịch:

Sư họ Tưởng, người đất Giang Phổ (Giang Tô), người đời gọi là thiền sư Phi Bát. Năm 30 tuổi xuất gia tại chùa Linh Cốc ở Kim Lăng, sau khi thọ giới cụ túc thì tha phương cầu đạo, tự nguyện rằng: "Nếu không đến được Tào Khê, tác lòng chẳng dám trở về cố hương". Sư tham thoại đầu "vô tự", rõ được tâm địa. Niên hiệu Chánh Thống (1436-1449) sư du hóa phương Bắc, triều đình xuống chiếu ban tặng sư y màu tía, và kiến lập giới đàn, thỉnh sư khai pháp, mỗi năm đều lấy tháng 4 làm lễ truyền giới. Vì trên trán sư có phần nhô lên nên vua cho là lạ, gọi sư là tổ sư đầu phượng. Sư liền đáp: Chỉ là đầu ngỗng mà thôi, đâu dám sánh với phượng. Vua càng khen đức khiêm tốn của sư, ban tặng hiệu là Vạn Thọ.

赞曰

易说难行 戒为道本 继武南山 脚跟密稳

狗子性无 不涉唇吻 额有圆珠 风神凝远

tán viết

dịch thuyết nan hành

giới vi đạo bản

kế vũ nam san

cước cân mật ổn

cẩu tử tính vô

bất thiệp thân vãn

ngạch hữu viên châu

phong thần ngưng viễn

Việt dịch:

Nói dễ, làm khó

Giới là gốc đạo

Tiếp sức Nam San

Gót chân điềm đạm.

Con chó tánh Không

Miệng chẳng liên can

Trán có ngọc tròn

Thần sắc hướng thượng.

或说偈曰

◎一九七二年十月十一日。宣公上人作

不踏曹溪誓不回 冲天愿力勇无为

凤头祖师帝所赐 鹭岭功臣人拱之

持戒精严龙神敬 修禅定业虎依迟

真心求法恒迈进 高山仰止众中师

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên thập nguyệt thập nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

bất đạo tào khê thệ bất hồi
trùng thiên nguyện lực dũng vô vi
phượng đầu tổ sư để sở tứ
thứu lĩnh công thần nhân cũng chi

trì giới tinh nghiêm long thần kính
tu thiện định nghiệp hổ tránh trì
chân tâm cầu pháp hằng mại tiến
cao san ngưỡng chỉ chúng trung sư

Việt dịch:

Tào Khê đến được mới hồi
Nguyện lực dũng cảm thấu trời như nhiên
Tổ sư đầu phượng, vua khen
Công thần đỉnh Thứu người hiền chấp tay.

Long thần kính, giới tinh cần
Tu thiện định nghiệp hổ dừng, beo lui.
Chân tâm cầu pháp không thôi
Như non cao vút, vạn đời danh sư.

4.56 明慧云古心如馨 Minh Tuệ Vân Cổ Tâm Như Hình



师。江宁溧阳杨氏。生时异香盈闾。面有朱痣卅六。弱冠就摄山薙发。夙稟洪愿。步叩清凉。感文殊授衣摩顶。曰。为汝授戒竟。师于言下顿悟。五篇三聚心地法门。专持梵律。皎若冰霜。建古林庵。中兴戒法。神宗皇帝赐紫。命至五台开皇戒。感庆云现空。赐号慧云律师。得法十二人。大启律门。

sư. giang ninh lật dương dương thị. sanh thì dị hương doanh lư. diện hữu chu chí tạp lục. nhược quan tự nhiếp san thể phát. túc bả hòng nguyện. bộ khẩu thanh lương. cảm văn thù thụ y ma đĩnh. viết. vì nhữ thụ giới cánh. sư vu ngôn hạ đồn ngộ. ngũ thiên tam tụ tâm địa pháp môn. chuyên trì phạm luật. kiêu nhược băng sương. kiến cổ lâm am. trung hưng giới pháp. thần tông hoàng đế tứ tử. mệnh chí ngũ thai khai hoàng giới. cảm khánh vân hiện không. tứ hào tuệ vân luật sư. đặc pháp thập nhị nhân. đại hải luật môn.

Việt dịch:

Sư họ Dương, người Lật Dương, Giang Ninh. Khi sư sinh ra có hương lạ lan đến nhiều căn nhà trong thôn xóm. Trên mặt sư có 36 nốt ruồi son, theo chùa Nhiếp San xuất gia. Xưa có nguyện hướng về Thanh Lương nhất bộ nhất bát. Sư cảm thấy như có Bồ tát Văn Thù xoa đầu bảo: Ta trao giới cho con đây. Sư nghe qua liền đồn ngộ ngũ thiên tam tụ tâm địa pháp môn, chuyên trì Phạm luật, tâm trong sáng như băng sương. Sư kiến tạo am Cổ Lâm, trung hưng giới pháp. Vua Thần Tông ban áo tía, hạ lệnh đến Ngũ Đài sơn khai hoàng giới, mây lành hiện trên không trung. Vua ban tặng hiệu là Tuệ Vân luật sư. Đệ tử đặc pháp có 12 người, đều hết lòng phát huy Luật môn.

赞曰

文殊舒臂 梵戒圆成 塔幸优波 随类现容
人天咸庆 玄化神功 律日永耀 万古昌隆

tán viết

văn thù thư tí

phạm giới viên thành

tháp hạnh ưu ba

tùy loại hiện dung

nhân thiên hàm khánh

huyền hóa thần công

luật nhật vĩnh diệu

vạn cổ xương long

Việt dịch:

Văn Thù đưa tay ra

Giới luật Phật viên thành

Hạnh Ưu Ba Bà Sa*

Từ chủng loại hiện hình.

Cõi trời người vui mừng

Thần cơ hóa huyền diệu

Giới luật vẫn chiếu soi

Vạn cổ đạo sáng ngời.

.....

*Upavasa: dịch là cận trụ, gần thánh đạo

或说偈曰

◎一九七二年十月十八日．宣公上人作

奇相天生痣朱红 三十六粒满面星

宿发弘愿清凉叩 今行艰苦热恼空

文殊摩顶亲授戒 普贤作证远垢尘

慧云普荫三千界 得法十二律大兴

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất nhị niên thập nguyệt thập bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

kì tương thiên sanh chí chu hồng

tam thập lục lạc mãn diện tinh

túc phát hoàng nguyện thanh lương khẩu

kim hành gian khổ nhiệt não không

văn thù ma đĩnh thân thụ giới

phổ hiền tác chứng viễn cấu trần

tuệ vân phổ ẩm tam thiên giới

đắc pháp thập nhị luật đại hưng

Việt dịch:

Son hồng điểm tướng trời sinh
 Mặt ba mươi sáu minh tinh một màu
 Thanh Lương xưa nguyện khẩu đầu
 Mà nay khổ hạnh thấy đâu nào phiền
 Văn Thù xoa đỉnh, giới truyền
 Phổ Hiền ấn chứng xa miền trần duyên
 Tuệ Vân rộng khắp tam thiên
 Mười hai giới luật đại viên đắc thành.

4.57 明鼓山澄芳性清 Minh Cổ San Trùng Phương Tính Thanh



师。又名远清。皖之新安人。具姿瑰玮。谢尘俗。习华严。负笈至越。时慧云律师说戒灵隐。梦有人语云。明日文殊化身来乞戒。可方便授之。次日。师果至乞戒。及登坛。师病不能风。慧率众就之。得戒后居五台。研律藏。奏建戒坛。嗣慧公席。后命住鼓山。世寿僧腊失考。塔在清凉。

sư. hựu danh viễn thanh. hoàn chi tân an nhân. cụ tư khôi vĩ. tạ trần tục. tập hoa nghiêm. phụ lập chí việt. thì tuệ vân luật sư thuyết giới linh ẩn. mộng hữu nhân ngữ vân. minh nhật văn thù hóa thân lai khát giới. khả phương tiện thụ chi. thứ nhật. sư quả chí khát giới. cập đăng đàn. sư bệnh bất năng phong. tuệ suất chúng tự thụ chi. đắc giới hậu cư ngũ đài. nghiên luật tạng. tấu kiến giới đàn. tự tuệ công tịch. hậu mệnh trụ cổ san. thể thọ tăng tịch thất khảo. tháp tại thanh lương.

Việt dịch:

Sư hiệu là Viễn Thanh, người đất Tân An, tỉnh An Huy, dáng điệu thanh tú, thoát tục. Sư học kinh Hoa Nghiêm, sau đó chu du khắp nơi, đến đất Việt. Bấy giờ sư Tuệ Vân đang truyền giới tại chùa Linh Ẩn, mộng thấy có người đến nói: "Sáng mai có hóa thân của Bồ Tát Văn Thù đến in thọ giới, hãy tùy phương tiện mà trao giới". Ngày hôm sau, quả nhiên sư đến xin thọ giới. Lúc đăng đàn thọ giới sư bị nhiễm bệnh không chịu nổi giới. Sư Tuệ Vân liền dẫn đồ chúng đến trao giới cho sư. Sau khi thọ giới sư trú ngụ tại Ngũ Đài sơn, nghiên cứu về Luật tạng, lại dâng biểu xin vua lập giới đàn. Sư nổi dòng pháp của sư Tuệ Vân, sau trú nơi Cổ Sơn, tuổi thọ, tăng tịch đều không khảo cứu được. Tháp dựng tại Thanh Lương.

赞曰

大士乞戒 神太饶舌 受与不受 何盈何缺

运悲智轮 若随流月 光辉闽晋 东西南北

tán viết

đại sĩ khát giới

thần thái nhiều thiệt

thụ dữ bất thụ

hà doanh hà khuyết

vận bi trí luân

nhược tùy lưu nguyệt

quang huy mãn tán

đông tây nam bắc

Việt dịch:

Đại sĩ xin thọ giới
Sắc thái dường lắm lời
Thọ hoặc là chẳng thọ
Há có đầy hoặc vơi?.

Vận chuyển pháp bi, trí
Như trăng tùy đó đây
Tọa ngời đất Môn*, Tấn**
Nam Bắc sang Đông Tây.

.....

*Tỉnh Phúc Kiến 福建 gọi là tỉnh Môn.

**Tên gọi tắt của tỉnh Sơn Tây 山西.

或说偈曰

◎一九七二年十一月廿六日。宣公上人作

影响众生化无缘 妙吉沙弥梦中现
观机逗教当如是 因人说法演实权
严持波罗提木叉 谨守身口意心猿
五台戒华香光远 诸佛赞叹笑开颜

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất nhị niên thập nhất nguyệt nhập lục nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

ảnh hưởng chúng sanh hóa vô duyên
diệu cát sa di mộng trung hiện
quán cơ đẩu giáo đương như thị
nhân nhân thuyết pháp diễn thật quyền

nghiêm trì ba la đề mộc xoa
cẩn thủ thân khẩu ý tâm viên
ngũ đài giới hoa hương quang viễn
chư Phật tán thán tiểu khai nhan

Việt dịch:

Vô duyên từ, độ chúng sinh
Sa di Diệu Cát hiện hình trong mơ
Tánh như thị, quán thời cơ
Vì người thuyết giảng tối, sơ, kinh, quyền.
Nghiêm trì giới luật uy nghiêm
Nơi thân khẩu ý, tâm viên so lường
Ngũ Đài cảnh giới hoa hương
Chư Phật tán thán, pháp vương mỉm cười.

4.58 明宝华三昧寂光 Minh Bảo Hoa Tam Muội Tịch Quang



师。姓钱氏。世居瓜渚。母感异梦而生。年二十一。就礼弥陀庵出家。从雪浪恩。习贤首宗。嗣遍参名宿。受具于慧云律师。一见器重。嘱以宏律。即嗣其席。结茆衡岳等处。后至宝华山。大开会。肇启皇坛。开法席数十处。寿六十有六。无疾告逝。其诸灵异事迹广于行述。着有梵网经直解四卷。

Sư tự lễ di đà am xuất gia。tòng tuyệt lãng ân。tập hiền thủ tông。tự biến tham danh túc。thụ cụ vu tuệ vân luật sư。nhất kiến khí trọng。chúc dĩ hoành luật。tức tự kì tịch。kết mao hành nhạc đẳng xử。hậu chí bảo hoa san。đại khai pháp hội。triệu khai hoàng đàn。khai phá tịch sở thập xử。thọ lục thập hữu lục。vô tật cáo thế。kì chư linh dị sự tích nghiêm vu hành thuật。trử hữu phạm võng kinh trực giải tứ quyển。

Việt dịch:

Sư họ Tiền, gia đình sư nhiều đời cư ngụ tại Qua Chữ. Người mẹ cảm ứng giấc mộng lạ mà sinh ra sư. Năm 21 tuổi đến am A Di Đà lễ bái xuất gia, theo sư Hồng n tại Tuyệt Lãng, học giáo pháp của tông Hiền Thủ, tự đi khắp nơi tham học với chư tôn túc, thọ giới cụ túc với sư Tuệ Vân vừa nhìn thấy sư thì sinh lòng quý trọng, dần dò cặn kẽ hoành dương Luật tạng, sau đó nhường tòa chủ tịch. Sư đi vào Hành sơn kết am tranh。Sau đến núi Bảo Hoa khai đại pháp hội, mở đàn lớn giảng pháp trong mười vùng. Sư thọ 66 tuổi. Sư không có bệnh mà qua đời. Nhiều chuyện linh ứng về đời hành đạo của sư được người đời ghi chép lại. Sư biên soạn bốn quyển Phạm Võng kinh trực giải.

赞曰

千华律制 父作子述 三坛前唱 后和二持

继武南山 众生病治 稽首吾师 梵网捞世

tán viết

thiên hoa luật chế

phụ tác tử thuật

tam đàn tiền xướng

hậu hòa nhị trì

kế vũ nam san

chúng sanh bệnh trị

khể thủ ngô sư

phạm võng lao thể

Việt dịch:

Phái Thiên Hoa chế luật

Cha soạn thì con thuật

Trước xướng tam đàn giới (1)

Sau hợp hòa nhị trì (2)

Tiếp nối luật Nam Sơn

Đối trị bệnh chúng sinh

Khẩu đầu lạy tôn sư

Lưới pháp vớt thể nhân.

.....

(1) (三壇): tức Tam Đàn Đại Giới (三壇大戒), là nghi thức thọ giới đặc biệt, phân thành 3 giai đoạn là Sơ Đàn Chánh Thọ (初壇正授), Nhị Đàn Chánh Thọ (二壇正授) và Tam Đàn Chánh Thọ (三壇正授). Đàn đầu tiên thọ giới Sa Di (s: śrāmaṇera, p: sāmaṇera, 沙彌), Sa Di Ni (s: śrāmaṇerikā, p: sāmaṇerā, sāmaṇerī, 沙彌尼); đàn thứ hai thọ giới Tỳ Kheo (s: bhikṣu, p: bhikkhu, 比丘) và Tỳ Kheo Ni (s: bhikṣuṇī, p: bhikkhunī, 比丘尼); đàn thứ ba thọ giới Bồ Tát (s: bodhisattva, p: bodhisatta, 菩薩). Như trong Truyền Giới Chánh Phạm (傳戒正範, CBETA No. 1128) có câu: “Tam Đàn quỹ tắc, cự tế hữu điều, thất chúng khoa nghi, tinh tường bất vận (三壇軌則、巨細有條、七眾科儀、精詳不紊, Ba Đàn nguyên tắc, lớn nhỏ có điều, Bảy Chúng khoa nghi, rõ ràng không rối).” (Trích Phật học Tinh Tuyển)

(2) (二持) Cũng gọi Chỉ tác nhị trì, Chỉ tác. Tức Chỉ trì và Tác trì, 2 khía cạnh của giới luật. 1. Chỉ trì: Chỉ là ngăn chặn, tức là ngăn chặn thân và miệng không làm và nói các điều xấu ác. Nương vào Chỉ để giữ gìn giới thể, gọi là Chỉ trì. Chỉ trì giới dạy người chớ làm các việc ác, tức chỉ cho các điều mục của 2 bộ giới tỉ khuru và tỉ khuru ni trong Quảng luật, hoặc chỉ cho 250 giới của tỉ khuru và 348 giới của tỉ khuru ni trong luật Tứ phần. 2. Tác trì: Tác là tạo tác, tức là khích lệ thân, khẩu, ý tạo tác các nghiệp thiện. Nương vào Tác để giữ gìn giới thể, gọi là Tác trì. Tác trì giới dạy người vâng làm các việc thiện, tức chỉ cho phần Kiền độ được liệt kê sau Bản luật, hoặc chỉ cho 20 Kiền độ thụ giới, thuyết giới... trong luật Tứ phần. [X. điều Trì phạm phương quỹ trong Tứ phần luật san phồn bổ khuyết hành sự sao Q.trung, phần 4; Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma số tự; Tứ phần luật hành sự sao tư trì kí Q.trung, phần 4; Tứ phần luật số Q.1, 2]. (xt. Chỉ Ác Tu Thiện). (Trích Tỳ điền Phật Quang).

或说偈曰

◎一九七二年十二月二日。宣公上人作

宝华山中老律堂 百千佛子放戒香

众流归海源长远 万法深明性中王

三昧寂光开先觉 一心不乱启后荒

尸罗遍满微尘界 金刚菩提海真常

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất nhị niên thập nhị nguyệt nhị nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

bảo hoa san trung lão luật đường
bách thiên phật tử phóng giới hương
chúng lưu quy hải nguyên trường viễn
vạn pháp thâm minh tính trung vương

tam muội tịch quang khai tiên giác
nhất tâm bất loạn hải hậu hoang
thi la biến mãn vi trần giới
kim cương bồ đề hải chân thường

Việt dịch:

Luật đường trong núi Bảo Hoa
Hương thơm giới tử thoảng xa trăm ngàn.
Sông về với biển đầu nguồn
Chiếu soi thể tính giữa muôn pháp trần
Bạc hiện Tam Muội Tịch Quang
Nhất tâm bất loạn khai hoang trí người
Giới hạnh chu biến khắp nơi
Biển Bồ Đề vẫn sáng ngời kim cương.

4.59 明宝华见月读体 Bảo Hoa Kiến Nguyệt Độc Thể đời Minh



师。滇南白鹿郡许氏子。父醕昌。母吴氏。感异梦而生。师及长。性神敏。工会事。尤擅画观音大士像。人争宝之。父母早逝。年二十七为黄冠。越三载。遇一老僧授以华严。披阅有悟。诣宝洪山。礼亮如和尚求剃度。先一日。亮梦一人着袈裟。领众见度。睹师。喜与梦符。遂为落发。后至金陵。印心于三昧寂光律师。大张律宗。着有毗尼止作二持。入藏流。

sư. điền nam bạch lộc quận hứa thị tử. phụ Dận xương. mẫu ngô thị. cảm dị mộng nhi sanh. sư cập trưởng. tính thần mẫn. công hội sự. vưu thiện họa quan âm đại sĩ tượng. nhân tranh bảo chi. phụ mẫu tảo thế. niên nhị thập thất vi hoàng quan. viết tam tái. ngô nhất lão tăng thụ dĩ hoa nghiêm. phi duyệt hữu ngô. nghệ bảo hồng san. lễ lượng như hòa thượng cầu thế độ. tiên nhất nhật. lượng mộng nhất nhân trú ca sa. lĩnh chúng kiến độ. đỗ sư. hỉ dữ mộng phù. toại vi lạc phát. hậu chí kim lăng. ấn tâm vu tam muội tịch quang luật sư. đại trương luật tông. trú hữu tì ni chỉ tác nhị trì. nhập tạng lưu.

Việt dịch:

Sư họ Hứa, người Bạch Lộc, tỉnh Điền Nam, cha là Dận Xương, mẹ họ Ngô cảm ứng giấc mộng lạ sinh ra sư. Lớn lên tính tình cần mẫn, lại thông hiểu về hội họa, chuyên họa tượng Quán Âm Đại Sĩ tranh nhau mua làm bảo vật. Cha mẹ mất sớm. Năm 27 tuổi đi theo Đạo giáo qua ba năm. Sau gặp một lão tăng học kinh Hoa Nghiêm, xem qua thi giải ngộ, đến núi Bảo Hồng, lễ hòa thượng Lượng Như cầu xuất gia. Trước đó một ngày sư Lượng Như mộng thấy một vị tăng mặc ca sa dẫn chúng đến xin thế độ, nên khi thấy sư đến giống như trong mộng nên nhận cho xuống tóc. Sau sư đến Kim Lăng nhất tâm theo Tam Muội Tịch Quang Luật sư, xiển dương Luật tông. Sư biên soạn Tì Ni Chỉ Tác Nhị Trì, được nhập vào kinh tạng.

赞曰

弃道奉释 梦着袈裟 三学鼎立 代佛宏扬

严净毗尼 止作仪张 弘范三界 苦海慈航

tán viết

khí đạo phụng thích

mộng trừ ca sa

tam học đỉnh lập

đại phật hoành dương

nghiêm tịnh từ ni

chỉ tác nghi trường

hoằng phạm tam giới

khổ hải từ hàng

Việt dịch:

Bỏ Đạo tin Thích Ca

Trong mộng mặc ca sa

Tam học thể cân xứng (1)

Phật đạo nay truyền xa.

Thường nghiêm tịnh từ ni

Khai Nhị Trì Chỉ Tác (2)

Khuôn thước cho ba cõi

Biển khổ một con thuyền.

.....
(1) Theo thể chân vạc (ba mặt đối ngang nhau). ◇Tam quốc chí 三國志: Tam gia đỉnh lập 三家鼎立 (Lục Khải truyện 陸凱傳) Ba nhà đứng thành thế chân vạc.

(2) (二持) Cũng gọi Chỉ tác nhị trì, Chỉ tác. Tức Chỉ trì và Tác trì, 2 khía cạnh của giới luật. 1. Chỉ trì: Chỉ là ngăn chặn, tức là ngăn chặn thân và miệng không làm và nói các điều xấu ác. Nương vào Chỉ để giữ gìn giới thể, gọi là Chỉ trì. Chỉ trì giới dạy người chớ làm các việc ác, tức chỉ cho các điều mục của 2 bộ giới tử khưu và tử khưu ni trong Quảng luật, hoặc chỉ cho 250 giới của tử khưu và 348 giới của tử khưu ni trong luật Tứ phần. 2. Tác trì: Tác là tạo tác, tức là khích lệ thân, khẩu, ý tạo tác các nghiệp thiện. Nương vào Tác để giữ gìn giới thể, gọi là Tác trì. Tác trì giới dạy người vâng làm các việc thiện, tức chỉ cho phần Kiền độ được liệt kê sau Bản luật, hoặc chỉ cho 20 Kiền độ thụ giới, thuyết giới... trong luật Tứ phần. [X. điều Trì phạm phương quĩ trong Tứ phần luật san phồn bổ khuyết hành sự sao Q.trung, phần 4; Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma số tự; Tứ phần luật hành sự sao tự trì kí Q.trung, phần 4; Tứ phần luật số Q.1, 2]. (xt. Chỉ Ác Tu Thiện).(Trích Tự điển Phật Quang).

或说偈曰

◎一九七三年一月六日。宣公上人作

大阐律宗演二持 千佛赞叹语真实

一梦漫言照今古 三番逃匿试丹赤

光明宝戒绍心印 清净妙行续圣嗣

末法扶植正法眼 十方众生拱仰师

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên nhất nguyệt lục nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

đại xiển luật tông diễn nhị trì

thiên phật tán thán ngữ chân thật
nhất mộng mạn ngôn chiếu kim cổ
tam phiên đào nặc thí đan xích
quang minh bảo giới thiệu tâm ấn
thanh tịnh diệu hành tục thánh tự
mật pháp phù thực chánh pháp nhãn
thập phương chúng sanh cũng ngưỡng sư

Việt dịch:

Nhị trì khai triển Luật tông
Chư Phật tán thán ngữ ngôn chân truyền
Lời lời giác mộng cổ kim
Ba lần ẩn dật dò tìm linh đơn
Quang minh bảo giới ấn tâm
Thanh tịnh diệu hạnh nối dòng thánh nhân
Pháp nhãn trợ giúp mật thời
Chúng sinh khắp chốn đời đời ngưỡng trông.

4.60 明宝华定庵德基律师 Bảo Hoa Định Am Đức Cơ đời Minh



师。娶之林氏子。髫年断荤腥。父母故后。即投苏州宝林寺剃染。受具于见月律师。嗣之。刻苦修持。寝食俱忘。始得毗尼奥蕴。三学该通。主法宝华。甘苦与众共。劳瘁身先之。尝礼塔长干七昼夜。忽塔顶放光。将寂。索笔书曰。七日后行矣。至时沐浴更衣。无疾而逝。

sư. vụ chi lâm thị tử. thiếu niên đoạn huân tinh. phụ mẫu cố hậu. tức đầu tô châu bảo lâm tự thể nhiễm. thụ cụ vu kiến nguyệt luật sư. tự chi. khắc khổ tu trì. tảo thực câu vong. thủy đắc bì ni áo uẩn. tam học cai thông. chủ pháp bảo hoa. cam khổ dữ chúng cộng. lao tụy thân tiên chi. thường lễ tháp trường can thất trú dạ. hốt tháp đỉnh phóng quang. tương tịch. tác bút thư viết. thất nhật hậu hành hĩ. chí thì mộc dục canh y. vô tật nhi thệ.

Việt dịch:

Sư họ Lâm, người đất Vụ Cơ. Thuở còn nhỏ đã không ăn thịt cá và các món tanh hôi. Sau khi cha mẹ qua đời sư liền đến chùa Bảo Lâm ở Tô Châu xuống tóc xuất gia, thọ giới cụ túc với luật sư Kiến Nguyệt, kế thừa pháp, khắc khổ tu trì, quên cả ăn ngủ, bắt đầu đắc được chỗ sâu kín của giới luật, khai thông tam học. Sư dẫn dạy chúng nơi Bảo Hoa, cùng chúng cam khổ, tự thân chịu lao nhọc trước người khác. Sư thường lễ bái tháp kéo dài suốt bảy ngày đêm, đột nhiên trên đỉnh tháp phóng ra ánh sáng. Khi sắp qua đời sư lấy giấy bút viết trước bảy ngày sau sẽ đi. Đến lúc đó sư tắm gội, thay áo, không bệnh mà mất.

赞曰

我佛命脉 梵戒为师 悲嗟未运 正法谁支

祝祈永袭 补救斯时 霞光作证 信受奉持

tán viết

ngã phật mệnh mạch

phạm giới vi sư

bi ta vị vận
chánh pháp thù chi

chúc kì vĩnh tập
bổ cứu tư thì
hà quang tác chứng
tín thụ phụng trì

Việt dịch:
Nguồn mạch của chư Phật
Lấy giới luật làm thầy
Than thở vận chưa đến
Chánh pháp ai làm đây?.

Mong cầu luôn dựa nương
Cứu giúp thời đại này
Ánh hồng trên không chứng
Tin nhận và phụng trì.

或说偈曰

◎一九七三年一月十三日．宣公上人作

髻龄茹素非偶然 出家披剃宝林坛
受具隆昌嗣律印 虔礼圣塔放霞光
精诚不懈七昼夜 从容高登九品莲

真实修持大无畏 拔苦予乐救倒悬

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên nhất nguyệt thập tam nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thiền linh như tổ phi ngẫu nhiên
xuất gia phi thể bảo lâm đàn
thụ cụ long xương tự luật ẩn
kiền lễ thánh tháp phóng hà quang
tinh thành bất giải thất trú dạ
thong dong cao đẳng cửu phẩm liên
chân thật tu trì đại vô úy
bạt khổ dữ lạc cứu đảo huyền.

Việt dịch:

Rau dừa thuở tóc trái đào
Xuất gia cạo tóc khi vào Bảo Lâm
Thọ cụ túc, luật hưng long
Trì tâm lễ tháp sáng hồng đỉnh cao.
Bảy ngày đêm chẳng lãng xao
Chín phẩm sen báu ngôi cao sẵn dành
Chân tu lòng chẳng hãi kinh
Cứu người treo ngược an bình khổ đau.

4. 61 莲社初祖晋庐山慧 Liên Xã Sơ Tổ Tấn Lư San Tuệ Viễn



师。雁门贾氏子。幼而好学。博综六经。尤善老庄。闻道安讲经。乃叹曰。儒道九流。特糠粃耳。遂出家。安谓众曰。使道流东国者。其在远乎。游方见庐山。爱之。乃立精舍。一夕大雷雨。诘旦。林麓广辟素沙布地。榱桷文梓充布地上。刺史为建刹。寺曰东林。结莲社。修念佛三昧。学徒数千。其道大着。十一年中。三睹圣相。后于定起。见阿弥陀佛二大士及诸胜境。佛曰。汝七日后当生我国。义熙十三年。端坐见佛来迎而化。

sư. nhận môn cổ thị tử. ấu nhi hảo học. bác tổng lục kinh. vưu thiện lão trang. văn đạo an giảng kinh. nãi thán viết. nho đạo cửu lưu. đặc khạng bỉ nhĩ. toại xuất gia. an vị chúng viết. sử đạo lưu đông quốc giả. kì tại viễn hồ. du phương kiến lư san. ái chi. nãi lập tinh xá. nhất tịch đại lô vũ. cật đán. lâm lộc nghiêm tích tổ sa bố địa. tiện nam văn tử sung bố địa thượng. thứ sử vi kiến sát. tự viết đông lâm. kết liên xã. tu niệm phật tam muội. học đồ sở thiên. kì đạo đại trứ. thập nhất niên trung. tam đồ thánh tượng. hậu vu định khởi. kiến a di đà phật nhị đại sĩ cập chư thắng cảnh. phật viết. nhữ thất nhật hậu đương sanh ngã quốc. nghĩa hi thập tam niên. đoan tọa kiến phật lai nghênh nhi hóa.

Việt dịch:

Sư họ Giả, người Nhận Môn (Sơn Tây), thuở nhỏ hiếu học, thông suốt sáu kinh và học thuyết Lão Trang Khi nghe sư Đạo An giảng kinh liền than: "Chín dòng Nho giáo chỉ là trấu lép mà thôi", liền xuất gia. Sư Đạo An nói với đồ chúng: "Người khiến Đạo lưu truyền nơi Đông độ chính là sư Tuệ Viễn". Sư du phương đến Lư Sơn, thích phong cảnh ở đó nên lập tinh xá. Một đêm nọ, trời đổ mưa lớn, sáng hôm sau thấy bìa rừng mở rộng, các loại cây Tiện, cây Nam, cây Tử mọc trên mặt đất, cát trắng phủ đầy.

Quan thứ sử vì sư mà lập chùa, lấy tên là Đông Lâm, lập thành liên xã, tu niệm Phật tam muôi, cả ngàn người đến học, đạo pháp hưng thịnh. Sư ba lần thấy tướng Phật trong 11 năm. Sau đó, từ trong định, sư thấy Phật A Di Đà, hai vị đại sĩ và cảnh tượng đẹp đẽ. Đức Phật nói: "Sau 7 ngày con sẽ sinh về thế giới của Ta". Năm Nghĩa Hy thứ 13, sư đoan tọa thấy Phật đến nghinh đón mà qua đời.

赞曰

放般若光 别开门户 浊浪滔天 一舟横渡

人法双忘 弥陀无数 将错就错 长安大路

tán viết

phóng bát nhã quang

biệt khai môn hộ

trọc lãng thao thiên

nhất chu hoành độ

nhân pháp song vong

di đà vô số

tương thác tựu thác

trường an đại lộ

Việt dịch:

Phóng quang bát nhã

Mở rộng cửa đạo

Sóng bạc ngất trời

Thuyền từ hóa độ.

Nhân, pháp đều quên

Di Đà vô số

Lấy độc trị độc

Trường An đại lộ.

或说偈曰

◎一九七三年十一月四日．宣公上人作

栖心净土志四方 同愿薰修念佛堂

弥陀一句摄万法 华开九品待西方

远公三睹导师相 吾辈二时诵慈王

功圆果满生极乐 逍遥自在伴真常

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên thập nhất nguyệt tứ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

tê tâm tịnh thổ chí tứ phương

đồng nguyện huân tu niệm phật đường

di đà nhất cú nhiếp vạn pháp

hoa khai cửu phẩm đài tây phương

viễn công tam đồ đạo sư tướng

ngô bối nhĩ thì tụng từ vương

công viên quả mẫn sanh cực lạc
tiêu điều tự tại bạn chân thường

Việt dịch:

Tâm Tịnh Độ, chí bốn phương
Niệm hồng danh Phật, đạo trường huân tu
Di Đà, vạn pháp nhiếp thâu
Hoa nở chín phẩm ứng hầu Tây phương
Viễn công thấy Phật ba lần
Chúng ta xưng tụng từ vương hai thời
Công quả viên, Cực Lạc về
Tiêu điều tự tại gần kề thiên chân.

4.62 莲社二祖 唐光明善导 Liên xã nhị tổ Đường Quang Minh Thiện Đạo



和尚。不详其所出。人称是阿弥陀佛化身也。贞观中。见西河绰禅师净土九品道场。喜曰。此真入佛之精要。修余行业迂僻难成。唯此法门速超生死。于是勤笃精苦。昼夜礼诵。长跪念佛。非竭力不休。劝人称名相续即生。若能念念相续。毕命为期者。十即十生。百即百生。师念佛一声。有一光明从其口出。十至于百。光亦如之。忽一日。登柳树。向西祝曰。愿生安养。投身而逝。高宗知其神异。赐寺额曰光明。

hòa thượng. bất tường kì sở xuất. nhân xưng thị a di đà phật hóa thân dã. trình quan trung. kiến tây hà xước thiện sư tịnh thổ cửu phẩm đạo tràng. hỉ viết. thử chân nhập phật chi tinh yếu. tu dư hành nghiệp vu tích nan thành. duy thử pháp môn tốc siêu sanh tử. vu thị cần đốc tinh khổ. trú dạ lễ tụng. trường quy niệm phật. phi kiệt lực bất hưu. khuyến nhân xưng danh tương tục tức sanh. nhược năng niệm niệm tương tục. tất mệnh vi kì giả. thập tức thập sanh. bách tức bách sanh. sư niệm phật nhất thanh. hữu nhất quang minh tông kì khẩu xuất. thập chí vu bách. quang diệc như chi. hốt nhất nhật. đăng liễu thụ. hướng tây chúc viết. nguyện sanh an dưỡng. đầu thân nhi thệ. cao tông tri kì thần dị. tứ tự ngạch viết quang minh

Viết dịch:

Không ai rõ hòa thượng từ đâu đến, người đời gọi hòa thượng là hóa thân của Phật A Di Đà. Năm Trinh Quán sư đến Tây Hà gặp sư Đạo Xước tại Tịnh Độ cửu phẩm đạo tràng. Sư vui mừng nói: "Đây là người hội nhập chỗ tinh yếu của chư Phật. Tu hạnh nghiệp khác thì khó thành tựu, chỉ có pháp môn này mau vượt thoát sinh tử." Từ đó sư chuyên cần khổ tu, ngày đêm lễ tụng, quỳ gối niệm Phật, chưa kiệt sức thì chưa nghỉ ngơi. Lại khuyên người niệm danh hiệu Phật liên tục. Nếu hành giả có thể niệm tương tục thì thọ mạng sẽ theo như vậy. Mười người niệm thì mười người vắng sinh. Trăm người niệm thì trăm người vắng sinh. Khi sư niệm một tiếng tức thì có ánh sáng từ miệng phát ra. Mười tiếng hay trăm tiếng đều như vậy. Bỗng một ngày kia, sư leo lên cây liễu, hướng về phương Tây, nguyện: "Nguyện sinh An Dưỡng quốc", rồi buông thân mà hóa. Vua Cao Tông biết là thần dị nên ban tặng bằng hiệu chùa là Quang Minh.

赞曰

精进自利 昼夜不停 利他亦尔 须依式凭

撰文说偈 慈悲心勤 放光表念 触处妙明

tán viết

tinh tiến tự lợi

trú dạ bất đình
lợi tha diệt nhĩ
tu y thức bằng
soạn văn thuyết kệ
từ bi tâm cần
phóng quang biểu niệm
xúc xứ diệu minh

Việt dịch:

Tinh tiến tự lợi
Ngày đêm không dừng
Lợi tha cũng vậy
Cần biết dựa nương.

Soạn văn thuyết kệ
Cần mẫn từ bi
Niệm Phật phóng quang
Khắp nơi diệu minh.

或说偈曰

◎一九七三年十一月十日．宣公上人作

无所从来何许人 更无所去泯姓名
吾教中兴英雄汉 世间领袖大声闻
栖身净土莲上品 启示娑婆众僧尊

弥陀化现谁能识 仰则愈高窥愈深

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu thất tam niên thập nhất nguyệt thập nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

vô sở tòng lai hà hử nhân

canh vô sở khứ mẫn tính danh

ngô giáo trung hưng anh hùng hán

thế gian lĩnh tụ đại thanh văn

tê thân tịnh thổ liên thượng phẩm

khai thị sa bà chúng tăng tôn

di đà hóa hiện thùi năng thức

ngưỡng tắc dĩ cao khuy dĩ thâm

Việt dịch:

Người không đến tự phương nào

Họ tên càng chẳng có vào nơi đâu

Trung hưng Phật đạo, anh hào

Thế gian lĩnh tụ, danh cao vang lừng

Thượng phẩm cõi tịnh an thân

Sa bà khai mở chúng tăng tôn sùng

A Di Đà, ai biết cùng

Ngắm càng sâu thăm, ngưỡng trông cao vờ

4.63 师莲社三祖唐般舟承远 Liên xã tam tổ Đường Bàn Chu Thừa Viễn



师。讳承远。不详其所出。进学于玉泉。真公令居衡山设教。人从而化者万计。居岩石下。羸形垢面。躬负薪樵。凡化人。立中道而教之权。并示念佛法门。书涂巷刻溪石。丕勤诱掖。人为建刹。赐额弥陀寺。先是有沙门法照者。定中趋安养。见蒙恶衣侍佛侧者。佛告曰。此衡山承远也。出而求之。肖焉。乃从之学。传教天下。嗣照于代宗时为国师。言其师有至德。天子南向而礼焉。赐其居曰。般舟道场。贞元十八年寂于寺。

sư. húy thừa viễn. bất tường kì sở xuất. tiến học vu ngọc tuyên. chân công lệnh cư hành san thiết giáo. nhân tông nhi hóa giả vạn kế. cư nham thạch hạ. luy hình cấu diện. cung phụ tân dửu. phàm hóa nhân. lập trung đạo nhi giáo chi quyền. tịnh kì niệm phật pháp môn. thư đồ hạng khắc khê thạch. phi cần dụ dịch. nhân vi kiến sát. tứ ngạch di đà tự. tiên thị hữu sa môn pháp chiếu giả. định trung xu an dưỡng. kiến mông ác y thị phật trác giả. phật cáo viết. thử hành san thừa viễn dã. xuất nhi cầu chi. tiểu yên. nãi tông chi học. truyền giáo thiên hạ. tự chiếu vu đại tông thì vi quốc sư. ngôn kì sư hữu chí đức. thiên tử nam hướng nhi lễ yên. tứ kì cư viết. bát chu đạo tràng. trình nguyên thập bát niên tịch vu tự.

Việt dịch:

Sư húy là Thừa Viễn, không rõ từ đâu đến. Trước đó sư theo sư Chân Công ở Ngọc Tuyên, vâng lời đến ngụ ở Hành Sơn thiết lập giáo đạo. Người theo học lên đến hàng vạn, sư cư ngụ trong hang, thân gầy, mặt bẩn, tự vác củi, thường dạy người, lập ra trung đạo ứng hợp với pháp môn niệm Phật. Sư khắc các khẩu hiệu vào đá trên đường đi, lại chăm chú dạy môn đồ,

người đời vì sự lập chùa, vua ban biển là chùa Di Đà. Trước đó có vị sa môn tên là Pháp Chiếu trong định về đến cõi An Dưỡng thấy một vị sư khoác y cũ hầu bên cạnh Đức Phật. Phật dạy: "Đây là Thừa Viễn ở Hành sơn." Sư Pháp Chiếu xuất định, theo đó mà tìm rồi theo sư tu học, truyền đạo đến muôn người. Từ đó, vua Đại Tông phong sư Pháp Chiếu làm quốc sư vì là người có đức. Vua cũng hướng về phương Nam lễ bái, ban hiệu là Bát Chu đạo tràng. Năm Trinh Nguyên thứ 18, sư thị tịch.

赞曰

衡山设权 中道无物 苦海奈何 示专念佛
身居娑婆 先侍佛侧 天子欲征 度其不得

tán viết

hành sơn thiết quyền

trung đạo vô vật

khổ hải nại hà

kì chuyên niệm Phật

thân cư sa bà

tiên thị phật trắc

thiên tử dục chinh

độ kì bất đắc

Việt dịch:

Hành sơn lập quyền giáo

Trung Đạo vô nhất vật

Bể khổ đến thế sao

Chuyên tâm niệm danh Phật.

Thân cư trú sa bà
Trước ở bên cạnh Phật
Thiên tử muốn chiến chinh
Hóa độ mà chẳng được.

或说偈曰

◎一九七三年十一月十五日．宣公上人作

净土三祖号般舟 教人念佛贵专修
早生安养弥陀侧 仍化娑婆众生浊
天子南礼尊德性 慈父西迎重愿摄
坐脱逝世得自在 角虎飞龙乘摩诃

tịnh thổ tam tổ hào bàn chu
giáo nhân niệm phật quý chuyên tu
tảo sanh an dưỡng di đà trắc
nhưng hóa sa bà chúng sanh trọc

thiên tử nam lễ tôn đức tính
từ phụ tây nghênh trọng nguyện nhiếp
tọa thoát thế thể đắc tự tại
giác hổ phi long thừa ma ha

Việt dịch:

Tịnh độ tam tổ Bát Chu

Dạy người niệm Phật trì tu chuyên cần

An Dưỡng, Di Đà, được gần

Sa bà vẫn đặng nhiều lần độ tha

Trời Nam vua lạy dưới tòa

Tây phương từ phụ Di Đà tiếp nghinh

An tọa tự tại thoát hình

Rồng bay, sừng cọp* đại thừa ma ha.

.....

*sừng cọp: Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ (904-975) đề xướng Thiền Tịnh Song Tu, nói: "Có thiền có tịnh cũng như cọp mang sừng hiện đời là thầy người, vị lai làm Phật tổ."

4.64 莲社四祖唐云封法照国师 Liên Xã Tứ Tổ

Vân Phong Pháp Chiêu Quốc Sư đời Đường



师。不知何许人。止衡州云封寺。尝于钵中见五色云。中有山涧石门。梵刹金书。额曰大圣竹林寺。识者曰。形势乃五台耳。遂诣五台。一如所见。其夜见光一道。寻光。果有山涧石门。随二童子入。皆金地宝树。到讲堂。二大士对面踞狮子座说法。文殊告曰。诸修行者无如念佛。阿弥陀佛愿力难思。汝当系念。决取往生。同舒金臂摩顶受记。以事勒石。又于见处造竹林寺。成曰。吾事毕矣。遂坐逝。

sư. bất tri hà hứa nhân. chỉ hành châu vân phong tự. thường vu bát trung kiến ngũ sắc vân. trung hữu san giản thạch môn. phạm sát kim thư. ngạch viết đại thánh trúc lâm tự. thức giả viết. hình thể nãi ngũ đài nhĩ. toại nghệ ngũ đài. nhất như sở kiến. kì dạ kiến quang nhất đạo. tầm quang. quả hữu san giản thạch môn. tùy nhị đồng tử nhập. giai kim địa bảo thụ. đáo giảng đường. nhị đại sĩ đối diện cử sư tử tọa thuyết pháp. văn thù cáo viết. chư tu hành giả vô như niệm phật. a di đà phật nguyện lực nan tư. nhữ đương hệ niệm. quyết thủ vãng sanh. đồng thư kim tí ma đính thụ kí. dĩ sự lạc thạch. hựu vu kiến xứ tạo trúc lâm tự. thành viết. ngô sự tất hĩ. toại tọa thê.

Việt dịch:

Không rõ sư là người vùng nào dừng chân ở chùa Vân Phong Hành Châu, từng thấy trong bình bát hiện đám mây lành, ở giữa lại có khe nước trong vách đá, trên cột đề tên là Đại thánh Trúc Lâm Tự. Có người biết chuyện nói rằng đó là hình thể Ngũ Đài, sư liền đến Ngũ Đài, quả thấy giống như vậy. Một đêm nọ, sư thấy một luồng ánh sáng. Tìm theo luồng sáng này thì thực có vách đá trong khe núi. Sư theo hai đồng tử mà vào thì thấy đất vàng ròng, cây báu. Đến giảng đường, hai vị đại sĩ ngồi đối diện trên tòa sư tử thuyết pháp. Ngài Văn Thù bảo rằng những pháp môn khác không giống như niệm Phật. Nguyện lực của Phật A Di Đà thực khó nghĩ bàn. Nếu con niệm danh hiệu Phật tức nhiên được vãng sinh đồng thời được Phật xoa đầu thọ ký Sư tại nơi đây khắc vào bia đá ghi lại chuyện này. Sau đó sư xây chùa Trúc Lâm nơi đây. Khi hoàn thành, sư nói: "Việc của Ta làm đã xong" rồi an tọa mà qua đời.

赞曰

宿必有因 境乃先现 及到其处 文殊覩面

指归净土 末季方便 舍此一途 转见暝眩

tán viết

túc tất hữu nhân

cảnh nãi tiên hiện

cập đảo kì xứ
văn thù địch diện
chỉ quy tịnh thổ
mạt quý phương tiện
xả thử nhất đồ
chuyển kiến minh huyển

Việt dịch:

Xưa hẳn có nhân
Cho nên cảnh hiện
Kịp đến xứ ấy
Văn Thù lộ diện.
Quy về Tịnh Độ
Mạt thời phương tiện
Chỉ đường lối này
Chuyển tâm hư huyển.

或说偈曰

◎一九七三年十二月五日。宣公上人作

宿世早植胜因缘 预睹五台竹林坛
宝树楼阁庄严地 珍禽瑶草极乐天
溪间恒流清凉水 石洞时涌甘露泉
道场完成身先退 莲宗四祖觉先贤

hoặc thuyết kệ viết

☉nhất cửu thất tam niên thập nhị nguyệt ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

túc thể tảo thực thắng nhân duyên

dự đồ ngũ đài trúc lâm đàn

bảo thụ lâu các trang nghiêm địa

trần cầm dao thảo cực lạc thiên

khê gian hằng lưu thanh lương thủy

thạch động thì dừng cam lộ tuyến

đạo tràng hoàn thành thân tiên thối

liên tông tứ tổ giác tiên hiền.

Việt dịch:

Nhân duyên đời trước sớm trồng

Ngũ Đài được thấy Trúc Lâm đạo tràng

Cây báu, lầu gác nghiêm trang

Cỏ ngọc, chim quý Lạc bang một trời.

Trong khe nước mát chảy xuôi

Động đá suối ngọt thơm tươi dâng tràn.

Pháp đàn thành tựu, trả thân

Là bậc tứ tổ Liên tông tiên hiền.

4.65 蓮社五祖 唐乌龙少康 Liên xã Ngũ Tổ Đường Ô Long Thiệu Khang



师。讳少康。姓周。仙都人。七岁未语。入寺见佛。母问识否。忽发言曰。释迦牟尼佛。遂舍出家。贞元初。至洛阳白马寺。见文字放光。探之。即善导西方文也。祝曰。若于净土有缘。当再见光明。言已。光复闪烁。遂曰。劫石可磨。吾愿无易矣。至光明寺善导影堂瞻礼。见像升空谓曰。汝依吾教。广化有情。他日功成。必生极乐。自后往新定。大弘教法。人称阿弥陀佛。师念佛一声。有一佛从口出。十声则十佛。若贯珠然。卒于郡。

sư. húy thiệu khang. tính chu. tiên đô nhân. thất tuế vị ngữ. nhập tự kiến phật. mẫu vấn thức phủ. hốt phát ngôn viết. thích già mư ni phật. toại xá xuất gia. trịnh nguyên sơ. chí lạc dương bạch mã tự. kiến văn tự phóng quang. tham chi. tức thiện đạo tây phương văn dã. chúc viết. nhược vu tịnh thổ hữu duyên. đương tái kiến quang minh. ngôn dĩ. quang phục thiểm thược. toại viết. kiếp thạch khả ma. ngô nguyện vô dịch hĩ. chí quang minh tự thiện đạo ảnh đường chiêm lễ. kiến tượng thẳng không vị viết. nhữ y ngô giáo. quảng hóa hữu tình. tha nhật công thành. tất sanh cực lạc. tự hậu vãng tân định. đại hồng giáo pháp. nhân xưng a di đà phật. sư niệm phật nhất thanh. hữu nhất phật tông khẩu xuất. thập thanh tắc thập phát. nhược quán châu nhiên. tốt vu quận.

Việt dịch:

Sư họ Chu, húy là Thiệu Khang, người đất Tiên Đô (Chiết Giang). Bảy tuổi vẫn chưa biết nói, khi vào chùa lễ Phật, người mẹ hỏi: biết chăng?. Tức thì sư buột miệng nói: Thích Ca Mâu Ni Phật. Thế là mẹ cho xuất gia. Năm Trịnh Nguyên thứ nhất sư đến chùa Bạch Mã ở Lạc Dương thì thấy được một quyển kinh phóng ra ánh sáng. Sư xem kỹ thì đó là quyển Tây Phương Văn của đại sư Thiện Đạo. Sư nguyện rằng nếu như sư có duyên với Tịnh Độ thì xin được thấy ánh sáng một lần nữa. Khi nói xong thì lại thấy

lóa sáng. Sư liền nói "đá có nát, nguyện của tôi này không đổi". Sư đến chùa Quang Minh kính lễ nơi có ảnh tượng của sư Thiện Đạo, chợt thấy bức ảnh bay lên, nói: "con hãy y theo giáo pháp của ta mà rộng đường hóa độ chúng hữu tình. Ngày kia khi thành công, hẳn là sinh miền Cực Lạc". Từ đó sư đi đến vùng Tân Định hoằng hóa giáo pháp, người đời gọi sư là Phật A Di Đà. Khi sư niệm một hồng danh Phật thì có một hình tướng Phật từ miệng sư phóng ra. Niệm mười tiếng thì có mười Phật như một chuỗi hạt châu. Sư qua đời tại nơi quê quán.

赞曰

宿生净愿 念佛维勤 般若化众 菩提路平
度人无量 善导叮咛 光明即佛 佛即光明

tán viết
túc sanh tịnh nguyện
niệm phật duy cần
bát nhã hóa chúng
bồ đề lộ bình
độ nhân vô lượng
thiện đạo đình ninh
quang minh tức phật
phật tức quang minh.

Việt dịch:

Xưa sinh tịnh nguyện
Niệm Phật chuyên cần
Bát nhã dạy chúng
Bồ đề an bằng.

Độ người vô lượng
Thiện Đạo đỉnh ninh
Quang minh tức Phật
Phật tức quang minh.

或说偈曰

◎一九七三年十二月八日。宣公上人作

一句弥陀一道光 弥陀不念光即藏
善导指示修净土 寿王接引入莲邦
劫石可磨愿弗替 舜若多亡心益壮
古圣先德应效法 见贤思齐自承当

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu thất tam niên thập nhị nguyệt bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

nhất cú di đà nhất đạo quang
di đà bất niệm quang tức tàng
thiện đạo chỉ kì tu tịnh thổ
thọ vương tiếp dẫn nhập liên bang
kiếp thạch khả ma nguyện phát thể
thuần nhĩ* đa vong tâm ích tráng
cổ thánh tiên đức ứng hiệu pháp

kiến hiền tư tề tự thừa đương

Việt dịch:

Một niệm Di Đà một hào quang

Di Đà chẳng niệm, đạo quang ẩn tàng

Thiện Đạo khai thị rõ ràng

Thọ vương tiếp dẫn Liên bang dự phần

Đá dù nát, nguyện chẳng mòn

Tánh Không* tiêu tán nhưng lòng càng tăng

Cổ đức tương dung pháp trần

Gặp người hiền, hẳn muốn bằng người thôi.

.....

*Thuần nhĩ đa (Sunyata) tức tánh Không.

4.66 蓮社七祖 宋昭慶省常 Liên xã Thất tổ Tống Chiêu Khánh Tỉnh Thường



師。諱省常。字造微。姓顏。錢塘人。七歲出家。十七進具。宋淳化中住杭。昭慶慕廬山之風。謀結蓮社。刻無量壽佛像。刺血書華嚴淨行品。於是易蓮社為淨行社。士夫與會者百二十人。皆稱淨行弟子。王文正公旦為之首。比丘及千人焉。天禧四年正月十二日。師端坐念佛。有頃。厲聲唱曰。佛來也。泊然而化。眾見地色皆金。移時方隱。年六十二。弟子奉全身。塔於鳥窠禪師之側。

sư. húy tỉnh thường. tự tạo vi. tính nhan. tiền đường nhân. thất tuế xuất gia. thập thất tiến cụ. tổng thuần hóa trung trụ hàng. chiêu khánh mộ lư san chi phong. mưu kết liên xã. khắc vô lượng thọ phật tượng. thứ huyết thư hoa nghiêm tịnh hành phẩm. ư thị dịch liên xã vi tịnh hành xã. sĩ phu dữ hội giả bách nhị thập nhân. giai xưng tịnh hành đệ tử. vương văn chánh công đán vi chi thủ. bĩ khâu cập thiên nhân yên. thiên hi tứ niên chánh nguyệt thập nhị nhật. sư đoan tọa niệm phật. hữu khoảnh. lệ thanh xương viết. phật lai dã. bạc nhiên nhi hóa. chúng kiến địa sắc giai kim. di thì phương ẫn. niên lục thập nhị. đệ tử phụng toàn thân. tháp ư điều khỏa thiên sư chi trắc.

Việt dịch:

Sư họ Nhan, húy Tỉnh Thường, tự Tạo Vi, người đất Tiền Đường (Chiết Giang), bảy tuổi xuất gia, 17 tuổi thọ giới cụ túc. Năm Thuần Hóa đời Tống sư trụ ở Hàng Châu, khi đến Chiêu Khánh, sư thích cảnh đẹp Lư Sơn, tìm cách kết tập Liên xã, chạm khắc vô số tượng Phật, chích máu viết phẩm Tịnh Hạnh, kinh Hoa Nghiêm, đổi Liên Xã thành Tịnh Hạnh xã. Sĩ phu tham dự có 120 người, đều được gọi là Tịnh Hạnh đệ tử. Vương Chánh Đán là người đứng đầu, có hơn ngàn vị tỳ khiêu. Năm Thiên Hỷ thứ tư, ngày 12 tháng giêng sư đoan tọa niệm Phật, chỉ một khoảnh khắc, nói lớn tiếng: "Đức Phật đến" rồi an nhiên mà qua đời. Đồ chúng thấy màu đất hóa thành vàng ròng, rồi sắc vàng lại ẫn đi. Sư thọ 62 tuổi, đệ tử táng toàn thân, tháp dựng bên cạnh mộ của thiền sư Điều Khỏa.

贊曰

嚴護木叉 作蓮社主 先後中興 隆隆千古

信行與願 如鼎三趾 易名淨行 良有深旨

tán viết

nghiêm hộ mộ xoa

tác liên xã chủ

tiên hậu trung hưng
long long thiên cổ
tín hành dũ nguyện
như đỉnh tam chỉ
dịch danh tịnh hành
lượng hữu thâm chỉ

Việt dịch:

Nghiêm trì giới hạnh
Làm chủ Liên xã
Trước sau trung hưng
Ngàn năm thịnh đại.
Tín, hạnh, và nguyện
Như đỉnh ba chân
Đổi tên Tịnh Hạnh
Ý chỉ sâu xa

或說偈曰

◎一九八五年十月十一日・宣公上人作

蓮社七祖省常公 稚齡出家迥不同
刺血書寫淨行品 含悲憶念彌陀名
願生西方安樂國 誓度娑婆眾象龍
厲聲大呼佛來也 寂然而化金地終

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt thập nhất nhật

Tuyên công thượng nhân tác

liên xã thất tổ tỉnh thường công

trĩ linh xuất gia huýnh bất đồng

thứ huyết thư tả tịnh hạnh phẩm

hàm bi ức niệm di đà danh

nguyện sanh tây phương an lạc quốc

thệ độ sa bà chúng tượng long

lệ thanh đại hô phật lai dã

tịch nhiên nhi hóa kim địa chung

Việt dịch:

Liên xã thất tổ Tỉnh Thường

Xuất gia tuổi nhỏ khác thường chúng tăng

Phẩm Tịnh Hạnh, máu chép kinh

Ôm lòng nhớ tưởng niệm danh Di Đà

Tây phương An Lạc bước qua

Như rồng voi, độ sa bà chúng sanh

Phật đã đến! Đại âm thanh!

Tịch nhiên thoát xác, đất thành hoàng kim.

4.67 蓮社八祖 明雲棲蓮池 Liên xã Bát Tổ Minh Vân Thê Liên Trì



師。俗姓沈。籍仁和。十七補邑庠。書生死事大四字於案頭。一日失手碎茶甌。有省。北游謁笑巖。求開示。巖曰。阿。你三千里外來開示我。我有甚麼開示。師恍然。辭歸。過東昌。聞譙樓鼓聲。忽悟。說偈云。二十年前事可疑。三千里外遇何奇。焚香擲戟渾閑事。魔佛空爭是與非。萬曆乙卯七月。師將示寂。預別眾曰。半月後吾將他住。至期。示微疾。面西而逝。著有彌陀疏鈔。雲棲法彙行世。

sư. tục tính trầm. tịch nhân hòa. thập thất bổ ấp tường. thư sanh tử sự đại tứ tự ư án đầu. nhất nhật thất thủ toái trà âu. hữu tỉnh. bắc du yết tiểu nham. cầu khai kì. nham viết. a. nhĩ tam thiên lí ngoại lai khai kì ngã. ngã hữu thậm ma khai kì. sư hoảng nhiên. từ quy. quá đông xương. văn tiểu lâu cổ thanh. hốt ngộ. thuyết kệ vân. nhị thập niên tiền sự khả nghi. tam thiên lí ngoại ngộ hà kì. phần hương trích kích hồn nhàn sự. ma phật không tranh thị dữ phi. vạn lịch ất mảo thất nguyệt. sư tương kì tịch. dự biệt chúng viết. bán nguyệt hậu ngô tương tha trụ. chí kì. kì vi tật. diện tây nhi thệ. trừ hữu Di Đà Sớ Sao. vân thê pháp vị hành thế

Việt dịch:

Sư họ Trầm, người Nhân Hòa (Hàng Châu). Năm 17 tuổi được đưa vào trường học ở trong ấp, viết bốn chữ "sinh tử sự đại" nơi góc bàn học. Một hôm, sư lỡ tay làm vỡ bình trà liền tỉnh ngộ. Sư đến phương Bắc, yết kiến sư Tiểu Nham cầu khai thị. Sư Tiểu Nham nói: "A, chú mày từ hơn ba ngàn dặm đến khai thị cho ta. Còn riêng ta thì chẳng có gì để khai thị." Sư hoảng hốt bèn cáo từ. Khi sư đi qua Đông Xương, nghe tiếng trống trên chòi cao trên thành vang lên thì chợt tỉnh ngộ, liền nói kệ:

"Hai mươi năm trước ngại nghi

Ngoài ba ngàn dặm thấy gì lạ đâu

Đốt hương, ném kích thuộc lâu

Chẳng tranh ma, Phật, chẳng cầu thị phi".

Vạn Lịch, tháng 7 năm Ất Mão, khi sắp qua đời, sư nói cho đồ chúng biết trước nửa tháng: "Sau này ta sẽ ở nơi khác". Đến ngày, thị hiện có bệnh, quay mặt về phương tây mà qua đời. Bộ Văn Thê Pháp Vị, Di Đà Số Sao còn lưu hành.

贊曰

老實念佛 不須捏怪 寧待融通 當場捉敗
一聲塗毒 漆桶不快 更問如何 三千里外

tán viết

lão thật niệm phật
bất tu niết quái
ninh đãi dung thông
đương tràng tróc bại
nhất thanh đồ độc
tất dũng bất khoái
canh vấn như hà
tam thiên lí ngoại

Việt dịch:

Chân thành niệm Phật
Không mong điều lạ
Thà được dung thông
Còn hơn thất bại
Một tiếng trừ độc
Chẳng thích thùng sơn

Lại hỏi vì sao

Ngoài ba ngàn dặm.

或說偈曰

◎一九八五年十月十二日·宣公上人作

明朝杭州善知識 蓮池上人天生智

老虎皈依為乞者 神龍變化友良師

彌陀疏鈔喚迷夢 觀音指引悟玄時

預先告眾半月往 故現微疾談笑逝

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt thập nhị nhật·

Tuyên công thượng nhân tác

minh triều hàng châu thiện tri thức

liên trì thượng nhân thiên sanh trí

lão hổ quy y vi khát giả

thần long biến hóa hữu lương sư

di đà sở sở hoán mê mộng

quán âm chỉ dẫn ngộ huyền thì

dự tiên cáo chúng bán nguyệt vãng

cố hiện vi tật đàm tiếu thệ

Việt dịch:

Đất Hàng Châu triều Minh thiện tri thức

Thượng nhân Liên Trì trí tuệ trời sinh

Cọp dữ làm thị giả thọ tam quy

Rồng biến hóa bạn cùng người tài đức.

Đi Đà Sớ Sao gọi người tỉnh thức

Quán Âm chỉ dẫn biết được huyền cơ

Nửa tháng dài báo trước lúc vãng sinh

Nên hiện bệnh, nói cười mà tạ thế.

4.68 蓮社十一祖清梵天省庵 Liên xã Thập nhất Tổ Thanh Phạm Thiên Tỉnh Am



師。諱實賢。字思齊。號省庵。常熟時氏子。世儒業。幼出家。嚴習毘尼。尋入講筵。明性相之學。參念佛者是誰話。四閱月。忽然開悟。曰。我夢覺矣。自是機鋒 迅利。才辯縱橫。晝覽藏經。晚持佛號。燃指於阿育王山。佛前發四十八大願。感舍利放光。作勸發菩提心文。激勵四眾。誦者多為涕下。於雍正十二年四月十四 日。面西寂然。送者麇至。忽開目曰。吾去即來。生死事大。各自淨心。念佛可矣。合掌連稱佛名而逝。

sư. húy thật hiền. tự tư tề. hào tỉnh am. thường thực thì thị tử. thể nho nghiệp. ầu xuất gia. nghiêm tập từ ni. tầm nhập giảng diên. minh tính tương chi học. tham

niệm phật giả thị thùi thoại. tứ duyệt nguyệt. hốt nhiên khai ngộ. viết. ngã mộng
giác hĩ. tự thị cơ phong tấn lợi. tài biện túng hoành trú lẫm tàng kinh. văn trì phật
hào. nhiên chỉ ư a dục vương san. phật tiền phát tứ thập bát đại nguyện. cảm xá
lợi phóng quang. tác khuyến phát bồ đề tâm văn. kích lệ tứ chúng. tụng giả đa vi
thể hạ. ư ung chánh thập nhị niên tứ nguyệt thập tứ nhật. diện tây tịch nhiên.
tổng giả quân chí. hốt khai mục viết. ngô khứ tức lai. sanh tử sự đại. các tự tịnh
tâm. niệm phật khả hĩ. hợp chưởng liên xưng phật danh nhi thệ.

Viết dịch:

Sư họ Thời, húy là Thật Hiền, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, người đất Thường Thục. Sư vốn
là con nhà Nho nhưng xuất gia từ thuở nhỏ, nghiêm trì giới luật, tìm đến chốn đạo tràng
để học được pháp sáng tỏ tánh tướng, tham dự [thoại đầu] người niệm Phật là ai?, qua
bốn tháng hốt nhiên khai ngộ, sư nói: "Ta đã tỉnh mộng rồi." Từ đó đối đáp sắc bén, có
tài hùng biện, sáng trú nơi tàng kinh các, tối trì niệm danh hiệu Phật. Sư tự đốt ngón tay
ở núi A Dục Vương, trước tượng Phật phát 48 đại nguyện, được cảm ứng khiến xá lợi
phóng quang. Sư soạn tập Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn để kích lệ tứ chúng, đa số
người tụng đọc đều rơi nước mắt. Năm Ung Chánh thứ 12, vào ngày 14 tháng 4, sư
quay mặt về hướng Tây an nhiên. Người đưa tiễn đến nơi, sư bỗng mở mắt, nói: "Ta đi
tức trở về. Sanh tử là chuyện lớn. Các người nên tự tịnh tâm niệm Phật thì được." Nói
rồi chấp tay niệm Phật liên tục mà qua đời.

贊曰

悲心廣大 菩提心文 四十八願 願力宏深

行解真實 瑞應超倫 蓮宗一脈 賴以常存

tán viết

bì tâm quảng đại

bồ đề tâm văn

tứ thập bát nguyện

nguyện lực hoành thâm

hành giải chân thật
thụ ướng siêu luân
liên tông nhất mạch
lại dĩ thường tồn.

Việt dịch:

Tâm bi quảng đại
Bồ đề tâm văn
Bốn mươi tám nguyện
Nguyện lực hoành thâm.
Hành giải chân thật
Cảm ướng vô cùng
Liên tông nguồn mạch
Nhờ đó trường tồn.

或說偈曰

◎一九八五年 十月十七日・宣公上人作

見賢思齊精進修 業儒讀書勝大垢
從佛專研毘尼法 參禪徹悟誰自由
大哉菩提激勵發 至矣誓願天地悠
舍利放光照千古 尊者恩澤萬劫留

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt thập thất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

kiến hiền tư tề tinh tiến tu

ngiệp nho độc thư thắng đại khâu

tòng phật chuyên nghiên tì ni pháp

tham thiền triệt ngộ thù tự do.

đại tai bồ đề kích lệ phát

chí hĩ thệ nguyện thiên địa du

xá lợi phóng quang chiếu thiên cổ

tôn giả ân trạch vạn kiếp lưu.

Việt dịch:

Gặp người hiền, tinh tiến tu

Truy tầm vượt hẳn đại Khâu* nghiệp nhà

Chuyên tâm học luật Phật Đà

Tham thiền triệt ngộ đâu là tự do.

Đại bồ đề, khuyến phát tâm

Tự thành thệ nguyện nhân du đất trời

Thiên thu xá lợi sáng ngời

Tôn giả ân đức vạn đời truyền xa.

.....

* 孔夫子 Khổng Phu Tử, gọi tắt là 孔子 Khổng Tử, tên là Khổng Khâu 孔丘, tự là Trọng Ni 仲尼

4.69 明南雄蓮社念純 Nam Hùng Liên Xã Niệm Thuần đời Minh



師。諱智一。字念純。江西太和郭氏子。母夢白蓮而孕。生於萬曆丁亥冬月十九日子時。生時祥光滿室。幼不群。厭腥膻。十歲通內典。十八登進士。官歷都御史。巡撫黔粵。二十五歲。權臣當道。棄官出家。投丹霞大素禪師薙染。素師廣孝。是為仰法脈。受戒於雲棲蓮池大師。參方十載。發明心地。禪淨並行。紫柏。憨山印可。許為法門砥柱。天啟六年。創蓮社庵。鑿放生池四。專志淨修。日課彌陀十萬。再建鰲山寺。青蓮庵。旃檀林。四寺接眾。遐邇慕其道風。與蓮池大師相同。於順治乙亥七月十三午。無疾告眾。努力弘揚佛法。說畢端坐。念佛而逝。世壽七十三。僧臘四十八。度人無數。逝世經百日如生。香風不散。知州羅公與紳耆善信。留肉身供養於蓮社庵。迄今三百餘載。仍然如生。俗時著有官箴青螺集。法門著有禪淨雙修集。淨土詩行世。

sư 。 húy trí nhất。 tự niệm thuần。 giang tây thái hòa quách thị tử。 mẫu mộng bạch liên nhi dựng。 sanh ư vạn lịch đỉnh hội đông nguyệt thập cửu nhật tử thì。 sanh thì tường quang mãn thất。 ấu bất quần。 yếm tinh thiên。 thập tuế thông nội điển。 thập bát đẳng tiền sĩ。 quan lịch đô ngự sử。 tuần phủ kiểm việt。 nhị thập ngũ tuế。 quyền thần đương đạo。 khí quan xuất gia。 đầu đan hà đại tổ thiên sư thế nhiệm。 tổ sư quảng hiếu。 thị duy ngưỡng pháp mạch。 thụ giới ư vân thê liên trì đại sư。 tham phương thập tái。 phát minh tâm địa。 thiện tịnh tịnh hành。 tử bách。 hàm san ấn khả。 hứa vi pháp môn chỉ trụ。 thiên khái lục niên。 sang liên xã am。 tạc phóng sanh trì tứ。 chuyên chí tịnh tu。 nhật khóa di đà thập vạn。 tái kiến ngao san tự。 thanh liên am。 chiêm đàn lâm。 tứ tự tiếp chúng。 hà nhĩ mộ kì đạo phong。 dữ liên trì đại sư tương đồng。 ư thuận trị ất hội thất nguyệt thập tam ngọ。 vô tật cáo chúng。 nỗ lực hoằng dương phật pháp。 thuyết tất đoan tọa。 niệm phật nhi thệ。 thế thọ thất thập tam。 tăng lập tứ thập bát。 độ nhân vô số。 thệ thế kinh bách nhật như sanh。 hương phong bất tán。 tri châu la công dữ thân kì thiện tín。 lưu nhục thân cung dưỡng ư liên xã am。

hất kim tam bách dư tái。nhưng nhiên như sanh。tục thì trứ hữu quan châm thanh loa tập。pháp môn trứ hữu thiện tịnh song tu tập。tịnh thổ thi hành thế。

Việt dịch:

Đại sư họ Quách, húy là Trí Nhất, tự Niệm Thuần, người Thái Hòa, Giang Tây. Người mẹ mộng thấy hoa sen, mang thai sinh ra sư, thời Vạn Lịch ngày 9 tháng 10 năm Đinh Hợi, giờ Tí. Lúc sinh ra sư có ánh sáng tốt đẹp hiện khắp nhà. Từ nhỏ đã khác thường hơn chúng bạn, chẳng ưa mùi tanh của thịt cá. Năm 10 tuổi thông thạo nội điển, năm 18 tuổi đậu tiến sĩ, làm quan đến chức Đô ngự sử, tuần phủ các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Năm sư 25 tuổi, gặp lúc quyền thần tiếm vị, liền từ quan xuất gia, theo thiền sư Đại Tổ ở Đan Hà xuống tóc. Sư Đại Tổ là người chí hiếu, ngưỡng mộ nguồn pháp, thọ giới với đại sư Vân Thê Liên Trì. Sư tham học khắp nơi, phát minh được tâm địa, thiện tịnh song tu, được sư Tử Bách, Hám Sơn ấn khả, cho là cột trụ chống giữ pháp môn. Năm Thiên Khải thứ sáu (1626) sư dựng am Liên Xã, sư đào bốn ao phóng sanh, chuyên chí tịnh tu, một ngày tụng mười vạn danh hiệu Phật A Di Đà. Sư tạo lại chùa Ngao Sơn, am Thanh Liên, rừng chiên đàn, bốn chùa tiếp nhận đồ chúng, đạo phong được ngưỡng mộ cũng như sư Liên Trì. Thời Thuận Trị, giờ Ngọ, ngày 13 tháng 7, năm Ất Hợi, sư không bệnh gì lại bảo đồ chúng phải nỗ lực hoằng dương Phật pháp. Sư nói xong thì đoan tọa thị tịch, thọ 73 tuổi, tăng lạp 48, hóa độ vô số người. Sư qua đời hơn trăm ngày mà sắc diện vẫn như lúc còn sống, hương thơm không mất. Quan tri châu là La công và các thân hữu, thiện tín bảo tồn nhục thân của sư tại am Liên Xã, đến nay hơn 300 năm vẫn không hư hoại. Trứ thuật lúc chưa xuất gia có Quan Châm Thanh Loa Tập, về pháp môn thì có Thiện Tịnh Song Tu Tập, Tịnh Độ Thi lưu hành.

贊曰

和氣初臨 萬物皆春 大哉造化 能使枯榮

一句彌陀 四大皆空 金剛體固 景仰高風

tán viết

hòa khí sơ lâm

vạn vật giai xuân

đại tai tạo hóa

năng sử khô vinh
nhất cú di đà
tứ đại giai không
kim cương thể cố
cảnh ngưỡng cao phong

Việt dịch:

Khí hòa hợp vừa hiện
Muôn vật mùa xuân sang
Đẹp để thay cơ tạo
Điều tàn hóa vinh quang
Một câu A Di Đà
Bốn đại vốn là Không
Thể kim cương kiên cố
Kính ngưỡng nền gia phong.

或說偈曰

◎一九八五年十月十八日・宣公上人作

母夢蓮華示瑞徵 祥光滿室專者生
出類拔萃超兒輩 厭膾食素惡魚腥
權臣當道榮貴棄 高僧接引鬚髮更
建寺放生興道場 肉身菩薩照世燈

hoặc thuyết kệ viết

©nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt thập bát nhật・

Tuyên công thượng nhân tác

mẫu mộng liên hoa kì thụ trung
tường quang mãn thất chuyên giả sanh
xuất loại bạt tụy siêu nhi bối
yếm thiên thực tổ ác ngư tinh
quyền thần đương đạo vinh quý khí
cao tăng tiếp dẫn tu phát canh
kiến tự phóng sanh hưng đạo tràng
nhục thân bồ tát chiếu thể đăng

Việt dịch:

Liên hoa mẹ mộng điềm lành
Hào quang chiếu rạng giáng sanh một vùng
Vượt xa lứa tuổi nhi đồng
Ăn chay, chẳng thích cá nòng, thịt tanh.
Loạn thần, từ bỏ hiển vinh
Cao tăng tiếp dẫn đổi hình tóc râu.
Lập chùa, hưng đạo, phóng sinh
Nhục thân bồ tát quang minh tỏa ngời.

4.70 元半塘壽聖善繼 Bán Đường Thọ Thánh Thiện Kế đời Nguyên



善繼禪師。字絕宗。號幻滅。俗姓婁。越之諸暨人也。生即能言。嘗見母舉佛號。便合掌和之。元大德間薙染。從天竺大山恢法師。習天台教。後往南竺。謁湛堂澄公。而澄深器之。晚歲專修淨業。繫念彌陀。晝夜不輟。一日。忽告大眾曰。我歸矣。無疾端坐而化。闍維。舌根不壞。師乃宋永明壽祖後身。明翰林學士宋濂。則師之後身也。師嘗刺血繕寫大方廣佛華嚴經全部。今仍完整。存蘇州半塘壽聖寺。初。學士之母。夢異僧手寫是經。來謂母曰。吾乃永明延壽。宜假一室。以終此卷。母夢覺已。學士即生。學士年長。得見此經。頓憶前事。乃燃香發花。以伸供養。香雲輪囷。結為寶網。徧覆經上。學士感斯瑞應。乃作贊詞。附於經後。彌陀大慈。既現豐干。後化永明。以至善師。宋公。悉於此土。大作佛事。蘇東坡。曾魯公。陳忠肅。王十朋。皆以禪德轉世。亦猶彌陀遊戲人間耳。孰能謂之墮落耶。

thiện kế thiện sư. tự tuyệt tông. hào huyền diệt. tục tính lâu. viết chi chư kỳ nhân đã. sanh tức năng ngôn. kiến mẫu cử phật hào. tiện hợp chưởng hòa chi. nguyên đại đức gian thể nhiễm. tông thiên trúc đại san khôi pháp sư. tập thiên thai giáo. hậu vãng nam trúc. yết trạm đường trường công. nhi trường thâm khí chi. văn tuệ chuyên tu tịnh nghiệp. hệ niệm di đà. trú dạ bất suyết. nhất nhật. hốt cáo đại chúng viết. ngã quy hĩ. vô tật đoan tọa nhi hóa. đồ duy. thiết căn bất hoại. sư nãi tổng vĩnh minh thọ tổ hậu thân. minh hàn lâm học sĩ tổng liêm. tác sư chi hậu thân đã. sư thường thứ huyết thiện tả đại phương quảng phật hoa nghiêm kinh toàn bộ. kim nhưng hoàn chỉnh. tồn tô châu bán đường thọ thánh tự. sơ. học sĩ chi mẫu. mộng dị tăng thủ tả thị kinh. lai vị mẫu viết. ngô nãi vĩnh minh diên thọ. nghi giả nhất thất. dĩ chung thử quyển. mẫu mộng giác dĩ. học sĩ tức sanh. học sĩ niên trường. đắc kiến thử kinh. đồn ức tiền sư. nãi nhiên hương phát hoa. dĩ thân cung dưỡng. hương vân luân khuân. kết vi bảo võng. biến phúc kinh thượng. học sĩ cảm tư thụy ứng. nãi tác tán từ. phụ ư kinh hậu. di đà đại từ. kí hiện phong can. hậu hóa vĩnh minh. dĩ chí thiện sư. tổng công. tất ư thử thổ. đại tác phật sự. tô đông pha. tăng lỗ công. trần trung túc. vương thập bằng. giai dĩ thiện đức chuyển thể. diệt do di đà du hí nhân gian nhĩ. thực năng vị chi đọa lạc da.

Việt dịch:

Thiện Kế thiền sư họ Lâu, tự là Tuyết Tông, hiệu Huyền Diệt, người đất Chư Ky, Việt Châu (Chiết Giang). Sinh ra liền biết nói, thấy mẹ xưng tụng danh hiệu Phật A Di Đà liền chấp tay họa theo. Trong niên hiệu Đại Đức (1297-1306) nhà Nguyên xuất gia, theo pháp sư Khôi người Thiên Trúc tại Đại Sơn, học giáo pháp Thiên Thai. Sau lại đến Nam Thiên Trúc yết kiến sư Trạng Đường, được xem là pháp khí. Những năm sau đó sư chuyên tu Tịnh Độ tông, luôn niệm Phật ngày đêm không dừng nghỉ. Một hôm, sư chợt bảo đại chúng: "Ta sắp trở về đây!", rồi không bệnh mà hóa. Đồ chúng hỏa táng thấy lưới còn nguyên không chạy Tương truyền sư là hậu thân của sư Vĩnh Minh Diên Thọ đầu đời Tống, hàn lâm đại học sĩ Tống Liêm là hậu thân của sư. Sư từng chích máu viết toàn bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, nay được bảo tồn ở Bán Đường (Tô Châu) chùa Thọ Thánh. Trước đó, mẹ của Tống học sĩ nằm mộng thấy một vị dị tăng tay chép kinh Hoa Nghiêm, đến nói với bà: "Tôi chính là Vĩnh Minh Diên Thọ, xin nhờ vào một nhà để trọn quyền này. Người mẹ tỉnh mộng, sau đó sinh ra học sĩ. Khi học sĩ trưởng thành, thấy được kinh ấy, liền đốn ngộ sự việc ngày trước, bèn đốt hương, rải hoa cúng dường kinh. Mây hương kết thành lưới báu che phủ trên bộ kinh. Học sĩ cảm khái về điềm lành này viết bài tán ghi lại sau kinh: "Di Đà đại từ, hiện thân Phong Can, sau hóa Vĩnh Minh, lại đến Thiện Sư. Tống công ở cõi này làm Phật sự lớn". Như Tô Đông Pha, vốn là Lỗ Công Trần Trung, cùng mười người bạn của Túc Vương đều là các bậc cổ đức chuyển thế, cũng như Đức Phật A Di Đà du hóa nơi thế gian. Ai dám bảo là kẻ đọa lạc ư?.

贊曰

彌陀託生 豐干永明 宋公作贊 善老書經

孰謂蘇子 墮壑落坑 禪河偃月 吾不徒行

tán viết

Di đà thác sanh

Phong can vĩnh minh

tống công tác tán

thiện lão thư kinh

thục vị tô tử
đọa hào lạc khanh
thiền hà yển nguyệt
ngô bất đồ hành

Việt dịch:

Di Đà thác sanh
Phong Can Vĩnh Minh
Tổ công viết tán
Thiền lão chép kinh
Ai nói Tô Tử
Đọa lạc hổ hãm
Sông thiền trắng nguyệt
Ta chẳng phí công.

或說偈曰

◎一九八五年十月十九日・宣公上人作

生即能言宿命通 或謂再世宋濂公
聖賢願力慈悲普 大德節操日月同
血書華嚴照今古 口念彌陀無始終
六字洪名包萬法 東西南北總圓融

hoặc thuyết kệ viết

© nhất cử bát ngũ niên thập nguyệt thập cửu nhật

Tuyên công thượng nhân tác

sanh tức năng ngôn túc mệnh thông

hoặc vị tái thể tổng liên công

thánh hiền nguyên lực từ bi phổ

đại đức tiết thao nhật nguyệt đồng

huyết thư hoa nghiêm chiếu kim cổ

khẩu niệm di đà vô thủy chung

lục tự hồng danh bao vạn pháp

đông tây nam bắc tổng viên dung

Việt dịch:

Sinh liền biết nói, túc mạng thông

Hoặc là tái thể Tổng Liên Công

Nguyên lực thánh hiền từ bi khắp

Khí phách đại sư nhật nguyệt đồng.

Máu viết Hoa Nghiêm lưu vạn cổ

Miệng niệm Di Đà vô thủy chung

Lục tự hồng danh bao vạn pháp

Đông tây nam bắc thấy viên dung.

4.71 蓮宗六祖宋永明延壽 Liên Tông Lục Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ đời Tống



師，諱延壽，錢塘王氏子。曾知稅務，以官款購物放生，罪當死。赴市曹，色不變。曰：「一命換多命，死亦無憾。」忠懿王命釋之。師投四明翠巖禪師出家。後參 天臺韶國師，言下大悟。旋受為法眼嫡孫。嘗於禪觀中，見觀世音菩薩以甘露灌其口，獲大辯才。師提倡禪淨雙修之教。故曰：「有禪有淨土，猶如帶角虎，現世為 人師，當來作佛祖。」吳越王請住慧日山永明寺，賜名智覺禪師。日課一百八事，夜往別峰行道念佛。人聞天樂鳴空。宋開寶八年十二月廿六日焚香告眾，坐而化， 壽七十有二，著有宗鏡錄及萬善同歸集行世。

Sư húy diên thọ, tiền đường vương thị tử. tăng tri thuế vụ, dĩ quan khoản cầu vật phóng sanh, tội đương tử. phó thị tào, sắc bất biến. viết : "nhất mệnh hoán đa mệnh, tử diệc vô ham. "trung ý vương mệnh thích chi. sư đầu tứ minh thúy nham thiền sư xuất gia. hậu tham thiên đài thiếu quốc sư, ngôn hạ đại ngộ. toàn thụ vi pháp nhãn đích tôn. thường ư thiền quan trung, kiến quan thế âm bồ tát dĩ cam lộ quán kì khẩu, hoạch đại biện tài. sư đề xướng thiền tịnh song tu chi giáo. cổ viết : 「 hữu thiện hữu tịnh thổ, do như đới giác hổ, hiện thế vi nhân sư, đương lai tác phật tổ. 」 ngô việt vương thỉnh trụ tuệ nhật san vĩnh minh tự, tứ danh trí giác thiền sư. nhật khóa nhất bách bát sự, dạ vãng biệt phong hành đạo niệm phật. nhân văn thiên nhạc minh không. tổng khai bảo bát niên thập nhị nguyệt nhập lục nhật phần hương cáo chúng, tọa nhi hóa, thọ thất thập hữu nhị, trứ hữu tông kính lục cập vạn thiện đồng quy tập hành thể.

Việt dịch:

Sư hủ là Diên Thọ, họ Vương, người đất Tiền Đường, từng làm quan về thuế vụ, nhân vì dùng khoản tiền để mua sinh vật phóng sanh, bị ghép tội chết, khi tới nơi chợ sắc mặt không hề biến đổi, sư nói: "Một mạng đổi được nhiều mạng, chết cũng không tiếc gì". Trung Ý Vương ra lệnh tha tội, sư theo thiền sư Thúy Nham tại Tứ Minh xuất gia, sau sư đến núi Thiên Thai gặp quốc sư Đức Thiệu, vừa nghe lời nói của sư Đức Thiệu liền đại ngộ, được nhận là đích tôn của tông Pháp Nhãn, trong thiền quán thường thấy Quán Thế Âm Bồ Tát dùng cam lộ rưới vào miệng nên được biện tài. Sư đề xướng pháp môn thiền tịnh song tu, nên nói: "có thiền lẫn tịnh như cộp có sừng. Đời nay là thầy người, mai sau làm Phật, Tổ." Ngô Việt Vương thỉnh sư trụ trì, chùa Vĩnh Minh, núi Tuệ Nhật, ban tặng hiệu là Trí Giác thiền sư. Ngày thì làm 108 Phật sự, tối đến thì đi qua một ngọn đồi khác để niệm Phật. Người quanh vùng thường nghe tiếng nhạc trời trên hư không. Đời Tống, năm Khai Bảo thứ tám (975) ngày 26 tháng 12, sư thấp hương từ biệt chúng rồi an tọa mà qua đời, thọ 72 tuổi. sư biên soạn Tông Cảnh Lục, Vạn Thiện Đồng Quy Tập lưu hành.

贊曰

一命多命 心中萬幸 越王開恩 延壽無盡

彌陀十萬 穿衣吃飯 此外無他 綿綿不斷

tán viết

nhất mệnh đa mệnh

tâm trung vạn hạnh

việt vương khai ân

diên thọ vô tận

di đà thập vạn

xuyên y cật phạn

thử ngoại vô tha

miên miên bất đoạn

Việt dịch:

Một mạng đổi nhiều mạng

Tâm giữa lòng vạn hạnh

Việt vương ban ân sủng

Thọ mạng* dài vô tận.

Mười vạn hiệu Di Đà

Khoác áo và ăn cơm

Ngoài ra không gì khác

Liên miên chẳng khi dừng.

.....

*diên thọ 延壽 thọ mạng kéo dài.

或說偈曰

◎一九八五年十月廿三日・宣公上人作

一句彌陀一化佛 蓮華朵朵演摩訶

甘露灌口得大辯 法雨潤心獲解脫

無量壽光來示現 有情含識離娑婆

同入西方極樂國 三輩九品笑哈哈

hoặc thuyết kệ viết

◎nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt nhập tam nhât.

Tuyên công thượng nhân tác

nhất cú di đà nhất hóa phật
liên hoa đóa đóa diễn ma ha
cam lộ quán khẩu đắc đại biện
pháp vũ nhuần tâm hoạch giải thoát

vô lượng thọ quang lai thị hiện
hữu tình hàm thức li sa bà
đồng nhập tây phương cực lạc quốc
tam bối cửu phẩm tiếu ha ha

Việt dịch:

Một niệm Di Đà một Di Đà
Diễn thuyết Đại Thừa đóa đóa sen
Cam lồ rưới miệng sinh hùng biện
Mưa pháp nhuần tâm thoát não phiền.

Vô lượng thọ quang nay thị hiện
Hữu tình hàm thức bồ sa bà
Đồng nhập Tây phương Cực Lạc quốc
Ba tầng, chín phẩm cười ha ha.

4.72 莲宗九祖清灵峰藕益大师 Liên Tông Cửu Tổ

Thanh Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư



师，讳藕益，字智旭，古吴钟氏子。其父持大悲咒十载。梦观音送子而生。少以儒学自任，辟佛为异端，梦与孔颜晤语。年十七，阅莲池大师之竹窗随笔后，将辟佛论数十篇，悉皆焚之。二十岁时，因父丧，闻地藏本愿经，发出世志。二十四时，梦礼憨山大师，一月三次。因憨师住曹溪，不能远从。故从雪岭峻师代为剃度。雪师乃憨公之门人也。后隐灵峰，专修净业。临终遗命：“阖维后，将其骨灰合面，分施禽鱼，结西方缘。”于康熙乙未年一月廿一日。趺坐面西而逝。寿五十有七。三年后。启缸视之，发长覆耳，面貌如生，趺坐巍然。门人未敢从遗命。乃建塔于灵峰。著作有二十余种行世。

sư, húy Ngẫu Ích, tự Trí Húc, cổ ngô chung thị tử. kì phụ trì đại bi chú thập tái. mộng Quán m tổng tử nhi sanh. thiếu dĩ nho học tự nhậm, Tịch Phật vi dị đoan, mộng dữ Khổng Nhan ngộ ngữ. niên thập thất, duyệt Liên Trì đại sư chi Trúc Song tùy bút hậu, tương Tịch Phật Luận sở thập thiên, tất giai phân chi. nhị thập tuế thì, nhân phụ tang, văn Địa Tạng bốn nguyện kinh, phát xuất thế chí. nhị thập tứ thì, mộng lễ Hám San đại sư, nhất nguyệt tam thứ, nhân Hám sư trụ Tào Kh, bất năng viễn tông. cổ tông tuyết lĩnh tuấn sư đại vi thế độ. tuyết sư nãi hàm san chi môn nhân dã. hậu ản linh phong, chuyên tu tịnh nghiệp. lâm chung di mệnh : 「 ____ duy hậu, tương kì cốt hoi hợp miến, phân thi cảm ngư, kết tây phương duyên. 」

Việt dịch:

Sư húy là Ngẫu Ích, tự Trí Húc, họ Chung đất Cổ Ngô (nay là tỉnh Giang Tô). Cha của sư trì tụng chú Đại Bi trong suốt mười năm. Trong mộng thấy Đức Bồ Tát Quán Thế Âm ban cho một đứa bé nên sinh ra sư.

Thuở thiếu thời nghiên cứu Nho học, tự cho mình có trách nhiệm bảo vệ Nho giáo, từng bài bác Phật giáo vì cho là dị giáo. Trong mộng thấy đối thoại với Đức Không Phụ Tử và ngài Nhan Hối. Năm 17 tuổi đọc Trúc Song Tùy Bút của Đại sư Liên Trì, sư biên

soạn đến mười thiên Tịch Phật Luận. Về sau mang tất cả những sách đã soạn ra mà đốt hết. Năm 20 tuổi thân phụ qua đời, khi nghe tụng kinh Địa Tạng Bản Nguyên liền phát chí xuất thế.

Năm 24 tuổi mộng thấy lễ bái sư Hám Sơn ba lần một tháng, nhưng vì đại sư Hám Sơn trú ở Tào Khê nên không thể đi xa mà thọ giáo nên xuống tóc với sư Tuyết Lĩnh. Sư Tuyết Lĩnh vốn là môn nhân của sư Hám Sơn.

Sư vào Linh Phong sống ẩn dật và chuyên tâm tu hành pháp môn Tịnh Độ. Di mệnh để lại sau khi lâm chung nguyện nhờ người trộn tro cốt sư với bột, và bỏ thí cho chim, cá để kết pháp duyên nơi Tây phương.

赞曰

五浊莲华 淤泥无瑕 清净皎洁 法门奇葩

著作丰富 四通八达 智光满世 菩提心发

tán viết

ngũ trọc liên hoa

ứ nê vô hà

thanh tịnh kiều khiết

pháp môn kì ba

trứ tác phong phú

tứ thông bát đạt

Trí quang mãn thế

bồ tát tâm phát

Việt dịch:

Ngũ trọc đóa sen

Bùn đen chẳng vương

Thanh tịnh trong sạch
Pháp môn diệu kỳ.
Danh tác phong phú
Bốn phương tám hướng
Trí sáng khắp nơi
Phát tâm Bồ Tát.

或说偈曰

◎一九八五年六月八日，宣公上人作

见微知着宿慧深 梦醒出家入空门
迷毁悟赞识机早 逆来顺去妄归真
文能载道勤修炼 智可培德伏客尘
甘露法宝醍醐味 众生食之体性纯

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên lục nguyệt bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Kiến vi tri trừ tức tuệ thâm
Mộng tỉnh xuất gia nhập không môn
Mê hủy ngộ tán thức cơ tảo
Nghịch lai thuận khứ vọng quy chân
Văn năng tái đạo cần tu luyện
Trí khả bồi đức phục khách trần

Cam lộ pháp bảo đề hồ vị
Chúng sanh thực chi thể tính thuần

Việt dịch:

Trí sâu, thấy biết chỗ tận cùng
Tĩnh mộng lìa nhà nhập cửa Không.
Mê ngộ chê khen duyên sớm biết
Đến đi nghịch thuận vọng hoàn chân.
Văn chương chớ đạo chuyên tu luyện
Đức tuệ vun bồi phủi bụi hồng.
Đề hồ pháp bảo cam lộ vị
Chúng sanh uống cạn thể tính thuần.

4.73 莲宗十祖 清普仁截流大师

Liên tông Thập Tổ Phổ Nhân Tiệt Lưu Đại Sư đời Thanh



师，讳行策，宜兴蒋氏子。年二十三披剃，专修净业，大阐莲宗。尝曰：“持名贵在一心不乱，非以快念多念为胜也。”著有莲藏集、净土法语等书行世。于康熙二十一年示寂。寿五十有五。时有孙翰臣及吴氏子，二人同日病亡，经一昼夜而苏醒。各曰：“吾被冥司

勾去，系于殿下。忽睹光明彻地，香华漫空，冥王伏地，迎西归大师。视之，即截公也。吾以光照。遂得放还。”

sư, húy hành sách, nghi hung tương thị tử. niên nhị thập tam phi thể, chuyên tu tịnh nghiệp. đại xiển liên tông. thường viết: “trì danh quý tại nhất tâm bất loạn, phi dĩ khoái niệm đa niệm vi thắng dã.” trú hữu liên tàng tập, tịnh thổ pháp ngữ đẳng thư hành thể. vu khang hi nhị thập nhất niên kì tịch. thọ ngũ thập hữu ngũ. thì hữu tôn hàn thần cập ngô thị tử, nhị nhân đồng nhật bệnh vong, kinh nhất trú dạ nhi tỉnh. các viết; ‘ngô bị minh ti câu khứ, hệ vu điện hạ. hốt đồ quang minh triệt địa. hương hoa mạn không, minh vương phục địa, nghênh tây quy đại sư. thị chi, tức Tiệt công dã. ngô dĩ quang chiếu. toại đắc phóng hoàn.”

Việt dịch:

Sư húy là Hành Sách, họ Tưởng, người đất Nghi Hưng, năm 23 tuổi xuống tóc. Sư chuyên tu Tịnh độ, xiển dương Liên tông, sư thường nói: “trì danh quý ở chỗ nhất tâm bất loạn, không phải do việc niệm nhanh hoặc niệm nhiều mà cho là hơn người”. Sư soạn Liên tông tập, Tịnh độ pháp ngữ còn lưu hành. Năm Khang Hy thứ 21, sư qua đời, thọ 55 tuổi. Lúc ấy có hai người tên là Tôn Hàn Thần và Ngô thị Tử qua đời cùng ngày. Sau một đêm thì sống lại, hai người kể lại rằng: “Chúng tôi bị bắt giữ nơi địa ngục, trói dưới điện. Bỗng nhiên thấy luồng ánh sáng chiếu thẳng xuống mặt đất, hoa thơm đầy hư không. Minh vương phủ phục, nghênh đón đại sư về phương Tây. Chúng tôi nhìn thì thấy người đến là Tiệt Công. Chúng tôi nhờ luồng sáng chiếu soi mà được phép trở về dương thế.”

赞曰

一心不乱 持名贵精 口诵心唯 念念相应

如此这般 必真必诚 弥陀接引 菩萨来迎

tán viết

Nhất tâm bất loạn

Trì danh quý tinh
Khẩu tụng tâm duy
Niệm niệm tương ứng
Như thử giá bàn
Tất chân tất thành
Di Đà tiếp dẫn
Bồ tát lai nghêh

Việt dịch:
Nhất tâm bất loạn
Trì danh tinh thông
Khẩu tụng tâm suy
Niệm niệm tương ứng.
Là như thế ấy
Chí chân chí thành
Di Đà tiếp dẫn
Bồ tát tiếp nghêh.

或说偈曰

◎一九八五年十月廿五日．宣公上人作

专修净业诵弥陀 一心不乱半字多
度人无量归极乐 律已有方出网罗
阎王伏地迎尊者 善信睹光述复活
截生死流得寂灭 游般若海演摩诃

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt nhập ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Chuyên tu tịnh nghiệp tụng Di Đà

Nhất tâm bất loạn bán tự đa

Độ nhân vô lượng quy Cực Lạc

Luật kỉ hữu phương xuất võng la

Diêm vương phục địa nghênh tôn giả

Thiện tín* đồ quang thuật phục hoạt

Tiệt sanh tử lưu đặc tịch diệt

Du bát nhã hải diễn ma ha

Việt dịch:

Chuyên tu tịnh nghiệp tụng Di Đà

Nửa chữ đã nhiều, tâm tịnh an

Cực Lạc đưa người vô số kẻ

Giữ mình biết thoát lưới mà ra.

Diêm vương phủ phục nghênh tôn giả

Thiện nhân* sống lại tả quang hoa.

Sinh tử tuyệt đường, tâm tịch diệt

Giữa lòng bát nhã diễn ma ha.

.....

*Thiện tín tức thiện nam tín nữ rút gọn lại (Tự điển Hán Việt Từ Nguyên, Bửu Kế soạn)

4.74 蓮宗十二祖清紅螺徹悟大師 Liên Tông Thập Nhị Tổ

Hồng Loa Triệt Ngộ Đại Sư đời Thanh



師，河北豐潤人。馬氏子，名際醒，字徹悟。幼聰穎特異，長博覽群書。年廿二，因病悟無常，發出世志。出家後，精通禪教之法理。後主北京萬壽寺，聲馳南北。晚居紅螺山資福寺，提倡淨土法門，四方來歸，遂成蓮宗道場。於嘉慶十五年春，預知歸期。囑曰：“幻緣不久，人世非常，虛生可惜，各宜努力念佛，他年淨土好相見也。吾今去矣！”眾稱佛號。師面西端坐，合掌曰：“稱一聲洪名，見一份相好。”遂手結彌陀印，安詳而逝。眾聞異香滿堂。荼毗，獲舍利百餘粒。世壽七十。僧臘四十七。著有示禪、教、律、淨頌行世。

Sư, hà bắc phong nhuận nhan. mã thị tử, danh tế tỉnh, tự triệt ngộ. ấu thông dĩnh đặc dị, trường bác lãm quần thư. niên nhập nhị, nhan bệnh ngộ vô thường, phát xuất thể chí. xuất gia hậu, tinh thông thiền giáo chi pháp lí. hậu chủ bắc kinh vạn thọ tự, thanh trì nam bắc. văn cư hồng loa san tư phúc tự, đề xướng tịnh độ pháp môn, tứ phương lai quy, toại thành liên tông đạo tràng. vu gia khánh thập ngũ niên xuan, dự tri quy kì. chúc viết : “ huyển duyên bất cửu, nhan thể phi thường, hư sanh khả tích, các nghi nỗ lực niệm Phật, tha niên tịnh thổ hảo tương kiến dã. ngô kim khứ hĩ ! ” chúng xưng Phật hào. sư diện tay đoan tọa, hợp chưởng viết : “ xưng nhất thanh hồng danh, kiến nhất phần tướng hảo. ” toại thủ kết Di Đà ấn, an tường nhi thể. chúng văn dị hương mãn đường. đồ bì, hoạch xá lợi bách dư lạp. thể thọ thất thập. tăng tịch tứ thập thất. trừ hữu thị thiên, giáo, luật, tịnh tụng hành thể.

Việt dịch:

Sư họ Mã, người đất Phong Nhuận, Hà Bắc, húy là Tế Tĩnh, tự là Triệt Ngộ. Thuở nhỏ đã tỏ ra thông tuệ khác thường, tỏ tường kinh sử. Năm 22 tuổi, qua một cơn bệnh thấy được lẽ vô thường, phát chí xuất thế, sau đó xuất gia. Sư tinh thông các pháp thiền giáo. Lại trụ trì chùa Vạn Thọ, Bắc Kinh, vang danh khắp Nam Bắc. Về già sư về ở tại chùa Tư Phúc, núi Hồng Loa, đề xướng pháp môn Tịnh Độ, người bốn phương quy tụ, trở thành đạo tràng Liên Tông. Đến năm Gia Khánh thứ 15, sư biết được ngày qua đời, liền nói với đại chúng: “Duyên huyễn hóa không kéo dài lâu, đời người vô thường, sinh ra như huyễn thật đáng tiếc, nên cùng hướng về niệm Phật. Một ngày kia sẽ gặp lại nhau nơi cõi Tịnh Độ. Ta đi đây!.” Đại chúng đồng niệm Phật, sư ngồi quay mặt về hướng Tây, chấp tay, nói: “niệm một hồng danh, thấy một tướng hảo”. Tay sư kết ấn Di Đà, an nhiên qua đời. Đại chúng ngửi được hương thơm lạ đầy trong phòng, khi hỏa táng thu được hơn trăm hạt xá lợi. Sư thọ 70 tuổi, xuất gia được 47 năm. Tác phẩm lưu hành có đủ thiền, giáo, luật, tịnh, tụng.

贊曰

病悟無常 始覺彷徨 決志出家 入正法堂

禪淨雙明 神馳蓮邦 預知時至 往生西方

tán viết

Bệnh ngộ vô thường

Thủy giác bàng hoàng

Quyết chí xuất gia

Nhập chánh pháp đường

Thiền tịnh song minh

Thần trì liên bang

Dự tri thì chí

Vãng sanh tây phương

Việt dịch:

Nhân bệnh ngộ vô thường

Bồi hồi nguồn bản giác

Lập chí quyết xuất gia

Vào tòa nhà chánh pháp.

Thiền tịnh đều minh bạch

Hương về cõi sen thơm

Biết trước thời khắc đến

Vãng sinh cõi Tây phương.

或說偈曰

◎一九八五年十月卅一日．宣公上人作

末法眾生福慧薄 幸有念佛度娑婆

行者信願恒堅固 彌陀接引生極樂

徹祖專修持名法 含靈普入蓮華河

三輩九品從此證 西方安養樹網羅

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nguyệt tạp nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Mạt pháp chúng sanh phúc tuệ bạc

Hạnh hữu niệm Phật độ sa bà

Hành giả tín nguyện hằng kiên cố

Di Đà tiếp dẫn sanh Cực Lạc

Triệt tổ chuyên tu trì danh pháp

Hàm linh phổ nhập liên hoa hà

Tam bối cứu phẩm tông thữ chứng

Tay phương an dưỡng thụ vãng la

Việt dịch:

Mạt thời phúc tuệ chúng sinh mộng

May thay niệm Phật vượt sa bà

Tín nguyện người tu luôn kiên cố

Đưa đường Cực Lạc A Di Đà.

Tổ Triệt chuyên tu pháp trì danh

Khắp dòng hoa hiện giống hàm linh

Chín phẩm ba tầng theo hạnh chứng

Lưới báu trời Tây dưỡng thánh linh.

4.75 蓮宗十三祖民灵岩印光大师 Liên Tông Thập Tam Tổ Dân Quốc

Linh Nham Ấn Quang Đại Sư



师，名圣量，字印光，陕西郃阳人，赵氏子。幼随兄读儒书，效韩欧辟佛。后因病悟前非，乃生出尘意。廿一时，投终南山，礼道纯和尚薙染。博通内外典，专修净土法门。后于普陀山闭关十八载，阅藏三遍。民国十九年，于苏州灵岩山创建净土道场。因世风日下，故阐明因果报应，以正人心。教人以伦常因果为基础，念佛生西为归宿。一九四年冬，于灵岩寺念佛坐化。荼毗，获舍利无数，足征念佛法门不可思议。世寿八十，僧腊五十八。有文钞行世。

Sư, danh Thánh Lượng, tự Ấn Quang, Thiểm Tây Cáp Dương nhân, Triệu thị tử. ấu tùy huynh độc nho thư, hiệu hàn âu tích Phật. hậu nhân bệnh ngộ tiền phi, nãi sanh xuất trần ý. nhập nhất tuế thì, đầu chung nam san, lễ đạo thuần hòa thượng thể nhiễm. bác thông nội ngoại điển, chuyên tu tịnh thổ pháp môn. hậu vu phổ đà san bế quan thập bát tái, duyệt tạng tam biến. dân quốc thập cửu niên, vu tô châu linh nham san sang kiến tịnh thổ đạo tràng. nhân thể phong nhật hạ, cố xiển minh nhân quả báo ứng, dĩ chánh nhân tâm. giáo nhân dĩ luân thường nhân quả vi cơ sở, niệm Phật sanh tây vi quy túc. nhất cử tứ niên đông, vu linh nham tự niệm Phật tọa hóa. đồ bì, hoạch xá lợi vô số, túc chứng niệm Phật pháp môn bất khả tư nghị. thể thọ bát thập, tăng tịch ngũ thập bát. hữu văn sao hành thế.

Việt dịch:

Sư họ Triệu, người Thiểm Tây, Cáp Dương, tên là Thánh Lượng, tự Ấn Quang. Thuở còn trẻ theo người anh học Nho, bắt chước họ Hàn [Dữ] và u [Dương Tu] bài xích Phật giáo, nhân vì bị bệnh nên biết được việc làm sai trái lúc trước, liền có ý xuất trần. Năm 21 tuổi sư đến núi Chung Nam, bái hòa thượng Đạo Thuần xuống tóc, thông suốt kinh Phật và sách vở ngoại đạo, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Sau đi về Phổ Đà Sơn đóng cửa tu hành 18 năm, đọc suốt ba tạng kinh. Năm Dân quốc thứ 19 sư đi về núi Chung Nam ở Tô Châu lập đạo tràng Tịnh Độ. Cũng vì thấy tình đời càng ngày càng tồi tệ nên sư cố xiển dương lý nhân quả báo ứng mong sửa đổi lòng người, dạy người lấy luân thường, nhân quả làm nền tảng, niệm Phật cầu vãng sinh Tây phương. Vào mùa Đông

năm 1940, sư đến chùa núi Linh Nham, ngồi niệm Phật mà qua đời. Đồ chúng hỏa táng, thu được vô số xá lợi. Pháp môn niệm Phật thật bất khả tư nghì. Sư thọ thế 80 tuổi, xuất gia 58 năm. Những quyển thuật văn sao còn lưu truyền trên thế gian.

.....

*Hai chữ 文钞 (văn sao) có thể lấy ý từ 淨土述聞鈔 (Tịnh độ thuật văn sao) gọi tắt là Thuật Văn Sao.

贊曰

老实念佛 切莫啰嗦 口念耳闻 心无余多

神栖淨土 志度娑婆 文钞法船 满载善德

tán viết

lão thật niệm Phật

thiết mặc la sách

khẩu niệm nhĩ văn

tâm vô dư đa

thần tề tịnh thổ

chí độ sa bà

văn sao pháp thuyền

mãn tái thiện đức.

Viết dịch:

Hãy thật tâm niệm Phật

Chớ nên nói lời nhai

Miệng niệm thì tai nghe

Tâm không để thừa thải.

Thần cư miền Tịnh Độ
Chí độ cõi Sa Bà
Sao thuật dòng thiền pháp
Đức thiện mãi truyền xa.

或说偈曰

◎一九八五年十一月一日．宣公上人作

骨刚神清品超伦 心直口正学圣人
铁面无私言词耿 襟怀有素化古今
弘扬净土功德大 改良僧范慈悲深
灵岩道风熏法界 诸佛赞叹真又真

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

cốt cương thần thanh phẩm siêu luân
tâm trực khẩu chánh học thánh nhân
thiết diện vô tư ngôn từ cảnh
khâm hoài hữu tổ hóa cổ kim
hoằng dương tịnh thổ công đức đại
cải lương tăng phạm từ bi thâm
linh nham đạo phong huân pháp giới
chư Phật tán thán chân hựu chân

Việt dịch:

Khí mạnh thần trong bậc tuyệt luân

Lòng ngay miệng thẳng học thánh nhân

Mặt sắt vô tư lời chính trực

Tâm vốn sẵn dành dạy cổ kim.

Hoảng dương Tịnh độ sâu công đức

Cải canh tăng phạm rộng từ bi

Phong cách Linh Nham thơm pháp giới

Chư Phật tán thán chân nhiệm mầu.

4.76 莲宗第十四祖 民虚云老和尚 Liên Tông Đệ Thập Tứ Tổ

Hư Vân Lão Hòa Thượng



公，讳演彻，字德清，号虚云。俗姓萧，湖南湘乡人。幼习儒道，叹非究竟，转而从佛。屡萌出家之念。十八岁作皮袋歌行于世。即潜往福建省。礼耆宿常开老人薤染。次年，依鼓山涌泉寺妙莲和尚受具。隐居后山岩洞中，礼拜万佛宝忏。三年后出山，各处参善知识。四十三岁，为报母恩，从普陀三步一拜朝礼五台。五十六岁参加扬州高旻寺禅七，闻杯落地声大悟。而说偈曰：“杯子扑落地，响声明沥沥，虚空粉碎也，狂心当下歇。”后说法度生，建寺传戒，广修丛林有三十余处。如云南云栖寺，福建鼓山涌泉寺，广东曲江南华寺。乳源云门山大觉寺，江西云居山真如寺等。公于百廿岁时，预告众曰：“吾死火化，

将吾骨灰撒于水中喂鱼。”于一九五九年阳历十月十三日，吉祥卧示寂。荼毗，获五色舍利无数。大如龙眼核，晶莹光洁。塔于云居山。门人出版年谱及法汇行世。

Công, húy diễn triết, tự đức thanh, hào hư vân。tục tính tiêu, hồ nam tương hương nhân。ấu tập nho đạo, thán phi cứu cánh, chuyển nhi tông Phật。lũ mạnh xuất gia chi niệm。thập bát tuế tác bì đại ca hành vu thể。tức tiềm vãng phúc kiến tỉnh。lễ kỉ túc thường khai lão nhân thể nhiệm。thứ niên, y cổ san dừng tuyên tự diệu liên hòa thượng thụ cụ。ẩn cư hậu sơn nham động trung, lễ bái Vạn Phật Bảo Sám。tam niên hậu xuất sơn, các xử tham thiện tri thức。tứ thập tam tuế, vi báo mẫu ân, tông phổ đà tam bộ nhất bái triệu lễ ngũ đài。ngũ thập lục tuế tham gia dương châu cao môn tự thiền thất, văn bồi lạc địa thanh đại ngộ。nhi thuyết kệ viết : “bồi tử phước lạc địa, hưởng thanh minh lịch lịch, hư không phấn toái dã, cuồng tâm đương hạ hiết。”hậu thuyết pháp độ sanh, kiến tự truyền giới, nghiêm tu từng lâm hữu tam thập dư xử。như vân nam vân tê tự, phúc kiến cổ san dừng tuyên tự, nghiêm đông khúc giang nam hoa tự。nhũ nguyên vân môn sơn đại giác tự, giang tây vân cư sơn chân như tự đẳng。công vu bách nhập tuế thì, dự cáo chúng viết : “ngô tử hỏa hóa, tương ngô cốt hôi tát vu thủy trung uy ngư” vu nhất cửu ngũ cửu niên dương lịch thập nguyệt thập tam nhật, cát tườ。đồ bì, hoạch ngũ sắc xá lợi vô số。đại như long nhãn hạch, tinh oánh quang khiết。tháp vu vân cư sơn。môn nhân xuất bản niên phổ cập pháp vãng hành thể。

Việt dịch:

Công húy là Diễn Triệt, tự Đức Thanh, hiệu là Hư Vân, họ Tiêu, người Tương Hương, Hồ Nam. Thuở nhỏ theo Nho học, thường than chẳng phải là cứu cánh nên chuyển hướng tu theo Phật, lòng luôn mong muốn được xuất gia. Năm 18 tuổi viết bài “Bì Đại Ca” lưu hành, lặng lẽ đến tỉnh Phúc Kiến lễ lão hòa thượng Thường Khai xuống tóc xuất gia. Năm sau, thọ giới cụ túc với hòa thượng Diệu Liên tại chùa Dững Tuyên, Cổ Sơn. Sư ẩn cư trong động Sơn Nham sau núi, lễ bái Vạn Phật Bảo Sám. Ba năm sau sư xuống núi, tham bái các thiện tri thức. Năm 43 tuổi, nhân vì muốn báo đáp âm mẹ nên từ Phổ Đà Sơn ba bước một lạy triệu bài Ngũ Đài Sơn. Năm 56 tuổi, sư tham dự thiền thất ở chùa Cao Môn tại Dương Châu. Nhân nghe tiếng chén rơi vỡ liền đại ngộ.

Sư nói kệ rằng:

“Chén rơi chạm mặt đất
Tiếng vang nghe rõ ràng
Hư không như tan vỡ
Tâm cuồng như tiêu tán.”

Về sau sư thuyết pháp độ người, lập chùa truyền giới, tu bổ chùa chiềng đến hơn ba mươi địa điểm như chùa Vân Thê ở Vân Nam; chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn, Phúc Kiến; chùa Nam Hóa ở Khúc Giang, Quảng Đông; chùa Đại Giác ở núi Vân Môn, Nhữ Nguyên; chùa Chân Như ở núi Vân Cư, Giang Tây v.v... năm sư được 120 tuổi thì biết được ngày qua đời, liền bảo đại chúng: “Khi ta qua đời thì hỏa thiêu, rải tro cốt trong nước bố thí cho cá”. Ngày 13 tháng 10 năm 1959 dương lịch, sư nằm trong thế cát tường mà qua đời, thọ 120 tuổi. Đồ chúng làm lễ hỏa tang thu được vô số xá lợi năm màu, có xá lợi lớn như trái nhãn, trong suốt. Tháp được dựng tại núi Vân Cư. Môn đồ sư xuất bản tập niên phổ và pháp vựng lưu hành.

贊曰

出世肉团 万苦千难 菩萨示现 虎穴龙潭
不避险阻 甘冒风寒 五浊救星 方便无端

tán viết

Xuất thế nhục đoàn
Vạn khổ thiên nan
Bồ tát thị hiện
Hổ huyết long đàm
Bất tị hiểm trở
Cam mạo phong hàn.
Ngũ trọc cứu tinh
Phương tiện vô đoan

Việt dịch:

Ra đời trong bọc thịt
Muôn khổ với nghìn nạn
Bồ tát ứng hiện thân
Hang cọp và đầm rồng.
Chẳng tránh bao hiểm trở
Nóng lạnh đều cam tâm
Cứu tinh đời ngũ trược
Phương tiện chẳng nguyên nhân.

或说偈曰

◎一九八五年十一月七日。宣公上人作

中流砥柱挽狂澜 仆仆风尘救倒悬
为法忘躯无自己 恒顺众生有人缘
黑暗明灯光普照 苦海慈航度大千
云居真如留圣迹 源远泽长法界宽

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt thất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Trung lưu chỉ trụ vãn cuồng lan
Bộc bộc phong trần cứu đảo huyền

Vi pháp vong khu vô tự kỉ
Hằng thuận chúng sanh hữu nhân duyên

Hắc ám minh đăng quang phổ chiếu
Khổ hải từ hàng độ đại thiên
Vân cư chân như lưu thánh tích
Nguyên viễn trạch trường pháp giới khoan

Việt dịch:

Giữa dòng sóng lớn đá giữ ngăn
Cứu vớt người treo lăm nhọc nhằn
Vi pháp quên mình, thân há biết
Chúng sinh tùy thuận bởi nhân duyên.

Đèn sáng chiếu soi muôn ngõ tối
Biển khổ thuyền từ cứu đại thiên
Vân Cư thánh tích chân như thực
Pháp giới nguồn sâu thăm khắp miền.

4.77 莲宗第十五祖民慈舟大师 Liên Tông Đệ Thập Ngũ Tổ Từ Chu Đại Sư



师，名普海，号慈舟。俗姓梁，湖北随县人。幼随父母学佛，怀出世志。因父母在堂，乃执教鞭。三十四岁，父丧，感人生无常，征母同意，礼照光老和尚剃染。后入上海华严学院，毕业后，至鼓山任法界学院导师。旋至北京建立安养精舍，阐扬戒律，实践躬行，殷勤提拔后进，培育弘法人才。谆谆教导僧人，诲人不倦。于一九五七年，弥陀诞晨舍报西归，世寿八十二，僧腊四十七，著有弥陀经讲义，普贤行愿品亲闻记等行世。

Sư, danh phổ hải, hào từ chu. tục tính lương, hồ bắc tùy huyền nhân. ấu tùy phụ mẫu học phật, hoài xuất thế chí. nhân phụ mẫu tại đường, nãi chấp giáo tiên. tam thập tứ tuế, phụ tang, cảm nhân sanh vô thường, chinh mẫu đồng ý, lễ chiếu quang lão hòa thượng thế nhiễm. hậu nhập thượng hải hoa nghiêm học viện, tất nghiệp hậu, chí cổ san nhậm pháp giới học viện đạo sư. toàn chí bắc kinh kiến lập an dưỡng tinh xá, xiển dương giới luật, thật tiến cung hành, ân cần đề bạt hậu tiến, bồi dục hoàng pháp nhân tài. chuân chuân giáo đạo tăng nhân, hối nhân bất quyện. vu nhất cửu ngũ thất niên, di đà đản thần xá báo tây quy, thế thọ bát thập nhị, tăng tịch tứ thập thất, trừ hữu di đà kinh giảng nghĩa, phổ hiền hành nguyện phẩm thân văn kí đẳng hành thế.

Việt dịch:

Sư tên gọi Phổ Hải, hiệu Từ Chu, họ Lương, người Tùy Huyền, Hà Bắc. Thuở nhỏ theo cha mẹ học Phật pháp, luôn mang chí nguyện xuất thế. Vì cha mẹ vẫn còn sống nên phải theo phép nhà. Năm 34 tuổi, cha qua đời, cảm thấy đời người vô thường, được mẹ đồng ý nên bái hòa thượng Chiếu Quang xuống tóc xuất gia. Sau vào học tại học viện Hoa Nghiêm tại Thượng Hải. Sau khi tốt nghiệp, sư đến Cổ San làm giảng viên tại Đại học Pháp Giới. Lại về Bắc Kinh lập tinh xá An Dưỡng, xiển dương giới luật, tự thân theo pháp hành trì. Sư ân cần tiến cử giới trẻ, nuôi dưỡng nhân tài hoàng pháp, nhọc lòng khẩn thiết dạy dỗ tăng nhân, dạy người không ngại mỗi mệt. Năm 1957, nhằm ngày vía Phật A Di Đà, sư xả báo thân vãng sinh Tây phương, thọ 82 tuổi, xuất gia

được 47 năm. Các tác phẩm như A Di Đà Kinh Giảng Nghĩa, Phổ Hiền Hạnh Nguyên,
Thân Văn Kí còn lưu hành.

赞曰

学者归来 净土灵台 阐明戒律 打开茅塞

华严大法 无所不该 四海景从 三界善哉

tán viết

Học giả quy lai

Tịnh thổ linh thai

Xiển minh giới luật

Đả khai mao tái

Hoa nghiêm đại pháp

Vô sở bất cai

Tứ hải cảnh tông

Tam giới thiện tai

Viết dịch:

Người trí kia trở lại

Tịnh độ diệu linh đài

Xiển minh tâm giới luật

Khai mở chỗ lầm sai.

Hoa Nghiêm đại chánh pháp

Không đâu chẳng bao hàm

Bốn biển đồng quy ngưỡng

Ba cõi tốt lành thay.

或说偈曰

◎一九八五年十一月九日．宣公上人作

正知正见化群伦 以身作则觉迷津

广长舌相演妙法 圆满慈音度精英

志弘华严神安养 教众有情日又新

末运明灯破昏暗 光明遍照净无云

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt cửu nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Chánh tri chánh kiến hóa quần luân

Dĩ thân tác tác giác mê tân

Nghiêm trường thiết tướng diễn diệu pháp

Viên mãn từ âm độ tinh anh

Chí hoằng hoa nghiêm thần an dưỡng

Giáo chúng hữu tình nhật hựu tân

Mạt vận minh đăng phá hôn ám

Quang minh biến chiếu tịnh vô vân

Việt dịch:

Chánh tri chánh kiến độ quần sinh
Thân làm khuôn phép giác vô minh
Rộng dài tướng lưới tuôn nguồn pháp
Trọn vẹn thanh âm đạt tinh anh.

Chí nguyện Hoa Nghiêm, thần an dưỡng
Ngày mỗi tiến lên, dạy hữu tình.
Thời mặt đèn soi trừ u ám
Một trời thanh tịnh ánh quang minh.

4.78 弘一大师 **Hoàng Nhất Đại Sư**



师，名演音，字弘一。俗姓李，浙江平湖人。幼读儒书。二十六岁，东渡日本，研究绘画及音乐，卓然有成，回国执教。诗词歌赋、书法金石，造诣甚深，故名重于时。于三十九岁，感人生无常，决洗尘缘。遂投杭州虎跑寺，礼了悟和尚剃度。后感慨律学日衰，乃发心宏阐南山律。以身作则，提倡惜福、习劳、持戒、自尊四项，为青年佛子之规。景仰印光大师之风，笃修净业，往生西方为志。于一九四二年秋，念佛圆寂。世寿六十四，僧腊二十四。荼毗，获舍利千余，著作丰富，时人出版弘一大师全集行世。

Sư, danh diễn âm, tự hoàng nhất. tục tính lí, chiết giang bình hồ nhân. ấu độc nho thư. nhị thập lục tuế, đông độ nhật bản, nghiên cứu hội họa cập âm nhạc, trác

nhiên hữu thành, hồi quốc chấp giáo。 thi từ ca phú、 thư pháp kim thạch, tạo nghệ thậm thâm, cổ danh trọng vu thì。 vu tam thập cửu tuế, cảm nhân sanh vô thường, quyết tẩy trần duyên。 toại đầu hàng châu hồ bào tự, lễ liễu ngộ hòa thượng thể độ。 hậu cảm khái luật học nhật suy, nãi phát tâm hoàn xiển nam san luật。 dĩ thân tác tặc, đề xướng tích phúc、 tập lao、 trì giới、 tự tôn tứ hạnh, vi thanh niên phật tử chi quy。 cảnh ngưỡng ấn quang đại sư chi phong, đốc tu tịnh nghiệp, vãng sanh tây phương vi chí。 vu nhất cửu tứ nhị niên thu, niệm phật viên tịch。 thể thọ lục thập tứ , tăng tịch nhị thập tứ。 đồ bì, hoạch xá lợi thiên dư, trừ tác phong phú, thì nhân xuất bản hoằng nhất đại sư toàn tập hành thể。

Việt dịch:

Sư họ Lý, tên Diễm m, tự Hoằng Nhất, người Bình Hồ, Chiết Giang. Thuở nhỏ đọc sách Nho giáo. Năm 26 tuổi qua Nhật Bản nghiên cứu hội họa và âm nhạc, được thành công. Về nước giảng dạy, viết thi từ ca phú, khắc thư pháp trên bia đá, tạo thành những nghệ phẩm tuyệt đẹp nên được xem là thuận theo thời. Năm 39 tuổi, cảm thấy đời người vô thường, quyết định gột rửa duyên trần nên đến chùa Hồ Bào ở Hàng Châu, lễ hòa thượng Liễu Ngộ, xuống tóc xuất gia. Sau xót xa khi thấy Luật học ngày càng suy thoái nên phát tâm xiển dương luật Nam Sơn, tận lực thực hành, trì giới, tự mình tôn kính tứ hạnh*, trở thành khuôn mẫu cho giới Phật tử trẻ. Sư rất kính ngưỡng phong cách của đại sư Ấn Quang nên một lòng siêng tu hành Tịnh nghiệp, lập chí nguyện vãng sinh Tây phương. Mùa thu năm 1942, sư niệm Phật mà qua đời, hưởng thọ 63 tuổi, xuất gia 24 năm. Môn đồ làm lễ hỏa táng, thu được trên ngàn hạt xá lợi. Sư biên soạn rất nhiều tác phẩm, người đương thời xuất bản Hoằng Nhất Đại Sư Toàn Tập lưu hành trên đời.

.....
* tứ phần luật: Bộ Luật tứ phần của phái Đát-ma Cập-đa, gồm 60 quyển, Phật-đà Da-xá 佛陀耶舍 và Trúc Phật Niệm 竺佛念 dịch. (The four-division Vinaya or discipline of the Dharmagupta school, divided into four sections).

贊曰

世尊善逝 以戒为师 比丘自律 菩薩效之

眾生遵循 証圓鏡智 金剛木叉 萬古不移

tán viết
thể tôn thiện thệ
dĩ giới vi sư
bỉ khâu tự luật
bồ tát hiệu chi
chúng sanh tuân tuần
chứng viên kính trí
kim cương mộc xoa
vạn cổ bất di

Việt dịch:

Đức Thế Tôn nhập diệt
Lấy giới luật làm thầy
Chư tỳ khiêu tự luật
Bậc Bồ Tát hiển bày.
Chúng sinh theo khuôn phép
Chứng đại viên kính trí
Kim cương Biệt Giải Thoát
Muôn kiếp chẳng đổi dời.

或说偈曰

◎一九八五年十一月三日，宣公上人作

清风明月骨格高 学冠古今大文豪
东瀛西欧通向化 南瞻北俱共登桥

锦口绣心堪师表 律已感人动天曹
华严联句三百首 九品莲华果自超

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt tam nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

thanh phong minh nguyệt cốt cách cao
học quan cổ kim đại văn hào
đông doanh tây âu thông hướng hóa
nam thiệp bắc cầu cộng đẳng kiều

cầm khẩu tú tâm kham sư biểu
luật kỉ cảm nhân động thiên tào
hoa nghiêm liên cú tam bách thủ
cửu phẩm liên hoa quả tự siêu

Việt dịch:

Gió mát trăng thanh cốt cách cao
Quán sát cổ kim, đại văn hào
Trời bể Đông Tây cùng hoán đổi
Bắc Cầu, Nam Thiệp bước qua cầu.

Miệng gắm lòng thêu gương mẫu mực
Tự thân kèm chế, động trời người

Hoa Nghiêm nổi nhịp ba trăm khúc
Sen vàng chín phẩm ngự cao ngôi.

4.79 太虚大师 Thái Hư Đại Sư



师，名唯心，号太虚，吕氏子，浙江海宁人。幼依外祖母扶抚养，十岁朝拜普陀山，慕修行生活。十五岁礼士达和尚出家，诣天童受具。十九岁阅藏有省。二十六岁于普陀掩关。关中撰述，源台、贤、禅、净四宗之理。大师主张五乘之说。提倡中国佛教改革，世界佛教运动。成立武昌佛学院、汉藏佛学院。作育僧材。于一九四七年春，圆寂于上海。火化时，心脏不坏。舍利数百，世寿五十七，僧腊四十一，遗作有全书行世。

sư, danh duy tâm, hào thái hư, lữ thị tử, chiết giang hải ninh nhân. ấu y ngoại tổ mẫu phù phủ dưỡng, thập tuế triêu báiphổ đà san, mộ tu hành sanh hoạt. thập ngũ tuế lễ sĩ đạt hòa thượng xuất gia, nghệ thiên đồng thụ cụ. thập cửu tuế duyệt tàng hữu tỉnh. nhị thập lục tuế vu phổ đà yểm quan. quan trung soạn thuật, nguyên thai、hiền, thiên、tịnh tứ tông chi lí. đại sư chủ trương ngũ thừa chi thuyết. đề xướng trung quốc Phật giáo cải cách, thế giới Phật giáo vận động. thành lập vũ xương Phật học viện、hán tàng Phật học viện. tác dựctăng tài. vu nhất cửu tứ thất niên xuân, viên tịch vu thượng hải. hỏa hóa thì, tâm tạng bất phôi. xá lợi sở bách, thế thọ ngũ thập thất, tăng tịch tứ thập nhất, di tác hữu toàn thư hành thế.

Việt dịch:

Sư họ Lữ tên Duy Tâm, hiệu Thái Hư, người đất Chiết Giang, tỉnh Hải Ninh. Thuở ấu thơ sư được bà ngoại nuôi dưỡng. Năm sư 10 tuổi, chiêm bái Phổ Đà Sơn, ngưỡng mộ đời tu hành. Năm 15 tuổi sư lễ hòa thượng Sĩ Đạt xuất gia, đến chùa Thiên Đồng thọ giới cụ túc. Năm 19 tuổi học đại tạng kinh có phần tinh ngộ. Năm 26 tuổi sư đi về Phổ Đà, đóng kín cửa chuyên lo việc soạn thuật lý đạo của bốn tông phái Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Thiền, và Tịnh Độ. Đại sư chủ trương thuyết giảng về ngũ thừa, đề xướng cải cách Phật giáo Trung quốc, vận động thành lập Phật giáo thế giới, thành lập Vũ Xương Phật học viện, Hán tạng Phật học viện để đào tạo người tài trong giới tăng sĩ. Mùa xuân năm 1947, sư viên tịch tại Thượng Hải. Sau lễ hỏa táng, trái tim không hư hại, xá lợi nhiều đến hàng trăm hạt. Sư hưởng thọ 57 tuổi, xuất gia 40 năm. Tác phẩm Thái Hư toàn tập lưu lại cho đời.

贊曰

大声疾呼 切莫糊涂 速谋改良 恶紫夺朱
造就僧材 德必不孤 太虚大愿 古今突出

tán viết

đại thanh tậ hô

thiết mặc hồ đồ

tốc mưu cải lương

ác tử đoạt chu*

tạo tựu tăng tài

đức tất bất cô

thái hư đại nguyện

cổ kim đột xuất

Việt dịch:

Miệng hét một tiếng lớn

Lòng quyết chẳng vội vàng

Chí mưu toan sửa đổi
Giận kẻ dữ lẩn càn*.
Mong tạo bậc chân tu
Đức lo gì đơn chiếc
Nguyên lớn tựa thái hư
Thường bất ngờ xuất hiện.

.....

* Luận Ngữ 論語: Ô tử chi đoạt chu dã. Ô Trịnh thanh chi loạn nhã nhạc dã. Ô lợi khẩu chi phúc bang gia giả 惡紫之奪朱也. 惡鄭聲之亂雅樂也. 惡利口之覆邦家者 (Dương Hóa 陽貨) Ghét màu tía cướp mất sắc đỏ. Ghét nhạc nước Trịnh làm loạn chính nhạc. Ghét kẻ bẻm mép làm nghiêng đổ nước nhà.

或说偈曰

◎一九八五年十一月八日. 宣公上人作

青年佛子仰太虚 如望云霓救寒饥
为法忘躯真劳苦 因人培育发菩提
说法度生席未暖 讲学施教坐无居
以身殉圣心不化 精神志愿古来稀

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Thanh niên Phật tử ngưỡng thái hư
Như vọng vân nghệ cứu hàn cơ

Vi pháp vong khu chân lao khổ
Nhân nhân bồi dục phát bồ đề

Thuyết pháp độ sanh tịch vị noãn
Giảng học thi giáo tọa vô cư
Dĩ thân tuần thánh tâm bất hóa
Tinh thần chí nguyện cổ lai hi.

Việt dịch:

Thanh niên Phật tử ngóng Thái Hư
Cứu nguy mây dọi bóng hồng nghê.
Quên mình vì pháp thân lao nhọc
Nương theo nhân thể dưỡng Bồ đề.

Thuyết pháp độ người chưa ấm chiếu
Giảng kinh giáo đạo chẳng ngồi im
Mang thân theo thánh tâm không đổi
Chí nguyện tinh thần sáng cổ kim.

4.80 諦閑大師 Đế Nhân Đại Sư



师，名古虚，字谛闲，朱氏子，浙江黄岩人。少年随舅习医。一日，见壮者就诊忽微疾不起。乃问舅曰：“药能医命乎？”舅曰：“药祇治病，安能医命！”深悟其理，遂有出世志。年廿时，因母丧。入白云山依成道和尚薙度。廿四岁于天台国清寺得戒。后坐禅时，止静三板，方越耳际，忽觉身心脱落，一刹那间，耳闻开静声。后读妙法莲花经有悟。蒙融祖授记付法，为天台宗传人。于一九三二年夏，见佛接引，索笔写偈：“我经念佛，净土现前，真实受用，愿各勉旃。”写毕，含笑而逝。世寿七十五，僧腊五十一。塔于慈溪五磊山旁。门人满天下。遗作甚多行世。

Sư, danh cổ hư, tự đế nhàn, chu thị tử, chiết giang hoàng nham nhân. thiếu niên tùy cứu tập y. nhất nhật, kiến tráng giả tự chấn hốt vi tật bất khởi. nãi vấn cứu viết : “được năng y mệnh hồ.” cứu viết : “được kì trị bệnh, an năng y mệnh !” thâm ngộ kì lí, toại hữu xuất thế chí. niên nhập thì, nhân mẫu tang. nhập bạch vân san y thành đạo hòa thượng thế độ. nhập tứ tuế vu thiên thai quốc thanh tự đắc giới. hậu tọa thiền thì, chỉ tĩnh tam bản, phương viết nhĩ tế, hốt giác thân tâm thoát lạc, nhất sát na gian, nhĩ văn khai tĩnh thanh. hậu đọc diệu pháp liên hoa kinh hữu ngộ. mộng dung tổ thụ kí phó pháp, vi thiên thai tông truyền nhân. vu nhất cử tam nhị niên hạ, kiến phật tiếp dẫn, tác bút tả kệ : “ngã kinh niệm phật, tịnh thổ hiện tiền, chân thật thụ dụng, nguyện các miễn chiên.” tả tất, hàm tiểu nhi thế. thế thọ thất thập ngũ, tăng tịch ngũ thập nhất. tháp vu từ khê ngũ lõi san bàng. môn nhân mãn thiên hạ. di tác thậm đa hành thế.

Việt dịch:

Sư họ Chu, tên là Cổ Hư, tự Đế Nhàn, người đất Hoàng Nham. Thuở nhỏ theo người cậu học ngành thuốc. Một ngày nọ, nhân thấy có một người trông có vẻ khỏe mạnh đến xin chẩn bệnh, bất chợt trở bệnh nằm bất động. Sư hỏi: “Thuốc có thể cứu mạng người không?”. Người cậu nói: “Thuốc chỉ dùng để trị bệnh, không thể cứu mạng được.” Sư hiểu được lý sâu xa, nên phát tâm muốn xuất thế. Năm 20 tuổi, người mẹ qua đời, sư

vào núi Bạch Vân theo hòa thượng Thành Đạo xuống tóc xuất gia. Năm 24 tuổi, thọ giới tại chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai. Một lần khi tọa thiền, tiếng tam bản đập vào tai, hốt nhiên thân tâm rỗng suốt, trong sát na, tai nghe rõ âm thanh thanh tịnh. Sau đó, đọc kinh Pháp Hoa có phần tỏ ngộ, được Tổ [Thụy] Dung thọ ký kế thừa pháp là người nối truyền giáo pháp Thiên Thai Tông. Mùa hè năm 1932, thấy chư Phật tiếp dẫn, cầm bút viết kệ rằng:

Ta thường niệm Phật

Tịnh Độ hiện tiền

Chân thực thọ dụng

Chư vị cố gắng!.

Viết xong thì mỉm cười qua đời, thọ 70 tuổi, tăng tịch 51. Tháp dựng ở núi Ngũ Lỗi, Từ Khê. Môn đồ trên dưới rất đông. Có nhiều tác phẩm để đời.

赞曰

药难医命 顿悟无常 参禅打坐 露出堂堂

轻安正受 海印发光 法华三车 运转周详

tán viết

dược nan y mệnh

đốn ngộ vô thường

tham thiền đã tọa

lộ xuất đường đường

khinh an chánh thụ

hải ấn phát quang

pháp hoa tam xa

vận chuyển chu tường

Việt dịch:

Thuốc khó cứu mạng người

Vô thường đã sớm biết

Ngồi nhiếp tâm tham quán

Lộ dáng vẻ hiên ngang.

Tâm khinh an chánh thọ

Hải Ấn định phát quang

Liên Hoa ba xe pháp

Vận chuyển đạo chu toàn.

或说偈曰

◎一九八五年十一月十四日．宣公上人作

智者天台有传人 光大宗乘立功勋

放下财色名食睡 提起信进念慧根

桃李门人满天下 莲邦学者遍刹尘

各自勉旃修净土 同觐弥陀观世音

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt thập tứ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Trí giả Thiên Thai hữu truyền nhân

Quang đại tông thừa lập công huân

Phóng hạ tài sắc danh thực thụ
Đề khởi tín tiến niệm tuệ căn

Đào lí môn nhân mẫn thiên hạ
Liên bang học giả biến sát trần
Các tự miễn chiên tu tịnh thổ
Đồng cận Di Đà Quán Thế Âm

Việt dịch:

Trí giả Thiên Thai có truyền nhân
Rạng rỡ tông môn lập đại công
Vứt bỏ sắc, tài, danh, thực, thụ
Đề cao tinh tiến, niệm tuệ căn.

Người học đủ đầy trong thiên hạ
Cõi sen kẻ trí tựa vi trần
Chư vị gắng công tu Tịnh độ
Cùng gặp Di Đà, Quán Thế Âm.

4.81 圆顿大师 Viên Anh Đại Sư



师，名弘悟，字圆镬，吴氏子，福建古田人。幼失怙恃，依季父教养。喜茹素。十九岁时，投鼓山涌泉寺出家。受具后，往雪峰谒本达和尚，嗣法曹洞。师弘宗演教四十余年，七往南洋弘法利生。尝曰：“佛法可以悟人心，维持世道。若依之修证，必能离苦得乐。普愿自觉觉他，辗转劝化，同发菩提心，齐成无上道。”曾住十大名利，担任中国佛教会理事长。于一九五三年秋示寂，世寿七十六，僧腊五十六。塔于天童山前青凤岗。著有楞严经讲义、圆觉经讲义等行世。

sư, danh hoàng ngô, tự viên anh, ngô thị tử, phúc kiến cổ điền nhân. ấu thất hổ thị, y quý phụ giáo dưỡng. hỉ như tổ. thập cửu tuế thì, đầu cổ san dừng tuyên tự xuất gia. thụ cụ hậu, vãng tuyết phong yết bản đạt hòa thượng, tự pháp tào động. sư hoàng tông diễn giáo tứ thập dư niên, thất vãng nam dương hoàng pháp lợi sanh. thường viết : “phật pháp khả dĩ ngộ nhân tâm, duy trì thế đạo. nhược y chi tu chứng, tất năng li khổ đắc lạc. phổ nguyện tự giác giác tha, triển chuyển khuyến hóa, đồng phát bồ đề tâm, tề thành vô thượng đạo”. tăng trụ thập đại danh sát, đảm nhậm trung quốc phật giáo hội lý sự trưởng. vu nhất cửu ngũ tam niên thu kì tịch, thế thọ thất thập lục, tăng tịch ngũ thập lục. tháp vu thiên đồng san tiền thanh phong cương. trú hữu lăng nghiêm kinh giảng nghĩa, viên giác kinh giảng nghĩa đẳng hành thế.

Việt dịch:

Sư họ Ngô, tên Hoàng Ngô, tự là Viên Anh, người Phúc Kiến, Cổ Điền. Thuở nhỏ mất cha mẹ, được một người chú nuôi dưỡng, thích ăn chay. Năm 19 tuổi, đến chùa Dũng Tuyên ở Cổ San xuất gia theo học Phật. Sau khi thọ giới cụ túc, sư đến Tuyết Phong gặp hòa thượng Bản Đạt, xin theo tông Tào Động. Hơn 40 năm sư hoàng hóa tông môn, diễn nói pháp Phật, đã từng đến Nam Dương bảy lần hoàng pháp làm lợi cho người. Sư thường nói: “Phật pháp có thể giác ngộ tâm người, duy trì đạo đời. Nếu theo đó mà tu chứng hẳn là thoát khổ được an lạc, nên có hạnh nguyện tự giác, giác tha, khéo tìm cách khuyến tu, dạy đạo, cùng phát tâm Bồ đề, thành tựu đạo vô thượng.” Sư từng trụ trì mười chùa là nơi danh lam thắng cảnh, đảm nhận chức lý sự trưởng của

Phật giáo hội Trung quốc. Mùa thu năm 1953 sư qua đời, thọ 76 tuổi, tăng tịch 56. Tháp dựng ở đồi Thanh Phong, trước núi Thiên Đồng. Sư soạn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa lưu hành trên đời.

赞曰

圆明讲堂 宣楞严王 阐述奥义 显示真常

清末民初 法门之光 炼迦罗心 四海传扬

tán viết

viên minh giảng đường

tuyên lăng nghiêm vương

xiển thuật áo nghĩa

hiển thị chân thường

thanh mật dân sơ

pháp môn chi quang

thước ca la tâm

tứ hải truyện dương

Việt dịch:

Viên minh chốn giảng đường

Truyền bá Lăng Nghiêm vương

Suy diễn nghĩa thâm áo

Hiển thị lý chân thường.

Cuối Thanh, đầu Dân quốc

Rực rỡ nguồn pháp môn

Tâm Chước Ca Bà La*

Truyền bốn bể xưng dương.

.....

*thước ca la: Sakraditya (skt)—Chước Ca Bà La—Chước Ca La—Chước Yết La. 1) Luân: Cakra (skt)—Vòng bánh xe—A wheel. 2) Núi Tu Di: See Meru in Sanskrit/Pali-Vietnamese Section, and Sumeru Mountain in English -Vietnamese Section. 3) Một vị vua của xứ Ma Kiệt Đà sau thời Phật Thích Ca. Vị này đã xây một tháp thờ Phật tại đây—A king of Magadha, some time after Sakyamuni's death, to whom he built a temple. (Tự điển Thiện Phúc).

或说偈曰

◎一九八五年十一月十五日。宣公上人作

心广体胖量宽宏 大小粗细尽包容

七往南洋弘正法 十坐道场化群萌

福慧庄严功德相 悲智双运法流长

为教增光天人眼 曹洞一脉震寰中

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt thập ngũ nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Tâm nghiêm thể bản lượng khoan hoành

Đại tiểu thô tế tấn bao dung

Thất vãng nam dương hoàng chánh pháp

Thập tọa đạo tràng hóa quần manh
Phúc tuệ trang nghiêm công đức tướng
Bi trí song vận pháp lưu trường
Vi giao tăng quang thiên nhân nhãn
Tào Động nhất mạch chấn hoàn trung.

Việt dịch:

Thân cao, tâm rộng, tướng khoan hòa
Lớn nhỏ tinh thô thấy bao dung
Bảy chuyển Nam Dương tuyên chánh pháp
Mười lần ngồi xuống dạy quần sinh.
Công đức trang nghiêm kho phúc tuệ
Trí bi lưu chuyển pháp lâu dài
Khiến mắt trời người thêm ánh sáng
Mạch nguồn Tào Động dội miền xa.

4.82 慈航大师 Từ Hàng Đại Sư



师，名继宗，号慈航，艾氏子，福建建宁人。幼年出家，受具后，各处参学。学禅于扬州高旻寺，习教于宁波观宗寺。后赴南洋弘法，随处创立佛学院，教育弘法僧材。师对教观

颇有心得，讲演时，深入浅出，谈笑风生，幽默百出，雅俗共赏，听者忘倦。于一九四八年秋，赴台湾讲法。在汐止秀峰山创建弥勒内院，青年佛子云集。于一九五四年夏示寂。五年后启缸，仍然端坐，装金供养。遗著出版行世。

sư, danh kế tông, hào từ hàng, nghệ thị tử, phúc kiến kiến ninh nhân。 ấu niên xuất gia, thụ cụ hậu, các xứ tham học。 học thiền vu dương châu cao môn tự, tập giáo vu ninh ba quan tông tự。 hậu phó nam dương hoằng pháp, tùy xứ sáng lập Phật học viện, giáo dục hoằng pháp tăng tài。 sư đối giáo quán pha hữu tâm đắc, giảng diễn thì, thâm nhập thiền xuất, đàm tiểu phong sanh, u mặc bách xuất, nhĩ tục cộng thưởng, thỉnh giả vong quyện。 vu nhất cửu tứ bát niên thu, phó đài loan giảng pháp。 tại tịch chỉ tú phong san sáng kiến di lạc nội viện, thanh niên Phật tử vân tập。 vu nhất cửu ngũ tứ niên hạ thị tịch。 ngũ niên hậu khai hang, nhưng nhiên đoan tọa, trang kim cung dưỡng。 di trú xuất bản hành thế。

Việt dịch:

Đại sư họ Nghệ, tên Kế Tông, hiệu Từ Hàng, người Kiến Ninh, Phúc Kiến. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, sau thọ giới cụ túc, đi các nơi tham học. Sư học thiền ở chùa Cao Môn, Dương Châu, học giáo nơi chùa Quan Tông ở Ninh Ba, sau lại đến Nam Dương hoằng pháp, tùy nơi mà sáng lập Phật học viện. , hoằng pháp, giáo dục tăng tài. Đối với giáo quán sư có phần tâm đắc, trong lúc giảng giải khi thì vào chỗ thâm sâu, khi thì ra nơi cạn cợt, nói cười, lộ ra trăm vẻ thâm trầm, thanh nhĩ và phàm tục cùng vui với nhau, người nghe quên mỗi một. Mùa thu năm 1948, sư đến Đài Loan giảng pháp, sáng lập nội viện Di Lạc tại Tịch Chỉ, núi Tứ Phong. Giới trẻ Phật tử quy tụ rất đông. Năm 1954 sư thị hiện nhập diệt. Năm năm sau khi mở tháp, thân vẫn an tọa tự nhiên, đồ chúng thếp vàng cúng dường. Những tác phẩm sư lưu lại được xuất bản lưu hành.

赞曰

疾风硬烛 烈火精金 不贪不染 不痴不瞋

身无长物 唯具悲心 遗体不坏 供养真身

tán viết

tật phong ngạnh chúc
liệt hỏa tinh kim
bất tham bất nhiễm
bất si bất sân
thân vô trường vật
duy cụ bi tâm
di thể bất phôi
cung dưỡng chân thân.

Việt dịch:

Gió lộng, đuốc lớn
Lửa dữ, vàng ròng
Không tham, không nhiễm
Không si, không sân.
Thân chẳng gì quý
Chỉ có bi tâm
Nhục thân không hoại
Cúng dường chân thân.

或说偈曰

◎一九八五年十一月十六日。宣公上人作

北学南讲化堪忍 东来西往寻旧人
苦口婆心慈悲度 改头换面内院生
如意吉祥影响远 皆大欢喜结缘深

发菩提心成正觉 无能胜者演妙音

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt thập lục nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

bắc học nam giảng hóa kham nhẫn

đông lai tây vắng tầm cựu nhân

khổ khẩu bà tâm từ bi độ

cải đầu hoán diện nội viện sanh

như ý cát tường ảnh hưởng viễn

giai đại hoan hỉ kết duyên thâm

phát bồ đề tâm thành chánh giác

vô năng thắng giả diễn diệu âm

Việt dịch:

Dạy cõi sa bà, Bắc học Nam giảng

Tìm người xưa, Đông đến lại Tây đi

Khô miệng do tâm mang nặng từ bi

Thay hình dạng vốn từ Đâu Suất xuống.

Như ý cát tường rộng bày ảnh hưởng

Đều vui mừng kết lại mối duyên sâu

Phát Bồ Đề tâm chánh giác tựu thành

Âm vi diệu, chẳng ai người hơn được.

4.83 倓虛大師 Đàm Hư Đại Sư



师，名隆衍，字倓虚，河北王氏子。幼年只会说“吃斋、吃斋”。四岁时，尚不能通晓语言。壮年业医于营口，偶读楞严经，方知佛教是了生脱死之大法，乃欲出家。于四十三岁春，舍俗诣河北涞水高明寺，礼印魁老人薙发。是年秋，往宁波观宗寺受具，习天台教观，品行忠谨，受谛公重视，嗣法天台。师声音洪亮，听者动容，法筵甚盛。后建哈尔滨极乐寺、青岛湛山寺等。晚年客居香港。于一九六三年夏示寂。世寿八十九，僧腊四十六。火化时，获舍利无数。塔于九龙塔院寺内。著作有法汇行世。

sư, danh long đàm, tự đàm hư, hà bắc vương thị tử. ấu niên chỉ hội thuyết “cật trai、cật trai”. tứ tuế thì, thượng bát năng thông hiểu ngữ ngôn. tráng niên nghiệp y vụ doanh khẩu, ngẫu độc lãng nghiêm kinh, phương tri phật giáo thị liễu sanh thoát tử chi đại pháp, nãi dục xuất gia. vụ tứ thập tam tuế xuân, xá tục nghệ hà bắc lai thủy cao minh tự, lễ ấn khôi lão nhân thế phát. thị niên thu, vãng ninh ba quan tông tự thụ cụ, tập thiên thai giáo quán, phẩm hành trung căn, thụ đế công trọng thị, tự pháp thiên thai. sư thanh âm hồng lượng, thính giả động dung, pháp diên thậm thịnh. hậu kiến cấp nhĩ tân cực lạc tự、thanh đảo trạm san tự đẳng. văn niên khách cư hương cảng. vụ nhất cửu lục tam niên hạ thị tịch. thế thọ bát thập cửu, tăng tịch tứ thập lục. hòa hóa thì, hoạch xá lợi vô số. tháp vụ cửu long tháp viện tự nội. trứ tác hữu pháp hồi hành thế.

Việt dịch:

Sư họ Vương, tên Long Đàm, tự Đàm Hư, người đất Hà Bắc. Từ thuở nhỏ sư thường chỉ vào đại chúng, nói: “Ăn chay! ăn chay”. Lên 4 tuổi vẫn chưa nghe và nói giỏi. Lớn

lên sư làm nghề thuốc tại Dinh Khẩu. Tình cờ đọc được kinh Lăng Nghiêm, nhận biết được rằng Phật giáo là đại pháp thoát sinh tử nên liền có ý muốn xuất gia. Năm sư 43 tuổi, vào mùa xuân, sư buông bỏ đời sống thế tục, ra Hà Bắc đến chùa Cao Minh ở Lai Thủy lạy lão sư Ân Khôi xuống tóc xuất gia. Mùa thu năm đó, sư qua chùa Quán Tông tại Ninh Ba thọ giới cụ túc, tu tập giáo pháp của Thiên Thai Tông, luôn giữ phẩm hạnh trung trực, kính cẩn. Sư được ngài Đế [Nhàn] quý trọng, nhận là người nối pháp tông Thiên Thai. Sư có giọng nói đồng đặc, người vui thích muốn nghe nên pháp đường thường đông đúc. Sau đó, sư lập chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân, chùa Trạm Sơn tại Thanh Đảo. Về già sư ở lại Hương Cảng, đến năm 1963 thị hiện viên tịch, thọ 89 tuổi, tăng tịch 46 năm. Lúc hỏa táng thu được rất nhiều xá lợi. Tháp dựng bên trong chùa Tháp Viện, Cửu Long. Tác phẩm có Pháp Hối lưu hành.

赞曰

声音洪亮 响彻云霄 据法王座 演狮子调
桃李春风 松柏妙高 佛教兴盛 赖公顿超

tán viết

thanh âm hồng lượng
hưởng triệt vân tiêu
cư pháp vương tọa
diễn sư tử điều
đào lí xuân phong
tùng bách diệu cao
phật giáo hưng thịnh
lại công đồn siêu.

Việt dịch:

Tiếng nói thường đồng đặc
Vọng mấy tầng mây xanh

Ngồi trên tòa pháp vương
Tiếng gầm sư tử chúa.
Gió xuân thơm đào lý
Tùng bách thân cao cường
Phật giáo hằng hưng thịnh
Do chính đốn khác thường.

或说偈曰

◎一九八五年十一月廿一日。宣公上人作

开山垦荒辟田园 耕耘收获刻无闲
培植灌溉诸学子 除莠存苗种余粮
达官贵人齐叩首 兄弟朋友免参商
北方法运功勋普 俛公德业遍三千

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát ngũ niên thập nhất nguyệt nhập nhất nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

khai san khẩn hoang tịch điền viên
canh vân thu hoạch khắc vô nhàn
bồi thực quán khái chư học tử
trừ dữu tồn miêu chủng dư lương
đạt quan quý nhân tề khẩu thủ

huynh đệ bằng hữu miễn tham thương
bắc phương pháp vận công huân phổ
Đàm công đức nghiệp biến tam thiên.

Việt dịch:

Khai núi đồi, khẩn đất hoang lập ruộng
Cày bừa thu hoạch chẳng mấy khi nhàn
Đào tạo nhân tài vun tưới học tăng
Trừ cỏ xấu, dưỡng mầm, dư lương thực.
Người quý phái, kẻ quan quyền kính phục
Nghĩa anh em, bè bạn chẳng ai hơn
Luôn dày công chuyển pháp khắp Bắc phương
Đàm công đức tràn tam thiên thế giới.

4.84 慈航大师 Thường Nhân Đại Sư



公，名常仁，吉林双城人，俗姓王。生于晚清末叶。虽未读书，事亲至孝。于晨昏叩拜父母，日日如是。二十八岁时，双亲相继逝世。庐墓守孝，食生米面度日。后三年止语。六年期满，拟入千山修行。一日上午，来一老和尚（乃明朝之遗老）。公以心问：“尊者何处来？”僧以口答：“吾从千山来，特为你而来。你的法缘在双城，非千山也。”出门不 见

。除服之日，周围四十八村联和庆祝，宣誓结盟，拥护三宝，建三缘寺，永做道场。妇孺受教，达官皈依，度人无数。于一九四九年示寂于北京拈华寺。世寿七十二，感应道交，不可思议事迹，不胜枚举，详载水镜回天录。

công, danh thường nhân, cát lâm song thành nhân, tục tính vương。 sanh vu văn thanh mặt hiệp。 tuy vị độc thư, sự thân chí hiếu。 vu thần hôn khẩu bá phụ mẫu nhật nhật như thị。 nhị thập bát tuế thì, song thân tương kế thệ thệ。 lư mộ thủ hiếu, thực sanh mẽ miễn độ nhật。 hậu tam niên chỉ ngữ。 lục niên kì măn, nghĩ nhập thiên san tu hành。 nhất nhật thượng ngộ, lai nhất lão hòa thượng (nãi minh triều chi di lão)。 công dĩ tâm vấn : “ tôn giả hà xử lai” tăng dĩ khẩu đáp : “ ngô tông thiên san lai, đặc vi nhĩ nhi lai。 nhĩ đích pháp duyên tại song thành, phi thiên san dã。 ”xuất môn bất kiến 。 trừ phục chi nhật, chu vi tứ thập bát thôn liên hòa khánh chúc, tuyên thệ kết minh , ủng hộ tam bảo, kiến tam duyên tự, vĩnh tổ đạo tràng。 phụ nhụ thụ giáo, đặt quan quy y, độ nhân vô số。 vu nhất cửu tứ cửu niên thị tịch vu bắc kinh niêm hoa tự。 thế thọ thất thập nhị, cảm ứng đạo giao, bất khả tư nghị sự tích, bất thăng mai cử, tường tái thủy kính hồi thiên lục。

Việt dịch:

Đại sư họ Vương, tên Thường Nhân, người Cát Lâm, Song Thành, sinh cuối đời Thanh. Tuy chưa được đọc sách thánh hiền nhưng thờ cha mẹ chí hiếu, mỗi ngày sáng chiều đều lễ bái cha mẹ, ngày nào cũng vậy. Năm 28 tuổi cha mẹ lần lượt qua đời, sư dựng lều tranh bên phần mộ thủ hiếu, ăn mễ cốc qua ngày, suốt ba năm không nói một lời. Sáu năm măn hạn, sư định vào Thiên sơn tu hành. Một hôm, khoảng buổi trưa, có một vị lão hòa thượng đi đến (lão hòa thượng vốn là người triều Minh). Sư thành tâm hỏi: “Tôn giả từ đâu đến?”. Vị tăng đáp: “Tôi từ Thiên Sơn, chính vì ông mà đến đây đến. Ông chính thực có pháp duyên tại Song Thành chứ không phải Thiên sơn.” Vị tăng ra khỏi cửa thì không thấy đâu nữa. Ngày xả tang, khắp 48 thôn làng chung quanh vui mừng cầu chúc. Sư thệ nguyện ủng hộ tam bảo, kiến lập chùa Tam Duyên, đạo tràng Vĩnh Tổ, đàn bà con trẻ đều đến thọ giáo, người sang quý đến quy y, độ người vô số. Năm 1949 sư thị tịch tại chùa Niêm Hoa ở Bắc Kinh, hưởng thọ 72 tuổi. Sự tích cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn không kể xiết. Xin đọc thêm trong quyển Thủy Kính Hồi Thiên Lục.

赞曰

得天独厚 返璞归真 一字不识 万法自臻
至德至孝 能义能仁 譬如众星 皆拱北辰

tán viết

đắc thiên độc hậu

phản phác quy chân

nhất tự bất thức

vạn pháp tự trăn

chí đức chí hiếu

năng nghĩa năng nhân

thí như chúng tinh

giai cùng bắc thần

Việt dịch:

Trời riêng phần ưu đãi

Trở về chỗ thuần chân

Một chữ cũng không biết

Muôn pháp tự đến gần.

Hiếu đức đều cùng cực

Có nghĩa lại có nhân

Như muôn vì sao sáng

Cùng quy về Bắc Thần.

或说偈曰

◎一九八五年十一月廿二日。宣公上人作

沉默寡言语话迟 躬行实践不失时
恳切至诚欢菽水 笃敬纯笑娱亲师
庐墓六年修梵行 流芳千古觅音知
闻风而化德业重 信者闻法念在兹

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cử bát ngũ niên thập nhất nguyệt nhập nhị nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

trầm mặc quả ngôn ngữ thoại trì
cung hành thật tiến bất thất thì
khẩn thiết chí thành hoan thực thủy
đốc kính thuần tiểu ngu thân sư
lư mộ lục niên tu phạm hạnh
lưu phương thiên cổ mịch âm tri
văn phong nhi hóa đức nghiệp trọng
tín giả văn pháp niệm tại tư.

Việt dịch:

Trầm mặc ít lời, nói năng chậm rãi
Tự thân làm, thực tiến chẳng trái thời
Khẩn thiết chí thành tôn kính song thân
Lòng kính ngưỡng làm vui lòng thầy, tổ.
Tu phạm hạnh sáu năm nơi lều cỏ

Lưu tiếng thơm thiên cổ bậc tri âm

Nghe gió thầm giáo hóa đức cao thâm*

Người tin pháp, nghe đây mà tưởng niệm.

.....

* 风 phong: giáo hóa, dạy dỗ. ◎Như: xuân phong phong nhân 春風風人 gió xuân ấm áp thổi đến cho người, dạy dỗ người như làm ra ân huệ mà cảm hóa.

4.85 广钦老和尚 Quảng Khâm Lão Hòa Thượng



师，福州人。幼失怙恃，感人生无常。十三岁时，入承天寺薙染。虽体弱，但精进，勤修苦行，过午不食，夜不倒单，终日不离佛殿。一日，知客僧对众宣布常住生活费被窃。众僧怀疑师窃，师不动于衷。后真相大白，并无其事。师受具后，负袋米入深山潜修，觅得山洞，誓言，“不悟道不出此洞”。顷刻，有虎入洞，师为说法，虎听法后离去。米尽食树叶，感山猴献果，从此以后，以山果维持色身。此时，常入定放光。七年后出山，遐迩闻名，皈依者日增，上达公卿将相，下至贩夫走卒。五十三岁时，至台湾弘法，于土城建承天寺，后建高雄妙通寺。一九八五年秋，传三坛大戒，五百戒子，云集妙通寺，盛况空前。于一九八六年二月十三日趺坐而逝，世寿九十有五。度生无数，一代高僧逝矣！

sư, phúc châu nhân. ấu thất hổ thị, cảm nhân sanh vô thường 。 thập tam tuế thì, nhập thừa thiên tự thể nhiễm. tuy thể nhược, dẫn tinh tiến, cần tu khổ hành, quá ngọc bất thực, dạ bất đảo đan, chung nhật bất li phật điện. nhất nhật , tri khách tăng đối chúng tuyên bố thường trụ sanh hoạt phí bị thiết. chúng tăng hoài nghi sư thiết, sư bất động vu trung. hậu chân tương đại bạch, tịnh vô kì sự

。 sư thụ cụ hậu, phụ đại mễ nhập thâm san tiềm tu, mịch đắc san đồng, thệ ngôn, “bất ngộ đạo bất xuất thử đồng”。 khoảnh khắc, hữu hử nhập đồng, sư vi thuyết pháp, hử thính pháp hậu li khứ。 mễ tấn thực thụ hiệp, cảm san hầu hiển quả, tông thử dĩ hậu, dĩ san quả duy trì sắc thân。 thử thì, thường nhập định phóng quang。 thất niên hậu xuất san, hà nhĩ văn danh, quy y giả nhật tăng, thượng đạt công khanh tương tương, hạ chí phiền phu tấu tốt。 ngũ thập tam tuế thì, chí thai loan hoàng pháp, vu thổ thành kiến thừa thiên tự, hậu kiến cao hùng diệu thông tự。 nhất cửu bát ngũ niên thu, truyện tam đàn đại giới, ngũ bách giới tử, vân tập diệu thông tự, thịnh hướng không tiền。 vu nhất cửu bát lục niên nhị nguyệt thập tam nhật phu tọa nhi thệ, thể thọ cửu thập hữu ngũ。 độ sanh vô số, nhất đại cao tăng thệ hĩ !

Việt dịch:

Sư pháp danh là Chiếu Kính, tự Quảng Khâm, người Huệ An, Phúc Kiến, mồ côi từ thuở nhỏ, nhận ra đời người vô thường. Năm 13 tuổi, vào chùa Thừa Thiên ở Tuyên Châu, theo sư Thụy Phương xuất gia. Tuy thể chất yếu đuối nhưng sư luôn tinh tấn, tu khổ hạnh, không ăn quá giờ Ngọ, đêm không nằm, suốt ngày không rời điện Phật. Một lần, vị tri khách trước đại chúng cho biết là chùa bị mất tiền, chúng tăng nghi sư là người lấy cắp. Sư chỉ im lặng bày tỏ sự trung thực của mình. Sau đó mọi sự được sáng tỏ.

Sau khi thọ giới cụ túc, sư mang theo một túi gạo đi vào núi sâu tìm chỗ ẩn tu. Tìm được một động trong núi, sư nguyện: "Không ngộ đạo thì không ra khỏi nơi này." Trong khoảnh khắc chợt có cọp đi vào động. Sư vì cọp nói pháp, cọp nghe rồi liền lùi ra ngoài. Gạo hết, sư ăn lá cây khiến loại khỉ cảm động hái trái cúng dường. Từ đó, sư ăn trái rừng để duy trì sắc thân. Đây là thời gian sư thường nhập định phóng quang. Sau bảy năm, sư xuống núi, danh vang gần xa, người quy y ngày một đông, hàng công khanh, người chợ búa đều có cả. Năm sư 53 tuổi, đến Đại Loan hoàng pháp, dựng chùa Thừa Thiên ở Thổ Thành, chùa Diệu Thông ở Cao Hùng. Mùa thu năm 1985 sư truyền bá giới đàn, 500 người thọ giới, sự hưng thịnh chưa từng thấy. Ngày 13 tháng 2 năm 1986, sư ngồi kiết già thị tịch tại chùa Diệu Thông, thọ 95 tuổi, môn đồ của sư vô số.

赞曰

大乘根性 舍己为人 慈心救世 乐道安贫

疾风硬烛 烈火精金 千锤百炼 佛魔自分

tán viết

đại thừa căn tính

xá kỉ vi nhân

từ tâm cứu thế

lạc đạo an bản

tật phong ngạnh chúc

liệt hỏa tinh kim

thiên chùy bách luyện

phật ma tự phân

Việt dịch:

Đại thừa vốn căn tính

Vì người quên cả thân

Từ bi tâm cứu thế

Vui đạo trong khốn bản.

Gió lộng thì đuốc lớn

Lửa dữ gặp vàng ròng

Dòi mài và tôi luyện

Ma Phật tự rõ ràng.

或说偈曰

◎一九八六年二月廿八日。宣公上人作

迦叶苦行称第一 震旦圣僧与天齐
福建广钦获心印 台湾众生培善基
九五高龄归去也 三千世界慈悲稀
寂光不忘娑婆愿 倒驾慈航速莫疑

hoặc thuyết kệ viết

◎ nhất cửu bát lục niên nhị nguyệt nhập bát nhật.

Tuyên công thượng nhân tác

Ca Diếp khổ hạnh xưng đệ nhất
Chấn đán thánh tăng dữ thiên tề
Phúc kiến Quảng Khâm hoạch tâm ấn
Đài loan chúng sanh bồi thiện cơ
Cửu ngũ cao linh quy khứ dã
Tam thiên thế giới từ bi hi
Tịch quang bất vong sa bà nguyện
Đạo giá từ hàng tốc mặc nghi.

Việt dịch:

Đệ nhất hạnh đầu đà ngài Ca Diếp
Chư thánh tăng Chấn Đán sánh bằng trời
Sư Quảng Khâm Phúc Kiến được ấn tâm
Cơ duyên ấy, người Đài Loan vun bón
Tuổi chín mươi lăm hẳn là trở gót
Đức từ bi trái thế giới ba ngàn

Hằng nguyện sa bà nơi cõi Tịnh Quang
Quay thuyền lại chẳng sinh tâm nghi hoặc.

Hư Vân Hòa Thượng Thi Truyện

Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm cảm tác



Như đã kết thiện duyên từ thuở ấy,
Giọt mưa trời tưới ngọt đất Hồ Nam.
Tiêu phụ thân và từ mẫu họ Nhan
Dòng vọng tộc, làm quan Thanh triều đại.
Quán Âm Tự, cùng phu nhân lễ bái
Dâng tấu lòng chí thiết trọn niềm tin
Dây nhân duyên se kết mối thâm tình
Chốn quạnh quẽ, nghe tiếng cười hài tử.
Tâm lắng đọng, vun phước lành cầu tự
Cơ cảm này, vọng bái bậc từ tôn
Linh ứng kia, sóng nước hải triều âm
Tiếng đồng vọng như ru lòng cổ miếu.
Bâng khuâng sớm khuya gầy đôi bóng liễu
Ngẩn ngơ chiều rời rã một hồi chuông
Vách đổ, tường xiêu thuyết lễ vô thường
Bức thánh tượng ướt dầm trong mưa lạnh.
Đường diệu vợi, ai về trong cô quạnh
Chốn xa xôi còn nhớ bước chân xưa
Cầu đưa ai qua mấy nẻo gió mưa
Qua mấy cõi vu vơ lòng thế sự.
Sửa tháp miếu, nối nhịp cầu gãy đổ
Tô tượng hình như đắp lại chân thân
Phước huệ vun bồi, thiện quả, thiện nhân
Nơi nhân địa, rõ mặt mày tự ngã.

Tiêu đại phu, bỗng giữa đêm mộng lạ
Cùng phu nhân thấy một vị thánh tăng
Khoác tràng y, đầu xuất hiện Quán Âm
Trên lưng cọp ứng hiện thân trước mặt.
Bừng giấc bướm, lạ lòng điềm ẩn mật
Cảm ứng đã lộ diện giữa phòng khuê
Bậc thánh nhân hiện tướng giữa trần mê
Nương nguyện lực vào ra muôn cảnh dữ.

Cảm ân đức hạ sanh làm đồng tử
Càng trì tâm, hộ niệm bậc thiện căn
Luôn cúng dường mong báo đáp Phật ân
Cũng vừa độ sương hoa thành tựu ngọc.

Nẻo hoạn lộ vinh hoa là phước lộc
Chốn quân thần danh lợi bỏ ngoài tai
Cán cân đời đâu chênh lệch lòng ngay
Nghiêng son đỏ mực chao dòng thanh sử.
Đúng thời tiết, tưởng như nghìn thiên sứ
Truyền tin lành chấn động cõi hư không

Vị đại nhân từ Đâu Suất thiên cung
Y chánh giáo phụng hành tông chỉ Phật
Bậc nhất sinh bổ xứ, ngài Di Lặc
Phú chúc lời lành hưng thịnh Phật môn
Phật Thích Ca thọ ký rạng bản tôn
Chèo bát nhã đưa thuyền từ lướt gió
Sinh chưa từng sinh, tử chưa từng diệt

Dấu chân nào sóng biển xóa từng khi
Ai hoài công giữ lại vết chân đi
Ai ngăn được dòng thủy triều tuôn đổ.
Đến với đời trong bọc da thịt đỏ
Khiến mẫu thân sinh kinh hãi từ trần
Rạch bọc da lộ mặt bậc thánh nhân
Đệ bát địa hàng Đại Thừa Bồ Tát.
Ân dưỡng mẫu biết lấy chi đền đáp
Tuổi thơ ngây sớm lộ tánh tự nhiên
Áng thiên thư hồng dấu ấn bốn nguyên
Dòng thánh kệ hiện nghìn thân chẳng khác.
Thường dùng đất nắn tượng hình Bồ Tát
Đặt trên cao rồi lễ bái cung nghinh
Tuổi còn thơ đã ưa thích kệ kinh
Đã sớm bước vào con đường lập mệnh.
Thiên tư vốn rõ nguyên hình chân, tục
Bất nhị môn, mê, ngộ, một đường cong
Điểm khởi đầu hai nét vạch hoành, tung
Cũng là điểm hồi quy về bảo quốc.
Trong thế tục phải thuận đường thế tục
Hợp luân thường miễn cưỡng chuyện thất gia
Đính hôn cùng thực nữ, bậc anh hoa
Duyên cảm sắt trở thành duyên pháp lữ.
Tâm đồng tâm, chẳng bận câu bỉ, thử
Đạo như lòng, vô nhân ngã, sắc không

Thanh tịnh nghiệp duyên, thanh tịnh gia phong
Truyền đuốc tuệ nổi giống dòng chư Phật.
Tháng hai, niên hiệu Hàm Phong thứ nhất
Theo cùng cha viếng hải đảo Đài Loan
Chiếc thuyền con trên biển cả mệnh mang
Nào còn thấy dấu chân trời, mặt nước.
Kính ngư hiện trước mũi thuyền chấn bước
Cá voi châu thuyền pháp há ngẫu nhiên
Giữa trời mây cảm ứng mối thiên duyên
Trên sóng biếc hiện phàm thân triều bái.
Liên đồng thanh niệm Quán Âm Nam Hải
Mây, nước một màu, người, vật một tâm
Thân cự kính hòa sóng nước bể Đông
Dần khuất dạng như chưa từng đã đến.

....

Mười ba tuổi phải chịu tang nội tổ
Nền quê xưa chôn cất nắm xương tàn
Chư tăng ni hành lễ tại thôn trang
Áo bào quện bóng chiều vàng cổ quận
Lời kinh xóa mối lụy sầu u uẩn
Tiếng chuông đưa niềm an lạc như nhiên
Xao xuyến lòng buổi gặp gỡ đầu tiên
Sao mừng tượng như đã từng quen thuộc.
Chắp hai tay đánh lễ người hữu đức
Phước báu này ai dễ góp phần chung

Đức ân dày gia trì lực viên dung
[100]. Lòng kính ngưỡng giảm trừ bao tội nghiệp.
Tưởng như có nhân duyên từ vạn kiếp
Truyện Hương Sơn rạng rỡ đức từ bi
Đạo là đời trên mỗi bước chân đi
Hiện thân tướng khắp cùng mười pháp giới
Ngộ bản nhiên, bỏ đề tâm phát khởi
Vượt thiên không, đạo khí ngút trời mây
Cổ tích lưu truyền, mối đạo trong tay
Tâm cung kính vọng thánh hiền chí cả.
Nam Nhạc Hằng Sơn cảnh quen, người lạ
Đá ngàn năm ở lại với ngàn năm
Cảnh thanh nhàn thường phát xuất thánh tăng
Duyên pháp lữ ba đời còn thấy lại
Ai biết ai, trong tang điền, thương hải
Người gặp người, ngần ngại lối đi quen
Quyển kinh đời hiện bóng dáng nhân duyên
Thân qua lại giữa muôn người qua lại.

.....

Mười bốn tuổi ngậm ngùi câu thoát tục
Thờ ơ lòng trước vinh nhục thế gian
Vì hiếu từ phải vâng lệnh phụ thân
Đành học hỏi hàng bầy môn, tả đạo
Học hít thở, luyện đan theo tà giáo
Dù biết si cuồng che khuất tự tâm

Biết tham sân giam hãm thảng rồi năm
Biết bao kiếp đắm chìm trong vọng dục
Tà pháp môn là cửa vào lao ngục
Tự trói mình trong kỹ thuật tinh vi
Tâm bèn bồng như nửa tỉnh nửa say
Say hương khói, say tượng hình thần thánh
Dùng tiếng kệ ru lòng cho qua cảnh
Trú đền cao, điện lớn tưởng đang tu
Khi gió chuông, gõ mở ngõ công phu
Dưới khăn áo là ngục tù bất tịnh.
Bước bước mơ hồ, bao giờ kiến tánh
Thấy kho tàng trong bùn đất thế gian
Thấy Phật thân ngự trị giữa hoang tàn
Thấy búi tóc gói bảo châu chân, tục.

.....

Mười bảy tuổi, sau ba năm hờ hững
Chuông khánh lạnh lùng, hương nến dửng dưng
Một ngày kia, thông thả giữa phòng không
Liền lên bước vội đi về hướng núi
Nam Nhạc sơn, bản hùng ca ngàn tuổi.
Tóc râu này, đâu sóng nước Ni Liên
Rừng hoang vu, bước cao thấp chẳng yên
Không Kiền Trắc ai người nâng vó ngựa
Không cấm thành, không thiên vương phá cửa
Núi chập chùng, bước bước mỗi quanh co

Tiếng chân đến gần, lời hỏi không xa
Lòng kinh hãi nhìn gia nhân hỏi hã
Dây trần thế buộc lắm đường kỳ lạ
Mối tư tình, chưa đã dễ phân ly
Như tội nhân giữ lại đúng hạn kỳ
Như cùng tử chưa tìm về cố quán.
Đất Tuyền Châu cha làm nơi quản thúc
Lại sai em là Phú Quốc cùng theo
Lễ thành hôn hợp cần đuốc hương treo
Một con rể, hai con dâu giao bối.
Thêm pháo đỏ, rượu hồng, câu đối đãi
Thêm chiếu hoa, đèn gấm đặt đôi nơi
Thế gian ôi! Tuy cũng thuận với đời
Đôi hoa chúc chứng minh tâm cầu đạo
Ngoài là chồng vợ, trong là bạn pháp
Đổi chữ tình thành chữ tịnh không hai
Dưới đèn hoa mang Phật pháp giải bày
Thêm tương kính, giữ thân tâm bất nhiễm.

Mười chín tuổi hướng Cổ Sơn cầu pháp
Trên án thư lưu lại bản trường thanh
"Bì Đại Ca" hề! Thực tướng hiện hình
Mang sắc tướng chẳng lụy vì sắc tướng
Trượng phu hề! Xuôi thuyền trên gió ngược
Bể cả, sông, hồ sâu cạn khác nhau

Chỗ hồi quy đại xứ nước một màu
Cùng thể tánh, người và ta chẳng khác.
Dũng Tuyền Tự trên Cổ Sơn cạo tóc
Lạy Thường Khai lão hòa thượng xuất gia
Thọ Cụ Túc Giới - hòa thượng Diệu Liên
Nhận pháp hiệu là Đức Thanh - Diễn Triệt.
Không phan duyên, chọn sống đời cách biệt
Trong âm thầm suy gẫm pháp nhất thừa
Đại Thừa Khởi Tín - danh tác ngàn xưa
Tâm hội pháp, thân duy trì tịnh giới.
Giữ thân, khẩu, ý không theo vọng khởi
Báo thân kia nào khác với Phật thân
Miệng phun châu, nhả ngọc giữa bụi trần
Ý thanh tịnh, đâu chẳng là pháp ý.
Hang núi hẹp đông qua rồi đông đến
Sương tuyết bốn bề lạnh trắng sơn trang
Mảnh tăng bào chấp vá chuỗi thời gian
Chốn quanh quẽ, sói lang là pháp lữ.
Hạt thông rừng làm thức ăn vừa đủ
Khe suối nguồn cho nước uống đã dư
Ngày tham thiền, đêm nói đuốc công phu
Bảo sám pháp, ba ngàn lần đánh lễ.
Tinh tấn đạo tâm hằng khai trí tuệ
Tịnh hạnh vun bồi, định lực siêu nhiên
Như mây trời, tan hợp đã bao phen

Như gió thoảng, đến đi không lưu dấu
Không thực, không hư, chẳng không, chẳng có
Một thân này gồm đủ cả muôn thân
Một tâm đầy, chẳng giả cũng chẳng chân
[200] Mười pháp giới rõ bày trong một niệm.
Phước huệ song tu, hộ trì tam bảo
Bậc đa văn, người quét lá như nhau
Tự tánh rỗng rang chẳng thấp chẳng cao
Ai người biết rừng tùng sinh hiền thánh.
Gieo tưới vườn rau, vun bồi tâm địa
Đất ươm mầm, cây đơm trái, kết hoa
Như đất tâm dẫu hạt giống Phật Đà
Từ muôn thuở, đất âm thầm nuôi dưỡng
Từ muôn thuở, cây theo duyên sinh trưởng
Đất chẳng hề từ chối nhận mầm cây.
Thiên nhân sư ứng hiện thế gian này
Xới luống đất cây Bồ Đề nảy lộc.
Hương an lạc cúng dường thiên không hội
Vị nhu hòa ban trải địa ngục môn
Khắp mười phương chư Phật chuyển pháp luân
Chư Bồ Tát khiêm cung đồng ứng hợp.

Ngày tháng tên bay, vắng tin, vắng bóng
Như giọt sương mai thân phụ qua đời
Nhớ tưởng ngày còn bông bế trong nôi

Ai biết trước núi đồi là chỗ trọ.
Cảm chí cả như thành trì kiên cố
Các phu nhân cũng lập hạnh xuất gia
Sen trong bùn, ngọc trong đá, nhụy trong hoa
Nơi Phật quốc chúng ma làm quyến thuộc
Tam thân Phật, một trong ba, ba trong một
Đại thánh đâu chẳng nhiều nỗi gian truân
Chừng đến bờ quay nhìn lại đoạn đường
Biết mê đắm, trước Đề Bà cảm tạ.
Chùa Dũng Tuyền bốn năm làm chúc sự
Chí hướng này, ai là bậc tri âm
Trước công danh, lợi dưỡng chẳng động tâm
Lấy khổ hạnh làm đường vào mật tạng.
Bát cháo lạnh no thể tình đam bạc
Manh áo sờn ẩm đạo khí thanh lương.
Không tham cầu, chẳng biện bạch thực, hư
Hạnh Cổ Nguyệt thiên thu nguyên theo dấu.

Hai mươi bảy tuổi trở về hang động
Lập hạnh đầu đà khiến quỷ thần kinh
Giả cảnh chu toàn, chân tánh ẩn trang kinh
Muôn dòng kệ gọi thăm trên lá bối
Ai nở phụ phàng đức ân tiền bối
Một lần đi, một gánh, trọn đất trời.
Đường Tây du mây nước hững hờ thôi

Đêm trăng lạnh tựa đầu trên gối tuyết.
Từ giả tăng phùng ẩn trong hang huyết
Tâm đạo đại hùng khiến đá nứt vàng tan
Ngày tham thiền.Đêm tham thiền.

Tham! tham! tham!.

Lấy nước suối, hạt từng làm pháp thực.
Chốn hoang vu lấy vô tranh làm đức
Trăng nước bốn mùa chẳng thiếu chẳng dư
Tâm địa phơi bày như bản đồ thư
Hằng quán chiếu rõ ngọn nguồn sinh khởi.
Văn tự ngữ ngôn vì người lưu lại
Vớ Phật tâm một chữ cũng là nhiều
Không bận lòng, mặc trăng sớm, sao khuya
Thắng cảnh hiện, lòng không hề vướng mắc.
Chân bước như bay, thân ngời quang sắc
Tai nghe tổ tượng, mắt xoáy màn đêm
Chẳng chấp ta, người, thần thái an nhiên
Ba cõi tiêu dao, Đông, Tây, Nam, Bắc.

Buông xả muôn duyên mặc tình tiêu sái
Một ngày kia dừng lại đất Ôn Châu
Phong cảnh hoang sơ mây nước một màu
Đối cảnh, gặp người hỏi câu cứu cánh!
Nghe pháp ý, nếu chẳng hàng tịnh hạnh
Hắn người trời trú nơi cõi Tịnh Cư.

Đáp sao cho vừa vặn, chẳng thiếu, chẳng dư?

Tự hổ thẹn, liền tỏ lòng khiêm hạ.

Thiên Thai Sơn, Hoa Đỉnh là quán trọ

Bậc đạo sư, ngài Dung Cảnh lão nhân.

Nhất tâm cầu thiện tri thức minh tâm

Đạo viên mật, tâm chúng sinh như thị.

Năm Canh Ngọ, niên hiệu là Đồng Trị

Đến Long Tuyền đánh lễ bậc cao tăng

Hỏi rằng: Là đạo sĩ?. Là tăng nhân?

Hoặc người thế, sao vóc hình quái dị?.

Liền chấp tay thưa: Vốn là tăng sĩ.

Lại hỏi rằng: Đã thọ giới phải chăng?

Học từ đâu cách tu tập lạ lùng?

Liền ứng đối: Vốn theo gương người trước.

Lại cười rằng:

Tế hạnh, oai nghi, ba ngàn, tám vạn

Biết trì thân há đã biết trì tâm!.

Thoạt nghe qua như suối đổ, thác tuôn

Bầm gan ruột, liền thỉnh cầu khai thị.

Dạy lời rằng: Đã trèo non, vượt bể

Đêm kẻ sao, đêm tựa nguyệt đến đây

Nếu chẳng nghe lời, tùy tiện ra đi.

Liền đánh lễ, quyết một lòng tuân phục.

Lão sư dạy hãy sửa hình, đổi vóc

Cạo tóc râu, sinh hoạt cũng như ai

Hiển giáo rõ ràng, tông chỉ Thiên Thai
Quán thầy chết, ai người đang kéo lết?
Dung Cảnh lão nhân tùy thời khai đạo
Giới luật tinh nghiêm, tông giáo liễu thông
Mưa pháp gọi nhuần kết trái, đơm bông
[300] Muốn được pháp nên thường xuyên nghe pháp
Đường xa muôn dặm du phương hành cước
Đến Quốc Thanh học quy chế thiền đường
Sau hai năm tham vấn chốn đạo trường
Sang Phương Quảng cầu Pháp Hoa diệu nghĩa
Bát Nhã Phật đường mười phương tụ hội
Học pháp vô vi kiến tánh vô vi
Giữa Phật trường tăng, tục đến dự thi
Ai đắc được tâm không thì trúng tuyển.
Cao Minh Tự - ngày ngày nghe thánh điển
Diệu Pháp Liên Hoa - thấu triệt toàn kinh
Cùng Cảnh hòa thượng đàm đạo thấu đêm
Lạy bái biệt, một mình đi xuống núi.

Đi ngang qua chùa Nhạc Lâm Tuyết Đậu
Vẳng lời kinh ghé bước lại bên hiên
Vào bên trong quỳ lạy kết pháp duyên
Lòng cung thỉnh được nghe lời tự thuyết
A Di Đà kinh - thánh ca bất tuyệt
Có bao giờ tánh tướng phải ly khai

Có bao giờ trăng nước vỡ làm hai
Lòng nhân thế như thủy triều lên xuống.
Phổ Đà Sơn - biển xanh lòng pháp hải
Tiểu Bạch Hoa - rơi trắng lối tiên thiên
Đêm tham thiền, ngày lễ bái thánh hiền.
Chùa Pháp Vũ chọn làm nơi tạm trú.
Cung Thủy Tinh - Đức Quán Âm hóa độ
Đóa sao trời phiến ngọc trở lưu ly.

Chùa A Dục Vương ngày ngày đánh lễ
Đóa ngọc xưa còn để lại cho đời
Một chút này đây, ghi tạc thế nhân ôi!
Là thánh thể, là mặt trời trí tuệ
Ngã, Pháp đồng hư không, đâu đâu, đâu bề
Một tâm này tức đồng với Phật tâm
Muôn thân này thực báo giữa trầm luân
Biển lặng sóng, nhục thân là pháp bảo.
Qua lại, đến đi, hang sâu, vực thẳm
Vùi ngọc châu trong bùn đất dưng dưng
Thoảng lời than nhắn gửi gió đưa chuông
Dường mắt ướt ản trong lòng giấy mới.
Tâm đại bi, lấy đức lành vun tưới
Trí đại từ, chọn giống thiện ươm hoa.
Một niệm gồm thấu, trên, dưới, gần, xa
Muôn tướng chẳng lìa, đến, đi, qua, lại.

Đến Tam Thiên Trúc viếng người viếng cảnh
Đất Hàng Châu, triều bái bậc thiện nhân
Tiết hè oi ả, thuyền nhỏ, người đông
Mây nước bình bông, trời xanh, đáy biếc.
Khoang chật hẹp, gái, trai, chen hàng lớp
Phiến lênh đênh, tăng, tục, dựa chập chờn
Đêm giật mình, dường ai chạm vào thân
Nhìn bên cạnh, gái lứa lờ mờ mọc
Liên đoan tọa kết kiết già trì chú.
Tâm kim cương, hoảng nguyện dễ gì tan
Đã ngàn năm dục niệm thuở Ma Đăng
Cảnh có khác, đạo tâm không sai khác.
Bức hoành đồ vẽ trời cao đất rộng
Dấu chân nhân in bóng nước hồ xanh
Sóng vỗ đôi bờ như thủy, như chung
Đâu là chỗ tận cùng dòng lãng bạc.
Vời vợi trăng non mờ dấu hạc
Đong đưa liễu biếc thoáng cảnh sương.
Phật quốc trùng trùng bích hải, thiên không
Nhân cảnh mang mang phù bào, nguyệt ảnh
Siêu xuất ma cung.
Phổ truyền thánh pháp.
Giang Tô Thường Châu - Thiên Ninh cổ tự
Hòa thượng Thanh Quang - thiền, giáo, hành trì.

Lưu lại nơi này tham học thanh quy
Niệm danh Phật giữa núi đồi tĩnh mịch
Pháp thánh nhân thuận theo thời biến dịch
Khí hạo nhiên bất tuyệt đạo kim quang
Nhân kiệt, địa linh, hổ phục, long châu
Pháp hỷ, thiền duyệt, tông nghiêm, giáo hiển.

Như sư tử cuộn mình xanh đỉnh biếc
Ngọn Tiêu Sơn ngăn sóng nước Trấn Giang
Chùa Huệ Cư thừa tự có thánh tăng
Hư Công theo chúng tham cầu mưa pháp
Duyên tương ngộ gặp được người dũng tướng
Trấn giữ ngàn hải lý giữa ba quân
Chí hùng anh vùng vẫy mấy trùng dương
Lòng vì pháp dưới đài hoa quy mạng.

Dựng gậy thiền, một hạnh vạn nghìn môn
Cưỡi gió pháp, ba thân không một tướng.
Đai ngọc quý, Tô tướng quân bá phục
Lửa than hồng, Giác hòa thượng điềm nhiên
Trên bờ đoàn bạc màu áo tăng sinh
Giữa pháp vị tươi sắc hoa đạo hạnh
Trắng núi lạnh ắt dòng mây trầm mặc
Nước khe sâu tuôn nguồn mạch tự nhiên
Niệm Phật danh, chấp ta, Phật, đôi bên
Chẳng nhìn được lúc môi chưa mấp máy.

Hai mươi năm, muôn dặm đường xuôi ngược

Đá cũng mòn theo sóng vỗ ngàn năm

Mảnh mảnh tăng bào tiêu tụy xác xơ thân,

Lòng cầu đạo phiêu bồng cơn gió nghiệp.

Phổ Đà Sơn. Tiểu Bạch Hoa.Nam Hải.

Giải thiên hà hoa trắng điểm dòng xanh

Đêm lặng vô cùng, đồng vọng lời kinh

Trắng nước bốn mùa.Trời mây một cõi.

Đầu tháng bảy hướng Thanh Lương triều bái

[400] Ngũ Đài Sơn băng tuyết phủ quanh năm

Đường gập ghềnh, ba bước chỉ một tâm

Gió hờ hững thổi ngang manh áo bạc.

Bốn vị thiền tăng phát tâm hộ pháp

Làm phụ hương đến được đất Hồ Châu.

Dưới trăng vàng phủ phục báo tứ ân

Gội mưa nắng trải thân từng nhịp bước.

Đất cũ, người nay, trời Tây, đỉnh Bắc,

Duyên khác xưa lòng chẳng khác lòng xưa.

Một lần đi, nhị khổ - chuyển pháp luân

Thêm một bước, đoạn gốc cành phiền não.

Lại một bước, tựu thành muôn nghiệp đạo

Đây ứng thân chiếu rạng pháp thân tàng

Phương tiện làm viên tịnh tánh chân quang

Lực thiền định trên đôi chân thần túc

Thấy cảnh lạ, người sinh lòng kính phục

Thêm thiện nam, thêm tín nữ nối nhau
Dáng như rồng uyển chuyển dưới trăng châu
Tam thế Phật - Ngũ Đài Sơn vọng bái.
Đến Thường Châu, sau nhiều lần khuyên giải
Bốn tăng nhân đồng một ý thối tâm
Còn lại một mình, trăm núi, nghìn sông
Thân đói khát, gân xương đều rời rã.

Tại Ngưu Đầu sơn, U Thê, Nham Hạ
Hang đá bốn mùa, tinh tấn dụng công
Danh tiếng xa gần, thiền vị Pháp Dung
Tự linh khí vàng mây hồng núi Bắc.
Tứ Tổ Đạo Tín, ngày kia dừng bước
Hỏi: Là ai? Tâm quán, quán vật chi?
Sư không trả lời, mời Tổ viếng thảo lư
Tiếng lang sói gầm rung gian lậu cổ.
Tổ ra vẻ hải kinh. Sư chẳng ngộ.
Chữ Phật này. Tổ viết trên bờ đoàn.
Vạch ngắn dài, pháp kiến tánh minh tâm.
Trên nét bút hiện toàn chân diệu tạng.
Phụ mẫu sở sinh thanh tịnh thường nhĩn.
Sáu căn này tự tại đấng pháp vương
Thân tâm này lục nhập, sắc, thanh, hương
Pháp đốn giác vượt nghìn muôn thứ đệ.
Sư Tử con được chăn nuôi, bông bẻ

Chẳng bao lâu hùng khí khác chi mèo.
Đến một ngày, nghe suối chảy như reo
Soi bóng nước, biết mình là Sư Tử.
Qua bảy mươi dặm đến vùng Phổ Khẩu
Đỉnh non thiêng gọi hành giả mười phương
Đêm trăng xanh, ngày với mặt trời hường
Duyên đạo hạnh đưa chân người cầu pháp.
Phụng Dương, Hào Châu, Thiếu Lâm, Bạch Mã
Hùng Nhĩ sơn máu nhuộm sắc tuyết hồng
Chuỗi sổ châu đổi lấy một đường gương
Vách đá lạnh chín năm dường đủ ấm.
Đất Lạc Dương lần đầu tiên khai ấn
Phiên dịch bản kinh Tứ Thập Nhị Chương
Trúc Pháp, Ma Đằng, ngựa trắng đưa hương
Biển lửa lớn hiện tàng kinh rực rỡ.

Ngày cuối Đông dừng chân nơi quán trọ
Không am mây, không chùa núi gần xa
Phơi chiếc tăng bào ướt lạnh gió mưa pha
Đêm trừ tịch bến sông nhìn sóng gợn.
Sau một ngày tìm thuyền qua sông lớn
Vượt Hoàng hà trời nước một màu đen
Không chỗ, không nơi, chẳng biết, chẳng quen
Gian lậu cỏ run mình theo gió hú.
Sông nước lạnh lòng, trời mây bao thuở

Trên sàn thiền trắng ngó liếp rơm xiêu.
Tuyết một màu trắng lạnh bến sông khuya
Ai là kẻ quán tâm, tâm ai quán.
Đêm trống trải co mình trong góc vắng
Sương tuyết làm mừng, gió đắp thân run
Sàng đất ướt dầm, thoi thóp từng cơn
Duyên hội tụ, giả thân làm giả bệnh.
Sau ba ngày hôn mê trong đói lạnh
Pháp nhãn làm tòa, lục chủng tướng quang minh.
Biết khổ lạc này chẳng xứ diệt, chẳng xứ sinh
Thân tâm thọ, vì đâu mà trói buộc.
Năm tuyết lạnh.Cháo kê vàng.Lửa đỏ.
Hỏi là ai, Văn Cát hoặc Diệu Thủ
Giả tỳ khiêu, khát cái, giả trí, giảngu
[478] Cảm tức ứng, trước sau không một vật.



